

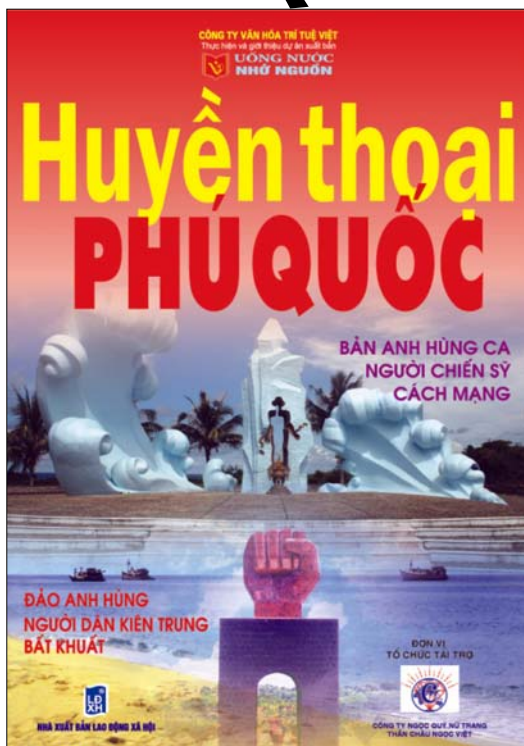
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại PHÚ QUỐC



Cuốn sách này được xuất bản trong chương trình truyền thông UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN do CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT thực hiện. Đây là công trình xuất bản đền ơn đáp nghĩa gửi tặng Đảng bộ và Chính quyền nhân dân tỉnh Kiên Giang

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
2008

CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại PHÚ QUỐC

Công trình xuất bản đền ơn đáp nghĩa trong
Chương trình truyền thông và xuất bản mang tên
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
2008

Trong quá trình thực hiện cuốn sách Đền ơn đáp nghĩa này, Ban biên tập đã nhận được sự chăm lo và giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Kiên Giang; Sự hỗ trợ quan trọng của các doanh nghiệp, doanh nhân trong và ngoài nước đặc biệt là Doanh nhân Đào Trọng Cường - Tổng giám đốc Công ty Ngọc quý nữ trang Thần Châu Ngọc Việt người đã đưa ra sáng kiến thực hiện cuốn sách này và Anh hùng Lao động Lê Văn Kiểm - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CPĐT và KD Golf Long Thành (Đồng Nai) đã cùng chúng tôi trao tặng những cuốn sổ tiết kiệm tình nghĩa tới các gia đình chính sách trên Huyện đảo Phú Quốc nhân sự kiện xuất bản cuốn sách này.

Chúng tôi cảm ơn sự hợp tác của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang, Sở Văn hóa - Thông tin (Nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Lao động - Thương binh - Xã hội; Hội Văn nghệ Kiên Giang và Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Phú Quốc. Đặc biệt, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ, hợp tác và quan tâm hết sức cảm động của các bác, các chú là cựu tù binh nhà lao Phú Quốc.

Để hình thành nên bản thảo cuốn sách này, chúng tôi đã công phu sưu tầm tư liệu từ các kho lưu trữ thư tịch, từ nhiều công trình nghiên cứu về sử học, bảo tàng học, ngữ văn học, xã hội học để tuyển chọn ra và sắp xếp lại theo một trình tự và chủ đích khoa học thống nhất cùng với những bài viết mới do Ban biên tập trực tiếp thực hiện qua các cuộc tiếp xúc với những nhân chứng lịch sử.

Chúng tôi thực hiện cuốn sách trong một tình cảm thiêng liêng nhất và hy vọng công trình xuất bản này sẽ thắp lên một ngọn lửa truyền thống tới tuổi trẻ cả nước để thêm tự hào về thế hệ cha anh đã đổ xương máu và hy sinh trong nhà tù của chủ nghĩa thực dân, đế quốc cho đất nước có cuộc sống thanh bình hôm nay.

Cuốn sách hy vọng sẽ đem đến cho bạn đọc, những người đến với Phú Quốc - Kiên Giang thêm yêu mến và trân trọng đất và người nơi đây - một mảnh đất anh hùng và đầy tiềm năng phía cực Tây Nam Tổ quốc.

Cố vấn nội dung

THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY - THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KIÊN GIANG

Chỉ đạo thực hiện và liên kết xuất bản

Nhà thơ ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG
Giám đốc Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt
Chủ nhiệm dự án xuất bản UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Hội đồng biên tập

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN - TRẦN MIÊU - TRẦN ANH TUẤN
TRẦN VĂN TRƯỜNG - HOÀNG VIỆT HÙNG - PHẠM LONG GIANG
ĐOÀN TUYẾT NHUNG - CAO NGỌC HÀ - PHẠM NGỌC ANH

Trong sách có tham khảo và sử dụng tư liệu từ các nguồn ấn bản do Ban Tuyên giáo tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa Thể thao - Du lịch; Hội VHNT tỉnh Kiên Giang cung cấp.

Do nhiều yếu tố khách quan - chúng tôi không có điều kiện để liên hệ được hết với các tác giả có bài và ảnh đăng trong cuốn sách này, rất mong được các tác giả thông cảm và liên hệ với chúng tôi để nhận sách biểu. Mong các tác giả nhận từ chúng tôi lời cảm ơn chân thành nhất vì đã cùng chúng tôi tạo nên một công trình xuất bản Đền ơn đáp nghĩa với tất cả những ý nghĩa thiêng liêng và cao đẹp nhất.

LỜI ĐẦU SÁCH

Là một huyện đảo thuộc tỉnh Kiên Giang, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Phú Quốc từ lâu đã là một địa danh nổi tiếng, không chỉ với vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú mà đặc biệt hơn là những đóng góp xứng đáng của vùng đất và con người nơi đây trong hai cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc: Chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Lịch sử và thiên nhiên đã ban tặng cho đất nước ta một Phú Quốc, một “đảo Ngọc” giàu tiềm năng, là một tiên tiêu trên vùng biển Tây Nam Tổ quốc. Lịch sử cũng đặt cho hòn đảo rộng gần 600km² này trọng trách lớn lao mà niềm vinh quang và lòng tự hào từng pha trộn cả máu và nước mắt. Ngót một thế kỷ chìm trong chiến tranh, loạn lạc, Phú Quốc trải bao thăng trầm và gian nan. Xa đất liền lại bị kẻ thù kiểm soát, không chế gắt gao, liên lạc nhiều lần bị đứt, có những lúc người dân Phú Quốc phải tự gồng mình trong các cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù. Nhưng, chính trong những hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, Phú Quốc đã chứng tỏ ý chí của người Việt Nam, không cam tâm làm nô lệ, liên tục đứng lên chống lại kẻ xâm lược và bọ tay sai.

Nói đến Phú Quốc ta không thể không nhắc đến một nơi thể hiện sinh động ý chí kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trực tiếp đấu tranh với sự tàn bạo của kẻ thù - Đó là Nhà tù Phú Quốc (Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam – như tên gọi vốn có của nó). Ở đó, cùng với vùng đất và con người trên đảo, trải qua mấy chục năm kháng Pháp, rồi kháng Mỹ, đã viết nên truyền thống hào

hùng, đã tạo nên một HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC thấm đẫm máu đào của hàng ngàn, hàng vạn những người yêu nước, yêu đảo, căm thù giặc ngoại xâm... Về đẹp lung linh của Phú Quốc hôm nay không thể tách rời với truyền thống và HUYỀN THOẠI được tạo nên trong quá khứ. Về đẹp ấy phải được lan tỏa để mọi người biết đến và yêu mến, tôn vinh. Đó là suy nghĩ, là tình cảm, là trách nhiệm của mỗi chúng ta trong hành trình xây dựng và phát triển đất nước nói chung và Phú Quốc – Kiên Giang, nói riêng. Đúng như với ý nghĩa sâu sắc của hai câu thơ mà Nghệ nhân bàn tay vàng quốc gia, Doanh nhân Đào Trọng Cường - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Thần Châu Ngọc Việt đã kính tặng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Kiên trung anh dũng Giang hùng vĩ

Phú cường Quốc thái vạn đại hưng

đó cũng là tâm nguyện của doanh nhân Đào Trọng Cường khi ông chính là người đưa ra sáng kiến xuất bản cuốn sách có ý nghĩa này.

Cuốn sách HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC vừa mang ý nghĩa lớn lao ấy, vừa góp phần giáo dục các thế hệ nối tiếp sau truyền thống đạo lý Uống nước nhớ nguồn sẽ mang lại cho bạn đọc những rung động sâu xa, những cảm nhận đầy đủ và thấm sâu về Phú Quốc – một vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC xin trân trọng mở trang cùng bạn đọc.

**BAN BIÊN TẬP DỰ ÁN XUẤT BẢN “UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN”
CÔNG TY VĂN HOÁ TRÍ TUỆ VIỆT**

PHÚ QUỐC MẢNH ĐẤT KIÊN TRUNG

TRƯƠNG QUỐC TUẤN
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang



Đ/c **TRƯƠNG QUỐC TUẤN**

Phú Quốc, hòn đảo lớn nhất của Việt Nam, cũng là đảo lớn nhất của quần thể 22 đảo trong vùng biển phía Tây Nam của Tổ quốc, cách thành phố Rạch Giá 120 km đường biển. Đảo Phú Quốc cùng với nhiều đảo khác tạo thành huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang. Toàn bộ huyện đảo có tổng diện tích đất nổi 593,05 km², xấp xỉ diện tích đảo quốc Singapore. Đảo Phú Quốc có nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhiều cảnh đẹp nổi tiếng làm say lòng du khách, đã đến là không muốn rời. Nhưng trên hết, là những sự tích đấu tranh anh hùng bất khuất của những chiến sỹ cách mạng tưởng như chỉ có trong huyền thoại, mà đến hôm nay chứng tích lịch sử ấy, dù qua bao năm tháng vẫn tồn tại theo thời gian và không gian, như để cho hậu thế chiêm ngưỡng, kính trọng về lòng dũng cảm và ý chí cách mạng kiên cường: di tích nhà tù Phú Quốc.

Nhân dân Phú Quốc có lòng yêu nước sâu sắc và truyền thống cách mạng kiên cường. Từ 140 năm trước, đã diễn ra cuộc chiến đấu không cân sức, nhưng vô cùng ngoan cường, dũng cảm của đội nghĩa quân Nguyễn Trung Trực chống giặc Pháp xâm lược. Kế thừa và tiếp nối truyền thống anh hùng vẻ vang đó, trong hai cuộc kháng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân Phú Quốc không quản ngại hy sinh, gian khổ, nêu cao ý chí kiên cường, một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, sẵn sàng hy sinh vì độc lập của đất nước, tự do của dân tộc tiếp tục lập nên những kỳ tích trong giai đoạn lịch sử mới.

Nói đến Phú Quốc, không thể không nhắc đến nhà tù Phú Quốc. Những năm 60-70 của thế kỷ trước, kẻ địch đã lập ra và xây dựng nơi đây thành một nhà tù lớn nhất Miền Nam, có lúc giam cầm đến trên 40.000 cán bộ, chiến sỹ cách mạng (chủ yếu là tù binh). Chính tại đây, bọn tay sai ác ôn nhất không còn tính người, đã dùng đủ mọi cực hình tàn nhẫn, dã man hơn cả thời trung cổ như đánh bằng chày vô, châm điện, cắt gân tay chân, đóng đinh vào thân thể, dùng lửa đốt, đổ nước vào mũi vào miệng, dùng vôi bột, xà phòng... để tra tấn, kể cả những hành động chôn sống tù nhân, nhằm tiêu diệt sức lực, tinh thần và ý chí cách mạng. Nhiều tù nhân đã anh dũng ngã xuống trước mũi súng, dưới ngọn đèn tra tấn hiểm ác của bọn cai ngục. Có những tù nhân chết vì bị bỏ đói bỏ khát, bệnh tật không được chạy chữa. Bao nhiêu tù nhân đã chết ở trại giam Phú Quốc? Đó là một con số chưa được trả lời chính xác, dù đã có nhiều cuộc tìm kiếm công phu của những cơ quan có trách nhiệm, hay từ những đồng đội cũ của những người đã hy sinh trong những năm tháng cam go ấy.

Dù bị giam cầm, tra tấn rất dã man đến cùng cực, nhưng những chiến sỹ cách mạng kiên trung quyết không sợ, đã liên tục đấu tranh không khoan nhượng với mọi hành động tội ác tày trời của kẻ địch, sẵn sàng cống hiến tuổi thanh xuân và tính mạng của mình cho cuộc chiến đấu, cho thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Du khách ngày nay đến tham quan nhà tù Phú Quốc, đứng trước cảnh quan hôm nay của khu trại giam năm xưa, xem những di vật còn lưu giữ lại tại nhà trưng bày, vẫn không thể hình dung nổi sự đày đọa như một địa ngục trần gian mà kẻ địch đã làm



Một đơn vị của lực lượng vũ trang Phú Quốc những năm kháng chiến chống Mỹ

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

ngày ấy. Những dây thừng siết cổ tù nhân; Những cái chảo nấu nước sôi đổ vào tù nhân; Những cái chày đóng đinh vào lưng, vào cổ tù nhân; Những chiếc búa của bọn cai ngục dùng đánh vào đầu người bị tra tấn; Chiếc đục của bọn cai ngục dùng để đục lấy răng của tù nhân... Nhưng mặt khác, nhiều người cũng không thể nào tưởng tượng nổi, làm thế nào chỉ với những cái muỗng nhôm bé nhỏ mỏng manh, những chiếc cà mèn đơn giản đựng cơm hàng ngày, những bọc ny-lông nhỏ bé bình thường như thế, nhưng những chiến sỹ kiên cường ngày ấy đã biến thành vũ khí lợi hại, thành dụng cụ hữu dụng đào xuyên qua hàng chục mét hầm sâu trong lòng đất, qua các lớp rào kẽm gai của nhà tù để vượt ngục ra ngoài tiếp tục cuộc chiến đấu với kẻ thù. Những ngọn đuôi xung quanh nhà tù cũ hôm nay nhìn sao an lành thế, rừng cây xanh là thế, nhưng đâu là nơi đã vùi sâu thân xác hàng chục tù nhân khi bị địch xả súng bắn theo khi phát hiện các anh vượt ngục? Những chuồng cọp được phục chế vẫn đứng đó, nhưng làm sao có thể nói lên hết những đón đau về thể xác, những hành hạ về tinh thần và sự chịu đựng gian khổ của tù nhân khi bị giam vào đây suốt ngày dưới cái nắng chói da, đã khiến bao người chết nắng, chết khát, chết đói? Ngoài những nắm mộ có tên và không tên ở nghĩa trang, vẫn còn bao con người trung kiên nằm lại đâu đó quanh núi rừng Phú Quốc mà tên tuổi của họ vẫn còn chưa được biết. Ở nghĩa trang, người ta nhìn thấy trên bia mộ đủ hết địa danh quê hương của những người nằm xuống ở Phú Quốc, từ những tỉnh tận địa đầu phía Bắc của Tổ quốc, đến những địa phương tận cùng mũi Cà Mau. Tự thân những tấm bia mộ ấy đã nói lên một tập hợp vĩ đại của cả một dân tộc, cho một cuộc chiến thần thánh, đi tới một chiến thắng chấn động địa cầu mà ngày nay tưởng chừng như chỉ có trong huyền thoại.

Có lúc địch ra sức phong tỏa Phú Quốc nhằm cô lập đảo với đất liền, ngăn chặn, bóp nghẹt, tiêu diệt phong trào kháng chiến của Đảng bộ và quân dân trên đảo. Nhưng với ý chí tự lực, tự cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc luôn đoàn kết một lòng, gắng sức vượt qua khó khăn, một lòng hướng về cách mạng, góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước...

Trải qua hai cuộc kháng chiến, Phú Quốc có 342 gia đình liệt sỹ với 656 liệt sỹ 176 thương binh, có 9 người mẹ được tuyên dương danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Huyện vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Hơn ba mươi năm chiến tranh đã đi qua, nhưng chứng tích của chiến tranh vẫn còn in đậm trong tâm trí của mỗi người dân huyện đảo. Tự hào truyền thống đã qua, những người được thừa hưởng cuộc sống độc lập tự do luôn trân trọng quá khứ và biết ơn sự hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sỹ, luôn tâm niệm sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh lớn lao ấy, xứng đáng với vùng đất kiên trung anh hùng này. Vì vậy,



*Bến thuyền
Dương Đông*

ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, nhân dân Phú Quốc ra sức xây dựng quê hương, hàn gắn vết thương chiến tranh, bộ mặt của huyện đảo Phú Quốc ngày càng khởi sắc. Đặc biệt là từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển đảo Phú Quốc đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, kết cấu hạ tầng của huyện đảo ngày càng được đầu tư nhiều hơn, tiềm năng du lịch được khai thác, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân. Trong tương lai không xa, Phú Quốc sẽ trở thành Trung tâm du lịch (du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch biển) có tầm cỡ khu vực và quốc tế với các hình thức dịch vụ chất lượng cao, không những đáp ứng yêu cầu của khách du lịch trong nước mà còn đáp ứng yêu cầu của khách du lịch quốc tế. Phú Quốc có tiềm năng du lịch rất lớn, là nơi lý tưởng đón các nhà đầu tư, điểm đến tuyệt vời của du khách. Với chủ trương mới của Trung ương và sự cố gắng của tỉnh Kiên Giang, chắc chắn, trong tương lai không xa, Phú Quốc sẽ đạt những thành tựu to lớn, tiến nhanh trên con đường phát triển, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của cả nước.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của Công ty Thân Châu Ngọc Việt và đặc biệt là sự đầu tư trí tuệ công phu của Ban biên tập - Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt và Hội đồng biên tập, đã cố gắng sưu tầm được nhiều tư liệu quý giá để biên soạn cuốn sách *Huyền thoại Phú Quốc* và đưa đến toàn thể đồng bào, đồng chí và bạn đọc gần xa. Đây là tài liệu quý, góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ về những đóng góp hy sinh to lớn của lớp người đi trước. Đồng thời qua đó cũng để ghi nhớ công lao của biết bao cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã ngã xuống trên mảnh đất Phú Quốc anh hùng trong cuộc đấu tranh anh dũng của quân và dân ta chống kẻ thù xâm lược.

Một lần nữa xin cảm ơn nhiệt tình và sự cố gắng của Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt và Hội đồng biên soạn tập sách.

Xin giới thiệu với bạn đọc gần xa tập sách đầy ý nghĩa này.

PHÚ QUỐC

ĐẤT VÀ NGƯỜI

TRONG CỘI NGUỒN LỊCH SỬ



Phú Quốc, từ hàng trăm năm trước đã có con người sinh sống. Đất và người nơi đây, trải qua bao thăng trầm, bao thủ thách giữa biển khơi, đã tạo nên những dấu ấn và bản sắc riêng, nhưng vẫn hòa quyện trong bản sắc Việt Nam. Hành trình lịch sử của Phú Quốc là hành trình đấu tranh bền bỉ với thiên nhiên, với giặc già, để rồi vượt lên tất cả, Phú Quốc vẫn luôn xứng đáng là một hòn ngọc trên vùng biển Tây Nam Tổ quốc.

PHÚ QUỐC - ĐẤT VÀ NGƯỜI

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Phú Quốc là một hòn đảo lớn, có diện tích tự nhiên gần 600km², từ 103°51' đến 104°50' kinh tuyến Đông và 10°01' đến 10°27' vĩ độ Bắc; Cách Hà Tiên từ Hàm Ninh độ 25 hải lý (40 km); cách Rạch Giá từ An Thới khoảng 62 hải lý (100m). Phía Bắc cách đất liền thuộc tỉnh Kampốt (Campuchia) khoảng 14 hải lý.

Phú Quốc có hình thể như một hình tam giác gần giống như lục địa Nam Mỹ, cạnh đáy nằm ở phía Bắc có chiều rộng khoảng 20 km, đỉnh nằm ở phía Nam, từ Bắc xuống Nam khoảng 40km.

Đồi núi:

Là một đảo lớn với nhiều đồi núi chập chùng, người ta thường nói Phú Quốc có 99 ngọn núi, thực ra, đó chỉ là con số ước lượng của những điểm cao trong nhiều dãy núi. Có thể nói rừng núi là đặc trưng đầu tiên của đảo.

Phú Quốc được coi là sự tiếp nối của dãy núi Tượng (Campuchia) bị cắt đứt bởi một eo biển. Do cấu tạo địa chất là hệ mắc ma phun trào nên đồi núi Phú Quốc đa số là núi đất đỏ kết hợp với đá granit. Về hình thể, núi non Phú Quốc là những dãy song song từ Bắc xuống Nam, phía Bắc cao hơn, thấp dần về phía Nam; đồng thời cũng có những nhánh đâm ngang, dài nhất là dãy núi Hàm Ninh (30km), kế đó là dãy núi Hàm Rồng (10km) và dãy núi Bãi Dài. Đỉnh cao nhất là núi Chùa (hay núi Chúa) cao 603m. Núi không cao lắm nhưng cũng đủ lớn và rộng, sự kết hợp giữa địa mạo và thảm thực vật đủ để có thể chứa nước tạo nên những con suối trong rừng quanh năm nước chảy. Trên các dãy núi là một hệ động thực vật rất phong phú, đặc biệt là những cánh rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý. Động vật của Phú Quốc hầu hết cũng sinh sống

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

trong rừng núi. Có thể nói, rừng núi Phú Quốc đã và đang tạo ra một sắc thái riêng biệt của đảo.

Sông, suối, rạch:

Sông Dương Đông: Con sông lớn nhất trên đảo là sông Dương Đông, bắt nguồn từ dãy núi Ông Thầy (Trong dãy Hàm Ninh) từ phía Đông chảy quanh co độ 15km đổ ra phía Tây tại Cửa Dương bên cạnh Dinh Cậu. Sông được tiếp nước bởi rất nhiều con suối trong các dãy núi nên cho dù nằm giữa biển khơi nhưng vẫn là con sông nước ngọt trong rất nhiều tháng trong năm, chỉ có cửa biển là ảnh hưởng nước mặn theo thủy triều. Như những con sông khác, trong sông cũng có những loài thủy sản nước ngọt phía thượng nguồn mà con cá Chình là loài cá khá đặc biệt của Phú Quốc.

Sông Dương Đông không có chức năng chính là giao thông bởi cư dân của Đảo hiện nay di chuyển hầu hết bằng đường bộ. Phía cửa sông là nơi neo đậu tránh gió của tàu thuyền. Cửa sông có một cồn khá lớn án ngữ, trong mùa gió đông, cát thường bồi tại lòng lạch nên việc ra vào của tàu thuyền phải hết sức cẩn thận. Ngày xưa sông cũng là con đường cho cư dân tiến sâu vào trong đảo để mưu sinh. Hai bên bờ có những nhà thung nước mắm. Đi sâu vào trong chỉ là rừng rậm, không có nhà dân, nhưng cảnh trí lại rất thơ mộng đối với người ngoạn cảnh.

Thị trấn Dương Đông, lỵ sở của huyện Phú Quốc nằm bên bờ con sông này. Ngày xưa chỉ là một xóm dân cư, hiện nay đã phát triển khá rộng lấn sâu vào nội địa.

Sông Cửa Cạn: Sông được bắt nguồn từ dãy núi Hàm Ninh chạy quanh eo ngang qua một vùng đất bằng khá rộng giữa đảo rồi đổ ra phía Tây. Vì trong mùa Bắc cát thường bồi lấp làm cho cửa sông cạn đi nên dân gọi là Cửa Cạn. Sông dài độ 25km.

Rạch Tràm: là một con đường nước từ trong rừng tràm phía Bắc đảo đổ ra biển về hướng Bắc. Trong khu vực Rạch Tràm có mỏ Huyền khá nổi tiếng. Con rạch này là đường xâm nhập của những người đi vào rừng khai thác Huyền.

Hệ thống suối của Phú Quốc rất nhiều và đa dạng, mà nổi tiếng là suối Tranh, suối Đá Bàn. Trong rừng có những con suối không tên, khi đổ ra ngang các đường giao thông mới có tên như suối Mây, suối Đá, suối



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Lớn... có những con suối đổ ra biển tạo thành những cửa nhỏ như Cửa Lấp... Trong lòng suối có những loài thủy sinh đa dạng, đồng thời cũng là nơi thú rừng đến uống nước.

Hệ thống giao thông bộ:

Trên đảo Phú Quốc hiện có hai thị trấn và 6 xã, trong đó có những xã xa xôi, đi lại rất khó khăn. Từ xa xưa, khi nhân dân cư ngụ thành xóm ấp, sự liên lạc của nhân dân trên đảo bằng đường bộ chỉ là những con đường mòn từ xóm vào rừng, khu vực sản xuất, sau đó là đường mòn liên lạc giữa Cửa Cạn, Dương Đông và Hàm Ninh. Mãi đến khi thực dân Pháp xâm lược, chính quyền thực dân mới mở con đường liên tỉnh số 47 từ Dương Đông đi Hàm Ninh và Dương Đông đi An Thới. Còn lại cũng chỉ là đường mòn đi bộ của nhân dân.

Thực hiện chương trình phát triển đảo Phú Quốc thành đảo du lịch, tỉnh và huyện đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp bến tàu An Thới, nâng cấp và mở rộng sân bay Dương Đông, nâng cấp, mở mới nhiều tuyến đường trong nội ô thị trấn Dương Đông, đường Dương Đông - An Thới, mở đường lên Bắc đảo và những đường mới ở các khu du lịch...

Ngoài những trục đường chính, huyện đã chỉ đạo phát triển giao thông nông thôn, làm đường nông thôn ở các xã Cửa Cạn, Hàm Ninh, Bãi Thơm, Cửa Dương, Dương Tơ, An Thới... Hiện nay trên toàn đảo đều có thể đi lại bằng xe 4 bánh, tuy một số ấp xa vẫn còn khó khăn.

Sản vật thiên nhiên

Điều kiện tự nhiên của Phú Quốc khá phong phú, vừa có rừng, vừa có biển nên sản vật thiên nhiên của Phú Quốc cũng không kém phần đa dạng.

Sản vật biển:

Vùng biển Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan, biển ấm, là môi trường thuận lợi cho các loài hải sản sinh sôi, phát triển, nên sản vật biển của Phú Quốc rất phong phú, nhiều chủng loại.

Ngay chính những ngư dân chuyên nghiệp cũng không thể phân biệt tất cả các loài hải sản của vùng này. Có thể thống kê một số tôm cá có sản lượng nhiều và đặc trưng của biển Phú Quốc như sau:

Các loài cá lớn: Cá heo, cá giống, cá mú, cá mập.

Các loài cá trung bình: Cá nhòng, cá bè, cá đung, cá bớp, các loại cá thu, cá đối, cá lù đù, cá ộp, cá kén, cá hường, cá xạo, cá xanh xương, cá út, cá rún, cá thiều, các loại cá đuối, các loại cá nhám, cá sòng, cá nâu, cá chim, cá chai...

Các loài cá nhỏ: Cá cơm, cá mai, cá trích, cá liệt, cá de, cá sơn, cá nhái...

Các loài giáp xác: Ghẹ có thể coi là đặc trưng nhất của biển Phú Quốc đối với

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

loài giáp xác. Ghẹ Hàm Ninh nhiều nhất và ngon nhất nước ta. Tôm có tôm sú, tôm bạc thẻ, tôm bạc (ngày xưa, dân Phú Quốc gọi là tép bạc), tôm tích, tôm mũ ni, con ruốc, hải mã, hải long, đồi mồi, vít, ba ba...

Các loài nhuyễn thể (Sò, ốc): ốc vá, ốc nhảy, ốc gai, ốc xà cừ, ốc đụn, con trai, điệp, nhum, hào bao, khiếu, bào ngư, cửu khiếu, hào, hến, biên mai, chôm. Mực ống, mực nang, mực tuột, sứa, đồn đọt (Hải sâm).

Các loại khác: Đền (rắn biển), các loại san hô, cá ngựa (Hải mã, hải long), sao biển. Một phần rất lớn các loài hải sản có thể dùng làm thức ăn, có nhiều loại rất ngon và rất quý như cá nâu, cá nhòng, cá mập, cá heo, đồn đọt, biên mai. Một số dùng làm dược liệu, hàng mỹ nghệ... như hải mã, trai, điệp, đồi mồi, san hô...



Vườn Tiêu Khu Tượng

Sản vật rừng:

Rừng Phú Quốc có hàng ngàn loại thực vật, từ các loài cây cổ thụ, gỗ quý có giá trị kinh tế cao đến các loại ký sinh, cộng sinh. Gần như tất cả các loại thực vật trong cả nước đều có mặt ở Phú Quốc. Trong đó có một số loại cây rất gắn bó với người dân là cây kiền kiền, chà là gai, bằng lăng, sao, dẫu, trà, sim rừng...

Động vật có càng tôm, càng cước, nai, mễn, heo rừng, dơi, rùa, rắn, khỉ, chồn, sóc, các loại chim.

Chó Phú Quốc:

Sẽ là rất khiếm khuyết nếu nói đến sản vật địa phương mà không nói đến “Chó Phú Quốc”. Khi đến Phú Quốc, du khách thường được nghe người dân nói về sản vật của địa phương mình và rất tự hào về nước mắm Phú Quốc, tiêu Phú Quốc và chó Phú Quốc.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Giống chó Phú Quốc vốn là một loại chó rừng của vùng đất đảo Phú Quốc được thuần hoá thành chó nhà. Chúng ta không biết quá trình thuần hoá như thế nào và diễn ra trong thời gian bao lâu, từ lúc nào, nhưng hiện nay, chó Phú Quốc là một con vật rất thân thiết với người dân Phú Quốc.

Đặc điểm của chó Phú Quốc là rất khôn và giỏi săn thú. Với một vài con chó Phú Quốc, khi vào rừng, chắc chắn chúng ta sẽ có một vài con thú thịt mang về. Cho đến nay, nhiều gia đình trên vùng Bắc đảo Phú Quốc còn nuôi những đàn chó chuyên để săn bắt thú rừng. Để thu hút khách tham quan, cơ sở kinh doanh “Cội nguồn” đã mang về đây nuôi khá nhiều. Người ta nói rằng chó Phú Quốc không thể mang vào đất liền nuôi được vì lạ nước. Thật ra nếu con chó khá lớn thì vẫn có thể mang vào đất liền được. Thông thường người ta phải mang theo một nắm đất và nước của Phú Quốc vào theo con chó để chúng quen dần với đất lạ.

Về hình dáng, điểm dễ nhận biết nhất của chó Phú Quốc là có một cái xoáy dài theo sống lưng, nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài. Lông ngắn gàn như nằm sát với da nên trông rất bóng đẹp, không bao giờ bị bọ chét. Trên xương sọ có một cái u mà nhân dân hay gọi là hột đậu. Bàn chân to, giữa các ngón chân có màng như chân vịt.

Muốn chọn chó Phú Quốc giống, người ta phải chịu khó xem thật kỹ và phải hỏi cách sinh đẻ của chúng. Chó Phú Quốc luôn đào hang ngoài rừng để, khi con lớn mới dắt về nhà.

Khoáng sản:

Khoáng sản nổi tiếng của Phú Quốc là “Huyền”.

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH

Theo địa bạ triều Nguyễn được lập năm 1836 thì vào thời điểm ấy, Phú Quốc có 10 thôn gồm: An Thới, Dương Đông, Mỹ Thanh, Phú Đông, Thới Thạnh, Cẩm Sơn, Hàm Ninh, Tân Tập, Phước Lộc và Tiên Tỉnh. Chúng ta có thể tạm hình dung: An Thới, Dương Đông và Hàm Ninh là địa danh phù hợp với vị trí hiện nay, còn Phước Lộc, Thới Thạnh có thể là khu vực Bãi Bồn, Bãi Thơm; Cẩm Sơn thuộc Khu Tượng, Phú Đông, Mỹ Thanh là Dương Tơ; Tiên Tỉnh là Giếng Tiên bao gồm cả Cửa Cạn...

Khi thực dân Pháp chiếm đóng, Phú Quốc là một quận bao gồm cả quần đảo Thổ Chu, An Thới và một số đảo lân cận được chia thành các làng là An Thới, Dương Đông, Hàm Ninh và Phú Dự, có lúc An Thới được sáp nhập vào Dương Đông.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược,

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

chính quyền kháng chiến thành lập làng Dương Tơ bao gồm cả An Thới lập làng Cửa Cạn, sau đó nhập Cửa Cạn và Dương Đông thành Cửa Dương. Xã Hàm Ninh có lúc đổi tên thành Bãi Bồn. Sau năm 1954 thành lập thị trấn Dương Đông tách ra khỏi xã Cửa Dương.

Sau khi cuộc chiến tranh biên giới kết thúc, nhân dân các nơi về sinh sống trên đảo khá đông nên huyện Phú Quốc thành lập thêm nhiều xã mới. Trên đảo hiện có: Thị trấn Dương Đông, xã Cửa Dương, Cửa Cạn, Bãi Thơm, Gành Dầu, Dương Tơ, Hàm Ninh và thị trấn An Thới. Quần đảo An Thới được tách ra thành xã Hòn Thơm. Quần đảo Thổ Chu thành lập xã Thổ Chu.



SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Cho đến ngày nay, chúng ta không gặp những cư dân bản địa theo đúng nghĩa trên đảo Phú Quốc. Truyền thuyết về Đồng Bà và những di tích ở Cửa Cạn cho thấy Phú Quốc đã từng có cư dân cổ sinh sống, nhưng chúng ta không thể khẳng định một cách chắc chắn đó là tộc người nào, từ đâu đến và cũng chưa khẳng định được về mặt thời gian.

Có một điều chắc chắn là vào thời điểm thành lập trấn Hà Tiên (1708) thì Phú Quốc đã có những tụ điểm dân cư mà cộng đồng người Việt chiếm đa số. Phú Quốc được coi là một trong 7 xã thôn mà Mạc Cửu đã tập hợp để xin sáp nhập vào đất Đại

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Việt. Cũng có thể đã có những nhóm cư dân người Hoa đến đây sinh sống vào thời điểm ban đầu này.

Qua khảo sát, hiện nay trên đảo Phú Quốc có hai tộc người chính là Việt và Hoa, còn người Khmer rất ít. Người Việt tuyệt đại đa số có gốc từ miền Trung vào sinh sống, mà một phần rất lớn là người Quảng Ngãi. Tộc người Hoa chủ yếu là người Hải Nam.

Hình dung lại buổi ban đầu của Phú Quốc, vào thế kỷ thứ 16 - 17, những người dân Việt từ miền Bắc, miền Trung (Đàng trong, Đàng ngoài) với nhiều lý do khác nhau đã đến đây sinh cơ, lập nghiệp, trong đó có một bộ phận người Hoa. Theo địa bạ triều Nguyễn, vào năm 1836 có khoảng 10 hộ người Hoa trồng tiêu trên đảo. Những cư dân ban đầu này chắc chắn phải đến Phú Quốc bằng đường biển với những phương tiện thô sơ. Có thể họ đi trực tiếp từ vùng trên hoặc qua Hà Tiên rồi đến Phú Quốc. Cũng không loại trừ khả năng có một bộ phận theo các tàu viễn dương từ Trung Hoa về miền Nam rồi ở lại đảo.

Dù với lý do nào thì nơi định cư đầu tiên của những người khai mở này là vùng cửa sông, nơi có thể neo đậu tàu thuyền, khuất gió, đồng thời cũng thuận tiện cho việc tiến sâu vào đảo tìm lương thực và nước ngọt. Chính vì thế, ta có thể nhận định Hàm Ninh, Cửa Cạn, Dương Đông là những xóm cư dân cổ của Phú Quốc đầu tiên, sau đó mới đến Giếng Tiên, An Thới...

Hàm Ninh rất gần với đất liền, chỉ cách Hà Tiên có 40km, đây là con đường nối giữa đảo với đất liền rất yên ổn vào mùa mưa bão. Đồng thời có con rạch Hàm dùng để neo đậu ghe thuyền. Hiện nay, người ta vẫn coi Hàm Ninh là một làng cổ của đảo.

Dương Đông là cửa một con sông lớn nằm về phía Tây đảo, cho dù xa đất liền nhất, nhưng có vị trí rất thuận lợi cho những chuyến đi biển xa trở về và tiến sâu vào đảo. Ngày xưa, Dương Đông là một rừng dương xanh mát, lại là vùng đất tương đối bằng phẳng, là một nơi khá lý tưởng cho việc cất nhà, định cư. Dương Đông cũng là một làng cổ có thể chứng minh bằng những di tích.

Cửa Cạn gần về phía Bắc đảo, có sông đi sâu vào đảo, lại là một vùng đất bằng có thể trồng lương thực và chăn nuôi, có vết tích của người xưa để lại.

Lớp người thứ hai đến Phú Quốc có thể là quân gia của chúa Nguyễn và Tây Sơn trong cuộc thư hùng vào cuối thế kỷ thứ 18. Trong cuộc tranh hùng này, nhiều lần Nguyễn ánh đã đến Phú Quốc dùng quân, củng cố lực lượng. Chắc chắn rằng, khi Nguyễn ánh ở Phú Quốc, những tướng sĩ trung thành với chúa Nguyễn đã đến đây hội quân, đồng thời cũng có những người không thể theo cuộc trường chinh của chúa mà định cư tại đây. Tương tự như thế, khi quân Tây Sơn truy đuổi Nguyễn ánh chắc chắn cũng có những người không theo đến cùng cuộc chinh chiến nên đã bỏ cuộc mà ở lại đảo. Bên cạnh đó, cũng có những người ty nạn chiến tranh, những người không

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

chịu sống dưới chế độ phong kiến hay là tránh sự tù tội mà đến vùng hải đảo xa xôi này sinh sống.

Trong khoảng thời gian từ thế kỷ 16 - 18, Phú Quốc cũng là chốn dừng chân của các thương thuyền từ phương Bắc đi về vùng Mã Lai, Java... hay là các thương thuyền phương Tây sang Đông đi ngang qua đây. Vùng biển này lại là nơi hoành hành của bọn cướp biển mà xác tàu buôn còn ở Hòn Dâm có thể chứng minh rằng có những người bị tai nạn trên biển mà trú lại hòn đảo xa xôi này.

Năm 1797, Nguyễn Phúc ánh cho 10.000 quân sang giúp Xiêm đánh Miến Điện đã ghé vào đảo, nhưng tình hình Xiêm đã yên nên rút về và để lại đảo khoảng 2.000 quân. Đây cũng là một đợt tăng dân số đáng kể cho đảo.

Đầu thế kỷ 19, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã có những chính sách ưu đãi cho đảo Phú Quốc nên nơi đây có sự phát triển khá toàn diện và dân số tăng lên nhanh chóng. Triều đình đã cho một số lính ra trấn giữ Phú Quốc và không ít người trong bọn họ đã trở thành dân Phú Quốc. Tuy nhiên, có một thời gian quân Xiêm gây chiến tranh, nhiều người dân đã phải bỏ đảo hoặc tiến sâu vào nội địa tìm cách sinh sống.

Đất lành, chim đậu; người đi trước rước người đi sau. Trong điều kiện đất rộng, người thưa, rừng vàng, biển bạc, trong suốt thế kỷ 19, nhiều người dân từ Miền Trung, Miền Bắc và một bộ phận người Hoa (Hải Nam) đã đến Phú Quốc khai thác hải sản, trồng tiêu, lập vườn... Dân số Phú Quốc đông dần lên. Đặc biệt là vào khoảng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, người Hoa Hải Nam có một đợt di cư khá lớn về tỉnh Hà Tiên, số người này định cư chủ yếu ở Hà Tiên (Hòn Chông) và Phú Quốc.

Cuối thập niên 20 của thế kỷ 19, một nhà tư bản Pháp (Grand Jean) mộ phu từ Miền Bắc vào thành lập đồn điền Cây Dừa ở An Thới, nhưng sau đó vì do mâu thuẫn



Bến cảng An Thới

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

và không chịu nổi sự bóc lột của bọn chủ và cai nên phần lớn số người này đã bỏ vào đất liền đấu tranh và được chính quyền thực dân cho định cư ở giáo xứ Đất Hứa thuộc làng An Hoà (Nay thuộc xã Hoà Điền).

Năm 1941, phát xít Nhật thiết lập căn cứ quân sự trên đảo Phú Quốc, họ đưa một số nhân công từ Trung Hoa sang làm phu để xây dựng sân bay Cửa Cạn và một số công trình khác. Đến năm 1949, hơn 40.000 tàn quân Quốc dân đảng Trung Hoa được Mỹ đưa đến Phú Quốc tị nạn, sau đó rút về Đài Loan, một bộ phận quân Quốc dân đảng cũng ở lại thành cư dân Phú Quốc.

Số người đến Phú Quốc định cư trong nửa đầu thế kỷ 20 được coi là lớp cư dân thứ ba của đảo.

Sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn thành lập trại giam tù binh Cây Dừa, giam giữ có lúc lên đến 40.000 tù binh; bộ máy quản lý của chúng cũng rất đông, đồng thời chính quyền Ngô Đình Diệm đưa dân Miền Bắc di cư về thành lập ấp chiến lược Hưng Văn. Trước năm 1975, một số tù binh vượt ngục đã ở lại đảo chiến đấu. Sau năm 1975, một số gia đình binh sĩ ngụy cũng ở lại trở thành cư dân trên đảo.

Đầu năm 1975, ngụy quyền Sài Gòn “di tản chiến thuật” khi miền Trung thất thủ, ngụy quyền đưa rất đông dân miền Trung về đảo Phú Quốc sinh sống, tị nạn. Số này hầu hết đã trở về quê hương khi hoà bình lập lại, nhưng cũng có một bộ phận đã tìm được kế sinh nhai ổn định trên đảo.

Khi cuộc chiến tranh biên giới kết thúc, tình hình vùng biển Tây Nam đã ổn định, nhân dân khắp nơi trong đất nước đã về Phú Quốc khai thác và chế biến hải sản, làm dịch vụ cho nghề biển. Đây là lớp cư dân thứ tư làm biến động dân cư lớn nhất của đảo.

Với lịch sử tị cư khá đa dạng và không kém phần phức tạp, người dân Phú Quốc đã mang về đây các luồng văn hoá dân gian của hầu hết các vùng miền trong cả nước và một phần của văn hoá Trung Hoa. Cái vốn văn hoá dân gian từ cội nguồn dân tộc hoà nhập vào nhau, cộng với điều kiện tự nhiên của đảo đã hình thành nên sắc thái văn hoá dân gian đặc thù của Phú Quốc.

*Theo “Văn hóa dân gian Phú Quốc”
của tác giả Trương Thanh Hùng*

PHÚ QUỐC TRONG HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ

Trên tiến trình khai mở đất phương Nam, với vai trò là một trấn từ năm 1708 và một tỉnh từ năm 1900, Hà Tiên là điểm dừng chân cuối cùng của người Việt trong việc khẳng định chủ quyền của đất nước Việt Nam.

*“Gấm vóc non sông một dải liền,
Từ Nam Quan cho đến Hà Tiên”*

Người xưa đã từng nói như thế, Phú Quốc và các hòn đảo phụ cận là những tụ điểm dân cư rất quan trọng để hình thành trấn Hà Tiên.

Từ đó đến nay, Phú Quốc đã phát triển cả về kinh tế, văn hoá, xã hội, đồng thời có vị trí là một đảo tiền tiêu trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong tiến trình phát triển của mình, Phú Quốc đã dung nạp khá nhiều thành phần cư dân, đồng thời là dung nạp và chuyển hoá các nền văn hoá khác nhau để tạo nên cho mình một sắc thái văn hoá dân gian riêng biệt, tạo nên một Phú Quốc đặc thù như chúng ta đã biết.

Từ khi có cư dân sinh sống, Phú Quốc là một hòn đảo khá êm đềm, nhân dân chỉ thú làm ăn. Nhưng phía bên ngoài biển thì thường xuyên có những biển cố vì nó là nơi dừng chân của tàu thuyền qua lại và bọn cướp biển cũng dựa vào nơi đây để hoành hành, cướp bóc, không ít tàu buôn các nước bị bọn hải tặc đánh cướp bỏ xác ngoài biển khơi xung quanh đảo.

Có thể nói rằng từ thế kỷ thứ 15 - 16, trên đảo Phú Quốc đã có các cụm dân cư khai thác tài nguyên thiên nhiên, tuy chưa hình thành nên làng xóm, nhưng các nhóm cư dân ban đầu này đã có một bước ổn định cuộc sống, nhất là ở Cửa Cạn, Hàm Ninh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

là những nơi gần với đất liền hơn. Cho đến cuối thế kỷ thứ 17, Phú Quốc được coi là một trong 7 tụ điểm cư dân để thành lập Trấn Hà Tiên do Mạc Cửu làm Tổng binh. Trong suốt thế kỷ thứ 17, cuộc sống của người dân khá êm đềm, phát triển các ngành nghề khai thác hải sản và lâm sản, trong đó việc khai thác huyền và trầm hương có thể coi là ngành nghề khá đặc biệt mang lại thu nhập cao cho người dân.

Đến cuối thế kỷ thứ 18, Phú Quốc đã chứng kiến cuộc thư hùng của Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Không ít lần Nguyễn Ánh đã đến đây vì sự truy đuổi của Tây Sơn, cũng có lúc Tây Sơn đã chiếm đảo nhưng sau đó bị Nguyễn Ánh đánh trả và chiếm lại.

Đến những năm 90 của thế kỷ XVIII, bọn hải tặc Mã Lai thường mang quân đến đảo cướp phá, làm xâm hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân Phú Quốc. Trước tình hình đó, Nguyễn Ánh đã cho quân đánh tan bọn hải tặc (vào khoảng tháng 8 - 1795), bắt 15 chiếc tàu và 80 tên cướp, thu nhiều vũ khí, kể cả súng đại bác. Sau trận đánh này, trong một thời gian dài, bọn hải tặc Mã Lai không còn dám xâm phạm Phú Quốc nữa.

Có thể nói người dân Phú Quốc vốn là thân dân của Chúa Nguyễn trong một thời gian dài gần cả thế kỷ, do quan niệm trung quân của chế độ phong kiến mà người dân Phú Quốc đã hết lòng cuu mang, ủng hộ Nguyễn Ánh. Sau khi lật đổ Tây Sơn, lập lại vương quyền, vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đã có những chính sách ưu đãi đối với hòn đảo xa xôi này, cho phép nhân dân tự do khai thác, làm ăn, miễn sưu thuế. Phú Quốc dân phát triển khá toàn diện.

Tuy nhiên, dưới thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị, chiến tranh giữa Việt Nam và Xiêm La, Cao Miên đã làm cho Phú Quốc bị ảnh hưởng, nhiều người dân bị bắt đi, một số chạy đi nơi khác lánh nạn hay vào rừng sâu. Cũng trong thời gian này, bọn hải tặc Mã Lai, giặc Tàu Ô lợi dụng tình hình phức tạp đến đây quấy nhiễu cuộc sống của người dân.

Khi thực dân Pháp chiếm ba tỉnh Miền Tây Nam kỳ, Phú Quốc là căn cứ địa cuối cùng của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực. Sau trận tấn công tiêu diệt đồn Kiên Giang của Pháp ngày 16 - 6 - 1868, quân Pháp tái chiếm, đánh lui nghĩa quân, Nguyễn Trung Trực đã rút về Hòn Chông rồi ra đảo Phú Quốc lập căn cứ kháng chiến. Tháng 9 - 1868, thực dân Pháp đưa quân đánh Phú Quốc. Ngày 27 - 10 - 1868, Nguyễn Trung Trực bị giặc bắt và bị tử hình ở Rạch Giá. Tinh thần bất khuất của nghĩa quân và vị lãnh tụ Nguyễn Trung Trực đã để lại cho nhân dân Phú Quốc cảm tình sâu đậm. Một phần dân Phú Quốc hiện nay là hậu duệ của nghĩa quân, họ vẫn còn mang dòng máu bất khuất, kiên cường trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Từ năm 1868, thực dân Pháp đặt ách cai trị lên đảo cuộc sống của người dân qua thời gian chống đối ban đầu đã dần ổn định trở lại và đảo có sự phát triển khá toàn diện,

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

nhất là trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ý thức của người dân và những phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn được duy trì một cách âm ỉ, những hội kín xuất hiện nhưng không có hoạt động nào đáng kể.

Đến năm 1930, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ý thức giành độc lập dân tộc được khơi dậy, nhân dân bắt đầu tham gia vào những hoạt động yêu nước, chống thực dân. Từ năm 1941, khi quân Nhật vào Đông Dương, tình hình xã hội của Phú Quốc có sự biến động nhất định. Nhất là việc Phát xít Nhật đưa quân ra đóng và thành lập sân bay Cửa Cạn để làm căn cứ cho việc đánh chiếm các nước Đông Nam Á. Đến năm 1945, cùng với cả nước, nhân dân Phú Quốc đã tự mình đứng lên giành lấy chính quyền trong tay phát xít Nhật. Tỉnh lỵ Hà Tiên cướp chính quyền thành công ngày 28 - 8 - 1945, nhưng phải đến đầu tháng 9 - 1945, Phú Quốc mới tổ chức biểu tình cướp chính quyền trên tay phát xít Nhật, thành lập chính quyền nhân dân quận Phú Quốc. Sau đó, Tỉnh uỷ Hà Tiên cử người ra thành lập Ban Cán sự Đảng Phú Quốc. Ban Cán sự đã đẩy mạnh hoạt động, kết nạp đảng viên mới, đưa tổ chức Đảng của huyện ngày càng đi vào nền nếp và lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Ngày 20 - 01 - 1946, thực dân Pháp tái chiếm Hà Tiên, nhưng phải đến ngày 15 - 4, chúng mới đưa quân ra chiếm Phú Quốc. Lực lượng trên đảo lúc này còn rất non yếu nên phải rút lui, thực dân Pháp thiết lập lại bộ máy cai trị trên đảo.

Có Đảng lãnh đạo, nhân dân Phú Quốc đã tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược và cùng cả nước giành lấy thắng lợi sau cùng. Từ năm 1945 đến 1954, tình hình xã hội của Phú Quốc có sự biến đổi rất nhanh chóng, nhất là ý thức bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, đoàn kết



Cửa sông Hàm Ninh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

chống ngoại xâm. Nhiều tấm gương hy sinh vì sự nghiệp cách mạng làm cho nhân dân cảm phục.

Lực lượng cách mạng phát triển, liên tục tấn công, phục kích... làm cho quân Pháp phải co lại trong nội ô thị trấn Dương Đông, vùng giải phóng được hình thành, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược càng sôi nổi hơn và giành thắng lợi ngày càng lớn để đến năm 1954, Phú Quốc cùng cả nước hoàn toàn thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Sau năm 1954, huyện Phú Quốc được giao cho tỉnh Rạch Giá. Trước đó thuộc tỉnh Long Châu Hà.

Năm 1953, quân Quốc dân đảng Trung Hoa rút đi thực dân Pháp sử dụng căn cứ của họ ở Cây Dừa thành lập trại giam tù binh gọi là “Căng Cây Dừa” (Camp = trại), giam giữ ở đây khoảng 7.000 tù binh Việt Minh. Đảng bộ và quân dân Phú Quốc tiến hành một cuộc đấu tranh mới rất phức tạp, lãnh nhiệm vụ giải thoát cho tù binh. Dù rất khó khăn, nhưng Phú Quốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ngày 20 - 7 - 1954, Hiệp định Genève lập lại hoà bình trên toàn cõi Đông Dương được ký kết, quân đội cách mạng ở Miền Nam tập kết ra Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở vào tạm thời giao cho Liên hiệp Pháp quản lý để hai năm sau hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ dựng lên không thi hành hiệp định. Nhân dân Miền Nam và Phú Quốc phải đương đầu với cuộc đấu tranh mới suốt hơn 20 năm ròng rã.

Sau năm 1954, Mỹ nguy chiếm đóng, đặt ách cai trị mới lên đảo, đồng thời là sự phát triển về khoa học kỹ thuật, phương tiện đánh bắt hải sản và giao thông được cơ giới hoá. Song song đó là cuộc chiến tranh do Mỹ phát động đã gây ra nhiều đau thương, mất mát cho nhân dân Phú Quốc. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trên đảo càng lúc càng dâng cao, hình thành hai vùng khá rõ rệt: Vùng giải phóng và vùng bị địch tạm chiếm. Dân số Phú Quốc tăng nhanh do Mỹ nguy đưa quân đội và gia đình họ về đảo, nhất là trại giam tù binh cộng sản và bộ máy quản lý tù.

Trong những năm 1955 - 1956, bộ máy tay sai của chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành các thủ đoạn rất dã man, tàn bạo để đàn áp, khống chế nhân dân, trả thù, trả oán những người kháng chiến cũ. Trước tình hình đó, Đảng bộ Phú Quốc đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định Genève, tiến tới hoạt động võ trang đánh đuổi quân xâm lược và tay sai. Từ tháng 8 - 1960, lực lượng võ trang tập trung của huyện đã hình thành, tiến hành nhiều cuộc chiến đấu rất ác liệt để bảo vệ nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Cùng với cả nước, quân dân Phú Quốc đã giành được những thắng lợi quan trọng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

trong cao trào Đồng Khởi. Căn cứ địa kháng chiến của Đảng bộ và quân dân Phú Quốc được hình thành ở Khu Tượng thuộc xã Cửa Dương. Các xã trong huyện lúc bấy giờ như Dương Tơ, Hàm Ninh cũng có những lõm căn cứ làm chỗ dựa cho lực lượng hoạt động cách mạng.

Cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và quân dân trên đảo chống lại nguy quân và nguy quyền diễn ra rất ác liệt. Nhất là từ sau cao trào Đồng Khởi năm 1960. Bắt đầu từ năm 1961, Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện quốc sách áp chiến lược, dồn dân ở rải rác vào các khu tập trung, hình thành các ấp chiến lược mà hiện nay nhiều người dân vẫn còn định cư trên các khu ấp chiến lược ấy. Tuy nhiên, trong những năm 60, việc tách dân ra khỏi ruộng vườn để vào ở trong những khu tập trung là việc làm trái với lòng dân, nên nhân dân Phú Quốc đã đấu tranh phá ấp chiến lược để về ở và sản xuất gắn với ruộng vườn của mình. Cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược (Sau năm 1965 gọi là ấp tân sinh) diễn ra dai dẳng, từ phá về hình thức như đốt hàng rào đến phá về nội dung, khống chế những tên chủ ấp làm cho bọn chúng không - còn đàn áp nhân dân. Dần dần ấp chiến lược chỉ còn là hình thức, nội dung kèm kẹp, tách dân ra khỏi phong trào cách mạng gần như không còn hiệu lực.

Để khống chế vùng biển, nguy quân cho đặt bộ chỉ huy Hải quân vùng IV với số lượng tàu thuyền rất lớn tại Phú Quốc. Các loại tàu chiến từ BCF đến chiến hạm loại nhỏ và vừa hoạt động ngày đêm, vừa khống chế vùng biển, vừa phối hợp với các binh chủng khác bắn pháo vào đảo.

Tháng 7 - 1967, nguy quyền Sài Gòn tái lập trại giam tù binh Cộng sản tại Cây Dừa. Đây là trại giam tù binh lớn nhất Việt Nam, có lúc tù nhân lên đến 40.000 người.

Đến cuối năm 1967, nguy quyền đã gom gần 15.000 dân vào 6 ấp chiến lược tại Hàm Ninh, Cửa Cạn, Cây Dừa, Dân Tiến (tại thị trấn Dương Đông), Phước An (còn gọi là ấp Nùng, nơi Ngô Đình Diệm đưa người dân tộc Nùng đến định cư) và 2 xóm qui khu tại thị trấn Dương Đông. Như vậy, gần hết số dân trên đảo đều bị gom vào ấp chiến lược dưới sự kèm kẹp rất gắt gao của bộ máy chính quyền Sài Gòn.

Cuộc chiến ngày càng ác liệt, nhất là vào thời điểm ký kết hiệp định Paris và chiến dịch lấn đất, giành dân cho đến ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Nguy quân, nguy quyền ra sức đánh phá, đóng thêm đồn bót để kèm kẹp, quản lý nhân dân, khống chế hoạt động cách mạng. Lực lượng cách mạng, Đảng bộ và quân dân trên đảo cũng cương quyết giữ vững căn cứ địa cách mạng và liên tục tấn công tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Những cuộc tấn công, càn quét của quân đội Sài Gòn rất dữ dội, tuy nhiên lực lượng võ trang cách mạng trên đảo lại thông thuộc địa hình rừng núi nên kháng cự lại rất có hiệu quả. Cho đến ngày giải phóng, căn cứ địa cách mạng Khu Tượng vẫn vững vàng.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trong những ngày cả nước bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc cũng phấn đấu dốc toàn lực phối hợp với chiến trường cả nước. Lúc này Phú Quốc là một huyện thuộc tỉnh Long Châu Hà. Lực lượng quân đội Sài Gòn trên đảo Phú Quốc còn rất lớn, nhưng do ảnh hưởng cục diện chung nên tinh thần đã rệu rã. Sau khi tổng thống nguy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, lực lượng nguy quân, nguy quyền trên đảo Phú Quốc hoang mang và tháo chạy. Việc giải phóng đảo diễn ra khá thuận lợi, không có những xung đột đổ máu. Nhưng ngay sau đó, bọn Khmer đỏ đổ quân lên Bắc đảo đánh chiếm gây ra nhiều thiệt hại cho nhân dân trên đảo. Lực lượng của tỉnh Long Châu Hà và hải quân vùng 5 cùng lực lượng địa phương phải khá vất vả mới đẩy lùi chúng về Campuchia.

Sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai kết thúc, Miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân Phú Quốc được sống trong hòa bình và ra sức lao động sản xuất xây dựng cuộc sống mới; nhất là sau khi có đường lối đổi mới, Phú Quốc chuyển mình một cách nhanh chóng, dân số tăng nhanh, các xã mới được hình thành, giao thông, kinh tế, văn hoá xã hội phát triển một cách toàn diện, đời sống nhân dân được cải thiện, từng bước xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu.

Hiện nay, Phú Quốc đang thực hiện các đề án phát triển trong một cơ chế riêng được Chính phủ cho phép nhằm thu hút đầu tư để biến Hòn đảo này thành một vùng du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng chất lượng cao.

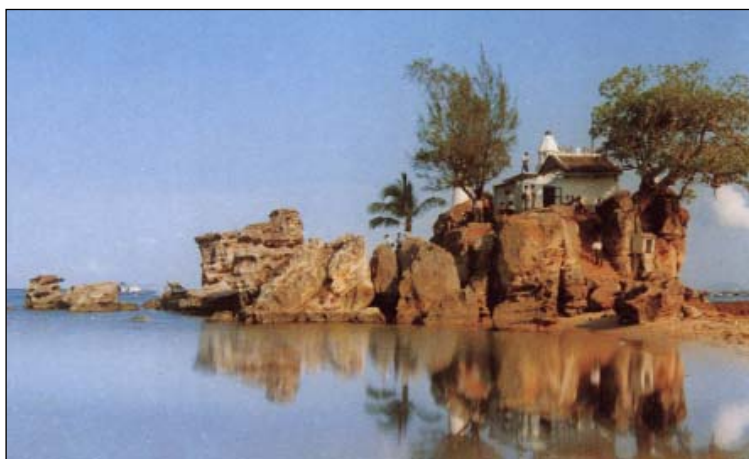
*Theo “Văn hóa dân gian Phú Quốc”
của tác giả Trương Thanh Hùng*

PHÚ QUỐC - DI TÍCH DANH THẮNG

Trái qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, người dân Phú Quốc đã tạo nên những giá trị văn hóa - tinh thần mang bản sắc riêng, góp phần bồi tụ vẻ đẹp cội nguồn ở vùng biển đảo nổi tiếng đẹp giàu.

DINH CẬU – NƠI GỬI GẮM ĐỨC TIN

Dinh Cậu được xây dựng năm 1937 bắt nguồn từ tín ngưỡng của người dân trên đảo đối với những vị thần che chở giúp đỡ họ khi tàu bè đi biển gặp nạn. Theo con đường lát đá thoai thoải dẫn đến Dinh Cậu, vào bên trong, du khách sẽ được chiêm ngưỡng nhiều tuyệt tác về kiến trúc cổ với những



đường nét sắc sảo, các hiện vật quý giá gắn liền với truyền thống lịch sử hình thành cư dân trên đảo. Chính diện Dinh Cậu nhìn ra biển cả mênh mông, bên trái là bờ cát trắng mịn với hàng dừa reo trong gió, bên phải là bến đậu ghe thuyền chen chúc. Từ Dinh Cậu, du khách có thể ngắm cảnh biển lúc bình minh hoặc lúc hoàng hôn, khi nắng dần tắt cũng là lúc những chiếc thuyền câu mực bắt đầu thấp lên những ngọn đèn giăng kín một góc trời, trông xa xa như một thành phố trên biển.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Nằm trên bãi biển Dương Đông, Dinh Cậu được xem là thắng cảnh nổi tiếng nhất trong những thắng cảnh của Phú Quốc. Không chỉ cuốn hút bằng truyền thuyết, Dinh Cậu còn thu hút du khách bằng nét đẹp rất riêng của mình.

SÙNG HUNG CỔ TỰ

Chùa cổ Sùng Hưng được xây dựng vào những năm đầu của thế kỷ XX. Theo tài liệu còn lưu lại trước kia nơi đây là nghĩa địa có 2 chùa Sùng Nghĩa và Hưng Nhân, về sau được hợp lại là một; cổng quay về hướng Bắc, mặt chính của chùa nhìn ra chợ, khuôn viên trải dài trên một diện tích rộng lớn từ chân lên đỉnh núi. Kiến trúc cổ kính của chùa đặt trong tổng quan



hài hòa: lên cao dần theo từng bậc thang, xung quanh cây cổ thụ xanh tươi, có tường rào bao bọc. Cổng chính xây kiểu tam quan, rất đường bệ. Giữa sân đặt tượng Đức Phật Quan Thế Âm Bồ Tát trắng tinh hiền từ, phổ độ, vào sâu hơn nữa là chánh điện được trang trí hoành tráng và trang nghiêm với nhiều tượng bằng gỗ, đồng, thạch cao được điêu khắc hết sức tinh vi sắc sảo, bày bố theo thứ tự từ thấp đến cao.

Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị khác như Đại Hồng Chung, các câu đối, liễn, sơn son thiếp vàng và những hình ảnh sống động thuật lại bước đường Tây du của thầy trò Đường Tăng. Sùng Hưng Cổ tự không chỉ là ngôi chùa lớn và cổ, mà còn là một iến trúc độc đáo nhất đảo, là điểm du lịch nổi tiếng.

ĐÌNH THẦN DƯƠNG ĐÔNG – NƠI TƯỞNG NHỚ CÁC TIỀN NHÂN

Trong điều kiện khắc nghiệt của vùng đất mới, lưu dân người Việt đến Phú Quốc lập nghiệp thường quần tụ để dễ dàng tương trợ nhau lúc khó khăn. Lâu dần dân cư đông đúc, họ xây dựng làng xã, đình miếu... Theo truyền thống, khi đến bất kỳ vùng đất mới nào, việc đầu tiên của cộng đồng người Việt là bắt tay lập một ngôi đình. Đình làng là trung tâm hành chính, cũng là nơi thờ những anh hùng có công với đất nước được triều đình phong sắc. Đình làng còn là nơi sinh hoạt văn hóa, nơi diễn ra những

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



cuộc hội hè.

Tại Phú Quốc, đình thần Dương Đông là một trong những ngôi đình được nhiều người biết đến, xây dựng từ năm 1959 và sớm lập thành hội quán nhằm quy tụ các sắc thần của 9 ngôi làng, thuận tiện cho các hoạt động tín ngưỡng, thờ thần Thành Hoàng Bốn Cảnh và các vị tiền nhân. Hàng năm vào ngày mồng

10 tháng giêng và ngày rằm tháng 7 âm lịch, tại đình thần, nhiều nghi lễ được tổ chức long trọng trong không khí trang nghiêm để tưởng nhớ những người có công lớn trong công cuộc khai khẩn. Vào các ngày này, nhân dân quy tụ về đây rất đông để dâng lễ tạ ơn đồng thời cầu xin được thần linh phù hộ, che chở. Đây là nét đẹp văn hóa truyền thống thể hiện tinh thần đoàn kết của cư dân trên đảo và cũng là dịp để du khách phương xa đến chứng kiến và chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính của ngôi đình.

CHÙA CAO CAO ĐÀI HỘI THÁNH

Đến Phú Quốc chúng ta không thể không đến Chùa Cao, một ngôi chùa nằm phía trên đình Thần Dương Đông. Đây chính là nơi phát tích của đạo Cao Đài.

Trong thập niên 20 của thế kỷ XX, viên quận trưởng quận Phú Quốc, đốc phủ sứ Ngô Minh Chiêu thường xuyên ra Dinh Cậu ngôi ngẫm nghĩ sự đời, ông cũng thường xuyên đến chùa Quan Âm phía trên đình Thần Dương Đông. Một hôm, ở Dinh Cậu ông mơ màng nhìn thấy một con mắt rất lớn và thần bí. Con mắt ấy cứ thường xuyên xuất hiện mỗi khi ông lên Dinh Cậu, ông cho rằng đây là một hiện tượng thần tiên nên cầu nguyện nếu là duyên thì cho ông nhìn thấy được tiên cảnh. Sau đó, ông



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

mơ màng thấy được cảnh bồng lai và được một vị tiên tự xưng là Cao Đài Tiên Ông dạy ông phải thờ thiên nhân, truyền cho giáo lý để lập đạo Cao Đài. Cùng lúc ấy, nhiều viên chức trí thức cũng được Cao Đài Tiên Ông truyền đạo. Từ đó đạo Cao Đài được khai sáng với 12 phái Tiên Thiên, Ngô Minh Chiêu được phong làm anh cả. Từ đó chùa Quan Âm, nơi ông tu hành được xem là nơi khai sáng đạo Cao Đài. Hiện chùa Cao vẫn chỉ là một ngôi chùa bình thường, khiêm tốn, nhưng chứa trong đó là huyền thoại phát tích của một mối đạo.

LĂNG ÔNG NAM HẢI – TÍN NGƯỠNG BIỂN CẢ

Cuộc sống ngư dân ở đây gắn liền với biển cả, sinh mạng họ thật mong manh trước những cơn sóng to, gió lớn. Niềm tin là điểm tựa duy nhất để họ đứng vững với những hiểm nguy hàng ngày. Ngoài vị thần trị vì sông nước, họ còn tin tưởng vào những điều linh thiêng khác, có thể giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn. Đó là Lăng Ông Nam Hải, nằm rải rác ven các bờ biển của đảo Phú Quốc. Những nơi này, đều là nơi thờ cá voi. Nhiều người kể lại rằng, trong lúc chìm ghe, đuối sức họ như có vật gì đưa họ vào bờ. Họ tin rằng, chính mình đã được cá Ông cứu vớt, do vậy rất biết ơn và kính trọng, xem cá Ông như thân họ mệnh, gọi là Nam Hải Tướng Quân. Khi cá Ông chết dạt trôi vào bờ, làng chài lấy đó làm vinh dự. Người gặp đầu tiên đứng ra làm tang chủ, cùng bà con chài lưới lo chôn cất hết sức quan trọng. Sau đó lập miếu, lấy bộ xương thờ gọi là Lăng Ông Nam Hải. Ngày nay, đi dọc bờ biển Dương Đông – An Thới du khách bắt gặp nhiều lăng ông: lăng ông Dương Tơ, lăng ông Dương Đông, mũi Đất Đỏ...



DINH BÀ KIM GIAO VÀ DẤU VẾT NGƯỜI KHAI KHẨN

Dinh Bà Kim Giao nằm trên hữu ngạn sông Cửa Cạn. Trước kia dinh làm bằng mái tranh vách ván rộng lớn, nhưng trải qua nhiều tháng năm bị tàn phá bởi chiến tranh sau đó trùng tu, tái tạo nhiều lần, ngày nay dinh được xây mới bằng tường xây vôi, mái

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

ngôi khang trang, bên trong thờ bà Kim Giao. Hàng năm dân chúng tổ chức cúng tế vào rằm tháng Giêng âm lịch.

Đến Phú Quốc du khách không thể bỏ qua nơi thờ Kim Giao Thần Nữ - được xem là người đầu tiên khai khẩn ra vùng đất này. Người dân Phú Quốc rất tôn kính bà, họ coi bà như người tiên phong khai phá đảo. Hiện bài văn tế đọc trong dịp cúng đình còn nhắc đến tên Bà (Kim Giao chi vị), đây là sự ghi ơn của người dân Phú Quốc đối với Bà.

Đọc theo sông Cửa Cạn còn lưu lại một địa danh gọi là Búng Dinh Bà, nơi mà Bà Kim Giao xưa kia lập dinh trại trên bờ Búng. Búng là vũng nước sâu khoét theo bờ sông. Về sau dòng họ bà phục lại để nghiệp nên bà trở về Cao Miên, có người nói bà chết ở Cửa Cạn sau đó vua Miên cho người đem hài cốt về đất Miên. Một thuyết khác lại cho rằng bà chết ở hòn Phú Dự. Truyền thuyết dân gian kể, bà giúp lương thực cho vua Gia Long trong thời gian nhà vua lưu ở đảo để tránh Tây Sơn, điều này có thể đúng vì vua và bà ra hải đảo cùng một thời gian. Hiện nay ở Cửa Cạn còn đền thờ bà Kim Giao gọi là dinh Bà Trong, vì cạnh bờ biển có dinh thờ bà Thủy Long Thánh Mẫu gọi là dinh Bà Ngoài. Bà Kim Giao, khi về lại đất Miên có để lại hai cặp trâu đực cái, sau này sinh sản rất đông.



BÀ LỚN TƯỚNG LÊ KIM ĐỊNH

Bà Lê Kim Định là phu nhân của anh hùng Nguyễn Trung Trực, tên thường gọi là bà Điều, vợ cả nên dân địa phương gọi là Bà Lớn Tướng. Ông Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân sau khi chiếm Rạch Giá, từ Hòn Chông đã dùng tàu vượt biển sang Phú Quốc, đóng tại Hàm Ninh. Với toan tính xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ miền Nam nước Việt, năm 1867, Pháp cho quân đổ bộ vào Hàm Ninh. Nguyễn Trung Trực đưa nghĩa quân sang Giếng Tiên thuộc Dương Đông rồi chuyển sang Cửa Cạn. Theo nghĩa quân có bà Lê Kim Định, mẹ và em gái. Ba mẹ con bà Điều là người Rạch Giá đã tổ chức kháng Pháp trên đảo Phú Quốc trước khi nghĩa quân Nguyễn Trung Trực kéo sang.

Ngày nay, mộ của Bà Lớn nằm bên trái sông Cửa Cạn, ban đầu chỉ là ngôi mộ

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đất, xung quanh bao bọc gỗ cây trại. Đến ngày 27-4-1968, mộ được xây bằng đá và trùng tu lại vào ngày 4-6-1980. Ngôi mộ trở nên khang trang, được lát bằng



gạch men, nằm trong vòng thành rộng lớn, bia mộ có dòng chữ trang trọng “Bà Lớn Tướng Lê Kim Định”. Du khách đến tham quan khu di tích này sẽ được nghe nhiều câu chuyện về bà. Theo truyền thuyết, vào những đêm trăng sáng, thỉnh thoảng dân làng thấy bà đi thuyền từ căn cứ ra làng, thuyền có che lọng xanh, thuyền bà lướt đi êm đềm trên mặt nước. Người gặp bà liền quỳ lạy và xin bà phù hộ nhân dân Phú Quốc được cuộc sống an lành và làm ăn sung túc. Người dân Phú Quốc lưu truyền câu chuyện này với nhiều đức tin và lòng đầy kính trọng. Giỗ của bà được tổ chức hàng năm vào ngày 19-8 âm lịch. Người dân khắp nơi về đây chiêm bái rất đông.

TRƯỜNG AM

Trường Am nằm cạnh con đường Dương Đông - Bắc đảo, cách thị trấn chừng 1km (ngã ba đường đi suối Đá Bàn).



Xa trông Trường Am như hòn non bộ đứng cheo leo. Được tạo thành bởi nhiều tảng đá cao vách hiểm trở, chồng chất lên nhau. Thêm vào đó những thân cây cằn cõi mọc lên từ đá. Ngôi Am nhỏ được cất tựa vào vách đá, nơi cao nhất. Lan can làm bằng xi măng, sơn vôi trắng bao quanh, làm nổi hẳn mái ngói đỏ tươi và màu rêu phong của đá.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trông đã cao, con đường đất đỏ vắt ngang dưới chân và con rạch uốn quanh sát đó, làm cho vách trông càng thêm cheo leo.

Gọi là Trông Am vì trên trông núi này có ông lão tóc râu bạc trắng, cất am thờ tiên và tu tịnh.

NHÀ LAO CÂY DỪA



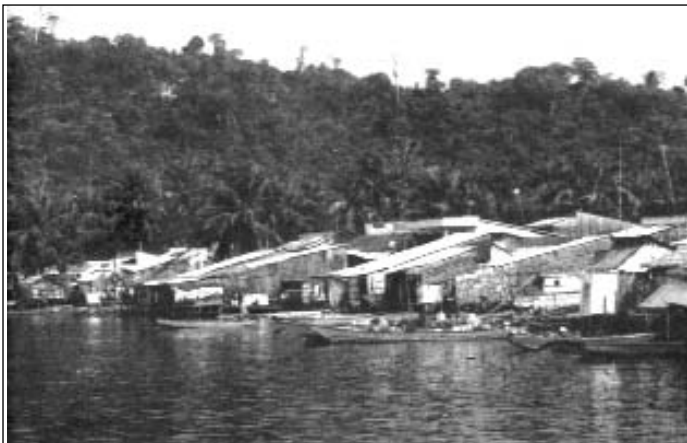
Nhà lao Cây Dừa ở phía Nam đảo Phú Quốc, trên diện tích rộng khoảng 400ha, gồm 4 khu A, B, C, D với hàng trăm nhà giam. Đây là trại giam tù binh lớn nhất và tàn bạo nhất của chế độ Mỹ ngụy. Cũng tại trại giam này, có rất nhiều sự tích hào hùng của các tù nhân khi bị giam cầm tại đây, thể hiện ý chí ngoan cường, bất khuất và lòng yêu nước nồng nàn của các chiến

sĩ cách mạng. Thời điểm cao nhất có đến 40.000 tù binh bị giam cầm tại đây (từ năm 1967-1972).

Hiện nay, Nhà lao Cây Dừa đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử.

GÀNH DẦU

Sử sách kể rằng: khi đó rừng Phú Quốc còn rất nhiều thú dữ. Trâu và heo rừng là hai mối hiểm họa của người dân, nhà cửa bắt buộc phải làm hàng rào. Người dân đi từ nơi này đến nơi khác trên đảo thường nơm nớp lo sợ. Nếu chẳng may gặp phải thú rừng, khách bộ hành chỉ còn biết cách nằm áp bụng xuống đất nín



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

thở giả vờ chết, để cho chúng đi qua.

Ngoài ra, người ta còn thấy vài ba con cạp ở hòn Nặng. Những chú cạp này thỉnh thoảng vượt biển đến đảo Phú Quốc tìm mồi. Nhưng một lần đang bơi ngang biển, chẳng may bị cá mập ăn cụt mất một chân. Từ đó, cạp trở nên hiền lành và luôn ở trên đảo.

Nhiều lần cạp xuống núi, đến làng cư dân, khi ra đi để lại dấu chân trên đất mới, lè vườn tiêu, nhưng không bắt gia súc hay phá hại dân làng. Người dân cho cạp đã tu nên kính trọng tôn làm thần núi và lập dinh thờ gọi là dinh HỔ (ở xóm 1 ấp Cửa Lấp xã Dương Tơ).

KHU TƯỢNG

Đến Phú Quốc, chắc chắn chúng ta được nghe nói về khu tượng như là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân huyện đảo. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Khu Tượng luôn là căn cứ địa cách mạng vững chắc, là một vùng giải phóng, mọi chủ trương của Đảng bộ thường xuất phát tại đây. Quân đội Mỹ và Sài Gòn đã mở nhiều cuộc hành quân với quy mô rất lớn, mà điển hình là cuộc hành quân “Ba lượn sóng thân” kết hợp cả hải, lục, không quân đánh vào Khu Tượng. Quân và dân Phú Quốc, bằng tinh thần dũng cảm, trí thông minh sáng tạo đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét của Mỹ ngụy, làm tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ vững chắc căn cứ địa của Đảng.

Tên gọi Khu Tượng được hình thành do địa thế của núi như hình một con voi đứng, mà điểm cao là đầu của voi. Nhưng cũng có thể ngày xưa nơi đây là một vùng có dấu vết của voi, cũng như Giếng Tượng ở Hà Tiên vậy.

SUỐI TRANH

Từ khá lâu, Suối Tranh là một địa danh nổi tiếng của Phú Quốc, nằm bên cạnh đường Dương Đông đi Hàm Ninh, gần ngã ba về An Thới.

Suối Tranh được hình thành từ những khe suối nhỏ trên dãy núi Hàm Ninh tập hợp lại thành con suối lớn. Trên dòng



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

chảy của mình, Suối Tranh có thác, có ghềnh thơ mộng xuyên qua rừng núi rất hữu tình, có những chỗ rộng rãi cho du khách tắm mát. Bên cạnh suối là con đường mòn đi lên thượng nguồn.

Tên gọi Suối Tranh được hình thành là do khu vực này có khá nhiều tranh mà dòng suối đi ngang qua.



SUỐI ĐÁ BÀN

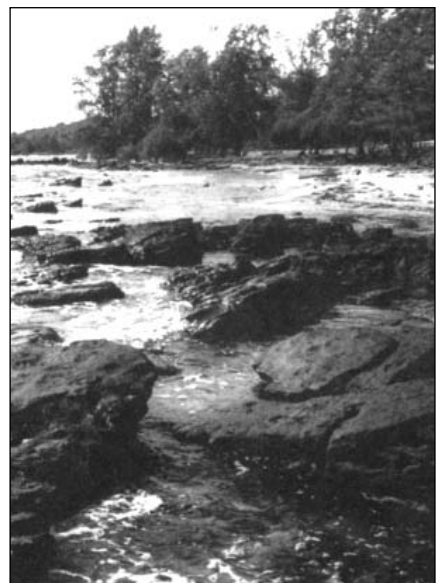
Trên đường lên Bắc đảo, cách thị trấn Dương Đông khoảng 1km có một con đường đất đỏ đỏ về tay phải, đi độ 6km sẽ đến Suối Đá Bàn.

Cũng như Suối Tranh, Suối Đá Bàn được hợp thành bởi những dòng chảy nhỏ rồi đổ ra một vùng có những tảng đá lớn và bằng phẳng như những cái bàn đá thiên nhiên.

GIẾNG NGỰ

Khởi hành từ trung tâm xã An Thới, 2km đường rừng ven biển. Bất ngờ trước mặt vùng nước xanh trong vắt hiện ra. Bãi cát trắng phau, lượn vòng chân núi như muốn ôm trọn những con tàu đánh cá đang thả mình nghỉ ngơi ven rừng. Núi biển trập trùng, sương mây quấn quít. Đền thờ nho nhỏ hiện ra trước mặt, trên những tảng đá cheo leo, dấu vết một chiếc ghé đá uy nghi màu hồng quay lưng với biển, hướng về cánh đồng bao la gọi là ngai vua.

Dân truyền rằng, đó là những gì chúa Nguyễn để lại sau nhiều lần trốn chạy quân Tây Sơn. Trong cơn quân bách, không còn nước ngọt cho quân, Nguyễn Ánh đã giậm chân chỉ mũi kiếm thần vào lòng đất, làm bắn ra một dòng nước ngọt ngào mà đến nay vẫn còn tuôn chảy, dấu giày xưa nay còn khắc sâu trên đá và gọi là giếng Ngự, giếng Tiên hay giếng Gia Long.



MŨI ÔNG ĐỘI



Mũi Ông Đội là nơi đất cuối cùng, đồng thời là điểm kéo dài nhất của đảo. Đây là một thắng cảnh nổi tiếng, nơi chứa đựng những huyền thoại về vua Gia Long.

Truyền rằng: trong thời gian lưu trú trên đảo, thuyền Nguyễn Ánh đang neo đậu trên

mũi đất thì bất ngờ quân Tây Sơn tiến đánh. Trong hoàn cảnh cấp bách mà neo thuyền lại vướng vào đá ngầm. Có viên cai đội dũng cảm vội lặn xuống gỡ neo cho thuyền kịp thoát. Khi gỡ neo xong thì viên cai đội cũng bị nước cuốn trôi mất xác.

Lần sau trở lại, Nguyễn Ánh nhớ ơn cứu mạng thuyền lệnh tổ chức lễ truy điệu, và đặt tên mũi đất này là Mũi Ông Đội.

(Bài biên soạn từ nhiều nguồn)

PHÚ QUỐC

KHÚC TRÁNG CA HÀO HÙNG



Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, Phú Quốc luôn phải gồng mình trước bao gian nan thử thách, đặc biệt là trước sự tàn bạo của kẻ thù xâm lược. Nhưng cũng chính từ những thử thách khốc liệt ấy, bản lĩnh và ý chí của người Phú Quốc đã được tôi rèn và khẳng định, viết nên những trang vàng truyền thống, tạo nên những giá trị lớn lao thấm đẫm chất anh hùng ca bất diệt.

Phú Quốc là một đảo lớn, là “đất giàu” theo tên gọi và cũng là đất dữ với kẻ thù xâm lược. Mảnh đất kỳ thú giữa biển khơi ấy như một Việt Nam thu nhỏ, có núi, có rừng, có sông, có biển... và có cả cư dân từ mọi miền đất nước về đây sinh sống.

Phú Quốc từ lúc “khai thiên lập địa” - suốt mấy thế kỷ qua, đã trải qua bao thăng trầm, bao biến cố cùng lịch sử hào hùng của dân tộc. Đất và người Phú Quốc luôn kiên cường trước kẻ thù hung bạo; lắm lúc cũng cô đơn đấy, nhưng không bao giờ cô độc; Con người nơi đây luôn chân tình, thuần phác; luôn rộng lòng và mến khách.

Và Phú Quốc chứa đựng bao điều có thể gọi là Huyền thoại, xứng đáng để cho ta tìm hiểu, cho ta ngưỡng mộ, yêu quý, thán phục và say lòng.

Huyền thoại Phú Quốc gắn liền với bao dấu tích xa xưa và với truyền thống đấu tranh quật cường của người dân nơi đây. Đó có thể là dấu tích Dinh Cậu - Một ngôi đền thờ cậu Tài và cậu Quý, đại diện cho sông nước cai quản cửa biển, luôn phù hộ cho ngư dân khi gặp giông bão, mà thực chất là thờ một vị quan nào đó đã có công lớn đối với nhân dân địa phương. Đó còn là các vị nhân thần được thờ trong Đình Thần Dương Đông, đã có công khai khẩn và tạo lập cuộc sống trên đảo từ xa xưa... Đặc biệt là những dấu tích hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực và những năm tháng đau thương và bất khuất của hàng vạn chiến sĩ cách mạng trong nhà tù Phú Quốc - Nơi lòng dũng cảm, ý chí quật cường đối chọi với tội ác dã man, sự khốc liệt của kẻ thù tàn bạo.

Huyền thoại Phú Quốc không phải là điều gì đó mơ hồ, hư cấu theo dòng thời gian mà chính là những con người thật, câu chuyện thật, địa danh thật... tạo nên vóc dáng thắm đẫm hào khí của một vùng đất đảo xa xôi.

PHÚ QUỐC TRUYỀN THỐNG HÀO HÙNG

NHỮNG DẤU ẤN ĐẦU TIÊN...

Cuối tháng 6 năm 1867, thực dân Pháp đưa quân đánh chiếm tỉnh Hà Tiên, một tỉnh trong “Nam Kỳ Lục tỉnh”, hoàn thành việc chiếm 3 tỉnh miền Tây và hoàn thành việc chiếm trọn đất Nam Kỳ.

Sau gần 1 năm, kể từ khi thực dân Pháp chiếm tỉnh Hà Tiên, đêm 16-06-1868, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân đánh úp đồn Kiên Giang, diệt hơn 70 tên giặc, trong đó có tên chủ tỉnh người Pháp. Nghĩa quân chiếm đồn và làm chủ nơi này suốt 5 ngày đêm (từ 16 đến 21 - 6 - 1868), nhưng sau đó trước sự phản công mạnh của quân Pháp, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân phải rút khỏi Rạch Giá, về Hòn Chông rồi sau đó ra Phú Quốc. Tại đây Nguyễn Trung Trực đã lập căn cứ để chống Pháp... Gần 3 tháng sau, quân Pháp cùng với đạo quân của tên việt gian Huỳnh Công Tấn tiến đánh Phú Quốc. 300 nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Trung Trực đã kiên cường chiến đấu chống giặc, tiêu biểu là 2 trận đánh tại Hàm Ninh, máu của nghĩa quân đã đổ quyết chiến với quân thù. Đến ngày 27-10-1868, do sức yếu, thế cô, Nguyễn Trung Trực bị giặc bắt. Tuy vậy, giặc Pháp vẫn rất khâm phục ý chí và tinh thần quả cảm của Ông. “Trong lúc bị bắt ông không phút nào mất tinh thần, mạnh dạn và hiên ngang... Ông chỉ yêu cầu một ân huệ là được xử tử hình ngay tức khắc”(1).

Trước khi bị giặc đưa đi hành hình, Ông đã hiên ngang nói thẳng vào mặt giặc Pháp: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

Để cai trị và bóc lột nhân dân Phú Quốc, giặc Pháp lập trên đảo một bộ máy cai trị, đứng đầu là tên chủ quận người Pháp. Mục đích cai trị của thực dân Pháp là nhằm

(1) Monographie de la province de Ha Tien, 1929-1930.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

khai thác, vơ vét các nguồn lợi để phục vụ cho lợi ích của chúng. Người Việt chủ yếu sống bằng nghề làm biển (đánh cá, câu thê...), làm nước mắm. Một số ít làm vườn rẫy, mua bán và làm thuê, làm mướn để sống như đi bán lưới hoặc đi bán nước mắm với chủ. Ngoài những việc bị chính quyền thực dân gây khó dễ, những người sản xuất nước mắm ở Phú Quốc còn gặp khó khăn do bị các thương nhân trong đất liền chèn ép.

Mặc dù cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực bị thất bại, nhân dân Phú Quốc vẫn luôn chất chứa nỗi khát khao độc lập, tự do nhưng chưa có điều kiện bùng dậy mà chỉ là những đốm lửa nhỏ, chưa đủ làm thành một đám cháy lớn.

Giữa năm 1929, cô giáo Trần Thị Lệ (thường gọi là cô giáo Lu) từ Cao Lãnh đặt chân đến đảo Phú Quốc. Cô bị chính quyền thực dân tỉnh Sa Đéc thuyền chuyển ra đảo vì bị tình nghi hoạt động “quốc sự” có thể làm phương hại cho nhà cầm quyền. Đến đảo, cô vẫn tiếp tục dạy học và thường khơi gợi cho học sinh về tình yêu quê hương, đất nước. Trên cơ sở đó mà tuyên truyền, giáo dục tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm... cho học sinh và nhân dân ở đảo. Nhưng thời gian hoạt động của cô ở đảo không bao lâu thì đầu năm 1930, cô bị Pháp bắt đưa về giam ở Khám Lớn - Sài Gòn rồi sau đó đày ra Côn Đảo... Hình ảnh của cô mãi mãi ghi sâu trong lòng người dân nơi đây.

Năm 1931, ở Phú Quốc xuất hiện một phong trào gọi là “hội kín”⁽¹⁾. Hội này tập hợp hội viên chủ yếu là người gốc Hoa, phần đông là những người nghèo. Có thể nói, đây là một tổ chức tự phát của người nghèo, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn, chống lại bọn cường hào và nếu có dịp thì nổi lên chống lại bọn cầm quyền ở địa phương.

Do ảnh hưởng sâu sắc của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ở chính quốc, nhiều tên tư sản thực dân ở thuộc địa liên tiếp bị phá sản. Tác động tình hình đó càng làm cho cuộc sống hết sức cơ cực; lại luôn bị áp bức nên tháng 5 năm 1932, số công nhân này đã tổ chức đấu tranh. Trước thái độ kiên quyết của công nhân, bọn chủ thực dân buộc phải chấp nhận những yêu sách chính đáng, cải thiện công ăn việc làm cho họ.

Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, có tiếng vang trong các tầng lớp nhân dân trên đảo, nhất là các công nhân đồn điền, gây cho họ ý thức đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh này còn gây tiếng vang lớn ra khắp miền Tây. Và rất có ý nghĩa trong thời kỳ này, thời kỳ cách mạng nước ta gặp vô vàn khó khăn trước sự đàn áp, khủng bố trắng của thực dân, đế quốc; đồng thời vạch trần bản chất vô nhân đạo của chúng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của các tầng lớp nhân dân.

Đến cuối năm 1936, tại đồn điền Cây Dừa, Phú Quốc, tiếp tục xảy ra cuộc nổi dậy của công nhân chống lại sự hà khắc, bóc lột của bọn cai ký. Một số công nhân đã cùng nhau bắt trói tên Diễn, giữ ở Suối Lớn (Cây Dừa) suốt mấy ngày đêm; buộc hẳn

(1) Nhân dân thường gọi nhầm là “Thiên địa Hội”

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

phải làm tờ cam đoan không được hà hiếp, những loạn công nhân thì mới được tha. Hãn phải chấp nhận và từ đó không còn dám lộng hành như trước.

Cuối năm 1940, quân Nhật đến Phú Quốc. Nhân dân ta sống lầm than trong cảnh “một cổ hai tròng”, ngày càng cơ cực, phát xít Nhật còn tàn ác hơn cả thực dân Pháp. Chúng ra sức vơ vét của cải và bóc lột sức người phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng bằng những biện pháp rất tàn ác.

Trong tình hình đó, những năm 1941-1944, ở Phú Quốc có thầy giáo Đoàn Phong từ đất liền ra đảo dạy học. Thầy khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu quê hương, truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân ta cho thanh niên. Một số thanh niên được thầy giáo dạy, sau đó trưởng thành, sớm đứng vào hàng ngũ cách mạng và trở thành những người cộng sản lớp đầu của đảo.

VÙNG LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Ngày 09-03-1945, phát xít Nhật hất cẳng thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Giữa tháng 3-1945, Nhật đem hơn 100 quân đổ bộ lên Bãi Dinh (Dương Đông) để đánh Pháp, chiếm Phú Quốc.

Phát xít Nhật nhanh chóng sắp xếp lại bộ máy cai trị trên đảo, với lực lượng quân sự làm nòng cốt. Một mặt, chúng vơ vét tài lực trên đảo, lo củng cố hậu cần để chuẩn bị tiếp tục đánh nhau với quân Đồng Minh ở một số mặt trận phía Tây Nam; mặt khác, chúng huyênh hoang tuyên truyền trong dân chúng về thuyết “Đại Đông Á”, “Đồng văn, Đồng chủng” (cùng văn hóa, cùng chủng tộc)...

Tháng 8 năm 1945, phong trào cách mạng do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo đã ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân và thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng. Phong trào Thanh niên Tiền phong, do thầy giáo Nguyễn Ngọc Lầu phát động, được chủ tịch Tạ Trung Cang ủng hộ, phát triển mạnh. Một số thanh niên, học sinh... của Phú Quốc, có tham gia hoặc hiểu biết về phong trào này đã trở về đảo tuyên truyền, vận động làm bùng lên một không khí mới trong nhân dân. Tại Dương Đông, một số người như Huỳnh Văn Thành, Nguyễn Văn Xê... đã đứng ra thành lập tổ chức Thanh niên Tiền phong. Các cuộc sinh hoạt tập thể, các hoạt động xã hội của Thanh niên Tiền phong đã lôi cuốn được nhiều quần chúng, nhất là lớp trẻ trên đảo.

Ngày 09-08-1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Ngày 15-08-1945, Nhật chính thức đầu hàng. Đảng ta đã chớp thời cơ, phát động toàn dân vùng lên khởi nghĩa thắng lợi, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

Ở Phú Quốc, giữa tháng 8 năm 1945, khi biết đã đại bại, trung đội lính Nhật ở

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Đông Dương không có hành động gì. Chúng cuốn cờ rồi đi bộ qua Hàm Ninh, lấy ghe về Hà Tiên, qua Campuchia rồi về Sài Gòn. Số tay sai của chúng còn lại như rắn mất đầu, hoang mang và tê liệt. Nhân dân trên đảo rất phấn khởi vì bộ máy cai trị của địch đã tan rã.

Ngày 28-08-1945, tại thị xã Hà Tiên, nhân dân giành được chính quyền một cách thuận lợi, trọn vẹn mà không đổ máu. Được tin này một số thành viên tích cực trong Thanh niên Tiền phong ở Phú Quốc quyết định vận động tổ chức một cuộc mít tinh lớn của quần chúng tại Dương Đông. Đầu tháng 9 năm 1945, hàng ngàn người từ Hàm Ninh, Bãi Bồn kéo sang, từ Cửa Cạn, Ông Lang kéo xuống, từ Dương Tơ, Bàng Qùi kéo lên... với băng cờ, khẩu hiệu, gậy gộc, đao kiếm... rầm rộ tiến về Dương Đông. Đoàn người kéo đến dinh quận và nhà làng, giương cao những khẩu hiệu viết chữ đủ màu trên những tấm đệm buồm đan bằng lá buông trắng, hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo Nhật - Pháp”, “Việt Nam độc lập muôn năm”... Cả rừng người với cờ, băng, khẩu hiệu tạo nên một khí thế tung bừng chưa từng có trên đảo. Đó cũng là sự biểu dương lực lượng của toàn dân trên đảo.

Sự kiện này là một bước ngoặt lịch sử, đánh dấu việc nhân dân Phú Quốc đã giành được độc lập tự do trên đất đảo thân yêu. Điều đó có nghĩa là cùng với toàn dân Việt Nam, nhân dân Phú Quốc đã được đổi đời; từ thân phận người dân nô lệ trở thành người tự do, làm chủ biển cả, núi rừng, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

CÙNG CẢ NƯỚC THAM GIA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Giữa tháng 01-1946, sau khi xâm chiếm nước ta một lần nữa, giặc Pháp tiếp tục mở rộng vùng lấn chiếm ở miền Tây Nam Bộ.

Tại Phú Quốc, những ngày đầu tháng 4 năm 1946, không khí giặc giã bao trùm lên đảo.

Gần 80 năm sống dưới ách nô lệ của thực dân Pháp và chỉ mới hơn nửa năm được sống trong độc lập - tự do, tuy việc xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới trên đảo chưa đạt được như mong muốn, nhưng nhân dân Phú Quốc vô cùng thấm thía giá trị của độc lập tự do. Vì vậy, bất kể già trẻ, trai gái đều hăng hái tham gia luyện tập chiến đấu, tổ chức canh gác, cùng lực lượng vũ trang chuẩn bị chống thực dân Pháp khi chúng trở lại xâm lược đất đảo. Mặc dù giặc Pháp đã gửi “tối hậu thư” ra Phú Quốc kêu gọi quân dân trên đảo buông vũ khí, đầu hàng. Nhưng nhân dân đã tổ chức một cuộc mít tinh tuyên án tử hình bọn Việt gian, biểu thị tinh thần bất khuất, quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngày 14-04-1946, thực dân Pháp sử dụng tiểu đoàn 1 bộ binh cơ động (BM/IRTA) cùng 10 tàu lớn, nhỏ ra đánh Phú Quốc. Rạng sáng hôm sau, 15-04-1946 (ngày 14-03 âm lịch), giặc Pháp đổ bộ, tái chiếm quận lỵ Phú Quốc. Khi chiếm được quận lỵ, giặc Pháp cho truy lùng bắt bớ nhiều người. Trong đó có đồng chí Trần Ngọc Tấn và Trần Quang Du ở bộ phận Binh công xưởng... Giặc Pháp đem một số người, trong đó có đồng chí Trần Ngọc Tấn và đồng chí Trần Quang Du ra xử bắn tại nơi chúng đóng quân (gần cầu Đuan). Hai đồng chí Tấn và Du trước khi hy sinh đã đồng dục hô to: “Đả đảo giặc Pháp xâm lược”. “Hồ Chí Minh muôn năm”. Sự hy sinh anh dũng của các đồng chí Tấn và Du đã để lại trong lòng người dân đảo sự khâm phục khí phách hào hùng của người cộng sản.

Đồng chí Phan Nhung là đảng viên từ đất liền ra đảo. Ngày 5 tháng 6 năm 1946, sau khi liên hệ được với một số cán bộ, đảng viên, đồng chí quyết định tổ chức diệt tên quận trưởng Arriguit tại nơi làm việc của hắn. Nhung do đạn lép, đồng chí phải rút lui. Sau khi hoàn hồn, tên quận trưởng đuổi theo và bắn đồng chí Phan Nhung. Trước khi hy sinh, đồng chí Phan Nhung còn kịp hô lớn: “Hồ Chí Minh muôn năm!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!”. Sự hy sinh của đồng chí đã gây được tiếng vang, cổ vũ tinh thần kháng chiến trong các tầng lớp nhân dân trên đảo⁽¹⁾.

Tháng 8-1946, đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa cùng một số đồng chí như: Ba Nghĩa, Tư Lượng, Tư Tên, Ba Hiệp, Ba Bùa, Hai Moon... đã quyết định thành lập lực lượng vũ trang của Phú Quốc với 4 súng mít, cùng 40 viên đạn (số vũ khí này tịch thu từ tay bọn áp giải tù). Đơn vị do đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa chỉ huy. Có thể nói lực lượng vũ trang của Phú Quốc, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, từ đây được chính thức ra đời.

Ngày 04-10-1946 (10-9 âm lịch), đơn vị vũ trang của Phú Quốc đã tổ chức đánh hăng Cây Dừa (đồn điền dừa ở Cây Dừa). Chỉ sau vài tiếng súng của ta bọn lính đã bỏ đồn trốn chạy. Quân ta đốt đồn, thu được 10 súng và một số đạn, đồng thời tịch thu kho lương thực, đường, muối, vải... đem chia cho một số gia đình công nhân. Ta thiêu hủy tất cả giấy tờ, sổ sách của đồn điền; đặc biệt tuyên bố giải tán đồn điền, giải phóng số công nhân lao động ở đây... Một số thanh niên công nhân đã hăng hái tình nguyện gia nhập vào đơn vị “Bộ đội Phú Quốc”. Sau đó, hầu như toàn bộ công nhân và gia đình đã rời Cây Dừa về xây dựng cuộc sống mới ở vùng Dương Tơ, Khu Tượng. Những khu vực hoang sơ, vắng vẻ trước đó như Suối Cau, Cầu Cũ... lúc này bắt đầu hình thành những cụm dân cư mới với một số từ Cây Dừa chuyển lên và một ít từ thị trấn Dương Đông tản cư ra.

(1) Sau đó, tên của đồng chí được đặt tên cho Đảng bộ Quận: “Quận bộ Phan Nhung” (trong kháng chiến chống Pháp).

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Đêm 06-10-1946 (tức 12-9 âm lịch), một đơn vị, với quân số gần 1 trung đội, hầu hết đều giỏi võ thuật, do đồng chí Diệp Văn Dân (Ba Dân) chỉ huy, quyết định tập kích đồn Hàm Ninh để lấy súng bổ sung trang bị cho lực lượng. Trận này ta thu được 14 súng trường, 1 trung liên, hơn 1.000 viên đạn và lựu đạn cũng như toàn bộ quân trang, quân dụng trong đồn. Chiến thắng đồn Hàm Ninh gây được tiếng vang về lực lượng vũ trang Phú Quốc, gần như tay không, đoạt được đồn giặc.

Như vậy, lúc này, Phú Quốc có hai đơn vị vũ trang hoạt động độc lập, một đơn vị ở tại đảo “Bộ đội Diệp Văn Dân” và một đơn vị ở hòn Sơn Rái: “Bộ đội Huỳnh Thành Nghĩa”.

Cuối tháng 10 năm 1946, tại địa điểm Cầu Cũ, Dương Tơ, Trung đội 2 Vệ quốc Đoàn Phú Quốc được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị vũ trang kể trên, do đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa làm Trung đội trưởng.

Sáng 25-10-1946, hàng ngàn quần chúng từ các làng trong quận tập hợp tại địa điểm Cây Số 3, đường Hàm Ninh - Dương Đông, tổ chức diễu hành ra chợ Dương Đông, nơi đóng trụ sở cơ quan đầu não của địch và mít tinh tại đây. Kết thúc cuộc mít tinh, đoàn người nối nhau dài hàng cây số, đã làm thành cuộc tuần hành biểu dương lực lượng. Quần chúng vừa đi vừa trưng băng cờ và hô vang các khẩu hiệu: “*Hoan nghênh Tạm ước 14-09*”, “*Hoan nghênh tinh thần Việt - Pháp thân thiện*”, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm*”...

Sau cuộc biểu dương lực lượng vào cuối tháng 10 năm 1946 và nhất là sau một loạt chiến thắng của các lực lượng vũ trang của ta, giặc Pháp trên đảo thực sự hoang mang. Phong trào kháng chiến của đảo tiếp tục phát triển.

Tuy vậy, trước những hành động xâm lược của giặc Pháp, ngày 18 và đêm 19-12-1946, Hội nghị Trung ương Đảng quyết định phát lệnh *toàn quốc kháng chiến*.

Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước kháng chiến. Sáng ngày 20-12-1946, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp đất nước: “... *Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”.

Hưởng ứng *Lời kêu gọi* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân Phú Quốc càng ra sức kháng chiến.

Tháng 11 năm 1947, được tin báo giặc càn quét, cướp phá xóm làng, Trung đội 2 của huyện đang ở Khu Tượng, liền hành quân tức tốc xuống đón giặc tại Đường Bàu tiêu diệt và làm bị thương một lúc hàng chục tên. Chúng hốt hoảng, rối loạn, quân ta xung phong tiêu diệt địch. Có ba tên lợi ra biển định trốn, nhưng sau đó hai tên bị du kích xã Dương Tơ bắt được tại Dương Cờ, tên còn lại bị đơn vị nữ dân quân Dương Tơ bắt tại Bàu Phong. Giữa lúc trận đánh đang căng thẳng, đồng bào Bàn Quý kẻ dao người mác tụt đến tiếp viện, hò reo cổ vũ, làm tăng thêm khí thế chiến đấu của quân ta.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Kết quả trận này ta diệt gọn một trung đội giặc, trong đó có tên Vệ Tòng, thu 21 súng cùng nhiều đạn dược. Đồng bào rất phấn khởi trước việc bọn gian ác bị trừng trị đích đáng. Các cơ quan, từ Ủy ban nhân dân, Mặt trận đến các đoàn thể quận, làng và đông đảo nhân dân biết tin chiến thắng đã đến chung vui, mừng thắng lợi.

Đây là một trận thắng có ý nghĩa rất lớn. Với trận này, ta đã cơ bản đập tan âm mưu của địch dùng lực lượng Cao Đài Tây Ninh vũ trang chống phá phong trào kháng chiến của quân dân ta trên đảo.

Với điều kiện địa lý của đảo, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc ra sức phát huy tinh thần tự lực, tự cường xây dựng thực lực để tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Phong trào quần chúng phát triển khá mạnh. Cùng với cấp huyện, các xã đều có tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận Liên - Việt. Xã Dương Tơ còn có Hội giải liên (Hoa kiều Giải phóng Liên hiệp Hội). Hội phụ nữ thành lập được Ban chấp hành ở xã và Ban cán sự ở ấp, cùng phối hợp với một số tổ chức quần chúng vận động hội viên tham gia các công tác tiếp tế gạo, thuốc men, lạc quyền... chuyển vào vùng kháng chiến. Ở xã, còn có những hình thức tổ chức tập hợp quần chúng theo sở thích hoặc công việc như hội đình, hội chùa, hội dinh, hội đá bóng, hội vô lay (bóng chuyền)... Thiết thực nhất là tổ chức vận vắn đổi công, đồng bào giúp nhau trong sản xuất, công việc hàng ngày; tích cực góp phần xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Đặc biệt Hội Mẹ chiến sĩ hoạt động có nhiều kết quả với nhiều tấm gương điển hình về chăm lo, săn sóc, động viên cán bộ, chiến sĩ, nhất là thương binh, bệnh binh...

Các xã cũng đều có xã đội, có trung đội du kích bán thoát ly, có nhiều trung đội dân quân, nam và nữ. Phần lớn các ấp có ấp đội. Lực lượng nữ dân quân không kém gì nam giới, cũng hằng hái luyện tập chiến đấu, đào mương, đắp lộ, canh giữ xóm làng.

Với những hoạt động như vậy, Đảng bộ và quân dân trên đảo đã làm thất bại chính sách bao vây, phong tỏa về kinh tế của thực dân Pháp đối với cuộc kháng chiến của quân dân trên đảo.

Gần cuối năm 1949, giặc Pháp cho tăng cường các biện pháp canh phòng nghiêm ngặt vùng biển Rạch Giá - Hà Tiên để tiếp tục phong tỏa Phú Quốc, ngăn cắt đảo với đất liền cũng như ngăn ngừa sự tiếp viện của ta từ nước ngoài về. Đồng thời với việc phong tỏa kinh tế trên đảo, giặc vừa tìm cách bung bít thông tin về tình hình kháng chiến của quân dân ta trong đất liền. Do bị giặc phong tỏa gắt gao, vùng tự do của ta có nguy cơ bị nạn đói. Bấy giờ, nhiều cán bộ có cùng nhận xét: “được ăn một bữa cơm giống như được ăn một đám giỗ!”.

Huyện ủy có cuộc hội nghị mở rộng nhằm giải quyết tình hình trên; phân công cán bộ đi vận động các phương tiện tư nhân tìm cách tiếp tế gạo cho ta, từ cả vùng địch tạm chiếm chuyển vào; phát động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tăng gia sản xuất, vỡ

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đất làm rẫy nhưng đồng thời phải giữ rừng... Thực hiện chủ trương này, huyện đã khuyến khích, tạo điều kiện cho một số tư nhân chở gạo từ đất liền ra bán cho đảo. Gạo và một số hàng hóa đã được chở ra từ Miệt Thứ, Lại Sơn, cả từ Cao Miên được ta dự trữ, cất giấu ở Hàm Ninh. Các xã Dương Tơ, Cửa Dương xuống Hàm Ninh mua và nhận gạo. Mặt khác, một số gạo không nhỏ đã được quân chúng và cơ sở cách mạng vận chuyển vào qua một số binh lính ở các đồn bót mà ta tranh thủ được. Điều này cho thấy lực lượng cách mạng ở Phú Quốc đã biết dựa vào dân để giải quyết những khó khăn, nhất là trong thời điểm khắc nghiệt của cách mạng.

Nhưng cũng trong gian đoạn lịch sử này, có thể nói, từ hai bàn tay trắng, nhân dân Phú Quốc đã nhanh chóng tạo dựng cho mình một thực lực khá căn cơ và vững chắc, nhất là về tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, các đoàn thể quần chúng... từng bước lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương cũng như trực tiếp góp phần với đất liền, với các cấp trên và ngày càng giành được những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn đầu kháng chiến của huyện đảo. Bên cạnh đó, phong trào cách mạng của Phú Quốc trong giai đoạn này đã sớm được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Khu ủy, Quân khu, ban ngành các cấp... tạo đà cho sự trưởng thành, phát triển đi lên của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc trong buổi đầu mới mẻ, còn nhiều khó khăn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1950, cùng với 30.000 tàn quân Quốc dân Đảng được đưa đến đảo, thực dân Pháp triển khai việc xây dựng đảo Phú Quốc thành một căn cứ mà chúng gọi là “Biệt khu Phú Quốc” nhằm moi viện trợ của đế quốc Mỹ để tiếp sức cho chúng tiếp tục chiến tranh và uy hiếp thường xuyên hậu phương ta ở địa bàn Khu 9. Chỉ trong mấy ngày, tương quan lực lượng trên đảo đã thay đổi một cách đột ngột và quá chênh lệch. Đảng bộ và quân dân huyện đảo Phú Quốc phải đối mặt trước một tình hình hết sức gay go, phức tạp và bất lợi.

Thời gian này, tuy tình hình có nhiều khó khăn phức tạp nhưng Đảng bộ Phú Quốc quyết tâm khắc phục, kiên trì ứng phó linh hoạt, đã nắm được một số sĩ quan, phân hóa nhiều tên trong hàng ngũ của chúng; ngăn chặn được nhiều hành động cướp bóc, càn quét vào vùng căn cứ kháng chiến của ta, làm thất bại nhiều cuộc lùng sục của chúng vào vùng giải phóng. Ta cũng đã sử dụng được khá đông lực lượng của chúng để làm thuê cho nhân dân trong công việc sản xuất: lật đất đồng tranh để trồng khoai, đậu, hoa màu... Đặc biệt, ta đã thỏa thuận được với chúng đưa đại diện lập mối quan hệ giữa đôi bên; thông qua thương lượng, đàm phán mà ngăn chặn được các cuộc xung đột, trong khi chúng thường tìm cách gây hấn với ta... Nhờ đó, ta bảo vệ được lực lượng, bảo vệ được dân, bồi dưỡng, giữ vững được phong trào kháng chiến trong suốt thời gian chúng có mặt trên đảo trong điều kiện tương quan lực lượng giữa ta và chúng rất chênh lệch, rất bất lợi cho ta. Đảng bộ đã biết phát huy sức mạnh của nhân

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

dân, vừa tranh thủ, vừa đấu tranh và cả lợi dụng những mâu thuẫn của địch, kiên trì đấu tranh và giành được nhiều kết quả tốt. Đây là một thắng lợi đặc biệt và to lớn của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đến ngày 23-05-1953, gần 30.000 tàn quân Quốc dân đảng rút đi. Nhưng ngay sau đó, thực dân Pháp đưa ra Phú Quốc một số tù binh - vốn là cán bộ, chiến sĩ ta bị địch bắt trong các trận đánh, các cuộc hành quân càn quét, ruộng bốt... giam tại Căng (trại giam) Cây Dừa. Nơi này là doanh trại cũ của bọn Quốc dân đảng, thực dân Pháp cho sửa sang lại để làm trại giam. Từ tháng 7 năm 1953 đến cuối tháng 10 năm 1953, số lượng tù nhân được đưa đến từ 3.000 đã tăng lên đến 7.000 người. Vừa đến nơi, lợi dụng lúc địch còn sơ hở trong việc canh phòng, chi bộ tù nhân (được thành lập từ lúc còn trong đất liền) đã lãnh đạo, tổ chức vượt ngục. Trong vòng 3 tháng đã vượt ra được hơn 100 người.

Thời gian này, khi bọn địch ở Dương Đông phải lo đối phó với các hoạt động của ta ở khu vực tiếp giáp Gành Gió, sân bay Dương Đông, thì vào ngày 27-10-1953, bộ đội ta từ căn cứ Cửa Dương vòng qua Dương Đông bí mật lườn sấu xuống Nam đảo phục kích tại rừng cao su Cây Dừa, diệt gọn một trung đội tuần tra của địch, thuộc tiểu đoàn 505 khinh quân, bắt sống 9 tên, thu 14 súng (có 1 trung liên, 2 garant, 2 carbine và 9 thompson). Trận này vừa gây được tiếng vang lớn, vừa có ý nghĩa báo tin cho cán bộ, chiến sĩ ta đang bị địch giam giữ trong nhà lao Cây Dừa biết có hoạt động kháng chiến của quân dân trên đảo; đồng thời là một trận thắng lớn, có ý nghĩa cổ vũ quân dân toàn huyện ra sức lập công.

Đầu tháng 5 năm 1954, chiến trường cả nước sôi động bước vào thời điểm cuối của Chiến dịch Đông - Xuân. Đặc biệt mặt trận Điện Biên Phủ đã giành thắng lợi vang dội: toàn bộ tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương này bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn vào ngày 07-05-1954.

Ở Phú Quốc, tin chiến thắng Điện Biên Phủ lan về càng cổ vũ phong trào kháng chiến của nhân dân. Theo lời kêu gọi của Đảng, của Mặt trận Liên Việt, nhân dân náo nức góp công, góp của ủng hộ kháng chiến.

Tóm lại, trong giai đoạn 1950-1954, Đảng bộ Phú Quốc đã gặp khó khăn tưởng chừng khó có thể vượt qua được, nhất là thời kỳ đầu khi tàn quân Quốc dân đảng đến đảo... Đây là một cuộc “đương đầu lịch sử” của nhân dân Phú Quốc. Nhưng bằng tình yêu quê hương vô bờ bến, với ý chí tự lực tự cường, tinh thần bất khuất, sáng tạo, quyết đoán, được sự quan tâm lãnh đạo cũng như trực tiếp chỉ đạo của cấp khu, tỉnh, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc đoàn kết một lòng, gắng sức vượt qua khó khăn, từng bước giành lấy thắng lợi cuối cùng, hoàn thành một cách vẻ vang cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược trên quê hương đất đảo.

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN PHÚ QUỐC KIÊN CƯỜNG VƯỢT QUA BẢO GIÔNG

Sau khi thực dân Pháp bị thất bại, buộc phải rút về nước, Đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai hùng chiếm nước ta phục vụ mưu đồ đen tối của chúng.

Đầu năm 1955, địch bắt đầu thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”⁽¹⁾, mà sau đó chúng đã nâng lên thành “quốc sách”. Để thực hiện chính sách này, Mỹ - ngụy đã lập bộ máy chỉ đạo từ trung ương xuống đến tận cơ sở, ấp. Cấp trung ương có “Hội đồng chỉ đạo tố cộng”; cấp tỉnh có “ủy ban chỉ đạo tố cộng”; xã, ấp có các “Đoàn công dân vụ” gồm một số tên ác ôn được huấn luyện kỹ. Bọn này dựa vào hội tề, dân vệ, cảnh sát xã, tổng đoàn dân vệ, bảo an... tiến hành lùng sục, càn quét, bắt bớ. Đối tượng mà chúng săn lùng để “tố”, để “diệt” là những đảng viên cộng sản, những người từng tham gia trong bộ máy chính quyền cách mạng, trong các đoàn thể cách mạng, những gia đình có người thân tham gia kháng chiến, đi tập kết, các gia đình cơ sở cách mạng, và tất cả những ai ủng hộ hòa bình, thống nhất đất nước, chống chế độ Ngô Đình Diệm...

Bằng chính sách “tố cộng, diệt cộng”, địch muốn tiêu diệt tận gốc cách mạng, gây sự chia rẽ, nghi ngờ trong các tầng lớp nhân dân, trong từng gia đình... gây một không khí bất ổn, căng thẳng trong xóm làng, trong toàn xã hội, thậm chí trong từng gia đình.

Tại Phú Quốc, từ tháng 2 năm 1955, địch có những thay đổi về mặt tổ chức hành chính và quân sự. Về hành chính, địch cho tái nhập Phú Quốc về tỉnh Hà Tiên và là một quận của tỉnh này. Về quân sự, địch lập Phú Quốc thành một “phân khu biệt lập”, do tên thiếu tá Lê Văn Thông, từng làm quận trưởng cho Pháp trước đây, làm phân khu trưởng kiêm quận trưởng, thay cho thiếu tá Trần Vĩnh Đắc. Chúng cho tay chân đến từng xóm ấp để họp dân, tuyên truyền, xuyên tạc về cuộc Kháng chiến chống Pháp, về Hiệp định Giơnevơ.

Trước sự đánh phá ác liệt và thâm độc của địch, cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước, yêu hòa bình bị đặt trước những thử thách lớn lao chưa từng có, nhưng đa số vẫn kiên trung với cách mạng.

Ở Phú Quốc, Huyện ủy chủ trương cho cơ sở ở các xã và thị trấn tổ chức lấy chữ ký của nhân dân gửi quận trưởng, tỉnh trưởng đòi ngụy quyền phải tổ chức hiệp thương, thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Trong cuộc vận động đấu tranh này các Chi đoàn

(1) Chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” được Mỹ - ngụy thực hiện từ 1955 đến 1958; ác liệt nhất là những năm 1956-1957.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Thanh lao (Đoàn Thanh niên Lao động) ở các xã đã đóng vai trò nòng cốt, hoạt động rất tích cực. Như ở Dương Tơ, Chi đoàn thanh niên đã thực hiện căng dán 20 băngrôn, 60 áp phích, đốt 6 hình nộm Ngô Đình Diệm... Tại Dương Đông, cơ sở ta tổ chức rải, dán nhiều truyền đơn, áp phích... ở nhiều nơi trong thị trấn, ngay cả tại trụ sở làm việc của bọn tề làng Dương Đông (Nhà Làng).

Đi đôi với việc lãnh đạo quần chúng dùng nhiều hình thức đấu tranh với địch, cơ sở ta còn tổ chức đưa được một số quần chúng nòng cốt vào bộ máy quyền, như Ngô Văn Diễm (Năm Diễm), làm thư ký xã Lộc Hòa (Dương Tơ), Phạm Văn Huyện (Tám Huyện), làm Chủ tịch Hội đồng xã Dương Đông... cung cấp tin tức, lèo lái, hạn chế bọn tề, đỡ khó khăn cho dân. Ngoài ra, một số quần chúng tốt biết nghề may cũng được ta bố trí ra thị trấn mở tiệm may làm nút liên lạc hợp pháp...

Cuối năm 1955, quyền Sài Gòn cho lập một trại giam mà chúng gọi là “Trại huấn chính Cây Dừa” (còn gọi là nhà lao Cây Dừa) tại địa điểm cảng Cây Dừa cũ (An Thới). Đầu tháng 1 năm 1956, địch đưa 598 tù nhân mà chúng cho là “Việt cộng” hoặc “thân Cộng”, có quê quán thuộc 33 tỉnh thành của miền Nam, đến giam tại trại giam này.

Huyện ủy có chủ trương chỉ đạo cho chi bộ xã Dương Tơ tìm mọi cách liên lạc với các đồng chí bị giam giữ trong trại giam; tìm cơ hội để giải thoát cho anh em. Đặc biệt, trong một thời gian ngắn, bằng công tác binh vận, các đồng chí trong chi bộ Dương Tơ đã xây dựng được trên 10 cơ sở trong hàng ngũ binh lính trại giam. Từ tháng 2 năm 1956, đã có nhiều cuộc vượt ngục lẻ tẻ và tập thể, có vụ cả chục người.

Có thể nói, năm 1956 ở Phú Quốc là năm địch tập trung thực hiện hàng loạt chủ trương và thủ đoạn nhằm tiêu diệt Đảng và xóa phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Chúng vừa dùng sức mạnh quân sự, bộ máy chính quyền, nhà tù... vừa mỉa dân, kể cả các biện pháp phát xít để đánh phá và đánh phá liên tục phong trào và cơ sở cách mạng trên đảo. Những nơi chúng không kiểm soát được chặt, chúng cho gom dân, đối tượng chính là những gia đình có người đi tập kết, tham gia cách mạng, nuôi chứa cách mạng...

Đầu năm 1957, địch đặt Phú Quốc trực thuộc tỉnh Kiên Giang và là một quận gồm hai xã: Dương Đông (38 ấp) và Hàm Ninh (87 ấp). Cả hai xã đều có hội đồng xã nhưng đều làm việc ở thị trấn Dương Đông. Khi triển khai được đồn bốt, địch mới cho lập một số tề ấp. Thời gian này đối với vùng địch tạm chiếm, Huyện ủy chủ trương phải hết sức lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và bán hợp pháp để tuyên truyền, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, giành thắng lợi từng ngày, dù nhỏ, hạn chế thiệt hại thấp nhất cho cách mạng.

Lúc này, địch cũng ra sức phong tỏa Phú Quốc nhằm cô lập đảo với đất liền để dễ bề tập trung đánh phá, tiêu diệt phong trào cách mạng trên đảo. Chúng cố tách cán bộ, đảng viên ra khỏi nhân dân bằng cách quy khu, dồn dân, đuổi nhà, bắt học “tổ cộng, diệt cộng”... Chúng càn quét, đánh vào điểm ăn ở, đường đi lại của cán bộ, nút

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

giao liên, cơ sở quần chúng mà ta thường quan hệ. Đồng thời chúng lừa mị, mua chuộc tác động cán bộ, đảng viên, đoàn viên cũng như quần chúng chiêu hồi, chiêu hàng, làm chỉ điểm hoặc dẫn lính đi phục kích, biệt kích để diệt cán bộ, cơ sở của ta. Đặc biệt tàn bạo, với luật 10/1959, địch thẳng tay giam cầm, giết hại nhân dân, quyết dập tắt phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung và ở Phú Quốc nói riêng.

Lừa thử vàng, gian nan thử sức, trước tình hình khó khăn căng thẳng này, đa số các đồng chí cán bộ, đảng viên vẫn kiên định tinh thần chiến đấu, vững vàng tư tưởng. Dù bị địch khủng bố, đàn áp nhưng cán bộ cách mạng và quần chúng yêu nước vẫn giữ vững ý chí chiến đấu bất khuất, chấp nhận tra tấn, tù đày, hy sinh thân mình để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng.

Lúc này huyện thành lập bộ phận quân y, khắc phục nhiều khó khăn, cho người móc nối vào vùng địch mua sắm y cụ, thuốc men... phục vụ cho cán bộ chiến sĩ ta.

Cuối tháng 6 năm 1960, đơn vị vũ trang huyện ra quân trận đầu tiên, tổ chức phục kích chặn đánh một tiểu đội địch hành quân từ ấp Ông Lang về Cửa Cạn tại đoạn đường gần Đồng Cửa Cạn. Lực lượng ta có một tiểu đội. Do hỏa lực yếu, súng kém và lựu đạn không nổ, nên sau khi diệt được 1 tên và làm bị thương 2 tên khác, đơn vị phải rút. Một đồng chí của ta bị thương. Tháng sau, đơn vị đánh trận thứ hai, tại ấp 3, Cửa Cạn. Trận này ta rải truyền đơn, dụ địch ra để đánh. Nhưng do chúng đi không đúng hướng như ta dự định nên ta chỉ làm chúng bị thương một số tên... Tuy những trận này không thu được kết quả lớn, nhưng có ý nghĩa quan trọng: lực lượng vũ trang cách mạng của huyện bắt đầu công khai hoạt động và trưởng thành; đưa mũi tấn công quân sự vào và dần dần làm nòng cốt cùng với các mũi chính trị và binh vận phối hợp giáp công đánh địch, giành nhiều thắng lợi lớn.



Trạm giao liên ở vùng Bắc đảo trong kháng chiến chống Mỹ

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo, các đoàn thể và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị nhằm đấu tranh đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm. Cương lĩnh chính trị của Mặt trận đã có tác dụng tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam đứng lên chống Mỹ Diệm.

Đầu tháng 3 năm 1961, Mặt trận Giải phóng tỉnh Rạch Giá được thành lập. Tiếp đó, Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện Phú Quốc cũng được hình thành, do đồng chí Hồ Văn Giàu (Năm Nhất) làm Chủ tịch. Lễ ra mắt được tổ chức tại Đồng Te Te, thuộc ấp Khu Tượng, xã Cửa Dương, có mặt hơn 1.000 người từ các xã ấp vùng ta và vùng địch kiểm soát, kể cả thị trấn Dương Đông, về dự lễ...

Tại ấp Bãi Bồn bấy giờ địch có một trung đội Bảo an thường xuyên đi phục kích, khống chế con đường từ Hàm Ninh về căn cứ phía bắc đảo. Mặc dù trung đội địa phương quân của huyện chưa đầy 2 tiểu đội, trang bị còn kém, nhưng Huyện ủy ra Nghị quyết là trong một thời gian ngắn phải tìm cách đánh diệt bọn này, khai thông con đường huyết mạch của ta.

Đêm 29-04-1961, đúng như kế hoạch, bọn địch lọt vào ổ phục kích của quân du kích. Dưới ánh trăng, quân ta nhìn rõ từng tên địch và đồng loạt nổ súng. Địch không kịp trở tay, bị dồn xuống mé biển. Quân ta diệt gọn tiểu đội bảo an địch (trong đó có 1 thiếu úy và 1 trung sĩ ác ôn), bắt sống 3 tên, giáo dục tại chỗ rồi thả. Ta thu chiến lợi phẩm, trong đó đáng kể có 3 khẩu tiểu liên Thompson, 5 khẩu súng trường (Max.36), 1 súng ngắn (Colt.9) là nguồn bổ sung quý giá cho hỏa lực của đơn vị. Sau trận đánh đơn vị hành quân vào ấp. Đồng bào trong ấp hân hoan mở cửa đón mừng.

Với chiến thắng Bãi Bồn, quân dân Phú Quốc rất vui mừng phấn khởi. Đường lên xuống Hàm Ninh và Bắc đảo được thông thương. Sau trận này, địch không dám đưa quân đi mật phục như trước. Ở thị trấn Dương Đông, đánh địch để lấy vũ khí trang bị cho mình cũng là nhiệm vụ được lực lượng vũ trang cách mạng tích cực thực hiện. Ngày 8-11-1961, đơn vị đang mai phục thì địch dẫn xác đến. Trong khi chờ quan sát tình hình quân địch triển khai đội hình, thì một chiến sĩ của ta vô ý để súng cộp cò nên bị lộ. Trước tình huống bất ngờ đơn vị buộc phải nổ súng. Quân địch đông lại còn gọi thêm tiếp viện, vì vậy đồng chí Nguyễn Văn Nhị quyết định cho đơn vị rút lui để bảo toàn lực lượng. Khi đơn vị rút lui, đồng chí Nguyễn Văn Nhị và đồng chí Phạm Văn Đờm (Ba Trung) ở lại cản địch. Đồng chí Tám Nhị bị thương cả hai tay nên ra lệnh cho đồng chí Đờm phải rút, còn đồng chí ở lại chờ trời tối sẽ tìm cách rút sau.

Ngày sau đó địch đưa quân trở vào lòng sục và bắt được đồng chí Nguyễn Văn Nhị. Chúng biết anh là một cán bộ chỉ huy, nên dùng mọi cách dụ dỗ. Địch yêu cầu anh nói với đồng bào, đồng chí mình những lời cải hối, do chúng viết sẵn. Chúng tin là

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

anh sẽ làm theo ý chúng nên cho truyền thanh trực tiếp lên các loa phóng thanh trong thị trấn. Đồng chí Nguyễn Văn Nhị đã hô lớn: “Mỹ Diệm là kẻ thù không đội trời chung. Hãy đoàn kết tiêu diệt chúng!”, “Mặt trận Dân tộc Giải phóng muôn năm!”, “Hồ Chí Minh muôn năm!”. Bọn địch như bị một cái tát mạnh vào mặt. Chúng xông vào đánh đập đồng chí Nguyễn Văn Nhị. Và rạng sáng ngày 9-11-1961, địch lén lút đưa đồng chí Nguyễn Văn Nhị đi xử bắn tại Bà Kèo (Dương Đông). Anh hy sinh lúc mới 25 tuổi, nhưng khí tiết kiên cường bất khuất của Anh, một đảng viên cộng sản, một cán bộ quân sự, một Huyện ủy viên, sống mãi trong lòng Đảng bộ, quân dân huyện đảo.

Các cuộc đốt phá hàng rào “áp chiến lược” được quân chúng sáng tạo và phổ biến. Tại Bến Tràm, dựa vào địa hình quen thuộc, địa phương quân cùng quân dân áp Bến Tràm huy động và sử dụng các loại vũ khí có trong tay để đánh địch. Các thứ chông mìn, cạm bẫy... được dịp phát huy và mang lại nhiều hiệu quả. Cùng với áp Bến Tràm, dân quân du kích trong xã (Cửa Dương) phối hợp chặn các mũi tiến quân của địch... Qua một ngày chiến đấu, trên 20 tên địch bị quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu, 1 máy bay L.19 bị bắn rơi tại ấp Ông Lang. Trận càn của địch bị đập tan. Sau thắng lợi này, phong trào chiến tranh nhân dân nói chung và lực lượng vũ trang nói riêng của Phú Quốc phát triển mạnh hơn.

Cuối năm 1964, chiến thắng Vĩnh Thuận (4 năm 1964), chiến thắng Lục Phi (7 năm 1964)... lan rộng trong cả miền Tây Nam Bộ, vang dội đến Phú Quốc, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của quân dân trên đảo. Bấy giờ, vùng giải phóng của huyện được mở rộng. Địch co cụm ở Dương Đông, An Thới, Hàm Ninh, Cửa Cạn...

Trung tuần tháng 10 năm 1964, tên Nguyễn Khánh, Quốc trưởng ngụy quyền đi máy bay ra Phú Quốc để thị sát đảo. Theo kế hoạch đã chuẩn bị, địa phương quân huyện dùng 2 khẩu súng cối loại 61 mm bắn vào sân bay Dương Đông, diệt 10 tên địch và phá hủy 1 xe quân sự. Sân bay Dương Đông bị hư hại. Nguyễn Khánh bị chết hụt, phải đi bằng tàu về đất liền. Vài ngày sau, từ Sài Gòn địch đưa 1 tiểu đoàn quân dù, mà chúng tự xưng là “Thiên thần mũ đỏ”, đến Phú Quốc mở cuộc càn dài ngày vào xã Cửa Dương nơi có “hoạt động mạnh của Việt Cộng”. Với hàng trăm bãi chông, mìn do du kích xã và địa phương quân huyện cài đặt khắp nơi để bảo vệ vùng căn cứ, nay có dịp phát huy tác dụng. Bằng lối đánh du kích và tinh thần chiến đấu kiên cường dũng cảm, quân dân Cửa Dương dồn địch vào thế “tiến thoái lưỡng nan”, loại khỏi vòng chiến đấu trên 50 tên địch. Sau 23 ngày đêm, tiểu đoàn “tinh nhuệ” của địch phải chấm dứt cuộc càn.

Với thắng lợi này, quân và dân Phú Quốc được Bộ Chỉ huy Quân sự miền Nam tặng thưởng Huân chương Chiến thắng hạng Nhì. Khí thế cách mạng của quân dân trong vùng căn cứ giải phóng dâng cao. Các cơ sở Đảng, Đoàn và các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh. Thanh niên hăng hái gia nhập vào lực lượng vũ trang huyện, xã.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Sau cuộc tiến công mùa hè 1965 của quân dân miền Nam, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn. Sự sụp đổ cuối cùng của chế độ tay sai Sài Gòn là không tránh khỏi. Trước tình hình đó, Mỹ đã đưa một lực lượng quân sự lớn, bao gồm quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam tiếp tay với quân ngụy chặn đà tiến công của quân dân ta; thực hiện kế hoạch chiến lược “tìm và diệt” nhằm phá hủy toàn bộ cơ cấu tổ chức của cách mạng miền Nam.

Tháng 10 năm 1966, nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược “tìm và diệt”, tiếp tục thực hiện âm mưu bình định Phú Quốc, Mỹ ngụy mở cuộc hành quân lấy tên “Ba lượn sóng thần”, sử dụng lực lượng bộ binh cấp trung đoàn với 2 tiểu đoàn chủ lực, 1 tiểu đoàn bảo an địa phương; không quân có 2 máy bay L.19, 4 phản lực F.105, 12 trực thăng...; hải quân có 7 tàu các loại cùng hàng chục khẩu pháo yểm trợ tấn công vào vùng căn cứ Khu Tượng. Huyện ủy và Huyện đội đã chủ động chỉ đạo bố trí thế trận xã ấp chiến đấu để chống địch.

Qua 8 ngày đêm chiến đấu, ta diệt và làm bị thương 120 tên địch, bắn cháy 1 máy bay F.105 và 1 máy bay “đâm già” (L.19). Quân dân ta bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn quét lớn của địch. Căn cứ Khu Tượng vẫn được giữ vững.

Chiến thắng này có ý nghĩa lớn lao. Đây là trận đụng đầu lịch sử giữa vũ khí thô sơ của cán bộ chiến sĩ ta trong vùng căn cứ với các loại vũ khí hiện đại của Mỹ.

Việc liên lạc với cấp trên, giữa đảo với đất liền, vẫn trong tình trạng bị địch ngăn cản. Ngày này qua ngày khác, địch quyết tâm cắt đứt Phú Quốc với đất liền, ngăn chặn, bóp nghẹt phong trào kháng chiến của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc.

Trước yêu cầu bức xúc của tình hình và nhằm nối lại liên lạc giữa đất liền và Phú Quốc, giữa Tỉnh ủy với huyện đảo, Tỉnh ủy Rạch Giá thống nhất đưa một đoàn cán bộ tìm cách mở đường ra đảo, do đồng chí Lâm Kiên Trì, Phó Bí thư Tỉnh ủy, tổ chức và dẫn đầu. Để thực hiện chuyến đi, đoàn đã chuẩn bị một cách công phu, vất vả. Bởi mục đích của chuyến đi này không chỉ nhằm nối lại cho được liên lạc, kết hợp tiếp tế trước mắt cho đảo một số vũ khí (K2, Cối 82mm...) gạo, hoá chất, điện đài, mà còn nhằm xây dựng đường dây giao thông liên lạc cho cả lâu dài sau này.

Việc đoàn cán bộ của Tỉnh ủy vượt vòng vây địch về đến đảo đã đánh một dấu mốc mới trong lịch sử Đảng bộ huyện đảo: nối lại được mạch máu với đất liền, nối lại sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Đảng bộ Phú Quốc. Nhiều cán bộ, đảng viên trên đảo xem sự kiện này như “*nắng hạn gặp mưa rào*”. Đảng bộ Phú Quốc như được hưởng luồng gió mới, tăng thêm sức chiến đấu.

Xuân Mậu Thân 1968, do tình hình ngăn cản và do điện đài bị hư hỏng nên Phú Quốc không kịp thời nhận được mệnh lệnh của cấp trên. Nhưng qua theo dõi Đài phát thanh Giải phóng của ta và Đài phát thanh Sài Gòn của địch. Đảng bộ, quân dân Phú

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Quốc cũng nắm được một số tình hình chung đang diễn ra trên toàn miền Nam trong những ngày lịch sử hào hùng ấy. Từ mừng 6 tết, bằng khả năng thực tế của mình, Đảng bộ đã lãnh đạo quân dân trong huyện tấn công địch, ra sức hoà nhịp với phong trào chung của toàn miền. Qua các đợt tấn công quân sự, quân dân Phú Quốc đã loại khỏi vòng chiến đấu 261 tên địch (có 4 tên Mỹ), triệt phá lô cốt Hàm Ninh, bắn hư hỏng 4 máy bay (2 trực thăng, 1 Dakota và 1 C.130), 1 xe cam nhông, thu 18 súng và 3.170 viên đạn các loại. Hai trung đội Hắc Báo của địch bị xoá sổ. Riêng mũi đầu tranh chính trị, đã phát động quần chúng đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận chống địch đánh phá, chống bọn Hắc Báo khủng bố, thăm sát, kết hợp cả 3 mũi tấn công, như ở Suối Đá, làm cho địch chùn bước. Kết quả phần lớn các cuộc đấu tranh của quần chúng đều giành được thắng lợi với những mức độ khác nhau.

Ở các xã Cửa Dương, Dương Tơ, Hàm Ninh, quần chúng được vận động đã tham gia đào hầm, làm công sự tránh pháo; đào công sự chiến đấu, gài trên 200 lựu đạn, bom bi cải tiến theo các con đường địch thường hành quân; gài trên 700 chông cây và gần 1.500 chông hầm, tích cực xây dựng xã ấp chiến đấu.

Thời gian này cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng được giữ vững, có bước củng cố và phát triển; huy động được toàn lực đảng viên, đoàn viên xông lên tấn công địch. Các đơn vị vũ trang bám vững địa bàn hoạt động và chiến đấu tốt trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn của huyện đảo. Cơ sở cách mạng ở thị trấn được củng cố. Các chi bộ xã, nhất là Cửa Dương bám chặt dân, phát động quần chúng tấn công địch. Cán bộ cơ sở nói chung đều bền bỉ chịu đựng gian khổ, bám đất bám dân, hoạt động và chiến đấu.

Đảng bộ, quân dân trên đảo đã nỗ lực vượt qua những khó khăn ác liệt, dù còn thiếu thốn, còn phải ăn khoai rừng (củ mài, củ nằng...), thiếu vũ khí... nhưng vẫn dũng cảm, đoàn kết quyết tâm đánh địch giành nhiều thắng lợi.

Những tháng cuối năm 1968, nhằm thực hiện âm mưu “bình định cấp tốc”, tại Phú Quốc, ở Dương Đông, lực lượng Mỹ có 189 tên (bộ chỉ huy bảo an có 8 tên, nhà thương có 1 tên, đài radar phi trường Dương Đông có 180 tên). Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 1968, chúng rút về đất liền 176 tên, còn lại 13 tên làm cố vấn cho bọn bảo an. Trong khi rút quân, Mỹ rút cả đài radar ở phi trường Dương Đông cùng một số phương tiện chiến tranh khác. Đồng thời chúng tăng cường chuyển xăng dầu, bom đạn đến cung cấp cho trực thăng, pháo binh... dồn sức đánh phá ta. Song song với các hoạt động này, địch đánh phá ta về kinh tế cũng không kém phần gắt gao. Chúng cấm không cho đem gạo về nông thôn, hạn chế cả thức ăn, vật dùng đối với quần chúng ở nông thôn. Cùng với phong toả kinh tế, địch còn ra sức phá hoại kinh tế của ta bằng cách dùng phi pháo, bắn phá vườn rẫy, nhà cửa, heo bò... đặc biệt là dùng chất độc khai hoang, phá hoại hoa màu, tiêu diệt cây cối, rừng rậm, cũng là vừa nhằm mục đích là “xoá nơi ẩn nấp và sào huyệt của Việt Cộng”. Thời kỳ này hai bên trực lộ Dương Đông - Hàm Ninh,

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Dương Đông - Cây Dừa bị địch khai hoang hoàn toàn trống trải nhằm hạn chế ta tiếp cận, tấn công chúng.

Tháng 12 năm 1968, địch thành lập tổ chức uỷ ban Phụng hoàng quận Phú Quốc, do tên thiếu tá quận trưởng Nguyễn Như Hoa làm chủ tịch, nhằm “ngăn chặn và tiêu diệt tận gốc rễ thành phần hạ tầng cơ sở Cộng sản” như chúng nói.

Thời gian này, toàn Đảng bộ Phú Quốc có 16 chi bộ (ở xã vùng kìm 3 chi bộ, vùng giải phóng 3 chi bộ, ở cơ quan dân, chính, Đảng 7 chi bộ và trong lực lượng vũ trang 3 chi bộ), với tổng số 164 đảng viên (riêng lực lượng vũ trang có 28 đảng viên).

Địa phương quân huyện có 95 người, không còn tập trung thành trung đội mà phân tán thành tiểu đội, vừa đánh địch vừa lo tự túc lương thực. Có một đội biệt động 24 đồng chí, một tiểu đội trinh sát đặc công, du kích xã có 45 người, du kích ấp có 33 người.

Các đơn vị vũ trang đã bám sát địa bàn vùng ven, đánh địch 34 trận, diệt một cao điểm (đồn đồn Cây Thông) của địch, bắn rơi một máy bay trinh sát L.19, loại khỏi vòng chiến đấu 186 tên (trong đó diệt một đoàn binh địch ở Ông Lang, bắt sống 8 tên, có một tên thiếu úy), thu 15 súng các loại, 2 máy PRC.25 cùng một số đạn dược và đồ dùng quân sự, giữ vững địa bàn và mở rộng quyền làm chủ. Với lý do, vì “mất an ninh” và vì “không còn dân cư”, ngày 8-4-1969, địch bỏ ấp Dương Tơ và ấp Kiến Văn...

Về đấu tranh chính trị, gần 900 lượt quân chúng đấu tranh với địch đòi các quyền lợi về dân sinh dân chủ, nhất là đòi được đi lại làm ăn giữa 2 vùng... Phong trào đấu tranh còn được mở rộng trong các tầng lớp trung gian và nhất là trong binh sĩ và gia đình binh sĩ.

Cuối năm 1969 đầu năm 1970, sau khi thất bại trong kế hoạch “bình định cấp tốc” địch triển khai thực hiện kế hoạch “bình định đặc biệt” nhằm chiếm đóng toàn bộ vùng nông thôn Nam Bộ.

Ở Phú Quốc, quân dân huyện đảo vẫn giữ vững căn cứ Khu Tượng - Cửa Dương, bám đất, bám địa bàn ra sức chống địch bình định. Năm 1970, địch tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, âm mưu bình định lấn chiếm, gom dân, bắt lính và vơ vét kinh tế, đánh phá phong trào quần chúng. Tại thị trấn, chúng có 14 đồn và 7 lô cốt, 4 đại đội bảo an với quân số gần 300 tên, 3 trung đội dân vệ, 17 liên toán phòng vệ dân sự (425 tên), 1 trung đội thám kích, 1 trung đội pháo binh và 1 đoàn bình định (10 tên)... Địch tăng cường đánh phá nhằm lấn chiếm vùng giải phóng của ta, củng cố lại vùng ven, đóng đồn, gom dân trên tuyến lộ Dương Đông - Hàm Ninh; tập trung đánh vào Dương Tơ tăng cường thêm đồn bót tuyến phòng thủ ngoài cho đặc khu Cây Dừa, thị trấn Dương Đông. Chúng tăng cường đánh phá bằng bộ binh, phối hợp chặt với do thám, gián điệp đánh thọc sâu vào vùng ta và đánh điểm bằng biệt kích.

Chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện đội, các lực lượng vũ trang của huyện

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đảo quyết tâm đánh địch trong từng trận tấn công cũng như chống địch càn quét; khắc phục gian khổ, khó khăn về vật chất để tấn công địch giành nhiều thắng lợi. Chỉ riêng trong năm 1970 đã đánh gần 70 trận (pháo kích 20 trận, tập kích 4 trận, chống càn 28 trận, đánh đồn bốt 4 trận...) loại ra khỏi vòng chiến đấu 414 tên (trong đó tiêu diệt 112 tên...), thu 38 súng (có 16 khẩu AR. 15, 4 khẩu M.79, 10 Colt...), trên 5.000 viên đạn, 20 lựu đạn, phá huỷ 2 xe quân sự, san bằng 3 lô cốt...

Về đấu tranh chính trị năm 1970, trên 1.500 quần chúng đã tham gia gần 50 cuộc đấu tranh (riêng quần chúng ở thị trấn chiếm hơn một nửa các cuộc đấu tranh) trong đó có 12 cuộc quần chúng kéo lên quận, 15 cuộc ở xã, hàng chục cuộc quần chúng đấu tranh với bọn chỉ huy và lính đồn, trạm gác. Kết quả là địch phải thả 18 quần chúng bị địch bắt, 16 thanh niên khỏi bị bắt lính, 175 nhà được tự do đào hầm trú ẩn, 48 gia đình được tự do đi lại làm ăn giữa hai vùng... Ta huy động tốt sức người, sức của của quần chúng, chủ yếu là của nhân dân trong vùng giải phóng...

Bấy giờ, địch đưa tù binh đến trại giam Cây Dừa ngày càng nhiều. Tù nhân được đưa đến đây hầu hết là các cán bộ, chiến sĩ thuộc các lực lượng vũ trang cách mạng, vì thế trong trại giam luôn có các cuộc đấu tranh, nhiều lúc phát triển với khí thế rất sôi nổi, nhưng có lúc quá tả khuynh nên bị địch đàn áp dã man.

Huyện ủy Phú Quốc cũng rất quan tâm đến trại giam Cây Dừa nên đã chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, tìm cách báo cho anh em tù binh biết ở Phú Quốc cũng có lực lượng cách mạng hoạt động. Như đầu năm 1969, cho treo cờ Mặt trận trên đỉnh núi gần Bãi Khem. Tù binh ở nhiều phân khu giam nhìn thấy rất xúc động vì cảm thấy cách mạng vẫn ở bên mình; các đồng chí ở bên ngoài đang quan tâm đến mình, làm cho anh em củng cố thêm niềm tin cách mạng và càng quyết tâm tìm cách vượt ngục. Nhiều cuộc đào thoát khi đi lao động bên ngoài trại giam, nhiều cuộc vượt rào, đào hầm... đã thường xuyên diễn ra làm cho địch phải tăng cường đối phó...

Vào mùa khô năm 1972, bọn chỉ huy vùng IV chiến thuật của địch chủ trương phá các kế hoạch chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô của ta. Chúng tích cực ngăn chặn biên giới và hành lang vận chuyển, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các mục tiêu bình định đã đề ra. Ở Phú Quốc, địch tiếp tục tăng cường các cuộc hành quân càn quét, ra sức phong tỏa tuyến biên giới giữa đảo với đất liền, kể cả vùng biển Việt Nam và Campuchia.

Giữa năm 1972, lực lượng vũ trang địa phương của đảo đã phát triển khá mạnh với đại đội địa phương quân, phân đội phòng không, phân đội pháo 82mm, trung đội đặc công 135 chiến sĩ, trong đó đại đội của huyện có trên 50 chiến sĩ. Du kích áp, dân quân tự vệ khoảng 200 chiến sĩ. Trang bị vũ khí đáp ứng được cho chiến đấu. Công trường của huyện cũng tích cực sưu tầm bom đạn, pháo lép của địch, cải biến thành các loại vũ khí như phi lôi, lựu đạn gài, mìn định hướng, thủ pháo... cung cấp thêm cho các đơn vị vũ trang trong huyện.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Như vậy, giai đoạn 1968-1972 là một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa lớn, quan trọng trong lịch sử của Đảng bộ và quân dân Phú Quốc. Không chỉ dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, mà phong trào kháng chiến của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc còn được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy. Một số đồng chí Tỉnh ủy viên được phân công đã vượt bao hiểm nguy ra với huyện đảo cùng Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo, khơi dậy phong trào.

Từ trong ngục tù của địch ở trại giam Cây Dừa cho đến vùng căn cứ giải phóng hoặc trong vùng địch kiểm soát, Đảng bộ, quân, dân Phú Quốc đã tỏ rõ truyền thống bất khuất, kiên cường vượt qua khó khăn thiếu thốn, cả về lương thực, vũ khí... chống địch đàn áp, bắt bớ, khủng bố, đánh địch hành quân càn quét với lực lượng lớn, đánh địch đóng quân dã ngoại, đánh đồn bốt, đánh cả vào sào huyệt của chúng... giành những thắng lợi lớn; góp phần chiến công của huyện đảo vào thắng lợi chung của tỉnh và toàn miền Nam trong giai đoạn lịch sử đầy khó khăn, thử thách này.

Ngày 27-01-1973, Hiệp định Paris được ký kết về chấm dứt cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Đây là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Việc ký Hiệp định Paris đã tạo ra một thế đi lên vững chắc để nhân dân ta có thể giành thắng lợi hoàn toàn.

Nhưng ở Phú Quốc, thế giằng co giữa ta và địch vẫn diễn ra quyết liệt. Ngày 27-01-1973, lực lượng du kích xã Cửa Dương áp Gành Gió, Ông Lang, biệt động và địa phương quân huyện cùng một số ngành dồn sức ra phía trước, chiếm lĩnh địa bàn Gành Gió và Ông Lang. Địch ra sức phản kích, sử dụng cả hải, lục, không quân để tái chiếm. Ngày 28-01-1973, du kích xã Dương Tơ đánh địch đi càn ở Cửa Lấp, diệt 2 tên. Đồng thời gài chất nổ diệt 14 tên và làm bị thương 6 tên khác. Từ ngày 10 đến ngày 17-02-1973, địch mở đợt 2 chiến dịch càn cờ để giành dân, chiếm đất bị quân



*Đội phẫu thuật
quân y trong vùng
căn cứ ở trên đảo*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

dân ta đánh trả quyết liệt. Ngày 22-02-1973, địch càn vào tháo cờ của ta ở Xóm Ba (Cửa Cạn) bị ta gài lựu đạn, nổ làm bị thương 3 tên. Địch luống cuống tự làm nổ lựu đạn chết 1 tên và bị thương thêm 3 tên khác. Những thắng lợi giành được trong đầu năm 1973 đã cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân trên đảo.

Tuy vậy thời gian đó, nhằm mục tiêu đánh phá ta một cách toàn diện, địch tăng cường phân vùng, chia tuyến, ngăn cấm sự giao lưu, làm ăn của quân chúng từ thị trấn đến Khu Tượng. Ở xã Dương Tơ, địch cấm liên 3 tháng không cho đồng bào đi làm vườn. Ở xã Cửa Dương, chúng cấm từng đợt 5 ngày, 15 ngày; đặc biệt tháng 11 và 12 năm 1973, chúng cấm gần suốt mùa tiêu; nhân đó chúng lợi dụng làm tiền đối với số dân làm vườn tiêu nếu họ muốn lên vườn...

Năm 1974 khi nhận rõ ý định, mưu đồ chiếm cứ bắc đảo của địch, Huyện ủy Phú Quốc đã họp và nêu quyết tâm bằng mọi cách “cương quyết phá tan âm mưu địch chiếm cứ bắc đảo”. Huyện ủy đã phân công các đồng chí Thường vụ Huyện ủy như Trương Võ Sĩ, Du Quang Trứ... trực tiếp xuống các đơn vị vũ trang, giao liên và các xã Hàm Ninh, Cửa Dương chỉ đạo việc tổ chức phối hợp 3 mũi giáp công làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của địch.

Lực lượng vũ trang của huyện đã cùng với dân quân du kích các xã gài nhiều chông mìn, cắm nhiều “bằng tử địa” hạn chế địch vượt qua. Công xưởng của huyện đã sản xuất gần 1.000 lựu đạn, thủ pháo và mìn cung cấp cho một số đơn vị cũng như 3 xã Cửa Dương, Hàm Ninh và Dương Tơ để xây dựng các bãi lửa. Đồng thời hàng ngàn tờ truyền đơn được cơ sở ta đưa vào thị trấn Dương Đông và một số đồn bốt để răn đe địch: “Đi lên vùng bắc đảo là dẫn thân vào tử địa”. Các cơ sở ta ở vùng địch chiếm đóng còn tuyên truyền, rỉ tai đến tận gia đình binh sĩ ngụy về những cái chết oan uổng, vô ích... đánh vào tâm lý ham sống sợ chết để họ tìm cách tránh né, đấu tranh chống lại khi chồng con hay bản thân họ bị đưa đi vùng Bắc đảo... Bấy giờ, vùng giải phóng của huyện bao gồm một số ấp như Khu Tượng, Bến Tràm, Ấp Mới (xã Cửa Dương) và Bãi Bồn (xã Hàm Ninh) với 776 dân; vùng tranh chấp với địch mà thế của ta còn yếu là ấp Ông Lang (454 dân) xã Cửa Dương...

Đầu năm 1974, Mỹ ngụy thực hiện một tội ác dã man là dùng thuốc độc để ám hại cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta trong vùng giải phóng. Chúng cho bọn chân tay bỏ thuốc độc vào thức ăn, nước uống, đánh thuốc độc vào số cán bộ lãnh đạo để làm tê liệt cơ quan đầu não; vào lực lượng vũ trang làm giảm sức chiến đấu của ta; đánh vào quần chúng, gây nhiễm độc nhiều người, làm hoang mang, rối loạn cuộc sống, sinh hoạt, đe dọa tính mạng buộc phải bỏ vùng giải phóng chạy ra vùng chúng kiểm soát. Thực hiện âm mưu này, địch hy vọng rằng sau khi bộ máy lãnh đạo của ta bị tê liệt, lực lượng vũ trang bị suy yếu, quần chúng hoang mang chúng sẽ dùng lực lượng quân sự tấn công, chiếm toàn bộ vùng giải phóng trên đảo một cách dễ dàng.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Để thực hiện ý đồ đó, địch đã dùng tiền mua chuộc cũng như cưỡng ép, lợi dụng một số tên tay sai còn ở trong vùng giải phóng. Bọn này thuộc 2 hệ thống chỉ huy điệp báo của “ban hai” và Thiên nga của ủy ban Phụng Hoàng.

Hơn 1.000 người đã bị ngộ độc, trong đó gần 1/3 là cán bộ, chiến sĩ ta.

Sau bước đầu lúng túng, ta đã tìm ra thủ phạm và lấy được thuốc độc (chất Asen - dẫn xuất chất thạch tín). Huyện ủy đã khẩn trương chỉ đạo cho các ngành và cơ quan chức năng triển khai ngay một số công việc như: Truy bắt hết thủ phạm, ngăn chặn hành động tội ác của chúng; Phát động quần chúng đề cao cảnh giác, rải truyền đơn tố cáo, lên án, gây thổi động trong hàng ngũ địch; Bộ phận Quân y tiếp tục cứu chữa và nghiên cứu cách chữa trị có kết quả tốt nhất, ổn định tinh thần quần chúng. Tổ chức khám bệnh rộng rãi và điều trị cho quần chúng; hướng dẫn phòng chống độc và điều trị, giải độc bằng thuốc Nam; Giải thích cho quần chúng rõ âm mưu, thủ đoạn của địch và khẳng định là ta có thể điều trị khỏi hoàn toàn...

Chỉ hơn một tháng sau, với sự nỗ lực của địa phương, có sự giúp đỡ của y sĩ, bác sĩ do Ban dân y tỉnh Long Châu Hà cử ra, ta đã giải độc được cho những người bị ngộ độc; đồng thời bắt được hầu hết bọn tội phạm, lột trần âm mưu thâm độc, dã man của địch; làm thất bại mưu đồ đen tối và cực kỳ độc ác của địch đối với phong trào kháng chiến của quần dân huyện đảo.

Đầu năm 1975, hòa cùng khí thế tổng tấn công của toàn miền Nam, quân dân Phú Quốc dồn sức ra phía trước tấn công địch quyết liệt, nhất là tập trung bao vây, diệt đồn... với tinh thần “ở đâu giải phóng đó”. Chỉ trong vòng trung tuần tháng 1 năm 1975, quân dân trên đảo đã loại khỏi vòng chiến đấu 110 tên địch, làm rã ngũ 23 tên khác, diệt 1 đồn bảo an, bức rút 5 đồn khác, bắn sập 1 lô cốt và 2 tua gác, bắn hư hỏng



*Biểu diễn văn nghệ
trong vùng giải phóng vào
địp Tết Nguyên đán*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

1 tàu khu trục, thu nhiều súng ống, đạn dược và nhiều quân trang, quân dụng. Thừa thắng xông lên, trong tháng 2 năm 1975, quân dân trên đảo đã liên tục vây ép, tấn công đồn Cửa Cạn và Hàm Ninh, phá kích vào hậu cứ tiểu đoàn bảo an 506 của địch. Đặc biệt đêm 10-02-1975, Đội Đặc công của huyện thọc sâu, đánh hiểm tập kích diệt trung đội cảnh sát dã chiến đóng ở Gành Đá Bà Huyện (Công ty Du lịch của huyện bây giờ). Riêng tại đồn Cửa Cạn, trước sức vây ép của ta, bọn trong đồn yêu cầu bọn bên trên cho rút chạy nhưng không được chấp nhận, lệnh phải giữ đồn và hứa sẽ tiếp viện, giải vây. Ta liên tiếp bẻ gãy các mũi phản kích của địch từ Dương Đông đưa lên giải tỏa đồn Cửa Cạn. Qua 12 ngày đêm bị vây chặt, địch chết trong đồn không có chỗ chôn, ngày càng nao núng. Sau đó, do một mũi chặn địch của ta có sơ hở nên địch đưa quân



*Quân và dân trong vùng
giải phóng trên đảo tổ chức
Lễ kỷ niệm lần thứ 20
hiệp định Giơ-ne-vơ (1974)*

Ảnh: TL

thọc vào. Ta tạm thời rút ra, sau đó quay lại tiếp tục tấn công, bao vây địch... Địch ở Phú Quốc bấy giờ rất hoang mang và càng bị tác động mạnh trước những tin tức về thất bại nhanh chóng ngày càng lớn của ngụy quân, ngụy quyền trong đất liền.

Cuối tháng 3 năm 1975, Đảng bộ, quân dân Phú Quốc khẩn trương chuẩn bị, dồn sức cho cao điểm tháng 4 năm 1975, thực hiện chủ trương của Huyện ủy: “Học tập, phát động từ trong Đảng, Đoàn, các đoàn thể quần chúng và quần chúng nhằm nhận rõ ý nghĩa và nhiệm vụ của mình, vươn hết sức mình đồng loạt nổi dậy”. Quân dân trên đảo đã thực hiện chủ trương này với ý chí tự lực tự cường, quyết tâm cao bất chấp điều kiện về vật chất còn rất hạn chế.

Lực lượng du kích các xã vừa nhanh chóng củng cố, bồi dưỡng nâng cao sức chiến đấu vừa luân phiên nhau bám trụ địa bàn, bắn tỉa, bắn sẻ không cho địch nống

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

ra... Lúc này lực lượng vũ trang cách mạng trên đảo vững vàng hơn lúc nào hết để tấn công vào thị trấn Dương Đông.

Ngày 31-03-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm: “giành thắng lợi ngay trong tháng 4 năm 1975”.

Trong tình hình “nước sôi, lửa bỏng”, “1 ngày bằng 20 năm”, Trung ương Đảng cũng rất quan tâm, lo lắng cho Phú Quốc. Chiều 28-04-1975, Quân ủy Trung ương có gửi một bức điện cho Khu ủy và Quân khu ủy Khu Tây Nam Bộ đề cập đến vấn đề giải phóng Phú Quốc: “Nếu anh em chưa đủ sức thì Khu ủy và Quân khu cần có kế hoạch để đánh chiếm Phú Quốc sau khi ta đã giải phóng được một số tỉnh quan trọng ở trong đất liền...”.

Trong vùng căn cứ, do không có phương tiện và thời gian để triệu tập đầy đủ Ban Chấp hành, một số đồng chí Huyện ủy viên dưới sự chủ trì của đồng chí Phạm Văn Minh (Hai Phi), Bí thư Huyện ủy, đã họp khẩn cấp, xác định quyết tâm tập trung toàn lực của Đảng bộ quyết đánh đổ ngụy quyền, giải phóng huyện đảo bằng chính sức mình, bằng lực lượng tại chỗ, không chần chừ, do dự... Đơn vị địa phương quân huyện lúc này được phân làm 3 cánh quân, cấp tốc hành quân theo 3 hướng, đổ về thị trấn Dương Đông.

Chỉ vài tiếng đồng hồ, các đơn vị của ta đã đến các mục tiêu quy định, chiếm lĩnh các cơ quan quan trọng của địch như: Đồn cảnh sát, Hội đồng xã Dương Đông, Ủy ban hành chính quận, Đài truyền thanh... Hàng ngàn đồng bào đứng dọc hai bên đường hoan hô chào đón các chiến sĩ cách mạng tiến vào thị trấn.

Đến 17 giờ ngày 30-04-1975, ta làm chủ hoàn toàn thị trấn Dương Đông, nơi đóng cơ quan đầu não của ngụy quyền Phú Quốc. Ngay trong đêm, với tinh thần cách mạng tiến công, ta đưa ngay một đơn vị vũ trang cùng một số cán bộ đi tiếp quản Hàm



*Trận đánh đồn ông
Lang (Cửa Dương)
6-1-1975*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



Địch tháo chạy, nhân dân tháo gỡ san bằng đồn bốt địch

Ảnh: TL

Ninh. Cũng trong đêm ta vận động nhân dân trong thị trấn huy động cả trăm máy may để may cờ, may được lá nào đem đi treo lá đó. Sáng ra, đường phố trong thị trấn Dương Đông rực rỡ màu cờ cách mạng.

Rạng sáng ngày 1-5-1975, huyện đưa quân xuống tiếp quản căn cứ hải quân vùng IV của địch ở Cây Dừa.

Phú Quốc được hoàn toàn giải phóng. Toàn bộ nguy quân nguy quyền trên đảo phải buông vũ khí, với gần 4.300 tên có cấp bậc từ đại tá trở xuống của 2 tiểu đoàn bảo an, đoàn 42 hải quân vùng IV chiến thuật, 1 đại đội công binh, 2 đại đội cảnh sát dã chiến, 9 trung đội nghĩa quân... cùng hàng trăm tấn vũ khí đạn dược, hàng ngàn tấn quân trang, quân dụng, gạo, xăng dầu... và nhiều loại phương tiện chiến tranh khác.

Như vậy là cả đảo, dù tách rời với đất liền, cũng đã tự mình tấn công và nổi dậy tự giải phóng cho mình rất sớm, ngay chiều ngày 30-04-1975, kịp thời hòa nhịp cùng toàn miền Nam, góp phần xứng đáng vào công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam; hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước một cách vẻ vang.

Trải qua hai cuộc kháng chiến, Phú Quốc có 342 gia đình liệt sĩ với 656 liệt sĩ, 176 thương binh. Quân dân Phú Quốc đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 10.000 tên địch, đánh tiêu diệt 5 trung đội và 2 đoàn bình định, đánh thiệt hại 1 tiểu đoàn, diệt và bức rút trên 30 lượt đồn bốt, bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 4 tàu, phá hủy 6 xe quân sự, thu trên 200 súng các loại... Đặc biệt quân và dân Phú Quốc đã hai lần gần như tay không lấy đồn giặc, hai lần diệt đầu sỏ địch tại sào huyệt của chúng, nhiều tên khác ở cấp trung ương của địch cũng nhiều phen chết hụt tại đất đảo này...

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với những thành tích xuất sắc, Phú Quốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho 4 địa phương và đơn vị:

NHỮNG DANH HIỆU CAO QUÝ ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG

Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

- Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Quốc (6-11-1978).
- Dân quân du kích xã Dương Tơ (6-11-1978).
- Đội Trinh sát vũ trang Công an huyện (13-08-1980).
- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cửa Dương (20-12-1994).

Huân chương, Huy chương:

- 02 Huân chương Thành đồng Tổ quốc.
- 04 Huân chương Chiến công Giải phóng.
- Hàng ngàn Huân chương, Huy chương các loại cho tập thể, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong huyện.

Đã có 9 người mẹ được tuyên dương danh hiệu **Bà mẹ Việt Nam Anh hùng**, đó là các bà mẹ: Lê Thị Ba; Trần Thị Bông; Lê Thị Đính; Trần Thị Huệ; Huỳnh Thị Mới; Lê Thị Nen; Lê Thị Nuôi; Lê Thị Ó; Phạm Thị Suối.

(Theo “Phú Quốc - những chặng đường cách mạng vẻ vang”)

NGƯỜI ANH HÙNG NGUYỄN TRUNG TRỰC TRÊN ĐẤT ĐẢO PHÚ QUỐC

“BAO GIỜ NGƯỜI TÂY NHỎ HẾT CỎ NƯỚC NAM,
MỚI HẾT NGƯỜI NAM ĐÁNH TÂY”

Nói tới truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Kiên Giang nói chung, nhân dân Phú Quốc nói riêng, không thể không nhớ tới người anh hùng Nguyễn Trung Trực với hào khí bất khuất của ông và nghĩa quân trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược những năm cuối thế kỷ XIX.

Ngay sau khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp xâm chiếm, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống lại sự đô hộ của bọn thực dân. Tiêu biểu là các cuộc nổi dậy do các trí thức, quan lại hay võ biên khởi xướng, đã chứng tỏ nhân dân ta không cam tâm làm nô lệ cho quân xâm lược. Điển hình nhất trong các phong trào yêu nước ở Nam Kỳ trong giai đoạn này là cuộc khởi nghĩa của Trương Công Định và sau đó là của Nguyễn Trung Trực.

Từ năm 1861, Nguyễn Trung Trực đã tập hợp nghĩa quân để kháng Pháp. Lúc đầu là ở Vũng Gù (tức tỉnh lỵ Tân An sau này). Sau đó, ông và nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động tới Hà Tiên, rồi về Rạch Giá. Sau chiến công vang dội đốt tàu *Espérance* của Pháp ở Nhật Tảo và nhiều chiến công khác ở Long An, Nguyễn Trung Trực được triều



Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực



*Cửa Cạn - xưa kia từng
là căn cứ của nghĩa
quân Nguyễn Trung Trực*

Ảnh: TL

đình phong chức Quản Cơ và giao nhiệm vụ Thành thủ úy của tỉnh Hà Tiên. Sau đó thực dân Pháp chiếm đóng 3 tỉnh miền Tây. Do không cam tâm làm việc dưới sự thống trị của thực dân Pháp nên ông đã trở về Hòn Chông chuẩn bị kháng chiến chống Pháp. Cũng từ đó, tiếng tăm của Nguyễn Trung Trực ngày càng sâu rộng trong nhân dân và số người đi theo nghĩa quân ngày càng nhiều. Ở đâu, ông và nghĩa quân cũng được nhân dân giúp đỡ, hỗ trợ...

Rạng sáng ngày 16/6/1868, Nguyễn Trung Trực bất ngờ cho quân tấn công đồn Kiên Giang, giết chết bọn giặc trong đồn và giữ đồn trong suốt 4 ngày. Nhưng do lực lượng quá chênh lệch nên chiều 21 tháng 6 năm 1868, giặc Pháp đã tái chiếm lại đồn. Nghĩa quân phải rút và phân tán – Một bộ phận rút về Hòn Chông, sau đó ra đảo Phú Quốc vào tháng 8/1868. Tại Phú Quốc, tuy số quân còn rất ít (chỉ khoảng 300 người), nhưng ông Nguyễn Trung Trực vẫn tiếp tục củng cố lực lượng và kiên quyết chiến đấu chống bọn thực dân Pháp.

Hiểu rõ những tác động sâu rộng của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, thực dân Pháp quyết truy nã đến cùng. Chúng cho Thông báo hạm Groeland do viên quan tư Bouchet Riviere chỉ huy đến Phú Quốc dò xét và ngày 19 tháng 9 năm 1868 hấn quay lại Hà Tiên đón tên đội Huỳnh Công Tấn cùng hàng trăm lính với trang bị đầy đủ vũ khí và đã được huấn luyện kỹ càng, ra bao vây, tấn công nghĩa quân ở Phú Quốc. Ở đây, lực lượng nghĩa quân tuy ít, vũ khí hết sức thô sơ, nhưng Nguyễn Trung Trực đã chỉ huy chiến đấu đến cùng. Ông đã dùng chiến thuật “làm ít hóa nhiều” bằng cách cho nghĩa quân đi vòng vào rừng rồi lại đi ra bờ biển và cứ như vậy, khiến địch tưởng nghĩa quân rất đông. Lúc đầu do lo ngại không đánh được số lượng nghĩa quân đông như vậy nên quân Pháp không dám đổ bộ lên đảo. Chúng cho bắn đạn vào bờ. Trên bờ, nghĩa quân cũng bắn trả lại... Về sau địch đã tấn công đổ bộ lên Hàm Ninh. Cuộc chiến đấu kéo dài. Càng về sau lực lượng nghĩa quân càng trở nên mỏng manh hơn do

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

vũ khí ít và thương vong tăng lên. Khi quân giặc đổ bộ lên đảo, đã diễn ra hai trận đánh vô cùng ác liệt trên đảo giữa nghĩa quân Nguyễn Trung Trực với giặc Pháp. Sau cùng vì thế đã yếu, bọn thực dân lại hèn hạ tàn sát nhân dân trên đảo nên buộc nghĩa quân phải hạ vũ khí. Nguyễn Trung Trực, vì muốn cứu dân chúng khỏi nhanh vuốt của giặc và cứu mẹ của mình đang nằm trong tay giặc nên đã chịu để giặc bắt.

Tuy vậy, khí tiết của ông, lòng căm thù giặc của ông thì vẫn không một chút đổi thay, thậm chí còn được thể hiện rõ nét hơn. Hết dụ dỗ, lại tra tấn... giặc không thể khuất phục được Nguyễn Trung Trực. Ngày 22 tháng 10 năm 1868, giặc Pháp đã giết hại ông tại Rạch Giá. Trước khi hy sinh, Nguyễn Trung Trực còn khảng khái với câu nói bất hủ: “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”.

Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực tuy bị thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó thì rất lớn, có tác dụng động viên nhân dân đứng lên chống lại kẻ thù xâm lược. Ý chí bất khuất của người anh hùng Nguyễn Trung Trực còn sống mãi trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc ta nói chung và của nhân dân Kiên Giang – Phú Quốc nói riêng.

Phú Quốc - nơi biển đảo xa xôi, nơi đâu sóng ngọn gió, từ 140 năm về trước đã chứng kiến cuộc chiến đấu không cân sức mà vô cùng ngoan cường, dũng cảm của đội quân nhỏ bé do Nguyễn Trung Trực chỉ huy: Ý chí ấy nằm trong truyền thống quật cường của nhân dân Kiên Giang - Phú Quốc; Là niềm tự hào, là dấu ấn lịch sử vẻ vang của Phú Quốc hôm nay và mãi về sau.

ANH HÙNG NGUYỄN TRUNG TRỰC TRONG LÒNG NGƯỜI DÂN KIÊN GIANG - PHÚ QUỐC

Nhân dân đã dành cho Nguyễn Trung Trực nhiều huyền thoại, còn các thi nhân thì dựng cho ông những đài kỷ niệm thật xứng đáng. Nhưng có lẽ xúc động mãnh liệt nhất trước người anh hùng là hai nhà thơ yêu nước ở Nam Bộ: Huỳnh Mẫn Đạt và Trương Gia Mô. Trương Gia Mô đã thật sự khâm phục người anh hùng qua bài thơ trường thiên tứ tự:

*Sợ thay người dân chài ấy
Hùng thay bậc quốc sĩ này
Đốt thuyền trên vàm Nhứt Tảo
San bằng đồn lũy Kiên Giang
Căm thù giết quân xâm lược
Liều mình vì nước cũng cam
Ngàn năm khói hương nghi ngút
Ngời ngời lòng nghĩa trung cương.*

Trương Gia Mô đã gọi người anh hùng là “ngư nhân” (dân chài) và đã dùng từ đẹp nhất là “quốc sĩ” để biểu dương khí phách hào hùng và tinh thần bất tử của Nguyễn Trung Trực. Thông thường khi dùng chữ “Quốc sĩ” là người ta thường nghĩ đến bậc tài trí phi thường nổi danh thiên hạ như Hàn Tín, Trương Lương, Kinh Kha, Phạm Lãi... Máy ai, hầu như chưa có ai, đem anh dân chài sánh với bậc quốc sĩ. Vậy mà ở đây lại có sự so sánh ấy. Đó chính là nét đặc biệt mà bài thơ dành cho người anh hùng.

Khi gọi Nguyễn Trung Trực là “quốc sĩ”, nhà thơ Trương Gia Mô hẳn đã coi đây là trường hợp ngoại lệ, rất đặc biệt, rất hạn hữu chứ không thấy rằng những quốc sĩ như thế ở đất nước này đâu phải chuyện hiếm.

Còn nhà thơ yêu nước tài hoa Huỳnh Mẫn Đạt lại viết về Nguyễn Trung Trực với hai câu thơ bất hủ:

*Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khốc quỷ thần⁽¹⁾.*

Hai câu thơ tuyệt mỹ! Người Việt ta dù học ít hay nhiều đều có thể hiểu “thiên địa”, “quỷ khốc thần sâu”, “hỏa hồng” với “kiếm bạt”. Nhất là Nhựt Tảo, Kiên Giang với những địa danh này hầu như nằm trong lòng nhân dân cả nước, không chỉ tồn tại với khái niệm địa lý mà là mãi mãi song hành cùng dân tộc. Ngọn lửa Nhựt Tảo tiếp tục cháy sáng ở Điện Biên Phủ, ở chiến dịch Hồ Chí Minh, ngọn lửa hồng cháy lên từ những bếp lửa thời Hùng Vương, từ miệng lửa ngựa sắt Thánh Gióng, cháy suốt trường kỳ lịch sử đấu tranh của dân tộc, kể cả những lúc tối tăm và bi thương nhất, ngọn lửa truyền thống đó chưa bao giờ nguội tắt.

(Theo sách “Anh hùng Nguyễn Trung Trực”)



Tượng đài Nguyễn Trung Trực

(1) Có tài liệu dịch là “khấp quỷ thần”, song trong văn cảnh này, hiểu đúng hơn là khốc quỷ thần chứ không phải là khấp. Vì khốc là khốc to, khấp là khốc không có tiếng.

DI TÍCH LỊCH SỬ TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

D*i tích lịch sử trại giam Phú Quốc* là một chứng tích điển hình về tội ác của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong hai cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với dân tộc ta. Đó còn là một “chiến trường không ranh giới” mà người chiến sĩ cách mạng không có vũ khí, cũng không một tấc sắt, một cây gậy trong tay, hàng ngày hàng giờ phải trực tiếp đối mặt, trực tiếp đương đầu và chiến đấu vô cùng ác liệt với kẻ thù tàn bạo; giữa sự sống và cái chết chỉ là gang tấc. Ở nhà tù Phú Quốc, địch đã giam cầm hàng vạn chiến sĩ ta; lúc cao nhất lên tới 4 vạn người, trong đó hơn 4000 đồng chí đã bị địch giết hại và thủ tiêu mà cho đến nay, nhiều hài cốt vẫn chưa tìm được. Nỗi đau và lòng căm thù thật khó nguôi ngoai!

Những chiến tích ở *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* cho dù mới chỉ thể hiện được một phần rất nhỏ hiện thực đã từng diễn ra ở đây suốt gần 2 chục năm trời kẻ thù gieo rắc, nhưng cũng đã khiến lòng ta xúc động vô cùng. “Chúng là một lũ “mặt người dạ thú”. “Sao chúng nó độc ác quá”... Với kẻ thù, ai cũng cùng một lời thốt lên như vậy! Còn điều này nữa đặc biệt hơn: Không ai là không cảm nhận được những nỗi đau đớn tột cùng cả về thể xác và tinh thần của các chiến sĩ ta trong những năm tháng bị địch giam cầm, hành hạ, tra tấn. Và cũng không ai là không khâm phục ý chí kiên cường, bất khuất, sự hy sinh chịu đựng lớn lao của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù. Họ chiến đấu vì nhân dân, vì độc lập tự do của dân tộc. Họ bị địch bắt và giam cầm nơi “địa ngục” cũng từ cuộc chiến đấu quyết liệt ấy. Lý tưởng cao đẹp – Vì Tổ quốc, vì nhân dân - đã giúp họ đương đầu và vượt qua mọi thử thách cam go, vượt qua những ngón đòn tàn bạo nhất của kẻ thù. Quả thật, nếu không có một ý chí ngoan cường, một

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

quyết tâm sắt đá với một lý tưởng chiến đấu và niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi thì không thể chịu đựng nổi cái khốc liệt ấy trong nhà tù Phú Quốc.

Thật kỳ diệu thay, bất chấp sự độc ác đến ghê tởm của giặc, các chiến sĩ cách mạng trong tù đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản và chính trường học ấy đã đào tạo cho đất nước, cho dân tộc bao người con ưu tú. Sau khi ra tù các đồng chí ấy đã có những cống hiến rất xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần vào chiến công chung.

Nói đến *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* cũng là nói tới một vũng đen đậm màu tang tóc mà thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã dựng nên trong thời kỳ chúng còn xâm chiếm nước ta. Ngay từ giữa năm 1953, lợi dụng một số nhà cửa có sẵn của trại tân binh quân Quốc dân Đảng Trung Hoa sau khi chúng rút đi, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng, củng cố và lập một trại giam tù binh trên một diện tích rộng gần 40hecta gồm 4 khu A-B-C-D, gọi là “Cảng cây Dừa”. Tại đây, địch giam giữ những người yêu nước bị chúng bắt với tổng số khoảng 14.000 người. Hàng trăm người đã bị giặc giết hại chỉ trong hơn một năm đầu này.

Sau đó, từ cuối năm 1955, nằm trong mưu đồ xâm lược của đế quốc Mỹ, Nguyễn quyền Sài Gòn lại “nâng cấp” Cảng Cây Dừa cũ thành một trại giam lớn hơn; Chúng đặt tên lúc đầu là “Trại huấn chính Cây Dừa”. Không lâu sau, tháng 1/1956, chúng đã đưa 598 người tù từ trong đất liền ra giam ở đây... Cho tới năm 1956, Mỹ – Nguyễn lại mở rộng trại giam ở Phú Quốc với việc xây dựng một trại giam ở thung lũng An Thới cách “Trại huấn chính Cây Dừa” cũ 2km, có diện tích rộng tới hơn 400 ha; bao gồm 12 khu, mỗi khu lại có 4 phân khu A-B-C-D với trên 400 nhà giam. Lúc này, tên gọi của nhà tù là “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam – Phú Quốc”. Từ năm 1967 – 1972,

Mỹ – Nguyễn đã đưa ra Phú Quốc tổng cộng khoảng 40.000 người, phần lớn số đó là cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân ta; có một số ít là cán bộ dân – chính đảng và một số khác là dân thường bị địch bắt vì cho là dính líu đến hoạt động yêu nước...

Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc, hơn ở đâu hết, là nơi tố cáo những tội ác man rợ của bọn thực dân, đế



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

quốc đối với con người: Chúng hành hạ, tra tấn tù binh bằng mọi cực hình từ kiểu “trung cổ” đến “hiện đại”. Công khai bắn giết tù binh, có lúc hàng trăm người bị chúng giết hại trong một vụ (như vụ đàn áp phân khu B8 ngày 6/5/1972). Người ta đã sơ bộ thống kê được hơn hai mươi hình thức tra tấn, hành hạ, đàn áp người tù, kể cả những hình thức ghê tởm thời trung cổ như: Ném người vào chảo nước sôi, nướng người, đóng đinh vào người, đục xương bánh chè, chôn sống... Âm mưu thâm độc của giặc không chỉ là giết hại người tù mà còn bằng mọi cách tiêu diệt cả ý chí lẫn tinh thần cách mạng của người tù. Chính vì thế mà chúng đã hành hạ, tra tấn người tù; tính chất dã man, tàn bạo của chúng không giấy mực nào tả hết.

Nhưng, chính trong sự ác liệt và một chế độ nhà tù tàn bạo bậc nhất ấy, các chiến sĩ cách mạng của chúng ta, những đảng viên trung kiên đã cùng nhau tìm mọi cách tập hợp lực lượng thành hạt nhân lãnh đạo và cổ vũ phong trào đấu tranh trong tù. Những cuộc đấu tranh gay go quyết liệt nhất như chống địch khủng bố, đàn áp đánh đập, tra tấn, giết hại tù binh; chống chiêu hồi, chống lập trại “Tân sinh hoạt”... liên tục xảy ra. Anh em còn dày công tổ chức các cuộc vượt ngục mà nổi tiếng là cuộc đào hầm 6 tháng để có một đêm vượt ngục của 42 người (23/12/1971). Có thể nói vượt ngục là một truyền thống của các tù nhân ở nhà giam Phú Quốc. Hàng trăm cuộc vượt trại đã được tổ chức. Thành công cũng nhiều mà tổn thất cũng có. Chỉ tính trong gần 5 năm kể từ ngày có trại giam tù binh Phú Quốc (6/1967 – 4/1972) đã có 31 cuộc tù binh tổ chức vượt ngục với tổng số trên 300 người. Trong đó, đã có 221 người về tới căn cứ cách mạng, số còn lại người thì bị bắt lại, người thì bị địch bắn chết, người thì chết trên đường đi...(Không kể thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng). Hầu hết anh em trở về được căn cứ đều tiếp tục tham gia nhiệm vụ chiến đấu và các công việc cách mạng khác trên đảo và trong đất liền, tiếp tục phát huy phẩm chất anh hùng của người chiến sĩ cách mạng đã được tôi luyện trong nhà tù của giặc.

Trại giam tù binh Phú Quốc là trại giam lớn nhất của Mỹ – Ngụy ở miền Nam. Xét về ý nghĩa đấu tranh và truyền thống yêu nước, trại giam có một tầm vóc lịch sử rất đáng trân trọng. Chính vì vậy, việc giữ gìn và xây dựng tại nơi đây một khu *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* là điều cần thiết nhằm làm cho các thế hệ sau hiểu rõ cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ vô cùng bất khuất, ngoan cường chống lại kẻ thù tàn bạo của các chiến sĩ cách mạng trong trại giam Phú Quốc; tô đậm thêm truyền thống của người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là cuộc đấu tranh quyết liệt, là một bộ phận gắn liền với lịch sử đấu tranh vẻ vang của quân đội ta, là một bộ phận không thể tách rời cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Những tài liệu, những hiện vật, những dụng cụ tra tấn, những diễn giải trong khu di tích quả thật chưa thể đầy đủ so với yêu cầu và thực tế đã xảy ra ở nhà tù trước đây. Song, chỉ mới thế thôi, cảm nhận về mức độ tàn bạo, dã man của địch và bản lĩnh ngoan

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

cường, dũng cảm, kiên trung của các chiến sĩ cách mạng đã dâng đầy trong lòng mỗi người khi có dịp tới đây. *Di tích nhà tù Phú Quốc* đã và sẽ là bản anh hùng ca về lòng yêu nước nồng nàn, về phẩm chất anh hùng, bất khuất của các thế hệ người tù ở đây “Dù hy sinh chứ không chịu đầu hàng” để thực hiện khát vọng chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Mặt khác, bề dày văn hóa, giá trị lịch sử từ Di tích trại giam Phú Quốc không phải đo bằng thời gian, năm tháng tồn tại mà chính là bằng xương máu, tính mạng và phẩm chất đạo đức của hàng vạn chiến sĩ cách mạng từng bị giam cầm nơi đây. Đó là một nguồn cảm hứng to lớn, là một di sản chung đáng tự hào, góp phần giáo dục truyền thống yêu quê hương, đất nước, yêu con người, yêu đồng loại cho các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

Khu di tích lịch sử trại giam Phú Quốc đã và sẽ bao gồm một hệ thống với nhiều bộ phận như hành chính, tiếp tân, dịch vụ tổng hợp, nhà trưng bày hiện vật và chứng tích, những khu trại giam... Đặc biệt là khu tưởng niệm những người con ưu tú đã hy sinh vì nền độc lập dân tộc. Ở đó, đến đó, ta như thể níu kéo thời gian để được trở lại ký ức, được “sờ tay” vào quá khứ đau thương và hào hùng; để cho niềm tin và lòng tự hào, ý thức trách nhiệm thấm vào tâm thức mỗi con người đang sống...

Với Phú Quốc, *Khu di tích nhà tù Phú Quốc* đã và mãi mãi là một điểm nhấn sâu đậm trên hòn đảo trù phú và anh hùng.

XUÂN LONG

TỪ “CĂNG CÂY DỪA” DƯỚI THỜI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC...

TRẠI GIAM “CĂNG CÂY DỪA” (1953 - 1954)

Trên một diện tích gần 40 héc ta ở Phú Quốc, tháng 7 năm 1953, thực dân Pháp đã lập một trại giam với tên gọi “Căng Cây dừa”, gồm có 4 khu giam theo thứ tự A, B, C, D. Số người bị giam tại đây khoảng 1.400 người, chủ yếu là tù binh.

Mặc dù thời gian tồn tại chưa đầy 2 năm, nhưng “Căng Cây dừa” không hề mất đi tính chất tàn bạo của một nhà tù thực dân, đế quốc hồi giữa thế kỷ XX. Hàng nghìn tù nhân không chỉ bị giam cầm, bị cùm kẹp, ăn đói nhịn khát mà còn bị đánh đập, tra tấn dã man. Do vậy, người tù luôn đấu tranh chống lại chúng, bất chấp hiểm nguy.

...Tháng 7 năm 1953, địch đưa chuyển tàu đầu tiên trên 300 người bị bắt giam ở các nhà tù Nam Bộ vào giam giữ ở trại A, một khu nhà đã có hàng rào dây kẽm gai bao quanh. Ở đó có những ngôi nhà gỗ cao rộng, lợp tranh, thiết kế theo kiểu Tàu.

Vào trung tuần tháng 8 năm 1953, địch chuyển chuyển tàu thứ hai, chở trên 700 người vừa là tù chính trị vừa là tù binh ở căng Đoạn Xá - Hải Phòng ra đảo.

Ngay từ những ngày đầu ấy, tổ chức Đảng đã được thành lập (tổ chức ngay từ trên các chuyến tàu) và lãnh đạo anh em tù đấu tranh với địch. Chi ủy đã cố gắng đưa anh em vào tổ chức để có thể điều hành mọi mặt trong đời sống tù binh; đồng thời lấy đơn vị tỉnh, thành là đơn vị để sắp xếp chỗ ăn ở và ghép thành từng gia đình để có sự đoàn kết, tương thân, tương ái, trợ giúp lẫn nhau; ngoài ra còn tổ chức các tổ chuyên: thợ mộc, nề, may, hớt tóc v.v...

Mặt khác, với tinh thần trách nhiệm của mình, chi ủy chuyển tàu ở căng Đoạn Xá vào tìm cách chấp mối liên lạc với các đồng chí ở Miền Nam để thống nhất sự chỉ đạo mọi mặt trong cuộc sống hàng ngày. Tổ chức cho anh em học tập văn hóa, chính

trị và võ thuật, rồi tổ chức những cuộc đấu tranh với địch như: đòi địch phải cung cấp đủ tiêu chuẩn gạo và thực phẩm cho tù binh, đình công không đi lao động khổ sai để phản đối địch vô cơ bản chết tù binh. Đã có lần anh em đấu tranh mạnh địch phải dùng máy bay tiếp tế thực phẩm cho tù binh.

Thời gian đầu việc bố phòng canh gác của địch còn sơ sài, lực lượng binh lính mới có một trung đội lính Maroc. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ trại lúc này là ai có điều kiện trốn được thì cứ trốn không chờ đợi tổ chức qui mô. Nhưng rồi càng về sau, địch liên tiếp chuyển hết chuyển tàu này đến chuyển tàu khác, đưa anh em tù binh ra đảo với số lượng quá đông. Tuy vậy, Chi bộ Đảng trong tù vẫn cho tiến hành đào hầm ở gian đầu nhà số 2 ở trại A qua hàng rào dây kẽm gai sang khu nhà trại B sau này. Khi đường hầm đào gần xong, do có sơ suất khi địch vào trại yêu cầu lấy thêm người đi lao động ngoài trại nửa chừng, không quản lý được, kẻ xấu trà trộn vào đi làm rồi báo cho bọn Pháp biết, ngay lúc đó anh em đã kịp thời cho lấp phá hầm, trước khi bọn Pháp vào khám xét. Rồi còn tổ chức nhiều vụ vượt ngục khác, có khi thành công, có vụ không thành công...

Sau những vụ việc này, địch tăng cường đàn áp tù binh.

Vào cuối tháng 9 năm 1953, địch san bớt 1.000 người ở trại A sang trại B cùng với các chuyển tàu chúng chuyển tiếp ở các trại trong đất liền tới, lúc này tuy có sự xáo trộn trong tổ chức cả về nội bộ Đảng và bộ máy chính quyền tự quản tù binh, nhưng anh em tù đã nhanh chóng ổn định tổ chức và tiến hành Đại hội Chi bộ, bầu cấp ủy thống nhất toàn Căng Cây Dừa. Đồng chí Nguyễn Đức Dụ làm Bí thư thay đồng chí Văn Tân. Khi đó đồng chí Văn Tân cùng đồng chí Phan Vinh (trong Chi ủy cũ), đồng chí Hưng và 3 người nữa được phân công cắt hàng rào dây kẽm gai dưới lòng mương, giáp ranh giữa trại A và B trốn ra thắng lợi, có trách nhiệm báo cáo tình hình mọi mặt với Trung ương Cục Miền Nam, Tỉnh ủy Long Châu Hà và Thường vụ huyện ủy Phú Quốc.

Tỉnh ủy Long Châu Hà đã phân công đồng chí Lê Phú Hữu là Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng ty công an ra đảo thành lập ban chỉ huy giải phóng tù chính trị và tù binh Căng Cây Dừa và tổ chức đường dây liên lạc giữa bên ngoài với tổ chức Đảng trong nhà tù. Tuy vậy, công tác chấp nối liên lạc với Đảng bộ nhà tù rất khó khăn, không thể gửi thư ngay ở thị trấn Dương Đông vào nhà tù được và cũng không thể nhận thư của Đảng bộ trong nhà tù gửi ra thị trấn Dương Đông, vì địch sẽ phát hiện được ngay.

Vào khoảng tháng 12 năm 1953 bọn Pháp bàn giao Căng Cây Dừa cho bọn lính ngục cai quản toàn bộ. Lúc đầu bọn ngục còn ve vãn dụ dỗ, nhưng không được, bọn chúng bèn lật đổ chính quyền tự quản của tù binh, chúng đưa tay chân của chúng lên nắm quyền, và bắt hàng trăm cán bộ đảng viên của ta, đưa giam vào trại biệt lập và tra tấn cực kỳ dã man để khai thác cơ sở Đảng trong nhà tù này. Thất vọng không khai thác được gì và bọn tay chân chúng nắm quyền lại không lãnh đạo được tù binh, nên địch đành phải xoa dịu và trả lại chính quyền tự quản của anh em tù binh như trước.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Từ đó, cơ sở ở trong tù lại tiếp tục được củng cố và giữ vững vai trò lãnh đạo toàn bộ cho đến ngày toàn thắng.

Theo thống kê sơ bộ, tổng số anh em tổ chức vượt ra nhiều đợt cho đến ngày có lệnh đình chiến là: 327 anh em, trong số này có nhiều cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện đại đội, tiểu đoàn, trung đội, tiểu đội v.v... Số anh em vượt ra có trên hai tiểu đội nhập vào bộ đội huyện Phú Quốc, một số tham gia vào Ban, Ngành xung quanh huyện, một số làm công tác ở Ban chỉ huy, một ít anh em làm giáo viên cấp I ở các xã, và số đông được đưa về đất liền, rồi tiếp tục vào bộ đội, và làm công tác ở các ngành, Ban giúp bạn Campuchia và về tỉnh, cũng có đồng chí về công tác ở tổ chức Trung ương Cục.

Cách vượt ngục của các chiến sĩ ta cũng rất đa dạng, thể hiện lòng dũng cảm, sự mưu trí và đặc biệt là khát vọng được hoạt động, được tiếp tục chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Có thể kể một số vụ tiêu biểu:

- Vụ tổ chức đánh cướp súng của địch khi đi lao động ở bên ngoài trại giam diễn ra chiều 8/9/1953 - Đã có 54 người thoát ra, nhưng thực tế chỉ thoát được 51 người; thu 8 súng. (Trong số 3 người không thoát được, có 2 người bị hy sinh, 1 người bị địch bắt lại).

- Cuộc vượt rào đêm 17/9/1953, có 20 đồng chí thoát ra, nhưng 01 đồng chí bị hy sinh ngay tại hàng rào.

- Cuộc đánh úp bọn lính, cướp súng (khi đi lao động ở ngoài trại) diễn ra ngày 17/01/1954, đã thoát được 20 người. (Nhưng sau đó 4 người đã hy sinh trên đường tìm về căn cứ)...

Rất nhiều đồng chí sau khi vượt ngục thành công, đã ở lại Phú Quốc, cùng quân và dân trên đảo chiến đấu. Nhiều đồng chí đã nêu gương sáng về lòng dũng cảm, thà hy sinh chứ không chịu khuất phục trước kẻ thù.

Trước những thử thách đấu tranh một mất một còn với địch để bảo vệ lực lượng Cách mạng, lực lượng kháng chiến của ta đã liên tục đấu tranh kiên cường dũng cảm và liên tiếp giành thắng lợi cơ bản trong cuộc đấu tranh ở trận tuyến đặc biệt này. Ý chí ấy được thể hiện nổi bật ở mấy điểm:

Trước tiên là bằng mọi cách để xây dựng tổ chức Đảng ở nhà tù và luôn luôn phát huy vai trò lãnh đạo đấu tranh với địch trong mọi tình huống. Mặt khác, do nắm vững được tình hình và âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của địch, nên Chi bộ Đảng đã đề ra mục tiêu, phương hướng chính xác và các hình thức đấu tranh thích hợp, có lý, có lợi, có chừng mực và vận dụng uyển chuyển, linh hoạt phù hợp với những tình huống khác nhau.

Ngay từ tháng 6-1953, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Long Châu Hà và Huyện ủy UBKHC huyện Phú Quốc, tổ chức cách mạng trên đảo đã có kế hoạch chuẩn bị đón tiếp anh em tù ở Căng Cây Dừa vượt ra. Huyện ủy đặt vấn đề dựa vào dân, giáo dục nhân dân ý thức thương yêu những người tù vượt trại ra. Do đó, anh em tù vượt trại ra là được sự ủng hộ hết lòng của bà con, cô bác. Nhờ vậy mà nhân dân, đồng bào thương

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

quý anh em thực lòng như con em mình và anh em cũng coi đồng bào như cha mẹ, anh chị mình vậy.

Điều hết sức quý báu là, hàng ngũ cán bộ đảng viên trước khi bị địch bắt giam đã được Đảng, Bác Hồ kính yêu giáo dục và rèn luyện. Nên tại trận địa đặc biệt này, anh em tự đứng lên tập hợp lực lượng, biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất và đấu tranh quyết liệt, đầy gian khổ trong mọi tình huống. Và đội ngũ cán bộ đảng viên này, có tinh thần gương mẫu, có đức hy sinh, kể cả khi khó khăn nguy hiểm, cũng như khi thắng lợi và có quyết tâm cao tất cả cho sự nghiệp của cách mạng của Đảng và của nhân dân. Chính từ những đức tính đó mà đã có những hành động cụ thể trong nhà tù cũng như khi ra ngoài và đã góp phần giành nhiều thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng.

NGUYỄN VĂN

(Cựu tù binh Phú Quốc)

CĂNG CÂY DỪA Ý CHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

... Nhìn lại 14 tháng tồn tại căng Cây Dừa thời thực dân Pháp chiếm đóng (từ tháng 7 - 1953 đến hết tháng 8 - 1954) ta có thể khái quát mấy nét như sau:

1. Căng tù binh Cây Dừa “sinh sau đẻ muộn” nhất so với mọi nhà tù trên cõi Đông Dương, tính đến tháng 7-1954. Nó ra đời trong bối cảnh địch đang thua đau trên chiến trường chính và là một cuộc “chạy tù” vào tuyến sau của địch. Cùng với mục đích chạy tù, nó còn nhằm mục đích thực hiện âm mưu thâm độc là bắt lính để lấy người Việt đánh người Việt lâu dài.

2. Địa điểm căng tù ở Cực Nam Đảo Phú Quốc với địa thế ba bề là biển cả, thuận lợi cho việc phòng vệ của địch, còn về phía bắc gần với đất đảo, nhưng ngăn cách với dân bởi một hành lang không người ở, sâu gần chục cây số, có bốt Cây Cây án ngữ. Vì vậy rất khó cho việc chấp nối liên lạc trong - ngoài căng, và lao tù vượt ngục chỉ có một hướng tẩu thoát, nếu địch tập trung ngăn chặn thì tù nhân khó thoát.

3. Căng tù binh Cây Dừa trải qua hai kẻ cầm quyền: Bọn Pháp trực tiếp từ tháng 7 - 1953 đến tháng 11-1953, bọn ngụy thay thế từ tháng 12-1953 đến tháng 8-1954. Bọn Pháp thiên về canh giữ tù, tâm lý thất bại chi phối; bọn ngụy tích cực cả mặt giam giữ và mặt bắt lính, nuôi ý đồ theo Mỹ. Tuy ý đồ chúng khác nhau nhưng tội ác thì không thua kém nhau. Ngoài những hành động đánh đập, bắt làm khổ sai cực nhọc, bắn giết lẻ tẻ, tội ác của bọn Pháp bộc lộ tập trung trong tháng 9-1953 là bắt tù ăn gạo

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

mục và cá khô thối, không cung cấp rau quả hàng tháng trời, khiến bệnh dịch ỉa chảy, kiết lỵ, tê phù phát sinh lan tràn làm chết 3-4 chục người trong vòng một tháng. Còn tội ác của bọn nguy tập trung nhất trong chiến dịch “lật đổ, khủng bố và bắt lính” bằng tra tấn khủng bố ngày đêm suốt hai tháng liền từ trung tuần tháng 1 -1954 đến trung tuần tháng 3-1954. Tổng số người tù bị sát hại bởi hai kẻ thù này là hơn 100, thiết tưởng không phải là ít.

4. Số lượng tù binh ở đây tăng nhanh và liên tục. Đến tháng 4 năm 1954 là đỉnh điểm cao nhất, tổng số lên tới 14.000 người. Đồng nhất so với các nhà tù khác trên toàn Đông Dương thời ấy, và đông gấp 30 lần so với quân địch cai quản và bảo vệ ở đây.

5. Lực lượng tù binh vừa đông, vừa tương đối mạnh mẽ về chất; 60% là bộ đội và quân dân du kích, gần 30% là cán bộ chính trị, và nghiệp vụ các cấp, các ngành, chỉ có trên 10% là dân thường. Ở các nhà tù họ bị phân làm nhiều loại, nhưng ra đây họ đều là tù binh (PIM), ăn ở lẫn lộn trong 4 trại, theo cùng một chế độ. Bị đẩy ra đây là “cây số cuối cùng”, họ đứng trước một trong hai sự lựa chọn: Hoặc là quyết sống chết vượt lên để tồn tại và chiến thắng; hoặc là “nhắm mắt đưa chân” buông mình trôi theo số phận. Ngả đường thứ hai này sẽ dẫn đến cạm bẫy của địch, sa vào có thể trở thành phản bội Tổ quốc. Ý nguyện số đông là đi theo ngả thứ nhất. Nhưng đi ngả này thì rất gian khổ và nhất thiết phải có bộ tham mưu sáng suốt, vừng lên lãnh đạo thì mới thành công.

Có thể coi những nét trên đây là đặc điểm của Căng Cây Dừa thời chống Pháp. Nó có thể trở thành thuận lợi nếu chúng ta biết khai thác các khả năng trong đó; nhưng trái lại, nếu không biết phát huy thuận lợi đó, sẽ có thể phát sinh nhiều khó khăn, tổn thất do con thú dữ cùng đường điên cuồng phản ứng gây nên. Đảng bộ của tù binh Căng Cây Dừa đã giải quyết được bài toán đó, hoàn thành sứ mạng mà lịch sử trao cho trong hoàn cảnh không có sự chỉ đạo của cấp trên và sự chi viện từ ngoài căng. Tập thể tù binh Cây Dừa, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng nhà tù, đã dũng cảm đi theo ngả đường thứ nhất và giành thắng lợi vẻ vang, hòa nhịp với chiến công chung của dân tộc và quân đội.

Thắng lợi đó là gì?

1. Việc địch “chạy tù” là để tiếp tục thực hiện giam giữ những người kháng chiến bị chúng bắt, nhằm vô hiệu hóa một bộ phận không nhỏ lực lượng kháng chiến của ta đồng thời bảo toàn vốn liếng chính trị phòng khi phải hội đàm trao đổi tù binh. Nhưng Căng Cây Dừa thì hơn một vạn người vẫn ngày đêm học tập, rèn luyện để nâng cao mình. Họ không bị vô hiệu hóa, vẫn kiên cường, bất khuất, vẫn tỉnh táo trước mọi âm mưu, thủ đoạn của địch và đấu tranh chống lại, vẫn làm công tác địch vận để đánh địch từ phía sau... Gần 200 anh em tù vượt ngục thắng lợi đã lập tức tham gia cùng huyện

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đảo Phú Quốc và tỉnh Long Châu Hà, chiến đấu lập chiến công xuất sắc, phối hợp tốt với chiến trường chính. Hơn một vạn con người ở nhà tù này sau khi được trao trả về, lập tức tham gia công cuộc chống Mỹ cứu nước và xây dựng miền Bắc, chính là bằng chứng của thắng lợi của tù binh trong nhà tù Cây Dừa trước đó.

2. Mục đích thứ hai không kém quan trọng là địch muốn nhào nặn cả vạn con người tù ở đây thành những kẻ dễ sai bảo và cuối cùng sẽ cuốn hút vào hàng ngũ binh lính, làm tay sai cho chúng chống lại kháng chiến, chống lại nhân dân. Nhưng trải qua các thủ đoạn dụ dỗ không kết quả, địch huy động tổng lực đánh phá cơ sở và ép buộc được 500 người đi huấn luyện tân binh. Đến khi có Hiệp nghị Genève, quân chúng đã hưởng ứng sự chỉ đạo của Đảng bộ nhà tù, đấu tranh quyết liệt, đòi được gần 400 anh em trong số 500 người đó trở về với tù binh để được trao trả. Chỉ còn lại khoảng 100 người là bọn ác ôn, có tội với tù binh và có nợ máu với nhân dân, nay không muốn và cũng không dám quay về với nhân dân, cố tình bám gót giặc lần nữa. Thắng lợi này của Đảng bộ và tù binh Căng Cây Dừa rất có ý nghĩa: trong thời điểm địch thay thầy đổi chủ, anh em tù đã khua vang hồi chuông cảnh tỉnh cho tất cả những ai đã và đang rắp tâm bán nước và bán rẻ danh dự mình lần thứ hai.

14.000 người tù được trao trả, vẫn còn mạnh cả thể chất lẫn tâm hồn để bước vào mặt trận chống Mỹ cứu nước, điều đó không may do địch đối xử nhân đạo, mà chính là thành tích quan trọng của Đảng bộ và quân chúng tù binh Căng Cây Dừa tự lực tự cường đấu tranh bền bỉ, quyết liệt để xây dựng, chăm lo đời sống và bảo vệ lẫn nhau. Có được thành tích ấy là do mấy nguyên nhân sau đây:

1. Đảng bộ Trại tù binh Cây Dừa thời ấy vững mạnh, đủ năng lực và uy tín tập hợp quân chúng tù binh, có tầm nhìn và các chủ trương đúng đắn, hành động khôn ngoan, có tinh thần tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao.

2. Có đội ngũ cán bộ tuyệt đối trung thành với Đảng và nhân dân, tin tưởng sắt đá vào Bác Hồ, Trung ương và Chính phủ, hết lòng hết dạ phục vụ quân chúng tù binh, năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật cao.

3. Đảng bộ và quân chúng đoàn kết chặt chẽ, tin tưởng lẫn nhau, nhất hô bá ứng. Chính sách đại đoàn kết của Hồ Chủ tịch, của Đảng và Chính phủ được mọi người thấm nhuần và nghiêm chỉnh thực hiện.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp tạo nên thắng lợi của tù binh trong Căng Cây Dừa những năm 1953-1954, song song với các thắng lợi của quân dân ta ở bên ngoài, cũng là bài học quý giá của anh em trong tù. Các nguyên nhân đó hòa quyện và tác động lẫn nhau, phát huy sức mạnh tổng hợp mà làm nên chiến thắng, theo kịp với đà chiến thắng bên ngoài.

Trong thực tiễn nhà tù ngay cả ở nơi không gặp đồng chí quen biết, thì cứ xem

xét quân chúng xung quanh, ai là người sống có tư cách - trong hoàn cảnh nhà tù thiếu thốn, khổ cực nhưng không vì miếng ăn miếng uống, chỗ nằm... mà hạ phẩm giá con người, thì đó có thể là đối tượng để ta xem xét, thử thách, tiến tới bắt liên lạc. Không nên để ám ảnh một nỗi nghi ngờ, sợ bắt mỗi nhâm phải bọn xấu. Trong giai đoạn chiến tranh này, trong nhà tù của giặc, ít có kẻ tay sai địch dám hy sinh quyền lợi vật chất, giả danh Cách mạng, chịu khổ chịu cực để chiếm lòng tin của mọi người, hòng chui sâu, leo cao phá hoại tổ chức, phá hoại Đảng ở đây. Hơn nữa ở đây có hàng trăm hàng ngàn cán bộ, Đảng viên, bộ đội, công an và quân chúng giác ngộ, bọn xấu nếu có cũng không thể che giấu bộ mặt và hành vi của chúng. Cho nên có niềm tin ở đồng chí và quần chúng, thận trọng nhưng mạnh dạn, sáng suốt thì dù khó khăn, vẫn bắt mối liên lạc được với người tốt để đưa vào tổ chức. Đó là nói trường hợp đặc biệt khó khăn, chứ thực tế trong nhiều nhà tù, có nhiều cán bộ, Đảng viên đã quen biết nhau từ trước khi bị bắt, hoặc từ khi bị bắt, bị tù đã chứng kiến tinh thần, khí tiết của nhau qua các cuộc bị tra tấn, hỏi cung hay đấu tranh chống đàn áp khủng bố, thì việc điều tra bắt mối với nhau có nhiều thuận lợi. Thế nên đến thời điểm này hầu hết các nhà tù trên nước ta đều có cơ sở Đảng, các đoàn tù từ đất liền ra đảo đều có chi bộ Đảng bí mật lãnh đạo. Ra đảo, vấn đề còn lại là làm thế nào các chi bộ này bắt mối được với nhau cho đúng. Thực tế cũng không quá khó. Bởi đoàn tù nào đã có chi bộ thì tất yếu chi bộ đó phải tìm mọi cách đưa cho được một Đảng viên hoặc quần chúng tin cậy của chi bộ làm trưởng hoặc phó đại diện để công khai quản lý anh em và trực tiếp là đầu mối liên lạc với nhà cầm quyền, và chi bộ thông qua người đó mà đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn (song song với vai trò đầu tàu gương mẫu, tiên phong chiến đấu của các đảng viên trong Đoàn đó). Tập trung lên đảo rồi các chi bộ của các đoàn tù thường là ít có quan hệ quen biết sẵn, thì phải khai thác nhiều khả năng, tìm mọi cách để phát hiện ra đầu mối liên lạc, kể cả dựa vào đại diện, phó đại diện của đoàn hay của trại. Cơ sở để có thể tin tưởng nhau ở đây không phải là giấy giới thiệu, cũng chẳng có mặt hiệu, mã hiệu để liên lạc - mà là phải nhìn vào thực tế cái tập thể tù binh mới gặp gỡ ấy có đoàn kết thân ái, sống có kỷ luật, trật tự, vệ sinh không? Tư cách số đông cao thượng hay thấp hèn, là có thể đánh giá cái hạt nhân lãnh đạo nó là vàng hay thau để quyết định thái độ. Tổ chức Đảng trong Cánh Cây Dừa đã không phạm sai lầm về công tác này.

Đảng bộ Nhà tù Cây Dừa xây dựng lực lượng mạnh cả về Đảng, chính quyền tự quản và các tổ chức quần chúng công khai và bí mật nhằm với tới mọi mặt của đời sống tù binh; đồng thời không ngừng đấu tranh. Trong xây dựng thì coi trọng cả chính trị tư tưởng và tổ chức, nâng cao trình độ văn hóa, hiểu biết chính trị, nâng cao tinh thần đoàn kết tương trợ, xây dựng con người cho yêu cầu trước mắt và cho mai sau, tạo nên không khí lạc quan tin tưởng trong khắp các trại. Đấu tranh thì từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao tùy tính chất vụ việc, âm mưu và thái độ kẻ địch. Cả hai mặt xây dựng và đấu tranh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đều nhằm mục đích, yêu cầu thiết thực, mức độ thiết thực, hình thức, phương pháp thì uyển chuyển, không cứng nhắc, cốt đạt được kết quả thiết thực. Ra sức xây dựng lực lượng, chống địch đàn áp, khủng bố, chăm lo đời sống tù binh, kiên trì công tác địch vận, tích cực tranh thủ thời cơ vượt ngục. Đó là những nhiệm vụ Đảng bộ trong Căng lãnh đạo tù binh tiến hành đồng thời, không coi nhẹ mặt nào.

Nét đặc thù của Căng Cây Dừa là địch không đủ sức quản lý sâu vào các trại tù nên tuyên bố cho tù hưởng chế độ tự quản, địch chỉ nắm qua ban đại diện công khai với địch. Chính quyền tự quản của tù nhân Căng, vì thế rất mạnh, bộ máy đủ sức với tới mọi mặt trong sinh hoạt vật chất và tinh thần của tù binh, tiến hành các hoạt động trong trại một cách rất dân chủ, có hiệu lực và rất được quần chúng tù binh tin tưởng và tuân thủ.

Chính quyền ấy đã làm được chức năng công cụ của Đảng, nó thực sự là chính quyền của tù binh, do tù binh và vì tù binh. Nhưng cũng vì vậy mà đầu năm 1954 địch tập trung đánh phá tổ chức Đảng và tổ chức chính quyền tự quản trong trại; xoá chế độ đại diện, lập chế độ trại trưởng, cuộc giằng co kéo dài suốt hai tháng trời, nhưng cuối cùng trước sự chống trả quyết liệt của anh em tù, địch phải nhượng bộ, chấp nhận trở lại chế độ đại diện; tù binh lại phục hồi chính quyền tự quản của mình và nắm vững nó cho đến khi trao đổi tù binh (8-1954).

Đảng bộ trong tù ở Căng Cây Dừa ngày ấy tồn tại và phát triển được trong điều kiện không có sự chi viện trực tiếp từ bên ngoài, sự chỉ đạo cụ thể của cấp trên và độc lập chiến đấu, là nhờ sự tin tưởng và nắm chắc đường lối chính sách của Đảng - đặc biệt là thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ về tư tưởng đại đoàn kết - Cán bộ trong tổ chức Đảng gắn bó chặt chẽ với quần chúng. Đảng bộ trong tù rất tin quần chúng, nhận thức quần chúng là vĩ đại, quần chúng cũng rất tin tưởng và làm theo cán bộ, Đảng viên, Ban đại diện và tổ chức địa phương, gia đình của mình trong mỗi trại, sáng tạo nhiều hình thức hoạt động rất tốt, rất phong phú. Thật đáng tự hào có tới hơn 99% của hơn 1 vạn tù binh Cây Dừa đã đoàn kết chặt chẽ, không phân biệt Bắc - Trung - Nam, tôn giáo, dân tộc đã quy tụ trong một tổ chức cách mạng của Đảng... Nhờ vậy, mà tạo nên sức mạnh đấu tranh thắng lợi với kẻ thù, bảo vệ được khí tiết cách mạng và góp phần cùng quân dân cả nước chiến thắng kẻ xâm lược...

*Trích hồi ký của đồng chí NGUYỄN ĐỨC DỤ
Cựu tù binh Phú Quốc*

TRẠI HUẤN CHÍNH CÂY DỪA NHỮNG NĂM THÁNG ẤY

Tại giam Cây Dừa do thực dân Pháp lập ra ở ấp An Thới bắt đầu hoạt động từ tháng 7-1953 đến khi hiệp định Genève được ký kết; khi tù binh hai bên được trao trả, thì trại cũng chấm dứt hoạt động, khu vực trại giam trở thành một nơi hoang phế. Đến tháng 5-1955, ngụy quyền Sài Gòn cho dựng lên trên nền cũ của trại giam Cây Dừa một trại giam khác gọi là “Trại huấn chính Cây Dừa” để giam giữ những người chúng coi là “chính trị phạm Việt cộng” từ đất liền đưa ra.

Tại đây, Ngụy quyền Sài Gòn cho dựng lên những dãy nhà cột gỗ lợp bằng những tấm tôn cũ mới lẫn lộn, mỗi nhà có hai dãy sạp cho tù nhân ngủ. Lúc đầu nhà không có vách, đêm đêm gió lạnh thấu xương. Sau đó, anh chị em đấu tranh đòi che chắn lại nên địch cho dựng vách bằng tôn. Ngoài những dãy nhà cho tù nhân ở còn có một số nhà khác như nhà bếp, nhà để củi, nhà hớt tóc, nhà để bóng bàn...

Ngày 5-1-1956, ngụy quyền Sài Gòn đưa 598 anh chị em mà chúng gọi là “chính trị phạm Việt cộng” ra “Trại huấn chính Cây Dừa”. Đến khoảng quý IV năm 1956, địch đưa ra chuyển thứ hai, và cũng là chuyển chót, khoảng 600 anh chị em. Như vậy, Trại huấn chính Cây Dừa giam giữ trên 1.000 anh chị em, trong đó có khoảng 50 nữ.

Đây là một trại tạm giam mà nhà cửa sơ sài, được dựng lên một cách vội vã trong khuôn viên của trại giam cũ nhằm tận dụng lớp rào dây kẽm gai còn lại. Khi chuyển đầu tiên đến, trại giam còn ngổn ngang cây lá cỏ rác, người tù nhân phải tự dọn dẹp lấy chỗ ở. Tù nhân nam nữ ở nhà riêng nhưng trong cùng một khu giam.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Lúc đầu, địch cho nhà thầu nấu cơm cho tù nhân ăn. Cơm không đủ ăn lại nấu không ngon. Thức ăn chủ yếu là cá biển và phần nhiều là cá ươn làm cho nhiều người bị bệnh tiêu chảy. Rau củ lại càng hiếm hoi vì phải đưa từ Thị xã Rạch Giá ra.

Lúc đó, tên đại úy ngụy Vương Đăng Phong được bổ nhiệm làm trưởng chi khu quân sự Cây Dừa kiêm trại trưởng “Trại huấn chính Cây Dừa”. Địch lập ra các ban bộ trong đó có nhiều nhân viên của nha Thông tin và Nha Công an ở Sài Gòn được cử ra nhằm quản lý tù nhân và làm cái công việc gọi là “cải tạo tư tưởng những người thân cộng”. Địch tập trung lo giam giữ cho chặt, không để tù nhân trốn thoát.

Anh chị em tù nhân ở Phú Quốc lúc đó gồm nhiều thành phần, khá phức tạp. Có người là dân nhưng bị địch nghi ngờ bắt, khai thác rồi đưa vào đây. Có người trước kia có tham gia cách mạng nhưng đã nghỉ, có người vì tình hình căng thẳng nên cầu an co thủ. Tuy nhiên, nhiều anh chị em vẫn giữ vững tinh thần, kiên quyết đấu tranh với địch. Song, lúc ấy tình hình bên ngoài rất ngột ngạt, địch đang điên cuồng mở các chiến dịch chống cộng, chống lại việc thi hành hiệp định Genève nên đấu tranh trong trại giam cũng không dễ dàng gì, luôn phải được cân nhắc kỹ. Một số đảng viên tìm cách móc nối nhau và thành lập một chi bộ để lãnh đạo anh chị em tù nhân đấu tranh. Tình hình phức tạp nên việc tập hợp sinh hoạt Đảng cũng phải hết sức thận trọng. Chi bộ chỉ tập hợp chưa đầy 20 đồng chí, lúc đầu do đồng chí Mai Thanh (khi bị địch bắt là Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư thị xã Rạch Giá) làm Bí thư Chi bộ.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, dần dần anh chị em đấu tranh giành được nhiều thắng lợi như tự tổ chức nấu ăn, vừa đảm bảo vệ sinh, nấu ngon hơn, vừa không bị xén bớt ở khâu này, đòi cung cấp lương thực thực phẩm nhiều hơn, có chất lượng hơn, đòi được trồng rau để cải thiện đời sống đồng thời cũng để cải tạo địa hình, chuẩn bị cho những cuộc vượt ngục về sau; đòi thăm nuôi để liên lạc với gia đình, nắm một số tình hình bên ngoài, đòi cung cấp thuốc men để trị bệnh, đòi cho học văn hóa, tổ chức văn nghệ vui chơi, cho mỗi tuần tắm biển vài ba lần.

Anh em nhiều lần tìm cách trở về với cách mạng, lúc đi lẻ tẻ vài người, khi đi tập thể, nhưng chỉ có cuộc vượt ngục đêm 3-9-1956 là do chi bộ tổ chức và tất cả đều về đến căn cứ an toàn. Lần đó, sau khi điều tra nghiên cứu kỹ tình hình canh gác, bố phòng của địch và nắm điều kiện địa hình địa vật, chi bộ quyết định tổ chức một cuộc vượt ngục chừng 15 đồng chí. Chi bộ tổ chức buổi diễn văn nghệ đêm 3-9-1956 vừa để kỷ niệm ngày quốc khánh vừa tập hợp lính ngụy vào một nơi, làm cho chúng lơ đãng trong canh gác. Sân khấu ngoài trời, gần với khu gia binh để cho vợ con lính ngụy vào xem, đồng thời cũng xa nơi anh chị em ra đi. Chi bộ chuẩn bị lương khô, thuốc trị bệnh và cử 15 người vượt ngục trong đó có đồng chí Mai Thanh, đồng chí Phạm Văn Khỏe, em ruột đồng chí Phạm Hùng và mấy người thông thạo việc cắt dây kẽm gai. Trước đây đồng chí Phạm Văn Khỏe đã vượt ngục một lần về đến Rạch Giá thì bị bắt lại.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Đến 21 giờ đêm 3-9-1956, trong lúc đội văn nghệ đang biểu diễn rầm rộ ở đầu ngoài, trong này anh em bí mật ra đi. Nhưng không hiểu vì lý do gì, một số đồng chí được cử đi lại không đi, trong lúc đó một số người khác không nằm trong dự kiến nhưng biết anh em vượt ngục nên chạy theo. Tất cả 11 đồng chí ra đi an toàn và 3 ngày sau gặp được đồng chí Lâm Kiên Trì, lúc đó là Bí thư Huyện ủy Phú Quốc. Đồng chí Mai Thanh cùng với đồng chí Lâm Kiên Trì về đất liền bắt liên lạc với Tỉnh ủy. Các đồng chí khác được phân công ở lại tăng cường cho lực lượng cách mạng ở Phú Quốc.

Tháng 3-1957, địch cho một chiếc tàu đến xúc toàn bộ anh chị em, một phần đưa ra Côn Đảo, một phần đưa về đất liền, “Trại huấn chính Cây Dừa” chấm dứt hoạt động từ đây.

MAI THANH

(Cựu tù chính trị Phú Quốc)

ĐẾN TRẠI GIAM TÙ BINH CÔNG SẢN VIỆT NAM - PHÚ QUỐC

MỘT TRẠI GIAM KHỔNG LỒ VÀ TÀN BẠO

Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ chọn Phú Quốc để lập trại giam tù binh, tập trung giam giữ số lượng lớn nhất những người cầm súng chiến đấu bị chúng bắt được, là vì Phú Quốc nằm giữa biển, cách biệt với đất liền, xa nhân dân, xa cách mạng, chúng nghĩ rằng có thể hạn chế được những cuộc đấu tranh của tù binh, dễ canh giữ, dễ đàn áp hơn ở đất liền, dễ bùng phát dư luận, tránh được những cuộc tấn công để giải thoát tù binh và hạn chế được những cuộc vượt ngục.

Từ giữa năm 1955, ngục quyền Sài Gòn sửa sang lại khu nhà đã đổ nát của Trại giam Cây Dừa của Pháp để lập ra Trại chính huấn Cây Dừa và thời gian đầu chúng giam giữ ở đây gần 1.000 tù chính trị cả nam lẫn nữ. Đến năm 1957, một số tù chính trị nói trên bị đưa ra Côn Đảo, một số về đất liền. Trại chính huấn Cây Dừa chấm dứt hoạt động.

Khoảng cuối năm 1966 đầu năm 1967, Mỹ - ngụy cho xây dựng “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam - Phú Quốc” tại thung lũng An Thới trên một diện tích rộng khoảng 400ha, với chiều dài khoảng 5km dọc con lộ 46.

Toàn trại giam tù binh Phú Quốc có 12 khu, mang tên từ khu 1 đến khu 12. Mỗi khu có 4 phân lô, gọi là A, B, C, D và kèm theo thứ tự của khu, ví dụ A1, B1, C1, D1 hay A3, B3, C3, D3... Riêng hai khu 1 và 2 chỉ có hai phân khu nhưng là phân khu đôi, số phòng giam bằng hai phân khu khác.

Mỗi phân khu có 9 phòng cho tù binh ở, chia thành 3 dãy, đánh số từ phòng 1

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đến phòng số 9, phòng cách phòng và dãy cách dãy khoảng 5m. Trong những khu bình thường giữa các phòng không có hàng rào, nhưng trong một số phân khu chúng cho là đặc biệt như phân khu B2, phân khu biệt lập C8, giữa các phòng có hàng rào dây kẽm gai và bùng nhùng ngăn cách, chỉ chừa lối đi rộng khoảng 0,8 mét.

Mỗi phân khu, ngoài 9 phòng dành cho tù binh ở, còn có hai phòng nằm ngang, song song phía trước, trong đó một phòng nằm gần dãy tù binh ở dành để khi cần, gọi tù binh đến thẩm vấn, phạt vạ hoặc làm biệt giam trong phân khu, và khi trong phân khu lập được đội trật tự thì để cho bọn này ở. Phòng kia dùng làm nhà bếp cho tù binh tự nấu cơm ăn. Giữa hai nhà ngang nói trên, dịch cho xây một hồ bằng xi măng để chứa nước ăn do xe bồn chở đến.

Tất cả 11 phòng kể trên đều làm bằng vì kèo sắt, nóc tôn, vách tôn, mỗi phòng bề ngang 5 mét, dài 20 mét, hai đầu chừa hai lối ra vào bề ngang khoảng 0,8 mét và mỗi bên vách tôn có 4 cửa sổ, dưới vách tôn có khoảng trống chừng 3 tấc có rào dây kẽm gai.

Ngoài ra, phía sau các dãy nhà ở của tù binh còn có hai nhà nhỏ kích thích 5m x 10m cũng bằng vì kèo sắt lợp tôn dùng làm cầu tiêu và nhà tắm. Mỗi nhà cầu có hai bệ xi măng, mỗi bệ có 4 chỗ để tiêu, hoàn toàn không che chắn, phía dưới mỗi lô tiêu đặt nửa chiếc thùng phuy để đựng phân. Mỗi sáng hoặc chiều, quân cảnh áp giải tù binh khiêng đi đổ ở bên ngoài. Nhà cầu cũng là nơi tù binh khiêng nước từ các giếng đến tắm. Đối diện nhà bếp và nhà trống là sân điếm danh.

Lúc đầu chỉ có hai phòng ngang ở phía trên có tráng nền bằng xi măng, còn tất cả các phòng ở của tù binh đều nền đất. Nhưng vì phong trào đào hầm nổi lên ở tất cả các phân khu, mà miệng hầm đều mở ở trong phòng - không thể mở ở bên ngoài vì trống trải, quân cảnh dễ phát hiện, nên sau này dịch cho tráng xi măng phần lớn các nền nhà ở của tù binh để chống việc đào hầm.

Mỗi phân khu có một cửa lớn để ra - vào (thường dành cho xe chở nước) và một cửa nhỏ cho người đi. Bên cạnh cửa ra vào là phòng làm việc của giám thị phân khu, có nơi đặt ở giữa hai hàng rào kẽm gai, có nơi đặt hẩn bên ngoài, cạnh đường xe chạy. Nhà làm việc của giám thị phân khu hoặc nhà trực ở cổng ra vào là nơi để muối ăn, dao làm bếp, búa bửa củi, cuốc xẻng... Mỗi chiều khi nấu xong cơm nước đều phải mang ra để đấy. Giám thị không cho để những thứ ấy trong phân khu vì sợ nó sẽ trở thành vũ khí lợi hại chống lại chúng.

Các phân khu đều được bố trí giống nhau, phân khu A nằm dính liền với phân khu B, phân khu C nằm dính liền với phân khu D, chỉ cách nhau bằng những hàng rào dây kẽm, dịch thường gọi là liên phân khu A + B, liên phân khu C + D. Phân khu B và phân khu C cách nhau một khu đất trống khoảng 100 mét.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Xung quanh mỗi phân khu có nhiều lớp hàng rào dây kẽm gai được đan cột dày đặc. Giữa các lớp kẽm gai là ba lớp bùng nhùng, hai lớp nằm dưới đất, một lớp nằm chồng lên. Bên trong và bên ngoài các hàng rào dây kẽm gai lại có hai hoặc ba lớp bùng nhùng nữa. Giữa các lớp rào có hệ thống trái sáng, gài không kín đáo lắm do những nơi này luôn được làm cỏ sạch sẽ. Chung quanh phân khu, bên trên các lớp rào, có đèn điện chiếu sáng từ 18 giờ hôm trước đến 6 giờ hôm sau. Giữa các lớp kẽm gai và bùng nhùng có đường đi thông suốt chung quanh để đi kiểm tra, làm cỏ và ban đêm thường thả chó becgiê hoặc ngỗng đi tuần. Nhưng về sau, thấy chó becgiê và ngỗng không có tác dụng, nên chúng không thả cho đi tuần nữa.

Tù binh không được đứng sát lớp bùng nhùng bên trong mà chúng gọi là rào giới hạn, nếu không chấp nhận sẽ bị nổ súng và đã có trường hợp một tù binh bị bắn chết vì đứng gần lớp bùng nhùng nói trên vào



buổi sáng sớm. Như vậy, toàn bộ trại giam là những nhà tôn và dây kẽm gai chứ không có vách tường hoặc cây cối gì.

Đọc theo con lộ 46, nếu tính từ ngã ba An Thới lên Cầu Sáu, các khu giam và các đơn vị cai quản trại giam được bố trí như sau:

Bên phải có đội công binh, qua dốc miếu Cô Sáu, trụ sở tiểu đoàn 14 quân cảnh, trung đội quân khuyến, Bộ chỉ huy trại giam, khu tù binh người Thượng, đường rẽ vào trại giam quân kỹ và bãi Khem, khu 2, trụ sở tiểu đoàn 8 quân cảnh, nhà thờ, đường vào nghĩa địa tù binh ở đồi 100, khu 5, khu 7, trụ sở tiểu đoàn 9 quân cảnh, khu 10 và bên trong khu 5 là hai khu 11, 12.

Bên trái có khu thăm nuôi (đối diện trụ sở tiểu đoàn 14 quân cảnh), khu 1, bệnh viện, trụ sở tiểu đoàn 7 quân cảnh, khu 3, khu 4, khu 6, đường rẽ vào đồi 37 lên đài kiểm báo và rẽ phải đi Dương Đông, khu 8 và khu 9.

Trại giam tù binh Phú Quốc đi vào hoạt động ngày 6-7-1967 và chấm dứt sau khi Hiệp định Pari được ký kết (1-1973).

HỆ THỐNG CÀI QUẢN TÙ BINH TẠI TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

Điều khiển Trại giam tù binh Phú Quốc là một Bộ chỉ huy, lúc đầu do một thiếu tá quân cảnh làm Chỉ huy trưởng. Về sau, tù binh và quân cảnh ngày càng đông nên Chỉ huy trưởng trại giam là một sĩ quan quân cảnh cấp bậc cao hơn, trung tá hoặc đại tá. Từ đầu đến khi trại giam chấm dứt hoạt động, có các tên được cử làm chỉ huy trưởng trại giam như sau: thiếu tá Đoàn Đức Hải, trung tá Nguyễn Hữu Phước, trung tá Phan Ngọc Thủy, đại tá Trần Vĩnh Đắc và trung tá Bùi Bằng Dục.

Bên cạnh Bộ chỉ huy trại giam, có Ban cố vấn Mỹ do một sĩ quan cấp trung tá phụ trách. Mọi chủ trương đều phải hỏi ý kiến Ban cố vấn, mọi báo cáo lên cấp trên đều phải gửi Ban cố vấn một bản. Hệ thống cố vấn Mỹ được tổ chức từ Bộ chỉ huy trại giam đến từng tiểu đoàn và khu giam.

Dưới Bộ chỉ huy trại giam có các ban chuyên môn, các tiểu đoàn quân cảnh và sau này có thành lập thêm Ban chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh.

Các ban chuyên môn gồm: Ban Giám thị; Ban An ninh; Ban Điều hành; Ban Truyền tin; Ban Tiếp liệu; Ban Quản trị nhân viên; Văn phòng.

Ban Giám thị có một tên Tổng giám thị, sĩ quan cấp trung úy hay đại úy đứng đầu và một số nhân viên. Ban có một hệ thống chân rết xuống đến các phân khu. Mỗi khu có một giám thị trưởng, có thể là một sĩ quan cấp thiếu úy, chuẩn úy, hoặc là một hạ sĩ quan cấp thượng sĩ nếu làm việc đặc lực. Mỗi phân khu có hai ba sĩ quan quân cảnh thường là cấp trung sĩ làm giám thị, trực tiếp điều hành công việc hàng ngày như điểm danh, lo việc ăn ở, cho đi khám bệnh, cắt cử người đi tạp dịch, đi đổ rác, đổ phân. Đây là những kẻ trực tiếp quan hệ với tù binh, có thể tạo nên không khí êm dịu hay căng thẳng trong phân khu. Có những tên ác ôn thường hay chửi bới, đánh đập, phạt vạ tù binh nên tình hình luôn căng thẳng, mâu thuẫn dẫn đến đấu tranh có thể bùng nổ bất cứ lúc nào bởi vì tù binh là những người có một thời cầm súng bắn vào quân địch, nay rất nhạy cảm với việc bị chửi bới, bị đánh đập.

Ban an ninh có chân rết ở các tiểu đoàn và đây là nơi gây ra muôn vàn tội ác đối với tù binh. Bất cứ tù binh ở phân khu nào, khi cần, Ban an ninh liền ra lệnh cho bắt giải lên để chúng đánh đập khảo tra, tìm người đầu sỏ, người lãnh đạo tù binh trong phân khu, hoặc tìm hiểu các mặt sinh hoạt của tù binh, nhất là tìm hiểu những chủ trương đấu tranh và âm mưu tổ chức vượt ngục. Chính Ban an ninh đã trực tiếp đánh chết hoặc đánh thành tàn phế rất nhiều tù binh. Người nào bị Ban an ninh gọi lên, không chết cũng bị mềm xương. Ngay cả những lính quân cảnh bị

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

tình nghi có cảm tình với tù binh cũng không tránh khỏi bàn tay máu của chúng.

Ban điều hành chịu trách nhiệm tuyển lọc, bố trí, xáo trộn tù binh ở các phân khu nhằm thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy trại giam.

Nơi làm việc của ba ban giám thị, an ninh và điều hành ở trong một cụm với nhau. Chúng kết hợp nhau khủng bố, đánh đập, khảo tra tù binh với nhiều hình thức hết sức dã man.

Về lực lượng canh giữ: Toàn trại giam có 4 tiểu đoàn quân cảnh làm nhiệm vụ canh giữ tù binh là tiểu đoàn 7, 8, 9 và 14. Có lúc chúng tăng cường thêm một đại đội của tiểu đoàn 5 chỉ huy các tiểu đoàn trực tiếp nhận lệnh từ Bộ chỉ huy trại giam. Mỗi tiểu đoàn phụ trách ba khu giam. Mỗi đại đội phụ trách một khu và đại đội trưởng kiêm chức trưởng khu giam.

Quân cảnh có nhiệm vụ canh gác, không cho tù binh vượt ngục, không cho đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi bảo vệ sinh mạng chính trị của mình. Quân cảnh là lực lượng chủ yếu của địch thực hiện âm mưu tiêu diệt thể xác và tinh thần của tù binh với sự hỗ trợ đắc lực của bọn trật tự, chiêu hồi. Lính quân cảnh được bố trí ở trong các nhà tôn hay nhà bạt dựng lên quanh khu giam, tạo một vành đai canh giữ không cho tù binh vượt ngục.

Ở mỗi liên phân khu (A + B hoặc C + D) có sáu chòi cao ngày đêm lúc nào cũng có quân cảnh canh gác. Ban đêm, lính quân cảnh vào canh tuần trong giữa các hàng rào dây kẽm gai. Mỗi đêm, chúng vào điểm danh trong phòng ngủ của tù binh hai ba lần. Ban ngày, mỗi phân khu có một hoặc hai quân cảnh vào tuần tra, sục sạo tất cả các phòng, không cho sinh hoạt chính trị, hội họp và đề phòng tù binh đào hầm vượt ngục. Quân cảnh còn có nhiệm vụ dẫn tù binh đi làm tạp dịch bên ngoài, đi lấy củi vào nấu bếp, vào rừng lấy củi, đi đổ rác, đi khám bệnh. Để đề phòng công tác binh vận của tù binh, bọn chỉ huy ra lệnh không cho lính quân cảnh đến gần, chuyện trò thân mật với tù binh và thường xuyên thay đổi nơi làm việc, khu vực tuần tra của quân cảnh.

Mặc dù thường xuyên kiểm tra rất gắt gao, nhưng chúng không thể nào cấm tuyệt được sinh hoạt chính trị trong trại giam, không ngăn chặn hoàn toàn được các cuộc đào



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

hầm vượt ngục, cũng như không thể triệt để trong việc truy kích tù binh vượt ngục.

Ban chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh

Để thực hiện âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy là hủy diệt thể xác và tinh thần, nhất là về mặt tinh thần của tù binh, ngụy quyền Sài Gòn đã có cả một kế hoạch chi tiết nhằm tìm mọi cách, bằng mọi thủ đoạn để thực hiện chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam với mục đích “tranh thủ tù binh về với chính nghĩa quốc gia khi chiến tranh chấm dứt”.

Chúng quy định, tại mỗi trại giam có một cơ quan đặc trách công tác chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh gọi là “Ban chuyển hướng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam”. Ban này đặt trực thuộc: Khối chuyển hướng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam (thuộc Tổng cục chiến tranh chính trị) về điều hành và kỹ thuật chuyển hướng, phân loại tù binh; Chỉ huy trưởng trại giam tù binh về kỷ luật và tác phong làm việc.

Ban chuyển hướng và phân loại tù binh thực chất là một tổ chức chuyên trách công việc dụ dỗ, lừa gạt và cưỡng ép chiêu hồi, chủ yếu là dùng vũ khí đánh đập, khủng bố ép buộc những chiến sĩ yêu nước từ bỏ lý tưởng cao đẹp của mình để đi theo con đường phản dân hại nước của chúng. Ban chuyển hướng do một sĩ quan cấp đại úy điều khiển. Chính nó đã làm cho hàng ngàn tù binh phải bị thương tật, tàn phế, làm cho cả ngàn người phải hy sinh vì không chịu đầu hàng, kiên quyết đi theo con đường chính nghĩa chiến đấu cho độc lập và tự do của Tổ quốc...

SỐ LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC GIAM GIỮ TÙ BINH Ở TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

Trại giam tù binh Phú Quốc tiếp nhận tù binh từ tất cả các trại giam vùng chiến thuật chuyển đến.

Về số lượng, theo báo cáo của địch, tính đến ngày 30-3-1972, tổng số tù binh tại các trại giam ở miền Nam Việt Nam là 35.871 người, được giam giữ tại các trại như sau: Trại giam Đà Nẵng: 1.504 người; Trại giam Plâycu: 1.137 người; Trại giam Cần Thơ: 2.748 người; Trại giam Biên Hòa: 2.829 người; Trại giam Phú Quốc: 26.411 người; Trại giam Quy Nhơn: 1.241 người. (Trong đó có 1.009 nữ).

Tính đến tháng 1 năm 1973, trước khi Hiệp định Pari được ký kết, Trại giam tù binh Phú Quốc giam giữ trên 30.000 người.

Trong Trại giam tù binh Phú Quốc, có rất nhiều thành phần khác nhau bị quân Mỹ - ngụy bắt được qua các cuộc chiến đấu hoặc qua các cuộc hành quân càn quét trên

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

các chiến trường miền Nam Việt Nam và có quê quán ở hầu như khắp các tỉnh của cả hai miền Nam, Bắc nước ta. Có những người thật sự cầm súng chiến đấu chống lại chúng thuộc quân chủ lực, quân địa phương hoặc dân quân du kích. Có những người là cán bộ chính trị nhưng khi bị bắt khai là công dân hoặc du kích để tránh bị khai thác cơ sở. Một số người chỉ ủng hộ cách mạng, góp phần chút ít về vật chất, có khi chỉ bằng tinh thần, thậm chí chỉ sinh sống trong vùng chiến sự bị bắt khi địch càn quét cũng bị chúng gán bừa là du kích cộng sản. Một số ít người nguyên là lính hoặc nhân viên của ngụy quyền Sài Gòn, nhưng vì một lý do nào đó bị chúng nghi ngờ là “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, nên bị bắt khai thác và cũng bị đưa ra Trại giam tù binh Phú Quốc...

Khoảng ba phần tư tù binh quê ở các tỉnh miền Nam, trong đó khoảng một phần ba là du kích và một ít dân thường. Có gần 200 người Thượng. Đến đầu năm 1969, địch lọc số người Thượng ra cho ở riêng tại một khu có mấy căn nhà tranh dưới chân đồi gần đường vào bãi Khem. Chúng bắt một số người Thượng đến phục dịch cho bọn sĩ quan, giám thị trưởng, còn một số cho đi theo xe quân cảnh để phân phát gạo, cá mắm và thực phẩm tươi sống cho các phân khu. Khoảng hơn một phần tư là người quê ở các tỉnh miền Bắc. Có một số là cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, sau này trở về miền Nam chiến đấu.

Trên ba mươi ngàn người tại Trại giam Phú Quốc, số đông là chiến sĩ thuộc nhiều binh chủng, một số cán bộ chính trị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và thuộc đủ thành phần xã hội, làm việc trong nhiều ngành nghề như công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên, giáo sư, nhà giáo, bác sĩ, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà báo, nhà sư. Ngoài đa số người Kinh còn có một số người Thượng, người Khmer, người Hoa.

Thành phần không thuần nhất nên tinh thần, tư tưởng, trình độ giác ngộ cũng không đồng đều. Có người triệt để cách mạng, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng mình đã chọn; Vì bạn bè, đồng chí; Vì sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc. Có người thấy cuộc đấu tranh là phải, là cần thiết nhưng lo sợ sự khủng bố, đánh đập của địch vì trong tay mình không có một tác sất, song cũng có thể tham gia đấu tranh nếu phong trào của ta mạnh. Có một số người cầu an, thường tìm cách lẩn tránh đấu tranh trực tiếp với địch, và cũng có một số ít người đi theo địch, quay lại đánh đập anh em tù binh hết sức tàn nhẫn, phục vụ cho âm mưu đen tối của Mỹ - ngụy. Hơn nữa, người từ nhiều nơi gom lại, không quen biết nhau, quan điểm và trình độ tổ chức lãnh đạo đấu tranh cũng không phải hoàn toàn giống nhau.

Do đó, lãnh đạo đấu tranh trong trại giam phải hết sức nhạy bén, linh hoạt, kịp thời mới có thể hạn chế được tổn thất. Phải tranh thủ tìm mọi cách giáo dục, nâng cao tinh thần dũng cảm đấu tranh đòi cải thiện đời sống và bảo vệ sinh mạng chính trị của mình, đồng thời phải luôn cảnh giác đề phòng mọi âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Về tổ chức giam giữ: Thời gian đầu, tù binh bốn vùng chiến thuật chuyển ra, định cho giam chung, đây khu này đến khu khác, không phân loại theo kiểu nào cả. Thành ra trong một phân khu có cả cán bộ, chiến sĩ, cả người quê miền Nam, người quê miền Bắc. Về sau, chúng chia tù binh cộng sản làm 2 loại để giam giữ riêng biệt; đó là: Tù binh cộng sản quê quán miền Nam; Tù binh cộng sản quê quán miền Bắc và tù binh quê quán miền Nam tập kết ra Bắc từ sau năm 1954. Trong mỗi loại, chúng lại tìm những cán bộ cộng sản trung kiên tách ra khỏi các tù binh khác, giam riêng.

Từ tháng 3 năm 1969, riêng trại giam Phú Quốc, ngoài các tù binh cộng sản Việt Nam từ các trại giam trong đất liền đưa ra, còn giam giữ các hạ sĩ quan và sĩ quan tại một khu dành riêng và cũng phân loại như trên. Vì vậy, Trại giam tù binh Phú Quốc đã lọc ra giam riêng từng thành phần như sau: Chiến sĩ quê miền Nam; Chiến sĩ quê miền Bắc; Hạ sĩ quan quê miền Nam; Hạ sĩ quan quê miền Bắc; Sĩ quan quê miền Nam; Sĩ quan quê miền Bắc. Thành phần chúng cho là đầu sỏ, lãnh đạo hay tổ chức đấu tranh hoặc tìm cách vượt ngục, khoảng 500 người, bị giam riêng ở “trại biệt lập”. Còn khu “Tàn sinh hoạt” để dành cho những người chúng cho là đã chịu chiêu hồi.

Biện pháp thay đổi phân khu và xáo trộn người, lúc đầu, có gây khó khăn cho anh em, nhất là trong việc chống khủng bố. Thường thường, khi đưa anh em đến một phân khu mới, bọn giám thị và quân cảnh hay phủ đầu bằng cách đánh đập, đe dọa hoặc đề ra những biện pháp kìm kẹp gắt gao hơn. Khi di chuyển anh em, chúng lục soát để loại bỏ những thứ chúng cho là “dụng cụ bén nhọn” có thể gây thương tích cho người hay dùng để cắt dây kẽm gai, để đào hầm.

Nhiều khi lợi dụng việc di chuyển, định cài bọn mật báo (tức là bọn tù binh chịu làm tay sai cho chúng) vào các phân khu để theo dõi tìm người lãnh đạo, tìm tổ chức Đảng và những tổ chức đào hầm, mưu toan vượt ngục.

Tuy nhiên, biện pháp thay đổi phân khu và xáo trộn người chỉ có tác dụng vào



thời kỳ đầu. Về sau, vì thay đổi xáo trộn nhiều lần, anh em lại quay về phân khu cũ của mình đã từng ở và gặp lại những anh em cũ đã từng sống với nhau và cùng nhau đấu tranh. Do đó, anh em lại dễ dàng tập hợp để tổ chức đấu tranh và nghiên cứu địa hình, bàn việc đào hầm, đặt kế hoạch vượt ngục. Mặt khác, những di chuyển xáo trộn

đó đã tạo điều kiện cho anh em thông báo với nhau tình hình mọi mặt mà mình biết được như tình hình cuộc chiến đấu của nhân dân ta trên chiến trường chống Mỹ, các cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, sự ủng hộ của bạn bè thế giới và nhất là tình hình ở các phân khu, âm mưu thủ đoạn của địch, nội dung, hình thức và biện pháp đấu tranh của anh em tù binh, nhằm bảo vệ sinh mạng chính trị và đòi cải thiện đời sống. Thành ra, việc xáo trộn của địch lại giúp anh em thông tin với nhau, rút ra được những kinh nghiệm đấu tranh một mất một còn trong trại giam, tạo điều kiện cho anh em động viên nhau nhằm củng cố lòng yêu nước, nâng cao tính lạc quan cách mạng và giữ vững tinh thần chịu đựng trước sự khủng bố ác liệt của quân thù.

Đế quốc Mỹ và tay sai rất ác độc và xảo quyệt. Chúng dùng mọi cách dụ dỗ, mua chuộc, lừa gạt, khủng bố, đánh đập, giết chóc, ly gián chia rẽ nội bộ tù binh, dùng tù trị tù, nên tù binh gặp vô vàn khó khăn, đau khổ. Anh em tù binh phần đông còn rất trẻ, chưa được thử thách trong đấu tranh trực diện với địch, không có kinh nghiệm chiến đấu trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo này và cũng không có được nhiều những thông tin cần thiết. Nhưng nhờ kiên định lập trường yêu nước, lấy lợi ích của Tổ quốc và nhân dân làm thước đo mà anh em vượt qua được những thử thách vô cùng khó khăn, có lẽ là những khó khăn nhất trong cuộc đời chiến đấu của mình.

ÂM MƯU VÀ THỦ ĐOẠN CỦA MỸ - NGỤY ĐỐI VỚI TÙ BINH

Đối với tù binh ở trại giam Phú Quốc, ngoài việc tìm cách giam giữ thật chặt, không cho vượt ngục, địch còn có những âm mưu và thủ đoạn vô cùng thâm độc, liên tục đánh phá những chiến sĩ cách mạng chẳng may sa vào tay chúng, nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của anh chị em.

Bằng nhiều cách dụ dỗ, đe dọa, khủng bố, đánh đập dai dẳng, dùng nhiều nhục hình chẳng khác thời trung cổ, kể cả việc nổ súng vào trại giam, chúng đã giết chết nhiều anh chị em, cưỡng ép hàng ngàn người chiêu hồi, biến một số người trở thành tay sai đắc lực cho chúng, làm cho một số người không còn được cách mạng tin dùng như trước hoặc biến anh chị em trở thành những người tàn phế để khi trở về không còn sức chiến đấu chống lại chúng và mãi mãi là gánh nặng đè lên vai của cách mạng, của gia đình.

Trại giam tù binh Phú Quốc, nơi giam giữ đông đảo tù binh nhất, nơi được chúng tập trung chú ý nhiều nhất và là nơi ở xa đất liền, xa nhân dân, dễ bề bung bít dư luận nên bọn Mỹ ngụy khủng bố ác liệt hơn, có nhiều hành động dã thú hơn và có lẽ là trại giam duy nhất bị quân cảnh nhiều lần nổ súng thẳng vào, giết chết và làm bị thương

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

hàng loạt tù binh, điển hình là trận nổ súng giết và làm bị thương 140 tù binh tại phân khu B8 vào tối 6-5-1972.

Và cũng vì vậy, anh em trong Trại giam tù binh Phú Quốc đã phản ứng mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn, nhiều lần dùng bạo lực, tay không đánh lại quân cảnh, bắt nhân viên quân cảnh và giám thị làm con tin để thương lượng đòi giải quyết thỏa mãn các yêu sách của mình. Âm mưu và thủ đoạn của địch hết sức dã man tàn bạo, nhưng phản ứng của tù binh cũng rất kiên cường.

Đối với tù binh bị giam ở đây, Mỹ Ngụy lúc nào cũng dùng chính sách hai mặt: Một mặt, chúng hành hạ, khủng bố, bắn giết nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của tù binh; Mặt khác, chúng phải chịu áp lực của dư luận, của nhân dân và chính phủ ta, của Hội đồng thập tự quốc tế, nên phải tìm cách bung bít những tội ác của chúng và làm ra vẻ nhân đạo, tỏ ra tôn trọng những điều khoản của quy ước Ginevo, khi các phái đoàn quốc tế đến thăm các trại giam hoặc khi tù binh kiên quyết đấu tranh.

Cho nên, các chế độ trong trại giam, từ việc ăn ở, trang cấp, đến các hình thức kỷ luật hầu hết đều phản ánh chính sách hai mặt đó của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn.

Về chỗ ở: Trong một nhà tôn khoảng 100 mét vuông, còn gọi là một phòng, địch cho ở từ 50 - 70 đến 120 người, tùy khi đông khi ít. Chúng cho làm hai dãy sạp bằng gỗ chạy suốt hai bên vách để tù binh ngủ hoặc ngồi chơi, những nơi chưa làm sạp kịp, tù binh trải chiếu ngủ dưới đất.

Nền nhà ở lúc đầu bằng đất, nhưng về sau vì nơi nào cũng tổ chức đào hầm vượt ngục, nên địch cho tráng xi măng phần lớn các nền nhà và cấm không cho tù binh ngồi chơi hoặc nằm dưới nền nhà, vì sợ anh em ngụy trang để đào hầm.

Tuy nhiên, việc làm của địch có tác dụng ngược lại. Nền tráng xi măng khó mở miệng hầm nhưng lại dễ ngụy trang, ít sợ lở miệng hầm khi lên xuống đào hoặc lấy đất ra.

Hàng ngày từ 18 giờ, tức là lúc đèn điện bật sáng lên, đến 6 giờ sáng khi đèn tắt, tù binh phải ở trong phòng, không được ra ngoài. Ban đêm, ở giữa phòng có đặt một nửa chiếc thùng phuy để anh em đi tiểu. Nếu ai đi đại tiện đêm thì cho vào bọc nylon rồi sáng xách bỏ vào thùng cầu ở phía sau. Mỗi phòng có gắn hai bóng đèn điện tròn loại 75 oát, sáng suốt đêm. Đèn điện là để kiểm soát tù binh chứ không phải tạo thuận lợi trong sinh hoạt của tù binh.

Về ăn uống: Theo quy định, mỗi ngày tù binh được cấp 700 gam gạo, do Ban chỉ huy tiếp vận 3 thuộc vùng 3 chiến thuật cung cấp. Mỗi sáng có xe vận tải chở gạo đến cấp phát cho từng phân khu. Nhưng phần nhiều các bao gạo đều không đủ, bao 100kg chỉ còn khoảng trên 80kg. Mỗi khi xe gạo đến, người nhà bếp phải nhanh chóng ra nhận. Nhiều lúc không còn bao đầy, phải đấu tranh giằng co đến trưa chúng mới cho chở đến đổi.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Việc cung cấp thực phẩm cho trại giam tù binh Phú Quốc, thông qua hai cấp thầu, một thầu lớn thầu trực tiếp với nhà cầm quyền và một hai thầu con, thầu lại của thầu lớn từng mặt hàng thực phẩm tươi sống hay cá mắm. Thực phẩm tươi sống phải chở từ Sài Gòn ra, có rất ít rau cải, thường là các loại trái như củ như bầu, bí đỏ, củ cải trắng, cà rốt, khoai lang... Cá mắm do nhà thầu ở An Thới cung cấp hàng ngày bằng cách hợp đồng thu mua với các ghe cào. Nhưng chỉ lấy loại cá hạng bét. Thực phẩm được cung cấp rất thất thường. Cá thì thường là một phần tươi một phần khô và cũng nhiều khi cấp phát hoàn toàn bằng cá liệt khô, loại giống như thứ người ta dùng làm phân bón cho cây cối, rau cải. Cá tươi hoặc cá khô anh em làm sạch, rồi đổ vào kho chung cho nhiều nước để ăn đủ bữa. Nhiều khi cá tươi ướp nước đá không kỹ hoặc để lâu ngày nên bị ươn, không thể ăn được.

Nước mắm cấp phát cho anh em phần lớn là nước muối pha màu nên mặn chát. Mỗi ngày một phân khu được cấp 1-2 ký thịt heo và một vài hộp sữa cho người bệnh, nhưng hầu hết thịt heo và sữa rơi vào tay giám thị và quân cảnh.

Phú Quốc là một hòn đảo lớn và dài, lại có dãy núi cao che chắn từ Bắc xuống Nam nên ghe cào có thể núp gió đánh cá gần như quanh năm. Vì vậy quanh năm suốt tháng, tù binh ăn toàn cá liệt, tươi hoặc khô. Đôi khi cá liệt được thay bằng tương, chao hoặc mắm ruốc.

Tù binh không biết được tiêu chuẩn, giá cả thực phẩm, nên không làm sao biết được cấp phát có đủ định lượng không. Chỉ khi nào thấy cá quá ít, không đủ ăn hoặc cá ươn thì không nhận, đòi thêm số lượng hoặc đòi đổi cá tươi hơn.

Nhưng rồi lại đầu vào đấy, cá vẫn ươn, khô mục. Gần bốn mươi phân khu, ngày nào cũng xảy ra những chuyện rắc rối về lương thực thực phẩm, không nơi này thì nơi khác.

Do đó, tăng số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm (cá mắm, gạo...) là nội dung chủ yếu, thường xuyên trong các cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống vật chất của anh em tù binh.

Anh em tù binh trong phân khu tự cắt đặt việc nấu nướng. Căn cứ tình hình lương thực thực phẩm, anh em bố trí chăm sóc, ưu tiên đối với người bệnh hoặc người bị đánh đập tra tấn như nấu cháo, nấu thức ăn kiêng, dành phần sữa hoặc lựa cho những con cá ngon nhất. Khi nấu cơm xong, nhà bếp đánh keng hiệu cho các phòng đến khiêng về ăn tại phòng.

Để đề phòng bệnh tật, anh em tù binh đấu tranh phải được uống nước chín, đòi mỗi ngày xe bồn chở nước đến và nhà thầu phải cung cấp đủ củi hoặc dầu để nấu nước. Anh em lấy cơm cháy đốt để vào nước uống cho khỏi tanh.

Việc rửa ráy tắm giặt: Thời gian đầu, việc bố trí ăn ở chưa ổn định, nên một số nơi địch chưa cho đào giếng. Hàng ngày, chúng chỉ chở nước ăn đến bằng xe bồn chứ

không có nước rửa ráy, tắm giặt. Ngoài ra, ở những vùng đất cao như khu 10, đào giếng khó khăn nên cũng gặp phải tình trạng như trên.

Mỗi bữa ăn xong, anh em lấy cát chùi cà mèn rồi kiểm giấy của nhà bếp hoặc lấy vạt áo chùi lại. Có khi anh em phải lấy nước uống rửa cà mèn rồi uống nước rửa đó. Không có nước tắm giặt, xe nước hàng ngày dịch chở đến không đủ ăn uống. Muốn cọ hết bẩn trong người, anh em phải vận động cho ra mồ hôi lấy tay mà chà xe từng lọn. Do vậy, anh em gọi đùa là kiểu “tắm xe”.

Thời gian sau, ở những vùng đất không cao, dịch cho đào một giếng gần bếp để nhà bếp rửa ráy và đào hai ba giếng khác bên hông phân khu để anh em lấy nước rửa ráy, tắm giặt.

Việc trang cấp: Thời gian đầu, việc trang cấp rất sơ sài, anh em không có dụng cụ để ăn cơm, thiếu chiếu, mùng mền... Thời gian sau khá hơn, mỗi tù binh được cấp một chiếc chiếu cá nhân, một mền nỉ cá nhân, một cà mèn có nắp kèm một muống nhôm để ăn cơm, một ca inox để uống nước.

Mỗi năm cấp một bộ quần áo, là đồ cũ của lính, màu vàng hoặc màu xanh bị cắt ngắn ống tay hoặc ống chân, hay một bộ bà ba nâu. Về sau, anh em không chịu mặc đồ cũ của lính và đòi cấp mỗi năm hai bộ quần áo. Dịch đồng ý miệng nhưng việc cấp phát cũng thất thường, sau này chỉ cấp bà ba nâu bằng vải tám, mặc chẳng bao lâu bị rách nên việc ăn mặc của anh em rất lộn xộn, lếch thếch, nhất là đối với anh em hay đi tạp dịch, áo quần rách nát vì lao động.

Lúc đầu, tù binh đều đi chân không. Một số người lấy củi, ván đẽo thành guốc để mang. Anh em đấu tranh đòi cấp dép đi cho sạch sẽ. Dịch đưa vỏ ruột xe hơi cũ vào cho anh em cắt phát mỗi người một đôi. Chúng chỉ cho làm loại dép hai quai chứ không cho làm loại bốn quai và khi đi làm bên ngoài, chúng bắt phải để dép lại trong phân khu, chỉ đi chân không, sợ anh em mang chạy trốn.

Về thuốc men chữa bệnh: Toàn trại giam có một bệnh viện. Ở mỗi khu có một bệnh xá do một y tá phụ trách.

Trong báo cáo của ông Monod, Đại diện Ủy hội quốc tế Hồng thập tự tại Sài Gòn về cuộc viếng thăm của ông tại các trại tù binh Phú Quốc trong những ngày 10, 11 và 12 tháng 6 năm 1970, ngoài nhận xét tù binh mang dấu vết bị đánh đập, bị xử phơi nắng, nhốt vào chuồng cọp và không có phương tiện giải trí thỏa đáng, bản báo cáo còn viết: “Về y tế, cũng lại quá thiếu thốn, chỉ có hai y sĩ chăm sóc cho toàn thể tù binh và nhân viên trong trại (kể cả gia đình nhân viên)”.

Nội quy của bệnh viện, bệnh xá là phải tuyệt đối im lặng, tai không được nghe, mắt không được thấy những gì xảy ra tại đó. Chúng bắt người bệnh phải chào, tỏ vẻ kính trọng đối với y sĩ, y tá. Nếu không chấp hành sẽ bị đánh về tội “thiếu tôn kính thầy thuốc”. Có

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

tên y tá cầm khúc cây, hỏi đau ở đâu hấn đánh ngay vào chỗ đó. Chúng thường cho thuốc không đúng bệnh như bệnh phong ngứa mà cho ki-nin, kết li lại cho aspirin.

Anh Chiến, quê ở Bình Định bị bệnh thận nhưng tên y tá Cẩn cho uống một liều thật mạnh thuốc ngủ. Khi anh Chiến mê man, hấn tiêm cho một mũi thuốc gì không rõ làm cho anh không tỉnh lại nữa. Anh Nguyễn Văn Hạnh, quê Sóc Trăng bị bệnh lác. Tên y tá hỏi đau ở đâu, rồi hấn lấy một con dao sắc lóc cả da lẫn thịt chỗ bị lác, sau đó cầm máu qua loa. Vết thương bị nhiễm trùng, sưng tấy lên làm anh sốt li bì trong nhiều ngày...

Trong trại giam cũng có một số bác sĩ, y sĩ, y tá của ta bị địch bắt. Số anh em này tìm nhiều cách trị bệnh không dùng thuốc cho tù binh và thu được nhiều kết quả tốt như châm cứu, vật lý trị liệu.

Việc tạp dịch: Trừ hai phân khu sĩ quan, các phân khu khác phải đi làm bên ngoài như chuyển gạo từ tàu vào kho, đi làm cho hải quân, dọn dẹp linh tinh ở bên ngoài hoặc đi lấy củi về nấu bếp. Địch bắt buộc tù binh phải đi làm phục vụ những yêu cầu của chúng. Chúng nói: có làm mới có ăn, không thể ăn rồi ngồi không mãi. Nơi nào không chịu đi làm chúng bỏ đói hoặc bớt khẩu phần. Anh em đồng ý đi làm nhưng đấu tranh không làm những việc có tính chất quân sự như đào đắp công sự, làm hàng rào kẽm gai, đập đá làm đường và cũng đấu tranh không làm những việc phục vụ gia đình sĩ quan quân cảnh. Những yêu sách đó thường được đại diện của anh em trong phân khu nêu lên trong các cuộc đấu tranh. Nhiều lúc giằng co với nhau một thời gian khá dài và có khi phải đổ máu mới giành được thắng lợi.

Có những lúc bất ngờ đang đi làm ở bên ngoài, anh em bị địch buộc phải làm trái với thỏa thuận đã đạt được giữa hai bên. Có người tạm làm, sau đó về phản ánh lại trong phân khu và đại diện ra đấu tranh với chúng, đòi không được tái diễn. Nhưng cũng có những anh em phản ứng ngay tại chỗ, không chịu làm. Xa tập thể, lại ở trong hang ổ loài sói nên cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Gặp trường hợp như thế, một mình hoặc tập thể nhỏ phải kiên định lập trường, dũng cảm, bình tĩnh đấu lý với chúng, nhiều khi phải chịu sự đánh đập, phạt vạ.

Ngoài việc tạp dịch, địch còn hành xác anh em bằng cách bắt chà láng xung quanh nền nhà phòng ở của mình. Mỗi buổi sáng, sau khi điểm danh xong, địch cho lấy cà mèn để chà láng. Nếu chà không láng, giám thị sẽ phạt hoặc đánh đập. Đây là vùng đất pha cát, chà xong gặp mưa nắng liền bị xói lở hoặc bị cong lên, sáng mai lại phải chà tiếp. Đông người, anh em chà một chút là xong ngay, chẳng nặng nhọc gì, nhưng anh em cho đó là một kiểu hành xác tù binh, không ích lợi gì nên đấu tranh đòi bỏ việc chà láng. Không lâu sau, địch chấp nhận yêu sách của anh em.

Việc điều hành trại giam: Thời gian đầu, địch ra sức tìm kiếm, đánh đập và nổ

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

súng giết hại rất nhiều tù binh, nhưng chúng chưa có một chủ trương chính thức hoàn chỉnh về vấn đề điều hành trại giam.

Về sau, địch đã ban hành các tiêu lệnh điều hành trại giam. Theo đó, chúng cho phép nhân viên quân cảnh thẳng tay dùng vũ lực và nổ súng bắn giết tù binh mà không sợ bị một hình thức kỷ luật nào. Huấn thị được ban hành là nhằm hạn chế phong trào đấu tranh đang ngày càng dâng cao của tù binh, nhằm ngăn chặn các cuộc vượt ngục và để hỗ trợ việc cưỡng ép chiêu hồi... Từ khi huấn thị được ban hành, tù binh bị kìm kẹp gắt gao hơn, bị đánh đập càng nhiều, càng dã man hơn và quân cảnh viện dẫn theo huấn thị, nhiều lần bao vây và nổ súng hàng loạt vào trại giam làm hàng trăm tù binh chết và bị thương.

Cũng cần nói rõ là không phải khi ban hành tiêu lệnh rồi quân cảnh mới nổ súng vào trại giam mà trước đó chúng cũng đã nhiều lần bắn thẳng vào tù binh, giết hại rất nhiều người. Huấn thị về các tiêu lệnh điều hành trại giam là để hợp thức hóa hành động giết người của chúng, đồng thời để khuyến khích lính quân cảnh mạnh dạn hơn, thẳng tay hơn nữa.

Cũng từ đó, lính quân cảnh tỏ ra hung hăng hơn, bọn giám thị luôn miệng đe dọa sẽ thẳng tay đàn áp, thẳng tay dùng vũ lực. Về phía tù binh, dù chưa biết tường tận âm mưu lâu dài của địch, nhưng qua thái độ của giám thị và quân cảnh, anh em phán đoán chúng có chủ trương từ trên xuống sẽ khủng bố ác liệt hơn nên bàn bạc kế hoạch, chuẩn bị tinh thần sẵn sàng đối phó.

Ở trại giam Phú Quốc, tất cả giám thị và quân cảnh đều có quyền phạt vạ, đánh đập tù binh. Tuy nhiên, giám thị là bọn nắm quyền điều hành ở các phân khu, hàng ngày ở bên cạnh tù binh, nên chúng trực tiếp hành hạ anh em nhiều hơn. Bọn giám thị kìm kẹp hết sức gắt gao, bắt anh em phải chấp hành những quy định của chúng, đồng thời bày ra rất nhiều hình phạt vô cùng dã man nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của anh em tù binh.

Trong số những tên giám thị, quân cảnh ác ôn, có những tên nổi tiếng toàn đảo như tên trung úy Hiển, trưởng Ban giám thị kiêm trưởng Ban an ninh, thiếu úy Dốc, trưởng giám thị khu 6, thượng sĩ nhất Nhu, trưởng giám thị khu 2.

Trật tự là công cụ rất đắc lực của địch trong chiến dịch “chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh”. Muốn cưỡng ép chiêu hồi, địch tổ chức đội trật tự (gồm những kẻ chiêu hồi chịu làm tay sai cho giặc) và dùng đám này liên tục đánh đập anh em. Chúng tổ chức thành đội, ở luôn trong trại giam, chỉ giao cho mỗi một nhiệm vụ đánh đập tù binh để thực hiện cho kỳ được mục tiêu của chúng. Bọn trật tự thay nhau đánh đập tù binh liên miên. Sáng đánh, trưa đánh, chiều đánh, tối đánh. Đánh ngày này sang ngày khác, tuần này sang tuần khác. Các vết thương không được chăm sóc mà còn bị đánh bồi vào cho lở loét thêm. Nhiều người bị chúng đánh đập dai dẳng, chịu không

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

nổi đành phải gạt nước mắt vào khu Tân sinh hoạt. Có thể nói, dựng được khu Tân sinh hoạt phần lớn là nhờ sức của bọn trật tự. Do đó, nơi nào muốn thoát khỏi nạn đánh đập cưỡng ép chiêu hồi phải sớm nổi dậy diệt bọn trật tự, đuổi chúng ra khỏi phân khu.

Về các hình thức tra tấn, hành hạ người tù: Bọn quân cảnh có thể đánh tù binh bất cứ lúc nào và ở đâu chúng muốn, chủ yếu bằng dùi cui, báng súng, đá bằng giày. Còn bọn giám thị, được sự tiếp tay đắc lực của đám trật tự và các ban an ninh, điều hành, đã bày ra nhiều hình thức kỷ luật hành hạ người tù; có những hình thức chẳng khác gì thời trung cổ.

Chuồng cọp

“Chuồng cọp kềm gai” là phát minh của lực lượng đặc biệt lính mũ nồi xanh của Mỹ sử dụng ở trại giam Phú Quốc.

Khác với loại chuồng cọp trong nhà tường, loại chuồng cọp kềm gai làm bằng toàn dây kềm gai đan chằng chịt chung quanh và trên nóc. Chuồng cọp này làm ở ngoài trời trong phân khu. Phân khu nào cũng có hai ba chuồng cọp loại nhất một người và loại nhất 3-5 người. Kích thước chuồng cọp rất đa dạng. Có loại chỉ cho nằm dưới đất cát, có loại bắt nằm trên dây kềm gai, mặc cho gai đâm lủng thịt, chảy máu, có loại chỉ cho ngồi, không thể nằm hoặc đứng được, có loại chỉ cho ngồi lom khom, có loại chỉ có thể đứng lom khom, không đứng thẳng được mà cũng không ngồi thẳng được, muốn ngồi phải ngồi trên dây kềm gai.

Thường thường, khi phạt vào chuồng cọp, bọn giám thị bắt tù binh cởi áo, cởi quần dài, chỉ cho mặc quần cụt để phơi nắng, phơi sương hoặc cho dầm mưa suốt ngày đêm, mặc cho muỗi mòng tự do hoành hành. Nạn nhân chỉ được ăn một phần cơm rất ít với muối hoặc ăn lạt chứ không có thức ăn, mỗi ngày chỉ được một hoặc hai ca nước uống, muốn tiểu phải lấy tay moi cát tại chỗ, đi xong lấp lại.

Những đêm lạnh, thỉnh thoảng địch cho dội lên người trong chuồng cọp một xô nước lạnh gọi là để giải khát cho cọp hoặc để rửa chuồng. Những ngày nóng nực, chúng cho dội nước muối lên người, gọi là ướp cho mau lên cân. Có khi chúng cho đốt lửa gần sát chuồng cọp để “gọi cho cọp nhớ những trận cháy rừng ở Phú Quốc”.

Ngồi chuồng cọp vài ngày là toàn thân nạn nhân bị lột da. Nếu ngồi dài ngày, da ngoài bị lột, lên da non, rồi da non lại bị cháy lại lột tiếp. Nhiều lần như thế, lâu ngày, nạn nhân chỉ còn da bọc xương...

Lộn vĩ sắt

Bọn ác ôn cho lật ngửa tám vĩ sắt loại có lỗ tròn và đầy máu để mắc vào nhau làm đường sân bay rồi bắt tù binh cởi áo, cởi quần ngoài ra và cắm đầu xuống vĩ sắt lộn ra sau. Mỗi lần bị phạt lộn vài chục cái. Có khi chúng gọi hai ba tù binh ra xếp vĩ sắt và lộn cho chúng ngồi coi. Lưng trần quật xuống những máu của chiếc vĩ làm rướm máu. Lộn vài lần là lưng tóe máu, đầu bị bức tóc, tróc da.

Đánh bằng chày vồ

Bọn giám thị và quân cảnh cho thợ mộc làm những chiếc chày vồ bằng gỗ có cán bên hông như chày giã gạo, vừa tay cầm. Chúng dùng chày vồ đánh vào bả vai của nạn nhân. Tên Nhu thường xách chày vồ ra biệt giam 2 do hấn quản lý đánh vào mắt cá người tù. Trước khi lãnh cơm ăn, những người ngồi gôn cửa biệt giam thường lãnh 5-10 chày vồ vào mắt cá “cho ngon cơm” như chúng nói.

Khi đánh, mấy tên ác ôn không đánh nhanh mà đánh từng chày để khủng bố tinh thần người bị đánh và để thưởng thức hiệu quả của chiếc chày vồ vào mắt cá tù binh như người nghiện không uống một hơi cho cạn ly, mà nhấp từng ngụm rượu để thưởng thức hương vị cay nồng của chất men. Khi thấy người bị đánh oằn oại vì đau đớn, bọn chúng nói: chày này hơi nặng, chày sau đánh nhẹ. Nói thế, nhưng chúng lại đánh mạnh hơn làm nạn nhân gãy giụa. Nhiều người bị đánh lê lét cả buổi không gượng dậy nổi.

Đánh bằng gậy

Một trong những kẻ ác ôn tàn bạo nhất là tên thượng sĩ nhất Nhu. Hấn có những chiếc gậy với những tên gọi khác nhau như “gậy bỏ cháo”, nghĩa là hễ đánh người nào người đó không những không ăn cơm nổi mà cả cháo cũng bỏ luôn; “gậy sâu đời”, tức người bị đánh mang bệnh tật, tàn lụi và rầu rĩ suốt cả đời; “gậy đầu sanh đầu tử”, là nếu bị đánh bằng đầu sanh thì vẫn còn hy vọng sống, còn nếu bị đánh vào đầu tử thì có thể bị đánh chết luôn hoặc phải có người cõng vào trại chứ không thể đi nổi.

Hấn thường xách gậy vào tuần tra trong trại giam và lúc nào cũng sẵn sàng đánh đập anh em. Hấn hay nói: “Ngày nào không đánh tụi bay là tao ăn cơm không ngon”.

Tên Nhu thường đánh đập, hành hạ anh em bằng những dụng cụ “chuyên dùng” như chày vồ, gậy bỏ cháo... do hấn tạo ra, chứ ít khi nào đánh bằng những dụng cụ “không chuyên”.

Đánh bằng roi cá đuối

Có những tên quân cảnh, giám thị hay đánh tù binh bằng roi cá đuối. Chúng lựa những đuôi cá đuối dài đem phơi để dành đánh tù. Khi đánh, chúng bắt anh em cởi áo ra để gai cá đuối bầu vào da thịt. Có khi chúng bắt nạn nhân cởi áo đưa hai tay lên trời để chúng dùng roi cá đuối quất thẳng cánh cho chiếc roi quấn lấy thân người bị đánh rồi giật ra làm da thịt bị rút theo, máu chảy ròng ròng. Có khi chúng còn lấy muối ớt xoa vào những chỗ bị đứt thịt làm cho anh em càng nóng rát và đau đớn...

Gõ thùng

Bọn giám thị có hai kiểu tra tấn bằng cách gõ thùng. Cách thứ nhất, bắt tù binh ngồi chồm hỏm, lấy chiếc thùng phuy úp lên rồi lấy cây gõ vào thùng. Người ngồi bên trong phải nhanh chóng bịt tai lại nếu không sẽ bị điếc vì tiếng gõ vào thùng và sức ép

của không khí. Cách thứ hai là bắt tù binh cởi áo quần ngoài rồi ngồi vào trong một thùng phuy đổ đầy nước. Chúng lấy cây đánh vào hông thùng. Có người bị học máu vì sức ép của nước.

Đục răng và bẻ răng

Tên thượng sĩ nhất Nhu khét tiếng trên đảo là kẻ chuyên đục răng, bẻ răng tù binh. Để đục răng, hắn dùng một khúc cây nhỏ bằng ngón tay, dài 3-4 tấc, bắt tù binh há miệng ra, hắn đặt một đầu cây vào ngay chiếc răng định đục rồi dùng cây hoặc chày vô đống vào đầu kia một cái thật mạnh làm hai chiếc răng bị gãy tức khắc, miệng tóe đầy máu. Có khi hắn bắt người bị đục răng phải tự cầm cây đặt vào răng mình cho hắn đục. Nếu để chệch, bị đục gãy thêm răng thì ráng chịu.

Còn bẻ răng, hắn không bẻ bằng kim mà bằng một cách đặc biệt. Hắn lấy một cây nhỏ bắt tù binh cắn một đầu rồi hắn dùng cây đánh lên hoặc đánh xuống ở đầu kia là răng gãy ngay. Muốn bẻ răng hàm dưới thì đánh ngược lên, còn muốn bẻ răng hàm trên thì đánh xuống.

Người từ các phân khu khác bị đưa đến biệt giam 2, trước khi vào trong biệt giam, hắn bắt phải nộp mỗi người hai chiếc răng. Hắn nói “Mày kích động đấu tranh hả? Trước khi vô biệt giam phải nộp hai cái răng con ạ”. Và hắn bẻ răng anh em như kiểu đã kể. Khi răng bị đục hoặc bị bẻ gãy, hắn chỉ cho nhổ răng ra, còn máu hắn bắt anh em phải nuốt vào cho “máu trở về tim” như hắn nói.

Lấy móng tay và móng chân

Bọn ác ôn, mà điển hình là tên Nhu cũng thường hay lấy móng tay, móng chân của anh em tù binh. Người đào hầm bị bắt được, hắn nói hai bàn tay cầm dụng cụ đào, nên hắn lấy móng tay. Người cui rào hắn nói do hai chân là thủ phạm chính nên hắn lấy móng chân.

Cách lấy móng tay của chúng là bắt nạn nhân đặt một ngón tay lên cạnh bàn rồi chúng dùng cây hoặc chày vô đánh mạnh xuống có hơi chệch ra. Móng tay bị bong lên có khi văng hẳn xuống đất, có khi còn dính lòng thòng, máu chảy ròng ròng. Lấy móng tay này xong đến móng tay khác. Người tù binh bị đau đớn đến run rẩy, tái xám mặt mày, nhưng chúng vẫn mặc kệ, lần lượt lấy móng này xong đến móng khác. Có khi chúng lấy của một người vài ba móng, có khi lấy hết cả bàn tay, đôi khi lấy hết cả mười ngón tay.

Cách lấy móng chân cũng giống như thế. Sau khi lấy móng xong, chúng cho vào biệt giam, không được chăm sóc thuốc men. Anh em phải nhờ bạn bên cạnh xé quần áo băng bó, có khi phải dùng nước tiểu của chính mình xoa lên đầu ngón tay, ngón chân bị lấy móng để chống nhiễm trùng và cho bớt đau nhức.

Bớt cơm nước:

Với anh em trong biệt giam 2, mỗi bữa bọn giám thị chỉ cho mỗi người một nắm cơm, vắt lại nắm trên tay ăn với vài hột muối, không được nhiều hơn. Chúng bắt khiêng

thùng cơm ra biệt giam rồi vắt trước mặt hấn đưa cho anh em ăn. Chúng không cho vắt sẵn, sợ anh em giấu thức ăn bên trong. Anh em đem cơm ra biệt giam, ai vắt nắm cơm hơi lớn, đưa muối hơi nhiều là không tránh khỏi chiếc gậy bỏ cháo lúc nào cũng sẵn trên tay chúng.

Mỗi bữa ăn, hai người được một ca nước uống. Nếu người uống trước uống hơi nhiều một chút thì người uống sau bị thiệt. Bởi vậy anh em sắp xếp một cặp uống nước chung cả ngày. Ai sáng uống trước thì chiều uống sau và ngược lại.

Tên thượng sĩ nhất Nhu còn bày nhiều hình thức đánh đập hành hạ khác. Có khi một mình hấn đánh đập anh em, cũng có lúc hấn cùng với nhiều tên quân cảnh và trật tự hành hạ tù binh. Một số anh em bị chúng đánh chết tại chỗ.

Ngoài những hình phạt nói trên, anh em tù binh còn bị gọi ra phòng giám thị hoặc lên Ban an ninh nằm trong khuôn viên của Bộ chỉ huy trại giam để đánh đập tra khảo với nhiều hình thức dã man. Ban an ninh, Ban điều hành và Ban giám thị nằm ở ba căn nhà gần nhau, không ngăn cách. Anh em tù binh bị gọi lên thường bị nhân viên của cả ba xúm lại đánh đập lấy cung. Có khi chúng còn gọi một số tên trật tự ác ôn đến tiếp tay với chúng.

Những người bị chúng nghi là đầu sỏ, lãnh đạo đấu tranh, lãnh đạo diệt chiêu hồi, tổ chức vượt ngục, tổ chức đào hầm hoặc vượt ngục bị bắt lại đều bị đưa lên các ban này. Đây là những ban gồm toàn những tên được chọn lọc kỹ, ác ôn nổi tiếng, đánh người không chút nương tay, giết người không chút xót thương. Chúng khảo tra để tìm tổ chức Đảng trong phân khu, tìm cán bộ lãnh đạo, bắt đánh đập, rồi tống vào biệt giam hoặc cho cách ly, đưa vào phân khu khác.

Kẻ địch hiểu rất rõ rằng, tổ chức Đảng và cán bộ cốt cán là linh hồn của các cuộc đấu tranh, nên lúc nào cũng ra sức tìm kiếm đánh phá các tổ chức Đảng và tiêu diệt cán bộ lãnh đạo để dễ dàng điều khiển tù binh trong trại giam theo ý muốn của chúng. Chúng dùng rất nhiều kiểu tra khảo hết sức dã man như đánh đập bằng thước báng, bằng cọc sắt, chày vồ, đổ nước xà phòng, treo lộn mề gà, treo động dầu xuống đất để đánh, nướng sắt châm vào người, nướng người, ném vào chảo nước sôi, đóng đinh dài cả tấc vào mắt cá, đầu gối, xương ống quyển.

Những cuộc tra khảo của chúng đã làm nhiều người bị cụt tay chân, bị bệnh hậu suốt đời và nhiều người đã chết ngay trong phòng hoặc trên bàn tra khảo của chúng. Xin kể một số kiểu tra khảo:

Đóng đinh vào người

Tại phòng tra tấn của ba bọn ác ôn ở Bộ chỉ huy trại giam, địch thường dùng đinh 3-4 phân đóng vào các ngón tay của tù binh. Đóng một ngón hỏi một câu, mỗi lần đóng, xương ngón tay bị bể nát, máu chảy, nạn nhân đau đớn vô cùng. Sau này địch tiến thêm

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

một bước, dùng đinh dài 7-8 phân hoặc cả tấc đóng vào người tù binh. Khi bốc mộ của anh em tại nghĩa địa tù binh ở đồi 100 đưa về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ Dương Đông thuộc huyện Phú Quốc, người ta đã tìm thấy nhiều bộ hài cốt liệt sĩ tù binh có các cây đinh 8 phân đóng vai người. Đó là những minh chứng về sự dã man, tàn bạo của kẻ địch đối với tù binh... Có người bị đóng tới 9 cây đinh vào cơ thể đến chết.

Đục lấy xương bánh chè, nướng sắt đỏ đâm xuyên qua bắp chuối

Anh Nguyễn Văn Ni, tức Bảy Ni quê ở Cù Chi bị địch bắt từ phân khu B2 lên Ban điều hành tra tấn, hỏi ai là Đảng ủy, ai là Bí thư. Đúng anh là bí thư Đảng ủy phân khu B2 đã lãnh đạo phân khu giành thắng lợi trong việc đánh đuổi tên trung sĩ giám thị trưởng ra khỏi phân khu, nhưng anh không khai. Tức tối, địch lấy cọng sắt bừa nhúng đốt rồi đâm qua bắp chuối anh. Sắt đốt thịt cháy nghe xèo xèo. Đâm nhiều lần mới xuyên qua một bắp chuối. Chúng đâm thủng cả hai bắp chuối của anh. Mỗi lần sắt đâm vào, anh ngất xỉu, một lát sau mới tỉnh lại. Khi tỉnh, anh Bảy Ni mắng chúng là bọn bán nước, dắt quân Mỹ về giày xéo đất nước, giết hại nhân dân ta. Anh nhiều lần hô khẩu hiệu: *Đả đảo Mỹ - Thiệu! Hồ Chí Minh muôn năm!*

Bị đâm xuyên cả hai bắp chuối, nhưng anh Bảy Ni vẫn không chịu khuất phục, vẫn gọi chúng là bọn bán nước. Tên Chu Quốc Minh dùng đục đục lấy cả hai xương bánh chè của anh. Khi lấy xương bánh chè, thấy máu chảy lênh láng, chúng nói để chúng cầm máu cho. Tên Minh lấy sắt nướng đỏ châm vào chỗ đầu gối chảy máu. Thịt bị đốt chín, máu không chảy nữa. Nghe anh mắng chúng là quân bán nước, tên thượng sĩ Nhất Nhu dọa sẽ đục anh không còn một cái răng.

Sau đó, thấy anh bị nặng quá, đã kiệt sức, chúng cho anh lên băng ca đưa đi cấp cứu ở bệnh viện. Rồi từ bệnh viện chúng đưa anh vào biệt giam 2. Hôm sau, thấy sức khỏe của anh bị suy kiệt, anh em trong biệt giam kêu quân cảnh canh gác cho đi cấp cứu. Chiều, chúng lại đưa anh vào biệt giam. Đến khoảng hai mươi giờ, anh trút hơi thở cuối cùng trên tay anh Đoàn Thanh Phương, người đồng đội đang cùng ở trong biệt giam 2. Trước khi chết, anh còn gắng sức hô khẩu hiệu: *Đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai! Hồ Chủ tịch muôn năm!* Anh hy sinh ngày 22-12-1969.

Cùng bị tra khảo tại Ban điều hành với anh Bảy Ni có anh Gương quê ở Thái Bình. Bị đánh đập dã man, anh Gương cũng luôn miệng mắng chúng là quân bán nước.

Chúng lấy cây cọc sắt đánh thẳng cánh vào bệ sườn anh đến 7-8 cây làm nhiều chiếc xương sườn bị gãy. Anh Gương bị chết ngay tại chỗ. Rất nhiều tù binh bị giặc hành hạ, tra tấn như vậy.

Ném người vào chảo nước sôi

Ở Trại giam tù binh Phú Quốc, địch cũng áp dụng hình phạt dã man như thời trung cổ. Đó là ném người vào chảo nước sôi.

Một trong những vụ như vậy xảy ra vào cuối tháng Giêng năm 1971, khi đó anh

em ở phân khu B10 đấu tranh không làm những việc mang tính chất quân sự. Địch chấp nhận nhưng tỏ vẻ tức tối. Một bữa, chúng dẫn một số anh em đi làm bên ngoài. Tên quân cảnh canh giữ xô một anh té vào hàng rào dây kẽm gai. Anh em trong trại nhìn thấy phản đối, đòi cho anh em vào, không làm việc nữa. Chúng buộc phải chấp thuận. Tối đến, khi vào điểm danh, có mấy tên quân cảnh và giám thị ra hái ớt của anh em trồng phía sau. Một vài anh em lượm đá ném. Chúng bỏ đi ra. Sáng hôm sau, 30-1-1971, giám thị gọi 15 người bị tình nghi là đầu sỏ đưa qua nhà giám thị ở phân khu D10, tức khu chiêu hồi, để đánh đập ép buộc các anh vào ở trong khu chiêu hồi. Các anh không chịu. Nhiều tên trật tự do tên Huỳnh quê ở Phú Hòa Đông, Củ Chi làm trưởng nhóm tích cực tham gia đánh đập anh em. Hắn cầm dùi cui gõ súng mắt cá các anh. Trong số người bị đánh đập có anh Minh tức Đặng Văn Bê (quê ở Cai Lậy, Tiền Giang), anh Dương Văn Mến ở Củ Chi và anh Mười Lắm. Trong khi bị đánh đập, anh Minh mắng chúng là quân bán nước và hô khẩu hiệu: *Đả đảo Mỹ - Thiệt! Hồ Chí Minh muôn năm!* Chúng bắt anh ngồi xuống, lấy bao chỉ xanh trùm vào người, xô ngã anh xuống rồi nắm miệng bao lôi sên sếch vào nhà bếp và khiêng ném anh vào chảo nước sôi. Khi chúng lôi anh ra, anh Đặng Văn Bê bị vuột da trắng xác, chết ngay trong chảo nước sôi.

Sau khi kéo anh Bê ra, địch cũng trùm bao bố rồi khiêng ném người thứ hai vào chảo một chút rồi lôi ra. Có lẽ vì đã luộc anh Bê, lửa tàn, nước hơi nguội nên mấy giờ sau người thứ hai tỉnh lại. Không biết sau đó anh chết hay sống vì địch chuyển đi nơi khác và cũng không kịp biết tên anh.

Ở phân khu C6 cũng có trường hợp ba tù binh bị luộc chết vào năm 1969. Hôm đó quân cảnh dẫn anh em đi lấy củi. Khi đang lấy củi, quân cảnh đánh anh em, nên có 3 tù binh bực tức đánh lại làm một quân cảnh bị thương. Khi về phân khu, địch bắt ba anh ra trói ở cửa cổng và đánh đập dữ dội suốt ngày. Khi đánh đã mệt, chúng cho làm ba chiếc lò bắc ba cái chảo nấu nước sôi ở giữa các lớp rào kẽm gai, gần cửa cổng. Xong, chúng trùm bao bố ba anh em đem bỏ vào chảo nước sôi. Ba người bị luộc chết trên chảo. Chúng giết người một cách hết sức dã man không khác gì thời trung cổ. Mà không chỉ vài trường hợp như đã kể. Còn nhiều lần khác mà người chúng kiến chỉ là chính bọn chúng với nhau.

Ở phân khu B5 có trường hợp không ném vào chảo mà mức nước sôi dội đến chết. Lần đó chúng bắt anh Xô bỏ vào bao tải cột miệng lại rồi thay nhau đá như đá banh, bất kể đầu mình tay chân. Khi đá đã chán chê, anh Xô không còn phản ứng gì nữa, chúng mức nước sôi dội lên người anh đến chết.

Ở phân khu C8, trong thời gian gần cuối năm 1970 cũng có trường hợp trùm bao bố dội nước sôi.

Gần cuối năm 1970, ở phân khu A8 cũng có vụ trùm bao bố, nhưng không phải dội nước sôi mà đổ lửa than đang cháy đỏ.

Đó là trường hợp anh Ba Dân quê Bến Tre. Đánh đập anh nhưng không khai thác được gì, bọn ác ôn lấy bao bố chỉ xanh nhúng nước lạnh trùm vào người anh Ba Dân, đè anh nằm xuống, rồi lấy xẻng xúc than đỏ đổ lên người anh. Than nóng làm anh Ba Dân phỏng nhiều chỗ. Sau đó chúng đưa anh đi khu khác.

Nướng người

Cũng ở phân khu C6, sau khi lược chết 3 tù binh, địch bắt một tù binh đem nướng trên lửa. Người bị địch hành hạ là một du kích trẻ quê ở Cà Mau. Địch lập một cái giàn, để hai cây cọc sắt nằm song song cách mặt đất khoảng 8 tấc. Chúng cột anh du kích vào hai cọc sắt nằm ngang rồi lấy lửa đốt riu riu phía dưới như người ta nướng một con cá lóc. Lúc địch mới đốt lửa phía dưới thân mình, anh liên tiếp hô: *Đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo nguy quyền Sài Gòn*. Lúc đã bị lửa đốt kiệt sức, anh kêu ba má mấy tiếng rồi chết.

Rà đèn điện cho mù mắt; Đổ nước xà bông sôi vào miệng

Ở A5 mặc dù địch không cho nhưng anh em vẫn kín đáo tổ chức học văn hóa. Có một anh người dân tộc thiểu số lúc bị bắt không biết chữ, nhờ anh em dạy, anh đã biết đọc biết viết. Anh học rất say sưa. Một lần, vì mải mê học, anh bị giám thị bắt gặp. Hấn bắt anh ra, căng mắt lên rồi dùng đèn điện có công suất lớn rà qua rà lại rất lâu làm cho anh bị mù.

Anh em trong phân khu đấu tranh phản đối hành động dã man đó của giám thị và đòi để anh em được học văn hóa. Đang đêm, địch vào bắt anh Dương Bá Ngãi, quê ở Hà Đông, khi bị bắt khai là chuẩn úy, vì nghi anh là người tổ chức dạy học. Địch đem ra đánh đập và tra khảo anh đêm đó và gần hết ngày hôm sau mới dẫn vào cổng, xô anh vào phòng. Mỗi anh bị lột, răng rụng gần hết, lưỡi cứng đơ, nói rất khó nghe.

Sau khi săn sóc cho anh hơi tỉnh một chút, anh em cố nghe anh nói: Địch nấu sôi nước xà bông đem đổ vào miệng anh. Anh là thượng úy, quê ở Hà Đông, có vợ và hai con. Ai còn sống xin báo với vợ con anh rằng, anh chết không hổ thẹn cho vợ con. Đó là những lời trăng trối cuối cùng của anh Dương Bá Ngãi.

Đốt miệng và đốt hạ bộ

Cũng ở phân khu A8 trong dịp cảnh cáo tên Nguyễn Ngọc Ai, địch dùng cách đốt người rất man rợ. Đến ngày thứ ba sau khi cảnh cáo tên Ai, chúng bắt anh Ba Vạn, quê Quảng Ngãi, là Bí thư Đảng ủy vùng 1 và anh Tô Hồng Minh, tên trong tù là Trần Văn Lung, quê Cà Mau, là Ủy viên thường vụ Đảng ủy vùng 4 đánh tại cổng, rồi sau đó đưa vào nhà giám thị.

Tại đây, tên trung sĩ Điền đánh anh Ba Vạn, tên trung sĩ Nghĩa đánh anh Minh ở hai phòng khác nhau, mỗi bên có mấy tên trật tự tiếp tay. Đánh đập khảo tra mãi mà không được gì, chúng bèn đổi cách. Tên trung sĩ Nghĩa bắt anh Minh cởi hết quần áo ra. Hấn bảo phải khai, nếu không hấn sẽ cho đốt tụyệt tụy, không còn có thể lập gia đình,

có vợ con được nữa. Anh Minh không khai, chúng xếp hai chiếc băng song song nhau, có chừa khoảng cách ở giữa rồi bắt anh Minh ngồi bệt chân quàng qua hai chiếc băng, để dít ngay khoảng trống. Tên trưởng trật tự Dương Văn Hai bung đến một cái đĩa trong có để một nhúm bột màu đen. Hấn châm lửa đốt rồi đưa chiếc đĩa đầy lửa làm nứt da chảy nước rơi xuống kêu xèo xèo. Rồi chúng lấy đĩa ra, đi vào phòng anh Ba Vạn.

Một lát sau, chúng gọi anh em tù binh ra kè anh Minh và anh Ba Vạn vào phòng 1. Không biết chúng đốt anh Ba Vạn như thế nào, chỉ thấy miệng anh cháy đen, mắt đờ đẫn. Hỏi, anh lác đầu, lấy tay chỉ vào miệng, không nói ra lời. Anh không ăn uống được gì. Thấy sức khỏe của anh có vẻ nguy kịch, anh em đòi đưa đi cấp cứu. Hôm sau, địch gọi 4 tù binh ở phòng 1 ra, trong đó có anh Chớ, quê ở Bình Định. Khi trở vào, anh Chớ cho biết, anh Ba Vạn đã hy sinh. Bốn anh đã tưởng liệm và đem đi chôn ở đồi 100.

Chôn sống tù binh

Khoảng tháng 9-1970, một buổi sáng, bọn quân cảnh bắt chừng 25 tù binh từ nhiều phân khu, mỗi phân khu 3-4 người, đưa đến nghĩa địa đồi 100. Chúng bắt anh em ngồi bên ngoài nghĩa địa, cách chừng 20 mét và ra lệnh tất cả phải ngồi im nhìn, không được lên tiếng, không được động đậy. Nếu trái lệnh sẽ nổ súng. Lính quân cảnh bao vây dày đặc chung quanh anh em.

Một lát sau, chúng dẫn một tù binh đến. Anh này bị trói thúc kè, bị bịt mắt, mặc bộ đồ bà ba tù binh màu nâu, bước đi vấp ngã lạng quạng, nên bị quân cảnh xô đẩy chúi nhủi và chúng chửi thề liên tục. Vào trong nghĩa địa, chúng bắt anh ngồi xuống và ra lệnh cho bọn trật tự đào huyệt. Người tù binh bị bịt mắt ngồi im. Có lẽ anh không biết chúng đang đào hố chôn mình. Đào xong, bọn quân cảnh dẫn anh đến đập xuống hố. Anh vùng vẫy. Quân cảnh lấy báng súng đề anh xuống, ra lệnh cho bọn trật tự lấp đất chôn sống anh.

Địch cho một số anh em tù binh chứng kiến việc chôn sống người đồng đội, đồng cảnh của mình là để đe dọa anh em không được đấu tranh, không được chống lại chúng. Theo một số anh em kể lại, người tù binh bị chôn sống là một cán bộ quân đội cấp đại úy, tiểu đoàn trưởng. Khi bị địch bắt anh khai là chiến sĩ nên chúng giam giữ ở B2, một phân khu chiến sĩ. Sau đó, địch phát hiện chắc chắn anh là đại úy tiểu đoàn trưởng nên bắt anh ra đánh đập, buộc anh phải khai đúng cấp bậc của mình. Anh kiên quyết chống lại, nói mình chỉ là một chiến sĩ nên địch tức tối, đưa anh đi chôn sống.

Chiếu đèn

Có một cách tra khảo cũng dễ làm chết người. Đó là chiếu đèn điện lên mặt. Để thực hiện hành động dã man ấy, chúng trói tù binh lại và để nằm ngửa, đầu cột chặt xuống bàn, mắt băng keo rồi để đèn điện công suất lớn ngay trên mặt. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, người bị chiếu đèn mồ hôi vã ra, cơ bắp bị co lại như con cá bị sấy trên lửa. Một lúc sau, chúng tắt đèn, mắt người tù bị nổ. Con lạnh đột ngột kéo đến, người tù có thể sẽ chết ngay.

Nhiều lần nổ súng vào trại giam

Ngoài việc phạt vạ, đánh đập, dùng nhục hình làm nhiều tù binh chết và bị thương tật, địch còn thường nổ súng vào trại giam gây biết bao tội ác như vụ nổ súng làm gần 30 người chết và bị thương ở B6 cuối tháng 1-1969.

Tờ báo “*Dân*” xuất bản ở Sài Gòn số ra ngày 4-6-1970 có đề cập đến vụ nổi loạn của tù binh tại trại giam Phú Quốc ngày 30-5-1970. Trong phiếu trình cùng ngày 4-6-1970 của tên trung tá Đỗ Đức Tâm, trưởng khối quân sự vụ gửi tên thiếu tướng chánh văn phòng Tổng thống ghi như sau:

“Nhu thường lệ, vào mỗi buổi sáng, lúc 7 giờ, giám thị khu trại giam tập hợp tù binh. Đoàn trưởng tù binh điểm danh và báo cáo. Tuy nhiên vào sáng 30-5-1970, khi tập hợp, có một số tù binh đề bắt ông giám thị và giết chết ngay. Nhân viên gác trên đài quan sát khu giam có bắn chỉ thiên để dọa tù binh nhưng vô hiệu. Liên sau đó, số tù binh trong trại giam lợi dụng vụ lộn xộn toan vượt cổng để đào thoát ra rừng.

Thành phần ứng trực trại giam đã đến kịp thời và nổ súng vào đám tù binh toan vượt rào. Kết quả: 7 chết, 54 bị thương (22 nặng được đưa về tổng y viện cộng hòa). Nhân viên trại giam: 1 giám thị bị giết chết, 1 quân cảnh bị thương.

Đây là một vụ tàn sát khá lớn. Bên lề phiếu trình bày này có bút phê của Tổng thống ngự quyền Nguyễn Văn Thiệu: “Có lẽ Thủ tướng cho đại bác Đắc làm việc này có hiệu quả hơn là ở Chí Hòa”. Qua ý kiến của Thiệu, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm ra lệnh điều Trần Vĩnh Đắc ra làm Chỉ huy trưởng trại giam tù binh Phú Quốc.

Tuy nhiên, sự thật không phải tù binh toan vượt rào giữa ban ngày như vậy!

Hàng rào quanh trại giam gồm hàng chục lớp dây kẽm gai, bùng nhùng, bên ngoài xung quanh toàn là nơi đóng quân của quân cảnh và có một khoảng xa hoàn toàn trống trải, không thể công khai vượt thoát khỏi những họng súng liên thanh ở 6 chòi canh của liên phân khu lúc nào cũng sẵn sàng nhắm đạn. Do đó, muốn trốn khỏi trại giam, tù binh không dại gì vượt rào ban ngày như vậy.

Một vụ khác xảy ra đầu tháng 2-1970, địch đã bắn chết và làm bị thương hơn 40 tù binh ở A4.

Năm đó không có ngày 30. Sáng 29 Tết, địch cho bọn trật tự vào nhìn mặt, lôi người ra đánh. Biết ai mà nhìn? Chúng coi mặt người nào thấy không ưa là kéo ra đánh. Địch muốn làm một trận phủ đầu để ăn Tết.

Khi bọn trật tự vừa lôi anh em ra đánh, toàn phân khu ào lên đánh lại. Anh em chỉ đánh bằng tay không. Một số người dùng guốc cây đập vào đầu chúng nhưng không ăn thua gì. Nhờ đội xung kích có búa bừa củi khóa đuôi nên 3 tên trật tự bị chém chết tại chỗ, một tên bị móc cả hai mắt.

Địch cũng ở trong tư thế sẵn sàng, nên khi anh em vừa ào lên đánh trật tự, bọn

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

quân cảnh liền nổ súng yểm trợ. Anh em tù binh chiến đấu rất dũng cảm. Mặc dù quân cảnh nổ súng dữ dội, một số đồng đội đã ngã xuống, nhưng anh em vẫn quyết tâm diệt cho được một số tên để trừ hậu họa. Một lúc sau, bọn trật tự chạy thoát ra ngoài, để lại 3 xác chết và 1 tên bị thương rên la khóc lóc, quờ quạng mò đường ra cửa.

Bên tù binh, 13 người chết, khoảng 30 anh em bị thương. Chỉ huy trưởng trại giam đến, hứa sẽ không cho trật tự vào khu nữa và sẽ cung cấp lương thực thực phẩm đầy đủ theo tiêu chuẩn quy định. Anh em đồng ý cho đưa người bị chết và bị thương ra.

Hôm sau, địch vào bắt 19 người, phần lớn thuộc đội xung kích bữa củi, đem ra đánh tìm người chủ mưu, rồi đưa vào biệt giam 4 ngoài trời.

Khoảng giữa năm 1970, còn trong đợt cưỡng ép chiêu hồi, địch đưa một số anh em chiến sĩ quê miền Bắc từ D5 sang D4.

Tại đây, tuy không đánh đập cưỡng ép chiêu hồi như ở các phân khu chiến sĩ quê miền Nam, nhưng chúng cũng tìm cách hạ uy thế anh em. Chúng bắt tù binh trước khi ra khỏi cổng đi làm bên ngoài và khi về trước lúc vào phân khu, phải hô khẩu hiệu phục tùng kỷ luật của trại giam. Anh em không chịu hô. Bọn giám thị đe dọa sẽ trừng phạt, nếu không chịu tuân lệnh. Anh em bàn bạc phải kiên quyết chống lại, nếu không, được đảng chân lân đảng đầu, anh em sẽ bị khó khăn nhiều hơn.

Một buổi sáng, trước khi đi làm, địch lại bắt anh em hô khẩu hiệu. Anh em không hô. Tên giám thị xông vào đánh. Anh em đứng lên phản đối. Người từ các phòng cũng ủa ra sân hô khẩu hiệu đả đảo việc bắt hô khẩu hiệu và đánh đập tù binh.

Quân cảnh lập tức kéo đến bao quanh bên ngoài và nổ súng vào trại giam làm 1 tù binh chết, 8 người bị thương.

Nhưng, có lẽ người tù ở Phú Quốc không thể quên cuộc tàn sát đẫm máu nhất của địch, làm hàng trăm người chết và bị thương. Đó là ngày 6-5-1972. Hôm đó, buổi sáng, địch cho tập hợp toàn thể anh em phân khu B8 ra sân trống ngoài phân khu để chúng lục soát trong phân khu, tìm “vũ khí bén nhọn” và tìm hầm. Cuộc lục soát kéo dài gần đến trưa. Anh em ngồi ngoài trời, bị nắng nóng suốt mấy tiếng đồng hồ, vừa đói, vừa khát. Đến khoảng 10 giờ, địch mới cho anh em trở vào phân khu và đưa lương thực, thực phẩm đến cho anh em nấu cơm ăn. Cơm nấu bằng loại chảo lớn nên không thể nhanh được. Đến chiều anh em mới ăn xong bữa cơm sáng. Anh em đòi nấu tiếp bữa nữa, nhưng địch không cho, nói rằng trời đã tối, anh em mới ăn xong còn no và nếu nấu một bữa nữa, thì đến khuya mới xong, khó khăn cho chúng trong việc tuần tra canh gác. Hai bên tiếp tục giằng co nhau. Địch bắt anh em đem cà mèn ra không cho nấu tiếp. Anh em không chịu. Lính quân cảnh được lệnh kéo đến dàn bên ngoài B8. Tên tiểu đoàn phó tiểu đoàn 8 cùng với giám thị và quân cảnh kéo vào trong phân khu, lệnh cho anh em đem cà mèn ra. Anh em không đem. Lúc đó khoảng 20 giờ. Địch bắt

đầu đánh đập. Anh em bực tức đánh lại. Chúng vội vã tháo chạy và gọi bên ngoài nổ súng yểm trợ. Súng nổ như một trận đánh lớn, tầm bắn càng lúc càng hạ thấp. Anh em chết và bị thương hàng loạt, nhưng vẫn đánh bắt được tên giám thị trưởng Đinh Trọng Kính và tên trung sĩ Vũ Đình Khoan giữ lại ở phòng 6.

Một lát sau, tên trung tá Chỉ huy trưởng trại giam Bùi Bằng Dục đến đề nghị đưa người bị thương ra. Anh em đòi trừng trị tên chỉ huy đã ra lệnh nổ súng giết hại tù binh, từ nay chấm dứt bắn vào trại, phải phát cá tươi, lương thực đầy đủ, chôn cất người tử tế, để anh em đưa đi chôn và tổ chức lễ truy điệu, điều trị người bị thương đảng hoàng. Hắn chấp thuận.

Mặc dù giặc bung bít sự thật, chỉ báo cáo cuộc nổ súng này đã giết chết 13 tù binh, làm bị thương 56 người. Nhưng theo anh em trong phân khu B8, có khoảng 140 người chết và bị thương (có một số người bị thương nhẹ không báo cáo).

Đây là cuộc tàn sát lớn nhất xảy ra tại trại giam tù binh Phú Quốc.

Biệt giam

Khoảng giữa năm 1968, khi phong trào đấu tranh của tù binh lên cao, địch lấy hai phân khu B2 và A6 làm phân khu biệt giam. Đây là những phòng giam mà chúng áp dụng những hình thức quản lý và chế độ hết sức khắc nghiệt, độc ác đối với người tù. Trong phân khu chúng cho rào cách ly từng cụm ba phòng hoặc cách ly từng phòng, có chế độ kiểm soát thật gắt gao, tù binh thường xuyên bị phạt vạ, bị đánh đập hết sức tàn nhẫn. Các biệt giam nằm bên ngoài phân khu, ở khoảng đất trống giữa hai liên phân khu A + B và C + D. Có bốn biệt giam ngoài phân khu là biệt giam 2, 4, 5 và 6.

Tại biệt giam, địch lấy bùng nhùng quán nhiều lớp, trên lợp nhà dù, tù binh phải nằm dưới đất, không có chiếu, mùng mền. Riêng khu biệt giam 2, bên trong bùng nhùng địch còn cho dựng một lớp vỉ sắt, bề ngang hai tấm, bề dài ba tấm, một phần vỉ sắt được âm dưới đất và các tấm khác cột vào cọc sắt chồng lên cao khỏi đầu, nên cũng bằng sắt, trên phủ nhà dù. Biệt giam 2 khá kiên cố, rất nóng nực vì vỉ sắt cản gió và ánh sáng rất ít được lọt vào.

Biệt giam 2 có diện tích 54 mét vuông nhưng có lúc địch giam đến 180 người. Ở trong biệt giam, anh em chia ra, phân nửa nằm, phân nửa ngồi. Khi quân cảnh đổi gác, anh em cũng đổi phiên, người nằm ngồi dậy, người ngồi nằm xuống. Lúc ngủ phải nằm nghiêng, co chân gác lên vai người trước. Lúc đông quá, không đủ chỗ nằm, anh em phải phân chia một số người đứng. Khi đến phiên, một số người ăn ngủ đều phải đứng.

Mỗi ngày chúng cho ăn hai bữa cơm, vào lúc 10 giờ đến 16 giờ. Mỗi bữa ăn, mỗi người được một nắm cơm vắt bằng cái bóng đèn tròn, ăn với một ít muối hột. Người đem cơm ra bới và trực tiếp vắt rồi cho từng người trước mặt giám thị chứ chúng không cho vắt sẵn trong phân khu, sợ anh em vắt thật chặt, cơm nhiều hoặc giấu thức ăn trong

vắt cơm hay cho nhiều muối. Anh em trong biệt giam cầm cục cơm ăn bằng bàn tay dơ dáy, hôi hám chứ không có dụng cụ gì cả.

Mỗi người một ngày chỉ được một ca uống, vào hai bữa ăn, sáng nửa ca, chiều nửa ca. Anh em phân cặp với nhau uống nước, sáng người này uống trước, chiều người kia uống trước cho “công bằng”.

Ở trong biệt giam, những lúc nóng nực, mọi người đều cởi trần truồng. Anh em lấy quần áo nối lại thành một sợi dây dài có tua lòng thòng cột ngang biệt giam rồi phân công hai người đứng đưa như đưa võng cho có gió, đỡ ngột ngạt.

Thùng cầu tiêu để ở góc tây nam. Bốn năm ngày mới đi tiêu một lần vì ăn uống chẳng có bao nhiêu. Khi tiêu phải xé tí chút quần áo của mình để chùi.

Khoảng một tháng rưỡi hoặc hai tháng địch mới cho tắm một lần. Mười người tắm một nửa phuy nước, nhưng vì thùng phuy bị đục lỗ xỏ quai và khiêng đi lắc đổ nên còn không được nửa phuy. Gặp nước, anh em vô lấy uống dù biết rằng đó là nước sông và bị quân cảnh đánh đập. Chúng hối thúc anh em tắm cho nhanh nên anh em chẳng kịp kỳ cọ gì, chỉ chà xát qua loa và đứng ra cũng không có nước để tắm cho sạch.

Hàng ngày không có nước rửa ráy, không có thuốc men trị bệnh, nhiều người bị ghẻ lở toàn thân rất hôi thối. Bọn quân cảnh canh gác phải đứng phía đầu gió cách vài chục mét mới chịu nổi. Điều kiện vệ sinh như vậy, nên rận rất nhiều. Mỗi ngày một người giết ít nhất một chục con nhưng cũng không hết. Thỉnh thoảng, khi nghe có tin phái đoàn quốc tế đến, địch đưa anh em giấu ở rãnh tranh và cho quét dọn, làm vệ sinh trong biệt giam nên có đỡ rận muỗi được ít hôm.

Tên thượng sĩ nhất Nhu trực tiếp cai quản biệt giam 2. Vì vậy, biệt giam 2 cũng là biệt giam ác liệt nhất. làm cho nhiều anh em bị thiệt mạng hoặc bị tàn phế. Biệt giam là nơi địch giam giữ những người chúng cho là lãnh đạo đấu tranh, những người cứng đầu, kiên quyết chống lại chúng, những người nhận trách nhiệm diệt bọn mật báo, bọn trật tự hoặc tổ chức vượt trại. Tất cả anh em này, trước khi bị đưa đến biệt giam, phải trải qua những trận đòn hết sức khốc liệt ở Ban điều hành, Ban an ninh. Có những anh em, khi đến biệt giam đi không nổi nữa.

Thế nhưng, trước khi vào biệt giam, mỗi người đều phải làm “thủ tục nhập trại”. Tùy từng nơi từng lúc, “thủ tục nhập trại” có thể là năm chày vô vào mắt cá, mười thước bảng vào ngực, năm gậy vào cùi chỏ hoặc nộp cho thượng sĩ nhất Nhu hai cái răng. Ít khi chúng miễn thủ tục nhập trại, họa chăng là vì chúng quá mệt mỏi.

Chiều chiều, bọn an ninh thường vào biệt giam đánh anh em. Nhiều khi chúng rủ 4, 5 tên kéo nhau đến biệt giam lôi anh em ra đánh đập, chửi bới. Những lúc rượu đã nhập tâm, chúng càng tỏ ra hung hăng hơn. Chúng đánh anh em không để khai thác tin tức, cũng không phải vì anh em vi phạm kỷ luật, mà để trút mối căm thù lên những người cách mạng đã sa cơ, để trả thù những thiệt hại của chúng trên chiến trường, có khi chỉ đơn giản là để giải trí.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trước mỗi bữa ăn, một số anh em phải lãnh mỗi ngày 5-10 gậy để cho “ngon miệng” hay “máu dễ lưu thông” như tên Nhu thường nói. Ban đêm thỉnh thoảng chúng cho mang thùng nước xà phòng hoặc nước có hòa tiêu hay ớt vào dội lên anh em gọi là để cho “tỉnh giấc”.

Vì ăn uống thiếu thốn, không có những điều kiện vệ sinh tối thiểu, nên tất cả mọi người trong biệt giam đều bị suy dinh dưỡng, người còn da bọc xương, một số người bị bệnh kém dẫn thị lực hoặc mù hẵn như anh Hà Văn Thạnh. Anh Thạnh trước kia công tác an ninh ở khu Sài Gòn - Gia Định. Bị nhốt trong biệt giam 2 lâu ngày, đôi mắt anh bị kéo mây, mờ dần rồi mù hẵn. Sau khi trao trả, anh được đưa sang Cộng hòa dân chủ Đức điều trị, nhưng không khỏi. Anh mất năm 1990, sau gần 20 năm sống không có ánh sáng. Anh Lê Tấn Quốc khi bị bắt là Ủy viên Ban cán sự FK6 (Sài Gòn - Gia Định) nay đôi mắt chỉ thấy lờ mờ vì bị 325 ngày nhốt trong các biệt giam. Biệt giam ác liệt đến nỗi từ biệt giam về phân khu giam, anh em cảm thấy như từ nhà tù về nhà mình...

Kẻ địch không bao giờ chịu để cho tù binh yên. Anh em phải liên tục đấu tranh, bất chấp sự dã man, tàn bạo của kẻ thù. Ở trại giam Phú Quốc, tính chất khốc liệt thật khó mà diễn tả đầy đủ được. Ý chí bất khuất, kiên trung của người chiến sĩ cách mạng cũng không giấy bút nào diễn tả hết được.

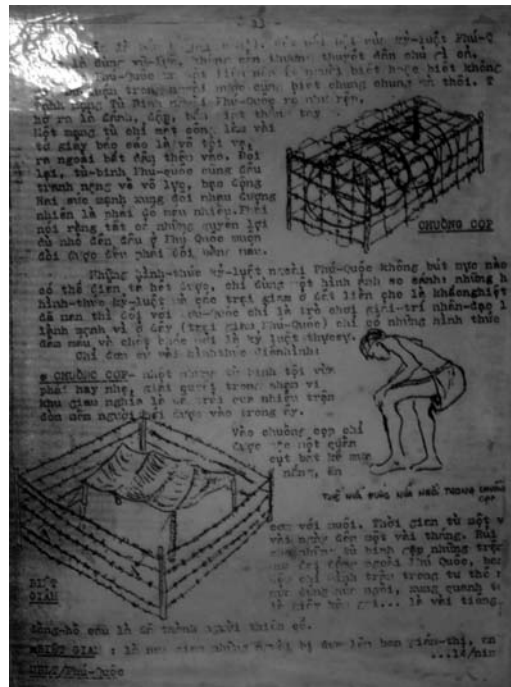
(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)

CÁC HÌNH THỨC ĐÀN ÁP KHỦNG BỐ TỪ BINH Ở PHÚ QUỐC

- Chuồng cộp kẽm gai
- Lộn vĩ sắt
- Đánh bằng chày vồ
- Đánh bằng gậy
- Đánh bằng roi cá đuối
- Gõ thùng
- Đục răng và bẻ răng
- Lấy móng tay, móng chân
- Bớt cơm, nước
- Đóng đinh vào người
- Đục lấy xương bánh chè
- Nướng sắt đỏ đâm xuyên bắp chuối
- Ném người vào chảo nước sôi
- Nướng người
- Rà đèn điện cho mù mắt
- Đổ nước xà phòng sôi vào miệng
- Đốt miệng và đốt hạ bộ
- Chôn sống tù
- Chiếu đèn
- Nổ súng vào phòng giam
- Biệt giam
- Bỏ người vào bao quảng xuống biển
- Dùng ván xiết ốc vít ép vào ngực tù binh cho đến chết
- Tra điện

CÁC HÌNH THỨC ĐẤU TRANH CỦA TÙ BINH Ở PHÚ QUỐC

- Đấu tranh chính trị
- Đấu tranh trực diện
- Tuyệt thực
- Diệt mật báo và bọn trật tự
- Đánh bắt quân cảnh, trừng trị giám thị
- Mổ bụng để đấu tranh
- Đấu tranh chống chiêu hồi và lập trại tân sinh hoạt
- Tổ chức vượt ngục bằng nhiều hình thức



TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC TỘI ÁC DÃ MAN CỦA GIẶC VÀ Ý CHÍ KIÊN CƯỜNG, BẤT KHUẤT CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG

“**T**rại giam tù binh Cộng sản” theo cách gọi của Mỹ - ngụy ở Phú Quốc thực sự là một nhà tù lớn, được bao bọc bởi hàng chục lớp hàng rào kẽm gai kiên cố, đủ loại, có mìn gài quanh, giữa hàng rào có đường ô tô chạy xung quanh để giặc thường xuyên tuần tra; Chòi canh, ụ súng dày đặc.

Nhà tù Phú Quốc dưới thời Mỹ - ngụy được chia làm 12 khu, mỗi khu có từ 40-42 nhà giam (tổng số có trên 500 nền dẫy nhà). Mỗi khu giam từ 3.000-3.400 tù nhân. Trong mỗi khu giam lại gồm có 4 phân khu (A, B, C, D) - Mỗi phân khu có 9 dãy phòng, nhà tiền chế loại 100m² - Đó là cách địch giam giữ tù nhân phân tán, cách ly, chia nhỏ để dễ bề quản lý, khống chế...

Vòng ngoài trại giam là hệ thống căn cứ của địch được bố trí không chỉ liên quan tới quân sự của đảo mà còn nhằm hỗ trợ kiểm soát tù nhân khi cần thiết. Đó là căn cứ hải quân vùng IV với hải đoàn mang bí số 42 nằm ở phía cực Nam đảo (cùng với chính quyền hành chính của ngụy quyền ở xã An Thới); Phía Bắc đảo có Rạch Đầm giống như một hàng rào tự nhiên ngăn 2 vùng, tại đây có Ban chỉ huy Tiểu đoàn 505 Bảo An, chỉ huy 5 liên đội chốt giữ các cao điểm xung quanh; các đồn chốt án ngữ từ Đông sang Tây dọc theo con Rạch Cầu Sáu; Về phía Tây Bắc có ngọn đồi 161 địch xây dựng đài Ra đa do 2 trung đội lính án ngữ, có nhiệm vụ kiểm soát vùng đảo và cả vùng vịnh Thái Lan.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngoài hệ thống các giám thị, trại giam còn có 4 tiểu đoàn quân cảnh thường trực làm nhiệm vụ canh giữ tù binh. Trong trại giam còn có 3 trung đội quân khuyến (chó) làm nhiệm vụ canh giới và truy lùng tù nhân nếu đào thoát. Các đơn vị quân bảo vệ sân bay, tiếp lương, quân y... cũng được địch bố trí đầy đủ... Như vậy, nhà tù Phú Quốc, đã thực sự là một nhà tù lớn nhất mà Mỹ - ngụy sử dụng giam tù binh.

Nhà tù Phú Quốc - Một chứng tích lịch sử mãi mãi ghi dấu những tội ác man rợ của Đế quốc Mỹ và tay sai. Sự ác độc và xảo quyệt của giặc khó mà diễn tả đầy đủ được. Chúng đối xử với người tù không bằng đối xử với một con vật. Những hành động tội ác của giặc ở nhà tù Phú Quốc không chỉ biểu hiện bằng dùi cui, báng súng, mũ giày... thường xuyên sử dụng đánh tù mà đó còn là những hình thức tàn bạo khác như: Giam nhốt chuồng cọp; Lộn vĩ sắt có máu; Đánh bằng chày vôi; Đánh bằng roi cá đuối; Gò thùng; ném người vào chảo nước sôi; Đục - bẻ răng; Lấy móng tay, móng chân; Đóng đinh vào cơ thể; Đục lấy xương bánh chè; Nung sắt đỏ đâm xuyên bắp chuối; Đốt miệng, đốt bộ hạ; Chôn sống... Chỉ nghe qua thôi, không ít người đã rùng mình, ghê tởm. Vậy mà bọn ác ôn ở nhà tù Phú Quốc thường xuyên dành cho người tù những đòn tra tấn độc ác, tàn bạo như vậy.

Giờ đây đến thăm khu di tích nhà tù Phú Quốc, tận mắt chứng kiến một số dụng cụ bọn giặc dùng để tra tấn, để hành hạ người tù, người xem không khỏi xúc động, không khỏi bàng hoàng, kinh sợ và căm thù bọn “mặt người dạ thú”. Tội ác của giặc thật là “Trời không dung, đất chẳng tha”!

Có lẽ vì sự khốc liệt ấy mà mặc dù nhà tù tồn tại chỉ trong 6 năm (1967-1973), trong số hàng vạn chiến sĩ bị giam cầm ở đây (lúc cao nhất là tới 40.000 người), đã có hơn 4.000 người bị chết trong các trại giam, hàng nghìn người bị tàn tật suốt đời; Nỗi đau thương không thể kể hết được!

Nhưng cũng chính tại nhà tù Phú Quốc, ý chí quật cường của những người chiến sĩ cộng sản đã được thể hiện sâu đậm, bền bỉ. Những cuộc đấu tranh quyết liệt với địch đòi cải thiện chế độ sinh hoạt, chống tra tấn, đánh đập tù nhân... diễn ra thường xuyên. Đặc biệt, trong hoàn cảnh bị giam cầm và khủng bố ác liệt, những người chiến sĩ cách mạng trong nhà tù vẫn luôn giữ vững khí tiết, kiên quyết bảo tồn phẩm chất cách mạng của mình cho tới ngày trở về với đội ngũ.

Địch âm mưu dùng mọi thủ đoạn thâm độc, tàn ác nhằm hủy diệt về thể xác và tinh thần của người chiến sĩ ngay từ lúc bị bắt đến suốt thời kỳ bị giam tù, hòng buộc họ phải theo “chính nghĩa quốc gia”. Những người chiến sĩ đã kiên quyết chống lại âm mưu đen tối đó, bảo vệ bằng được lý tưởng, không run sợ và khuất phục trước đòn roi và sự tra tấn dã man của địch.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Niềm tin vào chiến thắng, vào cách mạng cùng với khát vọng tự do đã trở thành động lực mạnh mẽ để các chiến sĩ tìm mọi cách vượt ngục. Vượt ngục đã trở thành “truyền thống” của các tù nhân ở nhà tù Phú Quốc với rất nhiều cách khác nhau. Đã có 41 vụ vượt ngục, trong đó có 16 lần vượt lẻ tẻ, 14 lần vượt rào, 4 lần ra bằng đường hầm, 7 lần cướp súng của địch... Thành công nhiều mà thất bại cũng không ít. Song, không gì ngăn cản được ý chí vượt ngục của tù nhân ở đây. Họ tổ chức cướp súng của gác khi đi lao động ngoài trại tạm giam để vượt ngục; Họ cùng nhau phá rào, vượt rào ban đêm để vượt ngục; Có trường hợp nằm trong thùng rác hôi thối để anh em khiêng đi đổ rồi vượt ngục... Đặc biệt là những kỳ tích về đào hầm ngầm từ nhà giam thoát ra ngoài để vượt ngục chỉ với những chiếc muỗng nhỏ xíu tự tạo... Ý chí, khát vọng của con người, của các chiến sĩ bị giam cầm trong nhà tù Phú Quốc thật vô cùng lớn lao!

Đã có hơn 400 người vượt ngục ra ngoài, nhưng chỉ có 239 người đến được đích. Mới hay gian khổ, quyết liệt làm sao! Tổ anh Hai Hội, anh Tư Phước phải đi mất 11 ngày mới gặp được cơ sở; Tổ anh Ba Toàn có 6 người may mắn hơn đi mất 6 ngày; Tổ của anh Hồng lại mất tới 16 ngày đói khát để tìm về được với căn cứ của ta... Và còn bao nhiêu người khác, tổ vượt ngục khác, biết bao nhiêu ngày? Ai còn ai mất? Nhưng điều quan trọng hơn là họ ra tù không phải để trốn chạy, để dung thân, hay chỉ để tránh nỗi khổ đau chết chóc nơi nhà tù. Hầu hết những người thoát ra đều mong được tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù tàn bạo, giải phóng quê hương, trả thù cho đồng chí, đồng bào. Ấu cũng là khí tiết của người cách mạng, của những chiến sĩ cộng sản.

Thế nhưng, nói tới các cuộc vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc không thể không nói về sự hậu thuẫn cần thiết của các cơ sở cách mạng trên đảo. Vì tin là trên đảo có cơ sở của ta nên anh em tù mới càng tích cực tổ chức vượt ngục tìm về căn cứ. Điều đó cũng còn do sự quan tâm và phối hợp tích cực của cơ sở bên ngoài nhà tù. Đặc biệt là Huyện ủy Phú Quốc ngày đó, đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tìm mọi cách mách bảo cho anh em tù binh biết ở trên đảo có lực lượng cách mạng đang hoạt động (như treo cờ, bắn súng...). Huyện ủy còn tổ chức các tổ đón người tù vượt ngục ra, tạo điều kiện chăm sóc sức khỏe và bố trí công việc theo yêu cầu của họ. Nhiều lần đồng bào ở các vùng Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Cửa Cạn gặp anh em tù vượt ngục đã cho ăn uống và chỉ hướng đi tránh gặp địch; Có người còn giúp che chở anh em và dẫn đường cho họ tới căn cứ an toàn. Người chiến sĩ vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc cũng không bao giờ quên sự giúp đỡ quý báu của nhân dân, của tổ chức trên đảo.

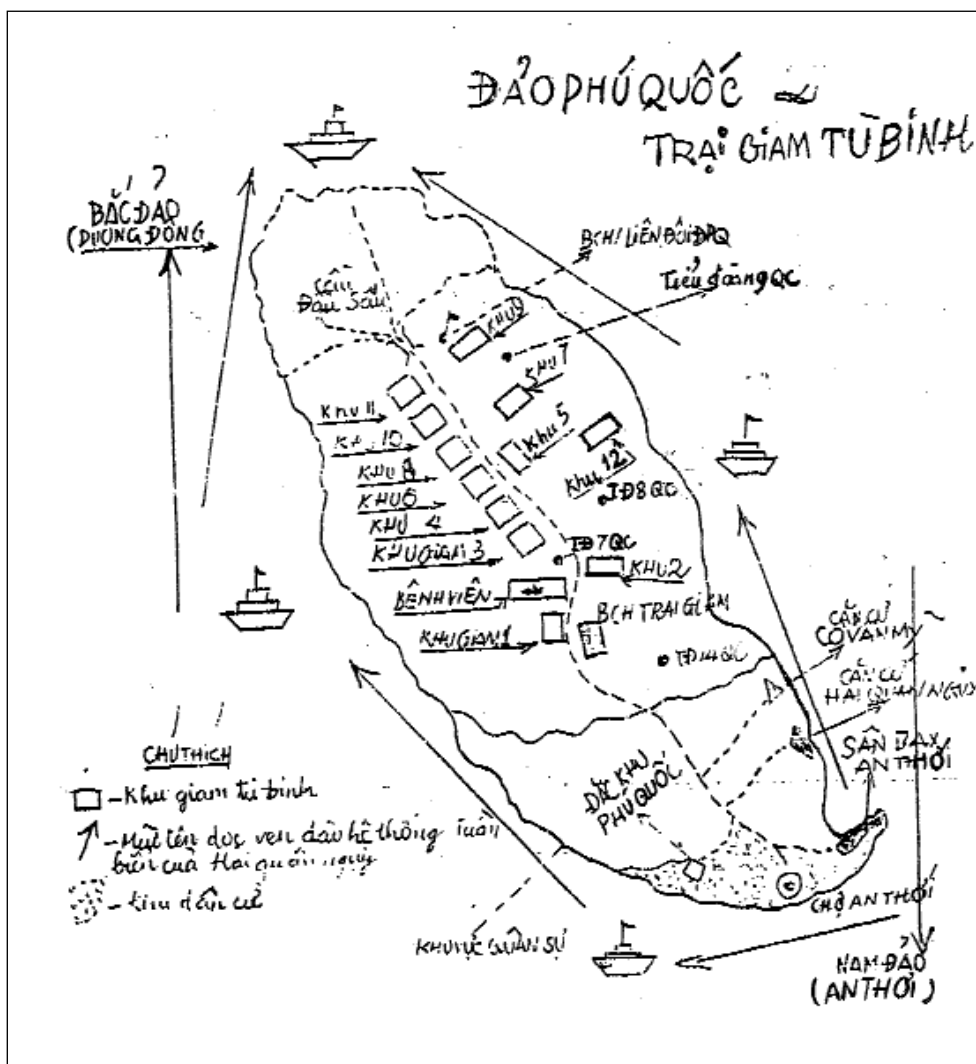
Hơn 30 năm đã trôi qua, trên những cánh rừng, những miền quê, dấu tích của chiến tranh không còn là mấy, nhưng dấu tích chiến tranh trong cuộc sống con người, trong ký ức con người thì vẫn còn đây ắp. Nhà lao Cây Dừa - Nhà tù Phú Quốc nơi giam giữ hơn 40 ngàn tù binh, dấu tích vẫn còn đó; Khu nghĩa trang yên nghỉ của hơn

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

4.000 liệt sĩ đã hy sinh ở nhà tù Phú Quốc cũng vẫn còn đó; Bao con người, bao nhân chứng lịch sử vẫn còn đó... Mãi mãi là biểu tượng cho một thời đau thương và oanh liệt mà các thế hệ mai sau không thể quên, không được quên! Nhà tù Phú Quốc - Một chứng tích lịch sử của Phú Quốc, của Kiên Giang, của cả nước, sẽ mãi là niềm đau và lòng tự hào của chúng ta!

VĂN VIỆT

SƠ ĐỒ TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC



MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



*Toàn cảnh Căng Cây Dừa
(1953 - 1954)*

Ảnh: TL



*Nhà giam của Căng Cây Dừa
(1953 - 1954)*

Ảnh: TL



Tù nhân ở trại giam Căng Cây Dừa

Ảnh: TL



Phòng giam tù nhân nữ của Căng Cây Dừa

Ảnh: TL

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



Trụ cổng Bộ chỉ huy trại giam Phú Quốc

Ảnh: TL



Cổng kỷ luật trại giam Phú Quốc

Ảnh: TL



Một trong 5 nhà tiên chế của Bộ Chỉ huy trại giam Phú Quốc

Ảnh: TL

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



*Một nhà giam của
trại giam tù binh Phú Quốc*

Ảnh: TL



*Nhà thờ trong trại giam Phú Quốc,
địch dùng làm nơi điều tra
thẩm vấn tù binh*

Ảnh: TL



*Ở một phân khu giam của trại
giam tù binh Phú Quốc
(tháng 3 - 1973)*

Ảnh: TL

CHUÔNG CỌP KẼM GAI SỰ TÀN BẠO CỦA KẼ THÙ

Cùng với cuộc chiến tranh xâm lược tiến hành ở miền Nam nước ta, Đế quốc Mỹ đã huy động cả một bộ máy khổng lồ phục vụ cho cuộc chiến. Trong đó, chúng nghiên cứu mọi thủ đoạn, mọi hình thức dã man, thâm độc nhằm đàn áp, tiêu diệt lực lượng cách mạng, phục vụ mưu đồ xâm chiếm lâu dài của chúng.

Theo đó, ngay từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, khi quân Mỹ tràn sang miền Nam Việt Nam, lực lượng “MŨ NÔI XANH” thuộc thủy quân lục chiến Mỹ, cùng với lực lượng C.I.A đã mở một *trung tâm* huấn luyện chương trình chống chiến tranh du kích ở trường ForBrass của Mỹ và tại đây *chuông cọp kẽm gai* đã được nghiên cứu, sau đó đào tạo một lực lượng huấn luyện sử dụng và xây dựng chuông cọp kẽm gai nhằm đàn áp lực lượng chiến tranh du kích bị bắt bị giam mà sự thể nghiệm quan trọng đã được thực hiện tại miền Nam Việt Nam, tại trại giam tù binh Phú Quốc.

Ở miền Nam nước ta, Mỹ ngụy đã sử dụng có thể nói là hàng vạn tấn kẽm gai để xây dựng các công sự, phát triển hàng rào cách ly các ấp chiến lược, cách ly dân và du kích (“tách cá khỏi nước”). Song song với đó, hàng ngàn tấn kẽm gai, hàng triệu cuộn (nồi) kẽm gai được thể nghiệm chuông cọp tại trường ForBrass đã được đưa qua các ấp chiến lược, các nhà tù, các trại giam và các căn cứ quân sự tại miền Nam Việt Nam với mục tiêu hoàn chỉnh chương trình chống chiến tranh du kích, biến miền Nam Việt Nam thành nhà tù khổng lồ, trại giam khổng lồ.

Ở nhà tù Phú Quốc, đế quốc Mỹ đã sử dụng chuông cọp kẽm gai như một chương trình thể nghiệm quy mô lớn nhất và cũng là tàn bạo nhất.

Ở trại giam Phú Quốc, “Chuông cọp kẽm gai” được coi là đề tài chính của chương trình nhằm đàn áp tù nhân, tù binh, tiêu diệt sinh mạng của tù binh, xóa bỏ lý tưởng của tù binh và được áp dụng tại trại giam này từ năm 1966 đến năm 1973.

Chuông cọp kẽm gai là biểu hiện hành động đẫm máu, một tội ác mà tác giả cuộc chiến tranh là chính phủ Mỹ; là một bằng chứng tội ác của Mỹ và chính quyền tay sai

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

ở Sài Gòn câu kết đánh phá sinh mạng, linh hồn con người – vi phạm “quyền con người” không thể tả xiết, không thể dung tha được.

*

* *

Trại giam tù binh Phú Quốc là điển hình về sử dụng kẽm gai, cả trại giam đã được bao bọc bằng kẽm gai dày đặc với hàng chục lớp rào. Nhưng không chỉ có vậy, chúng còn sử dụng rất nhiều loại chuồng cọp kẽm gai để đàn áp tù binh. Trên đảo coi như có 3 phân khu biệt giam – có 3 chuồng cọp chung trên đảo – loại chuồng cọp lớn ngang phân khu.

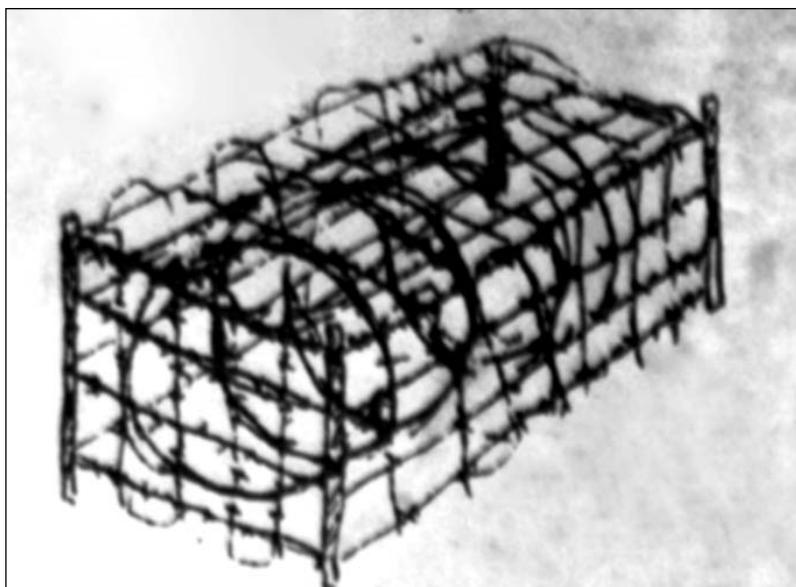
Thời kỳ 1969 – 1970, khu 2 có 1 nhà lều biệt giam ngoài sân cỏ, A2 và B2, mỗi phân khu có một phòng biệt giam nhà tôn. Những ngày ác liệt của C8 từ 23-9-1970 đến 3-10-1970 có một phòng biệt giam (là phòng số 8).

Các khu giam có biệt giam ngoài sân cỏ là khu 4, khu 5, khu 6, khu 2 (loại chuồng cọp kẽm gai, phủ lều vải trên nóc nhà).

Như vậy, trại giam tù binh Phú Quốc là một biệt giam khổng lồ, dày đặc hàng chục lớp kẽm gai. Mỗi phòng biệt giam trong chu vi phân khu hay ngoài sân cỏ đều là “chuồng cọp” biệt lập với đầy đủ kẽm gai nhốt tù như nhốt cọp. Bốn chục chuồng cọp trong phân khu đúng theo nghĩa nó là chuồng nhốt tù trong phân khu thuộc quyền khai thác đánh đập của giám thị các phân khu giam. Năm trăm nhà tôn giam tù cũng có kẽm gai cách ly từng ô, từng phòng, từng dãy (dãy trên, dãy dưới, bên trái, bên phải).

Như vậy, chuồng cọp kẽm gai bao gồm sự đa dạng cả về quy mô và cách thức thể hiện sự hành hạ đối với người tù.

Kẽm gai được sử dụng với uy mô toàn trại, đó là một trại giam có nhiều kẽm gai,



Chuồng cọp kẽm gai ngoài trời

Ảnh: TL

không có tường xây, không có vách cây, có nhiều cọc sắt, có nhiều cột sắt hơn gỗ. Nếu tính kỹ từ ngoài vào trong trại, từ rào giới hạn trong đến rào giới hạn ngoài, có cả thảy 12 lớp rào kẽm gai chưa kể bùng nhùng. Có thể coi đó là một chuồng cạp kẽm gai khổng lồ.

Bên cạnh đó, các phân khu biệt giam cũng là chuồng cạp kẽm gai giam hàng ngàn tù binh; Nhà tôn giam tù là 500 chuồng cạp kẽm gai nhốt hàng trăm tù có mái tôn; 40 chuồng cạp kẽm gai thật đúng là chuồng cạp kẽm gai nhỏ không có mái tôn, có cọc sắt tù binh ăn ỉa tại chỗ và các phân khu biệt giam cũng là chuồng cạp kẽm gai giam hàng ngàn tù binh.

Các phòng biệt giam là chuồng cạp kẽm gai nhà tôn, giam khoảng 100 tù binh. Các phòng này đi lại bị hạn chế, bị giám sát, bị phạt nhiều hơn. Tất nhiên phòng biệt giam thiếu thốn mọi bề, không ai lai vãng tới. Và như vậy, nơi nhốt tù có giăng nhiều lớp, nhiều tầng kẽm gai; tù trong đó bị đánh đập, khai thác, sinh hoạt, đi lại hạn chế, sống như ở địa ngục. Đó là **chuồng cạp** (kẽm gai phải có nhiều).

Phải thừa nhận rằng không có nơi nào dã man hơn kiểu biệt giam, chuồng cạp này. Trong đó, **nổi bật nhất tại đây là** biệt giam chuồng cạp nhà lều khu 2: Ở đó nhiều tù binh đã bị đục gãy răng tại chuồng cạp sân banh khu 2; Có tù binh sắp chết còn bị bẻ răng nhiều tù binh bị đánh bằng gậy đầu sanh, đầu tử (sanh còn về, đồ thì chết). Ghê lở đầy thân, vệ sinh quá thiếu thốn dẫn đến nổ con người, mắt đui mù...

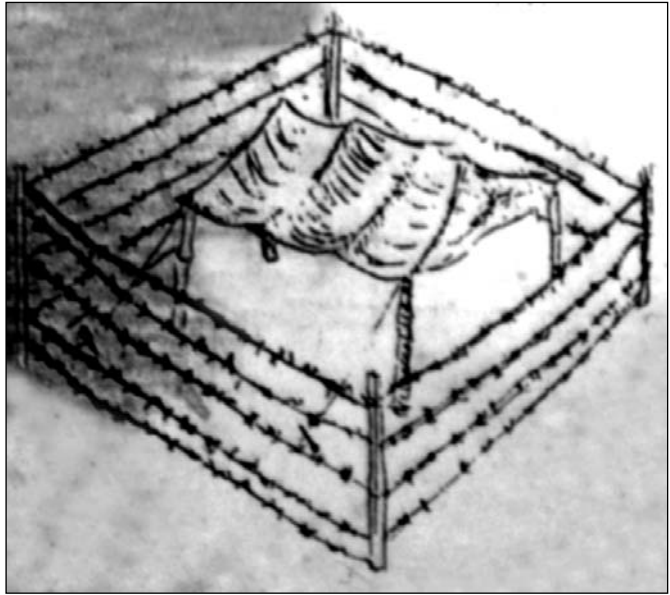
Tù ở chuồng cạp này, 1 tuần có 2 ca cấp cứu chết sống ra sao, không ai biết. Có tù binh khát nước uống 2 ca nước ngập chết tại chỗ. Phần đông đến ngày ra sân, sau 2,3 tháng bị nhốt, tù binh không thấy đường đi, quờ quờ, quạng quạng như kẻ đui mù. Đó là loại chuồng cạp kẽm gai dựng bằng nhiều vĩ sắt đường băng sân bay có lỗ tròn. Diện tích ngang 3m, dài 9m nhốt chật người tù: Người nằm gối đầu người ngồi, người đứng chỉ một chân cho đủ chỗ. Chuồng cạp này nồng nặc mùi mồ hôi, mùi phân và nước tiểu, mùi ẩm của nền xi măng không có ánh sáng chiếu vào. Tù binh phải ở trần truồng, lấy áo quạt 24/24 giờ cho đỡ nóng. Chuồng cạp kẽm gai này có thêm một tấm lều vải phủ kín che hết ánh nắng (sáng) của 180 tù binh bị giam cầm từ giữa năm 1969 đến cuối năm 1970. Bọn cai tù đã trở hết tài độc ác nhất đối với tù binh gây ra những tội lỗi tày trời.

Chuồng cạp nhỏ cũng gồm nhiều loại khác nhau: Loại chuồng cạp theo kích thước ngang: 1m20, dài 1m60, cao 0m80, nhốt 5 tù binh còn có chỗ ngồi, nằm, dễ thở. Nhốt 10 hoặc 20 tù binh thì quá chật chội. Nằm - ngồi đều thiếu đất. Chiều cao 0m80 còn ngồi, chiều cao 0m70 hoặc 0m50 ngồi đụng đầu mà nằm thì không đủ thẳng chân. Có loại chuồng cạp quay 2 cuộn kẽm gai loại séc-ti-na quay tròn, có 2 móc gài lại thay cánh cửa hàng rào. (Chuồng cạp này không có nóc, thấy trời lồng lộng). Thông thường chuồng cạp có 5 phía chằng kẽm gai, mặt đất chuồng cạp là đất cát. Có khi rải đá lỏm ngổm phạt nằm đau lưng, tra tấn bằng đá sỏi, đá xanh cạnh nhọn.

Có chuồng cạp có 2 phần: 1/2 chuồng thấp, nửa chuồng cao. Chui vào chuồng thấp thì nằm chứ không thể ngồi được. Chui vào chuồng cao đứng thẳng đụng đụng

kẽm gai trên đầu. Ngồi xuống thì kẽm gai chĩa vào đít. Ngồi thẳng dưới hàng kẽm gai thì đụng đầu vào kẽm gai.

Lại có loại chuồng cộp phân nửa hầm sâu 1m, trên là chuồng kẽm gai cao 0m4. Đứng thì đầu đụng kẽm gai, nước dơ tới đầu gối, không nằm được. Phải đứng khom khom, lạnh lẽo suốt ngày đêm. Đó là **chuồng cá sấu** (diện tích ngang 1m5 x dài 2m). Còn loại chuồng cộp Séc-tina nhốt một tù mà chúng cho là đầu sỏ giữa sân trại, thiếu ăn, thiếu nước ngọt nghèo. Giám thị cấm nằm ban ngày, chỉ được ngồi mà không được nằm.



Biệt giam

Duy nhất tại khu 2, sau khi giải tán chuồng cộp biệt giam nhà lều, bộ chỉ huy cho thay “một cuồng cộp khác bằng sắt bốn phía đó là thùng “cát sỏ” rộng 2m x dài 4m x cao 2m”. Loại thùng này kiểu thùng côn-ten-nơ loại nhỏ, khóa kỹ, kín mít ngột thở đêm lạnh, ngày nóng. Hình phạt này là kiểu chuồng cộp Cát-sỏ.

Chuồng cộp kẽm gai ở trại giam Phú Quốc luôn gắn liền với những tội ác đẫm máu của bọn ác ôn, cai ngục. Tù binh Phú Quốc thừa hiểu chuồng cộp, biệt giam, khái niệm hàng rào kẽm gai tra tấn tàn bạo. Có khi tù binh chưa bị đánh nhưng bị đưa vào chuồng cộp rồi sau đó bị kêu đi tra tấn suốt ngày, lại đưa về chuồng cộp nằm. Cũng có trường hợp bị tra tấn có thương tích bị đưa vào chuồng cộp. Tù bị nhốt ở chuồng cộp mặc một quần đùi, ở trần. Trời lạnh bị đổ nước lạnh cho lạnh thêm. Trời nắng, có khi đổ than tro cho nóng thêm. Thời gian bị nhốt chuồng cộp có khi đến hàng tháng. Người bị đen sạm nắng nếu nóng sốt là dẫn đến chết người. Có trường hợp, đêm lạnh chết cứng từ khuya, sáng giám thị cho lôi xác đi chôn. Mức ăn uống tại chuồng cộp bị khám xét chặt chẽ. Muối sống là thức ăn duy nhất. Bàn tay máu của bọn cai ngục có thể tóm tắt: Chuồng cộp kẽm gai, roi cá đuối, cán búa, chà vồ... Tù binh chuồng cộp chết, giám thị làm tờ trình hai dòng đưa đi đòi 100 hoặc đôi 37 là xong.

Chính chuồng cộp kẽm gai tại trại giam tù binh Phú Quốc là công cụ ghê tởm để bọn đao phủ giết tù binh cả thể xác lẫn linh hồn. Tội ác thật không gì so sánh được.

LÊ ÚT LONG

(Cựu tù binh Phú Quốc)

Ý CHÍ BẤT KHUẤT CỦA NHỮNG CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG

CÒN HƠI THỞ LÀ CÒN CHIẾN ĐẤU

Người chiến sĩ cách mạng, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, khi còn hơi thở là còn phải chiến đấu. Lúc là một người tự do, anh chiến đấu trong đội ngũ của mình, có sự lãnh đạo của cấp trên, có quân chúng nhân dân, có lực lượng vũ trang, có vũ khí trong tay và khi tình hình bất lợi có thể tạm lánh một nơi chờ khi thời cơ thuận lợi thì xuất hiện đánh địch. Đến khi bị địch bắt, người chiến sĩ cách mạng vẫn phải chiến đấu nhưng trong một môi trường hoàn toàn khác, không có sự lãnh đạo của cấp trên, không có nhân dân, chẳng có vũ khí và cũng chẳng có thể tránh mặt mà phải luôn luôn đối mặt với quân thù và đấu tranh chủ yếu bằng sự chịu đựng những cuộc đánh đập khảo tra, bằng sự đoàn kết của những người bạn trong cùng hoàn cảnh để bảo tồn cái chất cách mạng của mình cho đến ngày trở về cùng đội ngũ. Đó thực sự là một cuộc chiến đấu cam go, quyết liệt, đòi hỏi một ý chí lớn lao, lòng kiên trung, bất khuất...

Âm mưu thâm độc của địch là tiêu diệt về mặt tinh thần của người chiến sĩ cách mạng ngay từ lúc bị bắt đến suốt thời kỳ bị tù đầy. Để thực hiện âm mưu đó, địch tiến hành những chiến dịch khủng bố hết sức ác liệt nhằm cưỡng ép chiêu hồi. Và cuộc đấu tranh của anh em trong tù cũng đặt ra những mục tiêu cụ thể.

Vì vậy, mục tiêu trước tiên quan trọng nhất của người tù binh trong cuộc chiến đấu này là bảo vệ cho bằng được lý tưởng của mình, không khuất phục trước đòn roi ác liệt của quân thù để khi trở về với cách mạng vẫn còn có thể tiếp tục chiến đấu cho sự nghiệp cao đẹp mà mình hằng theo đuổi.

Một âm mưu lớn nữa của địch là tìm cách giết chết hoặc làm cho tù binh trở

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

thành những người bệnh hoạn hay tàn phế để không còn có thể tiếp tục chiến đấu chống lại chúng. Và lại, bọn trực tiếp cai quản tù binh cũng không quên nhân dịp này kiểm soát nhét cho đầy túi tham bằng cách bớt xén lương thực, thực phẩm và trang cấp cho tù binh.

Do đó, mục tiêu thứ hai trong đấu tranh của tù binh là chống đánh đập bắn giết và đòi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của tù binh, đòi cấp phát đầy đủ lương thực thực phẩm với chất lượng có thể ăn được, đòi thuốc men trị bệnh và đòi để cho anh em được tổ chức học văn hóa. Những cuộc đấu tranh đó nhằm bảo vệ tính mạng, bảo vệ sức khỏe của tù binh, nâng cao thêm trình độ văn hóa, trình độ kiến thức của anh em để sau này trở về phục vụ cách mạng được tốt hơn.

Những người bị mất tự do không bao giờ cam tâm làm thân cá chậu chim lồng. Do vậy, mục tiêu nữa của anh em tù binh là trở về với cuộc đời tự do để tiếp tục sự nghiệp chiến đấu chống đế quốc Mỹ vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Tùy tình hình từng nơi từng lúc, tức là tùy lực lượng của tù binh mạnh hay yếu cộng với sự tác động một phần từ bên ngoài mà mỗi phân khu, trong thời gian cụ thể, đề ra những mục tiêu đấu tranh cho phù hợp. Khi lực lượng chưa được xây dựng vững chắc thì mục tiêu đấu tranh là đòi cải thiện đời sống với một mức độ vừa phải. Khi lực lượng được tổ chức mạnh hơn thì đòi không làm những việc có tính chất quân sự và nô dịch, chống phạt vạ, chống đánh đập, cưỡng ép chiêu hồi. Tuy nhiên, có nhiều lúc không kịp chuẩn bị lực lượng mà địch đàn áp thì những người nòng cốt phải dũng cảm đứng lên phía trước để kêu gọi, tập hợp anh em cùng nhau đấu tranh, đồng thời khéo léo xử lý các tình huống để giành lấy thắng lợi hoặc hạn chế những thiệt hại của mình. Ở trại giam tù binh Phú Quốc, phân khu nào không tập hợp được lực lượng, không dám đấu tranh thì cả ba mục tiêu đều không đạt được, tức là sẽ biến thành khu Tân sinh hoạt.

Trong mỗi cuộc đấu tranh, tùy tình hình cụ thể về địch và ta mà đề ra những nội dung thích hợp. Các yêu sách của tù binh xuất phát từ thực tế cuộc sống trong trại giam và từ những âm mưu đen tối và hành động dã man của địch đối với anh em. Nội dung đấu tranh của tù binh gồm có: Đòi cấp phát lương thực thực phẩm đầy đủ, chất lượng tốt, đủ chất đốt; Đòi cấp phát những đồ dùng cần thiết như mũ, quần, áo, chiếu, áo quần, khăn lau mặt, kem, bàn chải đánh răng... bị bệnh được điều trị, có đủ thuốc cho bệnh nhân; Đòi được học văn hóa; Chống chào sĩ quan ngục; Chống việc tạp dịch mang tính chất quân sự như đập đá, đào đắp công sự, làm hàng rào dây kẽm gai hoặc làm những việc có tính chất nô dịch như phục vụ sĩ quan ngục và gia đình chúng; Chống đánh đập, phạt vạ, nổ súng bắn giết tù binh; Chống cưỡng ép chiêu hồi.

Tùy tình hình mà tù binh đưa ra những yêu sách cụ thể. Nhìn chung cuộc đấu tranh trong trại giam luôn gay go, quyết liệt, có khi giành thắng lợi theo mục tiêu đặt ra, nhưng cũng có lúc phải hy sinh, đổ máu...

Ý thức được hoàn cảnh của mình đang nằm trong tay địch với đầy rẫy những âm mưu đen tối và thủ đoạn dã man, đồng thời với tinh thần kiên quyết bảo vệ sinh mạng chính trị của mình để sau này trở về tiếp tục chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, anh em tù binh đã vận dụng nhiều *hình thức* từ thấp đến cao, từ hợp pháp đến bất hợp pháp để đấu tranh với địch.

Đấu tranh trực diện

Đây là một hình thức đấu tranh hợp pháp, đại diện tù binh đưa yêu sách đòi Bộ Chỉ huy trại giam giải quyết, thường là những đòi hỏi về đời sống như cấp phát lương thực thực phẩm, đồ dùng. Tuy nhiên, ở những phân khu lực lượng tù binh mạnh, anh em đưa ra những yêu sách cao hơn như không làm việc mang tính chất quân sự hoặc nô dịch, không được đánh đập, phạt vạ, mắng chửi tù binh.

Nhưng khi yêu sách của tù binh không được giải quyết, dù là một yêu sách rất đơn giản như đề nghị đổi cá ươn lấy cá tươi, thì cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một bước cao hơn, có thể dẫn đến đổ máu.

Có những cuộc đấu tranh không bắt đầu bằng đấu lý lẽ mà bằng bạo lực do địch gây ra hoặc do anh em chủ động nổ ra, nhưng cuối cùng cũng kết thúc bằng đấu lý lẽ, trả giá với nhau và tù binh thường nhận được những lời hứa thỏa mãn phần nào đó yêu sách của mình.

Khoảng tháng 11-1970, phân khu B2 đã đuổi được bọn trật tự đi nơi khác, khí thế đấu tranh trong phân khu lên mạnh. Một buổi sáng, anh Chiêu, quê ở Thừa Thiên, thức dậy tập thể dục. Anh ra đường để xuống cầu tiêu. Tên quân cảnh trên chòi canh đuổi anh vô, nói rằng trời chưa sáng và anh đi gần hàng rào giới hạn. Nếu không vô hấn sẽ nổ súng. Anh Chiêu trả lời rằng trời đã sáng, anh đi trên đường, không toan vượt rào, có muốn bắn thì bắn. Tên lính gác nổ súng. Anh Chiêu ngã xuống và tắt thở khi khiêng vào đến phòng.

Đại diện tù binh ra gặp giám thị phản đối. Toàn thể anh em trong phân khu kéo ra sân đòi Bộ Chỉ huy trại giam xuống giải quyết các yêu sách: Trừng trị kẻ giết người; Bảo đảm an toàn cuộc sống của tù binh; Chôn cất anh Chiêu tử tế.

Tên đại tá Trần Vĩnh Đắc cùng một số sĩ quan tùy tùng đến gặp đại diện của tù binh tại phân khu. Tên Đắc thừa nhận việc lính quân cảnh bắn chết anh Chiêu là sai trái. Hấn hứa đáp ứng các yêu cầu của tù binh.

Các yêu sách đã được chấp thuận, anh em đồng ý đưa xác anh Chiêu đi chôn. Tại cổng trại giam, anh em làm lễ truy điệu trước khi đưa thi hài anh đi. Đại diện tù binh hô nghiêm mặc niệm.

Đầu năm 1968, tên Hương lên thay tên Định là giám thị trưởng A2.

Lập tức Hương dựng lên một bộ máy đại diện, trưởng phòng, nhà bếp toàn là những người ngoan ngoãn thi hành mệnh lệnh của hấn. Hấn bắt đầu ra mặt phạt vạ, đánh

đập anh em, ăn xén bớt lương thực phẩm của tù binh. Hắn thường xuyên bất ngờ vào tuần tra trong phân khu. Nếu gặp những ai làm ống điếu, làm lược... hắn chửi mắng, đánh đập và tịch thu. Theo báo cáo của những tên mật báo, nhất là tên Sang, hắn gọi anh em ra nhà giám thị đánh đập hết sức dã man. Chính những tên giám thị trong cùng phân khu hắn cũng nói: “Thằng Hương hình như ngày nào không đánh tù binh nó không ăn cơm được”. Hắn còn bắn thủ cướp giật thuốc hút của tù binh. Một lần, tên cố vấn Mỹ vào trong phân khu thấy một ông già tù binh làm một chiếc vớ rất đẹp. Tên cố vấn Mỹ đề nghị đổi bốn tút thuốc lá thơm. Ông đồng ý. Tên cố vấn Mỹ lấy ống vớ, đưa thuốc hút vào nhưng tên Hương lấy hết, chỉ cho ông hai gói thuốc lá đen.

Không khí trong phân khu rất căng thẳng. Anh em thấy cần phải làm một việc gì đó để tên Hương không còn ở trong phân khu nữa. Nhiều người đề nghị khử tên Hương cho anh em không còn bị hắn đánh đập, khủng bố nữa. Đảng ủy họp bàn và cho rằng giết không có lợi, chỉ nên hạ uy thế và đòi đổi hắn đi. Kế hoạch được phổ biến trong toàn Đảng bộ.

Hàng ngày, khi điểm danh, những người bệnh nặng được anh em dìu, công hay khiêng đến tập trung trong phòng 2 để giám thị, quân cảnh vào đếm, không phải ra xếp hàng ngoài sân nắng như anh em khác. Tên Hương quy định trong phòng bệnh không quá 50 người. Nếu nhiều hơn hắn sẽ phạt. Anh em quyết định lấy phòng 2 và giờ điểm danh làm địa điểm cho giờ nổ ra đấu tranh đánh đuổi tên giám thị Hương.

Sáng ngày 22/11/1968 anh em tăng số người vào phòng bệnh lên đến gần 70 người. Tên Hương vào thấy quá mức hắn quy định liền gọi đại diện đến cảnh cáo rằng lệnh của hắn vào phòng bệnh tối đa là 50. Nếu có người thứ 51 là xấu hổ, hết muốn gặp cha mẹ, vợ con. Từ mai không được như thế nữa. Rồi hắn trở lại, không đánh đập. Mồi đã ném xuống nhưng cá không cắn câu.

Đảng ủy quyết định, dù ngày mai không phải phiên trực của tên Hương nhưng vẫn cứ tăng lên gần 200 người và phân công một Phó Bí thư Đảng ủy cùng vào phòng để tăng cường. Biết đâu hắn sẽ dẫn xác đến.

Hôm sau, 23/11/1968, quả nhiên tên Hương vào với cây gậy trên tay. Hắn vào một mình. Không như thường lệ, điểm danh bên ngoài trước, hắn xách gậy xộc thẳng vào phòng bệnh. Thấy người quá đông, hắn không biết đó là cái bẫy, quay lại đầu phòng để nón xuống và cầm gậy lao vào đánh anh em. Ngay lúc đó, từ giữa đoàn người đang ngồi chờ điểm danh ngoài sân, em Hiền, một thanh niên Việt Kiều ở Campuchia về nước gia nhập Giải phóng quân và đã trở thành đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, đứng phất lên, hô thật to:

- Đả đảo đàn áp tù binh!

Lập tức, hàng ngàn tù binh cùng hô theo “Đả đảo đàn áp tù binh” rồi âm âm vào

bít lối ra của phòng 2. Nhiều người vòng qua hai bên bao vây kín phòng và đập tôn la hét vang trời. Tên giám thị Hương mặt cắt không còn chút máu, định chạy ra cửa phòng để thoát ra cổng như không kịp, anh em đã khóa kín cả rồi. Tên giám thị Tài chạy vào lôi anh em ra, bảo đừng đập tôn nhưng lôi không xuể. Bên ngoài quân cảnh bao vây dày đặc. Có tiếng loa gọi giám thị Tài ra, sợ bị tù binh giết chết. Giám thị Tài nói “Không sao đâu”. Tên Hương chạy lùi về cửa sau phòng 2, chạy vòng qua phòng 3, vội leo lên hàng rào dây kẽm gai, nhảy vào con đường giữa các lớp rào và chạy ra cổng. Tiểu đội xung kích của tù binh bị quân cảnh bắn chặn nên không đuổi theo kịp. Anh em tràn vào phòng xé sạch tranh ảnh, sách báo của ngục, đập nát chiếc nón “QC” của tên Hương.

Súng nổ làm ba tù binh bị thương nhẹ. Có tiếng loa gọi anh em trở lại trật tự, mời đại diện tù binh ra gặp Bộ Chỉ huy trại giam để giải quyết. Anh em trở lại sân điểm danh. Thiếu tá Thức, Chỉ huy phó trại giam vào gọi đại diện do tên Hương dựng lên ra hỏi chuyện. Anh em không đồng ý, cử anh Phú thay mặt ra gặp Bộ chỉ huy.

Trước mặt rất đông sĩ quan và lính quân cảnh, anh Phú tố cáo với tên thiếu tá Chỉ huy trưởng trại giam Đoàn Đức Hải về những hành động tàn ác đánh đập tù binh của tên Hương, tố cáo hấn ăn xén bớt lương thực thực phẩm của tù binh, cướp công lao động của anh em trong việc làm ống điếu, ống vố để đổi thuốc hút, nhất là hấn thường kiểm chuyện nói xấu Bác Hồ.

Đoàn Đức Hải nghe anh Phú tố cáo liền xắn tay áo tát cho tên Hương mấy bạt tai chúi nhủi và đập thêm một đập, nói: “Cậu làm việc như thế hả? Nãy giờ có nghe người phía bên kia tố chưa?”.

Anh Phú thay mặt anh em đề nghị: Không để tên Hương làm giám thị A2 nữa và để anh em bầu lại đại diện tù binh, trưởng các phòng.

Tên thiếu tá Thức hứa sẽ xem xét giải quyết thỏa mãn những yêu sách của anh em. Hấn còn nói là có thể sẽ thay luôn sĩ quan phụ trách khu 2. Cuộc đấu tranh thắng lợi, anh em trở lại sinh hoạt bình thường.

Tuyệt thực

Khi những yêu sách chính đáng của mình không được giải quyết, nếu xét thấy cần đẩy cuộc đấu tranh lên thêm một bước, tù binh tuyên bố tuyệt thực. Lúc tuyệt thực, tất cả tù binh nằm trong phòng, không ra sân điểm danh và cũng không cho quân cảnh vào phòng điểm danh, tất cả những sinh hoạt bình thường đều bị tạm đình chỉ.

Tuyệt thực là hình thức đấu tranh bán hợp pháp nhưng nhẹ nhàng, tù binh thường dùng để giải quyết những yêu sách của mình. Hầu hết các phân khu đều có tuyệt thực. Có khi tuyệt thực được vài ba hôm hoặc bốn năm hôm thì dịch vào giải quyết. Nhưng về sau chúng thường bỏ liều đến trên một tuần hoặc trên mười ngày. Nhiều khi chỉ bằng

hình thức tuyệt thực cũng không giải quyết được vấn đề mà phải kết hợp thêm một số hình thức khác như mổ bụng tự tử, chôn người chết trong khi giam hoặc như diệt bọn trật tự, mật báo trong phân khu, đánh bắt quân cảnh, đẩy cuộc đấu tranh lên một bước cao hơn, quyết liệt hơn, buộc Bộ Chỉ huy trại giam phải đến giải quyết... Những cuộc đấu tranh có chuẩn bị, dám tỏ ra sống chết với địch thường kết thúc bằng thắng lợi của tù binh, thỏa mãn phần lớn yêu sách đã đề ra.

Kết thúc cuộc tuyệt thực dài ngày, địch phải cho người từ phân khu khác đến nấu cháo khiêng tới từng phòng cho anh em. Có khi địch bắt quân cảnh khiêng cháo đến từng phòng, tránh không cho tù binh các phân khu liên hệ với nhau, thông báo cho nhau tình hình đấu tranh thắng lợi vừa qua. Tuy vậy, địch cũng không dễ dàng lùi bước. Trong khi anh em tuyệt thực, chúng cho làm một số việc để khiêu khích và lung lạc tinh thần anh em như cho chiên xào với mùi mỡ thơm phức trên gió bay vào phân khu, hoặc cho pha sữa một thùng lớn mang đến trước cổng hay bên hông trại, vừa rót từ trên xuống thùng cho tù binh thấy vừa kêu gọi anh em ra uống sữa.

Khi tuyệt thực được ba bốn ngày, tay chân bủn rủn, bụng dạ cồn cào, thèm da diết một thứ gì đó cho vào bụng. Những người sức khỏe yếu càng mau bị kiệt sức. Do vậy, trong phân khu phải luôn luôn dự trữ một ít cơm khô hoặc gạo rang dành cho những người bị bệnh, sức khỏe kém.

Trước sự khiêu khích của địch, nếu không quyết tâm phấn đấu sẽ bị lung lạc, đồng ý ra uống sữa, ra xin ăn và như vậy là cuộc đấu tranh có nguy cơ bị thất bại. Cho nên, trong lúc tuyệt thực, lực lượng bảo vệ của phòng phải chốt ở cửa ra vào để khi quân cảnh vào đàn áp sẽ kịp thời ứng phó, đồng thời để giữ lại, khuyên can, ngăn chặn những người muốn bỏ ra xin chịu thua địch.

Dọa chôn người chết trong phân khu

Chiều ngày 12/9/1972, khi nấu cơm xong, anh Lượng ở phòng nhà bếp lấy cơm cháy để trong chiếc cà mèn lớn mang về phòng. Địch cấm, không cho mang cơm cháy về phòng ở, sợ anh em dùng làm lương khô để vượt ngục hoặc làm dự trữ để đấu tranh với chúng. Tên quân cảnh tuần tra trong phân khu thấy anh Lượng mang cơm cháy về phòng nên gọi lại. Anh Lượng cứ tiếp tục đi. Hắn nhảy theo đá trúng chiếc cà mèn nhưng không đổ. Lập tức, anh Thành, một tù binh thanh niên quê miền Bắc cũng ở trong phòng nhà bếp, nhảy lại đá vào đùi tên quân cảnh. Hắn bỏ chạy ra cổng và kêu nổ súng.

Lúc ấy có hai quân cảnh dẫn tù binh ở phân khu khác đi làm về nghe gọi liền bán chỉ thiên báo động. Địch kéo đến rất đông, đòi đưa anh Thành ra. Anh em không chịu. Địch mời đại diện và anh Lượng ra nói chuyện rồi bắt giữ ngoài phòng giám thị. Đảng ủy chủ trương anh em kéo ra sân đòi thả đại diện và anh Lượng. Địch nổ súng làm hai

tù binh bị thương nhẹ. Anh em hô khẩu hiệu phản đối, đòi thả người bị bắt. Địch không thả. Anh em tuyen bố tuyệt thực.

Thấy anh em di chuyển, địch báo động điều quân cảnh bao vây dày đặc chung quanh bên ngoài, súng lăm lăm trên tay. Một số mang cả mặt nạ. Chúng gọi loa ra lệnh cho anh em không được làm điều gì trái với nội quy trại giam. Anh em nói cho chúng biết đang đào hố chôn người chết trong trại giam. Chúng lên đạn ra lệnh không được chôn. Anh em trả lời, nếu Bộ Chỉ huy không đến giải quyết anh em sẽ chôn và tiếp tục đào hố.

Một lúc sau địch gọi loa bảo ngưng đào, cử người ra thương lượng. Đại diện tù binh ra gặp chúng nhưng anh em vẫn ngồi chung quanh hố. Tên trung tá chỉ huy trưởng trại giam đến nhưng không ra mặt, cho tên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 quân cảnh trực tiếp thương lượng với đại diện tù binh. Sau hai giờ đấu lý căng thẳng, đại diện tù binh ra vào hai ba lần xin ý kiến của Đảng ủy và cũng để cho chúng hội ý với nhau, cuối cùng địch chấp nhận những đề nghị của anh em tù binh, cụ thể:

- Chấm dứt nổ súng vào tù binh.
- Bảo đảm tính mạng hai tù binh bị bắt. Bộ Chỉ huy sẽ trả về trại những ngày sau này. Sẽ không bắt anh Thành.
- Cung cấp đủ chất đốt để nấu ăn, nấu nước uống.
- Tù binh được học văn hóa với điều kiện học trên sạp chứ không nằm ngồi dưới nền xi măng. Bộ Chỉ huy sẽ cung cấp dụng cụ để học như bảng, viết, phấn.
- Cấp đủ thùng đựng cơm cho chín phòng.
- Cấp nước (2 ngày/xe) để nấu ăn. Trước kia địch không cung cấp nước cho B6 vì nói rằng B6 có nhiều giếng nước tốt.
- Trong lúc anh em còn yếu, Bộ Chỉ huy sẽ nhờ trại tù binh khác đến nấu nước và quân cảnh khiêng cháo đến từng phòng cho anh em ăn.
- Bộ Chỉ huy sẽ cho mang hòm đến để anh em tắm liệm anh Hưng và cho xe đưa đi chôn.

Lần đó tiểu đội tù binh đưa anh Hưng đi chôn, trước khi hạ huyết đã đọc một bài diếu văn miêng tố cáo tội ác của địch và hô nghiêm chào vĩnh biệt người đã mất. Bọn quân cảnh có mặt đều đứng nghiêm. Các yêu sách đã được giải quyết. Mười ngày sau địch mới thả hai anh.

Cuộc đấu tranh nổ ra bất ngờ, hoàn toàn không có dự kiến trước và với một nguyên nhân không cần thiết, từ một sự chủ quan và manh động, nhưng anh em đã giành được thắng lợi nhiều mặt.

Đánh bắt quân cảnh, trừng trị giám thị

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Đây là hình thức đấu tranh cao nhất, quyết liệt nhất của anh em ở Trại giam tù binh Phú Quốc: tù binh mà bắt được tù binh. Mặc dù là những người bị mất tự do, trong tay không có vũ khí, anh em vẫn dũng cảm áp dụng hình thức đấu tranh bằng bạo lực.

Đối với bọn trật tự, anh em phải diệt một số và đuổi chúng ra khỏi phân khu, không cho ở chung với tù binh.

Với bọn quân cảnh, anh em đánh lại chúng để làm cho chúng phải gờm, hạn chế tính ác ôn của chúng và nhiều khi bắt một hai quân cảnh giữ lại trong phân khu làm con tin đòi giải quyết thỏa mãn những yêu sách của mình.

Trong đấu tranh, nhiều khi bắt đầu bằng một hành động bạo lực, cả phân khu nổi dậy đánh địch, sau đó mới cử đại diện đưa ra yêu sách đòi giải quyết. Nhưng cũng có nhiều cuộc đấu tranh bắt đầu bằng một đề nghị nhẹ nhàng là cung cấp thêm nước uống hoặc thêm thực phẩm, song vì yêu sách không được thỏa mãn và thái độ của địch ngông nghênh, hách dịch nên cuộc đấu tranh leo thang cả nội dung lẫn hình thức, dẫn đến bạo lực...

Do đó, trong các cuộc đấu tranh của tù binh, nhất là các cuộc đấu tranh lớn, thường bao gồm nhiều nội dung, đồng thời cũng bằng nhiều hình thức kết hợp nhau, có khi hết sức quyết liệt, thậm chí phải đổ máu mới kết thúc.

*

* *

Vào khoảng cuối năm 1969, tình hình ở phân khu D3 hết sức căng thẳng. Địch đã cài vào được một số tên làm trật tự, mật báo, đặt thêm nhiều quy định mới nhằm kềm kẹp tù binh chặt hơn, bắt làm việc nặng nề hơn, bắt đầu phạt vạ, có khi bắt thụt dậu tập thể ở ngoài sân điểm danh và đánh đập anh em. Đảng ủy phân khu bàn phải đấu tranh tuyệt thực với các yêu sách cụ thể: Không đánh đập phạt vạ tù binh; Tù binh không làm những việc có tính chất quân sự, không làm rào kẽm gai, không phục dịch các gia đình sĩ quan; Đảm bảo các tiêu chuẩn ăn uống hàng ngày.

Tình hình toàn trại giam cũng như trong phân khu lúc này rất căng thẳng. Dự kiến cuộc tuyệt thực sẽ kéo dài, địch có thể sẽ cho quân cảnh vào đàn áp, có thể hy sinh nên phải chuẩn bị kỹ về tinh thần, đồng thời chuẩn bị một số cơm khô và nước uống cho những người bị bệnh, sức khỏe kém.

Trước tiên, đại diện tù binh đưa ra yêu sách. Địch không giải quyết. Anh em tuyên bố tuyệt thực. Tất cả đều ở trong phòng, im lặng như tờ, trông như một phân khu không có người ở. Tuyệt thực đến ngày thứ tám, địch không giải quyết. Chúng cho đem chảo mỡ xào trước gió cho anh em ngửi mùi thơm càng đói cồn cào hơn, dễ nản chí hơn. Chúng cũng cho đem cơm, cháo, sữa đến và gọi ai muốn sống ra ăn, muốn chết

ở lại, Bộ Chỉ huy không đến giải quyết. Qua ngày thứ 10, có năm, ba người chịu không nổi bỏ ra xin ăn. Địch đưa những người này đi nơi khác. Đến ngày thứ 12 địch vẫn không giải quyết. Đảng ủy hội ý, phải có biện pháp mạnh hơn, diệt bốn tên mật báo hay cung cấp tin cho địch.

Theo kế hoạch, anh em diệt bốn tên mật báo rồi phát loa nói có bốn người chết vì bệnh. Địch bảo đưa xác ra đi chôn. Anh em đòi giải quyết các yêu sách mới cho đem xác ra. Địch dùng một trung đội quân cảnh xông vào lấy xác. Anh em chống lại. Địch ném trái cay vào. Anh em dùng khăn thấm nước tiểu bịt mũi, bắt trái cay ném trả lại. Quân cảnh tiếp tục xông vào đánh. Anh em đánh lại và bắt được một tên trung sĩ. Cả bọn bỏ chạy ra ngoài. Chúng không lấy được xác mà một tên còn bị bắt làm tù binh.

Dù có một quân cảnh bị bắt giữ trong phân khu, địch vẫn ngoan cố không chịu giải quyết. Chúng cho rằng anh em không thể nhịn đói đến chết mà cuối cùng đói quá sẽ chịu thua, xin ăn trở lại. Tình hình trong phân khu trở lại lặng lẽ nhưng nội bộ tù binh rất căng thẳng, đa số đã kiệt sức. Phải giải quyết cách nào để không bị thất bại. Mà thất bại trong cuộc đấu tranh này có nghĩa là sẽ rước lấy thất bại kế tiếp, nặng nề hơn, sẽ bị cưỡng ép lập Tân sinh hoạt và cuộc đấu tranh sẽ càng quyết liệt hơn.

Đến ngày thứ 14, có ý kiến nên thêm một hình thức đấu tranh mới, cao hơn, tức là mổ bụng tự sát. Anh Đồng, một thanh niên chưa đầy 20 tuổi quê ở Bình Định, tự nguyện mổ bụng đòi địch giải quyết. Đảng ủy chấp thuận.

Anh Đồng cùng đồng đảng anh em tù binh kéo ra sân điểm danh. Địch thấy trong phân khu chuyển động nên chúng tập trung rất đông chung quanh hàng rào. Đứng giữa sân, anh Đồng kêu nói lớn lên rằng vì Bộ Chỉ huy không đến giải quyết yêu sách của anh em trong phân khu nên anh mổ bụng tự tử để tỏ rõ quyết tâm của tù binh, không sợ chết. Kêu xong, anh vạch áo, lấy dao tự mổ bụng lôi ruột ra. Anh em la lên, chạy ra vừa đỡ anh Đồng vừa đòi Bộ Chỉ huy đến giải quyết.

Lần này, tên trung tá trưởng trại giam đến. Hắn chấp nhận các yêu sách của anh em. Anh em còn đề nghị cho tù binh ở phân khu khác đến nấu cháo mang đưa các phòng cho anh em chứ không cho bọn chiêu hồi sang. Đề nghị này được chấp thuận. Anh em thả tên quân cảnh, cho đem bốn xác chết ra nhưng để anh Đồng trong phân khu chăm sóc, sợ đưa ra ngoài sẽ bị đánh đập.

Cuộc đấu tranh kéo dài nhiều ngày với nhiều biện pháp rất quyết liệt: Tuyệt thực, diệt mật báo giữ xác lại, đánh bắt quân cảnh làm con tin và tự mổ bụng mới đi đến kết thúc. Nhưng địch chỉ nhượng bộ trong cao trào đấu tranh của anh em. Không lâu sau, chúng bắt một số người chúng cho là đầu sỏ đưa đi phân khu khác. Sau đó, còn nhiều vụ khác tù binh bắt giữ quân cảnh để đấu tranh phản đối sự tàn ác của nhà tù...

(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)

“XÂY DỰNG ĐẢNG” TRONG TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC

Tù binh Phú Quốc một phần lớn vốn là lính chiến, trải qua nhiều năm gian khổ ở chiến trường và đạn dày trận mạc, hầu hết mới bị bắt ở các chiến trường, rất tin tưởng cách mạng thắng lợi, phần uất căm thù bọn giám thị, quân cảnh, nhất là bọn trật tự chiêu hồi ác ôn, tù binh, thường nói với nhau: “Tụi mình chết là đủ Vốn” (ý muốn nói đã giết nhiều tên địch), sống là lời, sống cho đáng sống, chết cho đáng chết, sống lỗi lạc, chết quang vinh. Nhiều tù binh mong muốn đánh quân cảnh cướp súng, vượt rào, đào hầm vượt ngục về đời chiến đấu...

Ở trại giam thì địch mạnh hơn ta gấp nhiều lần, chúng thường xuyên rút tĩa kinh nghiệm đàn áp khủng bố tù binh, lại được bọn cố vấn Mỹ kề cận chỉ đạo. Chính sách thâm độc nhất của địch vẫn là tâm lý chiến, chiêu hồi và dùng tù trị tù, dùng tù binh chiêu hồi làm mật báo viên, làm bọn trật tự... để đánh phá tổ chức và tuyên truyền cưỡng ép tù binh chiêu hồi.

Khi ở trong trại, mấy trăm người trong phân khu là một lực lượng lớn, có một sức mạnh nhất định, có thể giành được thắng lợi nếu biết tổ chức đấu tranh chống những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù. Nhưng điều đó cũng đồng nghĩa với sự cần thiết phải tập hợp nhau lại thành một khối thống nhất do một tổ chức kiên cường, trung thành với sự nghiệp của quần chúng lãnh đạo. Và tổ chức đó không ai khác hơn là Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến đấu thần thánh để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc trên phạm vi cả nước.

Xây dựng Đảng trong các phân khu của trại giam tù binh Phú Quốc.

Những đảng viên cộng sản hiểu rõ điều đó, nên khi vừa bước vào một phân khu giam mới liền nhanh chóng tìm hiểu nhau, tập hợp nhau lại, tổ chức thành chi bộ, Đảng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

bộ đặt ngay kế hoạch tập hợp, giáo dục quần chúng để chuẩn bị đấu tranh với những mục tiêu cụ thể phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc.

Mục đích của việc tổ chức Đảng trong trại giam là để lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của tù binh, bảo vệ lực lượng cách mạng trước sự tấn công ác liệt của quân thù để khi trở về anh em còn có đủ điều kiện để tiếp tục cuộc chiến đấu chính nghĩa của mình.

Về tiêu chuẩn đảng viên được tập hợp, trước hết, chỉ tập hợp những người đã là đảng viên từ ngoài đời. Nhưng cũn không phải tất cả đảng viên đều được tập hợp ngay vào tổ chức Đảng mà phải qua cuộc tìm hiểu xác minh lý lịch với các nội dung chủ yếu như:

Người ấy trước khi bị bắt là cán bộ gì, cấp gì, ở địa phương nào, đơn vị nào, có phải là đảng viên không?

Bị địch bắt trong trường hợp nào? Khi bị bắt, địch thẩm vấn có khai báo gây thiệt hại cho cách mạng không?

Khi vào trại giam có tham gia đấu tranh chống địch không hay câu an bảo mạng, chịu sự khống chế của địch?

Quan hệ trong tù minh bạch.

Đoàn kết, hòa mình với tập thể, quan tâm đến lợi ích của quần chúng, gương mẫu trong đấu tranh, được quần chúng tin tưởng.

Người nào đạt các tiêu chuẩn đó mới được tập hợp vào tổ chức Đảng. Việc xác minh phải thật thận trọng để tránh tập hợp lầm những tên đầu hàng, những tên tay chân của địch cài vào, những người đã phạm sai lầm nghiêm trọng hoặc những kẻ yếu bóng vía có thể phản bội khi bị khủng bố ác liệt.

Việc tập hợp thành tổ chức Đảng trong phân khu giam có nhiều phức tạp và phải có nhiều thời gian tìm hiểu thử thách. Tuy nhiên, nhờ có nhiều người biết nhau từ ngoài đời, biết được trường hợp của địch bắt, đã từng liên lạc hoặc đã tập hợp thành tổ chức Đảng ở các trại giam vùng chiến thuật hoặc ở các phân khu khác của trại giam Phú Quốc chuyển đến, nên việc hình thành tổ chức Đảng không phải khó khăn lắm.

Điều quan trọng bậc nhất là đảng viên được tập hợp phải là những người tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, thể hiện tinh thần đấu tranh chống địch, nhất là chống việc cưỡng ép chiêu hồi, luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh.

Về mặt tổ chức, Đảng trong trại giam cũng tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ với nội dung chính là cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn đảng bộ phục tùng Đảng ủy của phân khu.

Cấp ủy chi bộ do anh em bí mật cử ra. Đảng ủy do các Bí thư Chi bộ bí mật cử. Tuy nhiên những lúc khó khăn, Đảng ủy có thể chỉ định một cấp ủy chi bộ lâm thời đợi đến khi tình hình ổn định sẽ cử chính thức. Việc thành lập Đảng ủy nhiều khi cũng tùy cơ ứng biến. Nếu đến một phân khu hoàn toàn mới lạ với nhau, những đảng viên năng nổ phải đứng ra tập hợp một số đảng viên, hình thành một Đảng ủy lâm thời, phân công nhau phụ trách các mặt công tác, tạm thời lãnh đạo trong phân khu cho đến khi

tập hợp được nhiều đảng viên, hình thành các chi bộ rồi mới tổ chức cử Đảng ủy.

Trong thực tế, tổ chức Đảng trong trại giam mang những đặc thù riêng bên cạnh những nguyên tắc bất di bất dịch của Đảng. Những đặc thù ấy là nhằm phát huy được vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong điều kiện vô cùng khó khăn, nguy hiểm do kẻ địch không lúc nào từ bỏ âm mưu, thủ đoạn tàn bạo hòng tiêu diệt ý chí của người chiến sỹ cách mạng. Quá trình xây dựng tổ chức Đảng trong trại giam Phú Quốc được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Phát huy tinh thần dũng cảm kiên cường của cán bộ, đảng viên và tù binh đấu tranh chống địch:

Cán bộ, đảng viên, bộ đội du kích..., bị bắt, bị tù chỉ có một con đường là đấu tranh chống địch, dù là một mình cũng đấu tranh và đứng hẳn về phía tù binh. Sau đó khéo léo gợi ý kết thúc đấu tranh trong hoàn cảnh thuận lợi nhất và ra sức xây dựng Đảng góp phần đấu tranh thắng lợi trọn vẹn hơn. Một phút chần chừ, do dự... có khi ân hận cả đời mình. Đơn cử trong đợt đàn áp khủng bố để cưỡng ép tù binh chiêu hồi ở A6, B8... địch đánh đập tù binh cả ngày lẫn đêm, năm bảy ngày liên tiếp, vừa đánh vừa tuyên truyền dụ dỗ. Trên 300 tù binh ở B8 dứt khoát không nhận chiêu hồi, địch tra tấn đánh đập tàn nhẫn và đưa qua các trại giam tù binh khác. Đó là những con người trung kiên. Và đây cũng là một trong những tiêu chuẩn tập hợp đảng viên trong các trại giam.

Công tác phát triển đảng viên ở trong trại giam vẫn phải được thực hiện, nhưng trong những điều kiện và yêu cầu đặc biệt hơn. Tổ chức Đảng trong tù rất cần đưa những người trung kiên, chiến đấu dũng cảm vào hàng ngũ của Đảng để gương mẫu lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch. Phát triển Đảng là để phục vụ cuộc chiến đấu trước mắt. Còn việc kết nạp này có được công nhận hay không là tùy thành tích đấu tranh của mình và tùy sau này cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định.

Thủ tục kết nạp Đảng vẫn phải được tiến hành từng bước chặt chẽ đúng nguyên tắc của Đảng.

Việc sinh hoạt Đảng được chấp hành nghiêm túc. Tổ Đảng nửa tháng họp một lần. Chi ủy và Đảng ủy mỗi tháng họp một lần. Ngoài ra, giữa các cấp ủy còn thường xuyên hội ý hội báo với nhau về tình hình trong phân khu để có chủ trương đấu tranh kịp thời.

Nội dung các buổi sinh hoạt cũng khá phong phú, kiểm điểm công việc đã qua, thông báo tình hình mà ta nắm được, nhận định âm mưu và thủ đoạn sắp tới của địch, bàn công việc cần thi hành, phân công theo dõi, giáo dục quần chúng do chi bộ, tổ Đảng quản lý.

Trọng tâm của những buổi sinh hoạt cũng như công tác của Đảng ủy, chi ủy và tổ chức Đảng là công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng đảng viên và quần chúng, nhằm giữ vững lòng yêu nước, yêu lý tưởng không có gì quý hơn độc lập tự do, nâng cao ý chí bất khuất, tinh thần kiên quyết đấu tranh, đòi cải thiện đời sống, chống khủng bố, chống dụ dỗ và cưỡng ép chiêu hồi, nêu cao lòng căm thù địch, nhằm củng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

cố niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc chiến đấu long trời lở đất này, một cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ với biết bao sự hy sinh mất mát của dân tộc cũng như hết sức quang vinh. Mặt khác, các buổi sinh hoạt cũng chú trọng giáo dục việc thắt chặt tình đoàn kết giữa anh em tù binh để có sức mạnh chiến đấu chống quân thù.

Công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng lúc nào cũng được đặt lên hàng đầu trong các công tác của Đảng bộ. Nhờ vậy, đã giữ được phần lớn đảng viên và quần chúng tốt về với cách mạng.

Tìm hiểu nhanh qua các đầu mối tổ chức Đảng, tuyển chọn cử người làm tổng đại diện, trưởng phòng nhà bếp, trưởng các phòng giam. Chuyển sang hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, làm giảm bớt tình hình căng thẳng, dồn sức cho công tác xây dựng Đảng:

Giao hẳn trách nhiệm cho tổng đại diện và trưởng phòng nhà bếp thường quan hệ với giám thị và quân cảnh trong đấu tranh nhận lãnh gạo, củi, thức ăn... và làm tạp dịch hàng ngày. Giao trách nhiệm cho trưởng các phòng giam tù binh thống nhất quy định tù binh không xuống nhà bếp, không ra cổng trại giam... nhằm ngăn ngừa những tên chiêu hồi (làm mật báo viên) ra cổng liên lạc với giám thị, vừa giúp cho tù binh giành thời gian hoạt động văn hóa, chính trị và đào hầm vượt ngục.

Tập trung trí tuệ chung, ra sức xây dựng Đảng trong các phân khu của trại giam tù binh Phú Quốc.

Do yêu cầu bức xúc chung các đầu mối tổ chức Đảng đều nhất trí cao là cần phải xây dựng Đảng lãnh đạo chung mỗi phân khu của trại giam tù binh. Một số cán bộ, đảng viên... tổ chức đầu mối gặp gỡ nhau theo lối đơn tuyến đều thống nhất cần xây dựng Đảng ủy, lãnh đạo chung, bước đầu lực lượng cánh nào do cánh đó nắm; Chi bộ Đảng xây dựng chi Đoàn Thanh niên và tổ chức quần chúng. Sau đó lần lượt chấn chỉnh dần một cách hoàn chỉnh, hợp lý hơn.

Các đầu mối tổ chức Đảng đề cử giới thiệu thành lập Đảng ủy lãnh đạo chung mỗi phân khu giam tù binh hoặc “tự” thành lập. Đảng ủy chung có từ 3 đến 5 thành viên. Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy phụ trách chung, phụ trách lãnh đạo tổng đại diện và trưởng phòng, nhà bếp, xuyên qua đầu mối liên lạc, Đảng ủy viên phụ trách đầu mối tổ chức Đảng cánh mình và một số đầu mối tổ chức Đảng có liên quan.

Thống nhất xác định rõ Đảng trong trại giam tù binh là tiếp tục chiến đấu. Tổ chức Đảng phải trong sạch mới vững mạnh và thống nhất tiêu chuẩn đảng viên trong các trại giam tù binh như sau:

- Bị bắt, bị tù còn giữ được khí tiết cách mạng, khai báo tránh né bảo vệ được cơ sở cách mạng.

- Phải kiên cường dũng cảm đấu tranh chống địch và nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Đảng ủy, của Chi bộ...

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

- Có trình độ, khả năng lãnh đạo đảng viên khác, đoàn viên thanh niên và quần chúng, được đảng viên, đoàn viên thanh niên và quần chúng tín nhiệm.

Đảng ủy thống nhất đề ra chương trình, kế hoạch một cách toàn diện, đồng bộ, coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, phát huy tinh thần cách mạng kiên cường tù binh đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thân, tập trung chống tâm lý chiến chiêu hồi, nhất là giáo dục, trấn áp bọn xấu, diệt những tên ác ôn chiêu hồi, và tổ chức đào hầm vượt ngục, đánh quân cảnh vượt ngục, biến các trại giam tù binh thành trường đào tạo cán bộ để khi về đời tiếp tục sống, công tác.

Từ chỗ luyện người trong “lửa đỏ”, Đảng ủy từng phân khu giam đã thẩm tra chọn lọc và tập hợp dần những chi bộ, những chi đoàn thanh niên lao động, những tổ kết nghĩa theo đơn vị cũ, những tổ tình nghĩa quê hương... phấn đấu xây dựng nhiều Đảng bộ trong trại giam tù binh thành một khối thống nhất Nam - Trung - Bắc là chung một nhà, một lòng một dạ, nhất hô bách ứng.

Các Đảng ủy trại giam coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng, làm cho nhiều đảng viên và anh em tù binh ngoài Đảng luôn luôn tự xác định mình là “Bộ đội Cụ Hồ”, là giải phóng quân Miền Nam, một niềm tin sắt đá cách mạng nhất định thắng lợi, một lòng một dạ hướng về Bắc, về Đảng, về Tổ quốc, nhất là kỷ niệm những ngày lễ lớn như ngày 3 tháng 2, ngày 26 tháng 3, ngày 1 tháng 5, ngày 19 tháng 5 v.v...

Trong tù, Đảng ủy và nhiều chi bộ đã tổ chức cho đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động học tập về nhân sinh quan, khí tiết cách mạng về năm bước công tác, về công tác bí mật... đặc biệt là ý chí chiến đấu và khí tiết chói ngời của đồng chí Trần Phú, “ai biết Trần Phú thì biết, Trần Phú thì không biết một ai”, đã được nhiều tù binh học hỏi và noi gương. Trình độ chính trị và giác ngộ cách mạng càng ngày càng được nâng cao, ý chí chiến đấu giữ vững, truyền thống bộ đội Cụ Hồ được phát huy... đã tăng thêm sức mạnh giúp cho cán bộ đảng viên, anh em tù binh Phú Quốc kiên gan chịu đựng gian khổ, kiên cường dũng cảm đấu tranh chống địch. Trong từng lúc, Đảng ủy các trại giam tù binh Phú Quốc có tổ chức đấu tranh - tuyệt thực, tổ chức giáo dục, trấn áp một số tên là tù binh đã làm mất mặt báo viên, tổ chức diệt một số tên trật tự “chiêu hồi” ác ôn để bảo vệ tổ chức Đảng trong nhà tù và phẩm chất cách mạng trong nhà tù. Tù binh còn có nơi, có lúc phá lỏng và quét sạch bộ máy kìm kẹp trong tù, giành quyền làm chủ từng phòng.

Nhiều Đảng bộ và toàn thể tù binh Phú Quốc tập trung nhiều công sức tổ chức vượt ngục, giành nhiều thắng lợi, đến mức rung động đến nội các ngục quyền Trung ương (Sài Gòn), CIA Mỹ, có tiếng vang xa trên trường Quốc tế, đài BBC đưa tin...

NGUYỄN MINH CAO
(*Trưởng ban Liên lạc*)

Cựu chiến binh Phú Quốc tỉnh Long An

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, VĂN NGHỆ TRONG TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC

Ở trại giam Phú Quốc có một đội ngũ những người làm công tác văn hóa - kỹ thuật - bộ phận trí thức bị giam tù. Họ trở thành những thầy giáo truyền đạt tri thức cho đồng đội của mình trong những ngày bất hạnh và trong hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt.

Lực lượng trí thức ấy được giao nhiệm vụ giảng dạy tất cả các môn khoa học, tự nhiên và xã hội: Toán, Lý, Hóa, Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ, Lý luận triết - Mỹ học Mác Lê-nin. Về chữa bệnh còn mở lớp y tá, lớp châm cứu, bấm huyệt. Tôi cũng là một giáo viên về nghệ thuật biểu diễn và sử Việt Nam. Có thể buổi sáng tôi là học trò nhưng đến chiều lại làm giáo viên. Hầu như tất cả chúng tôi đều hết lòng truyền đạt lại những gì mình hiểu biết cho đồng đội. Sợ rằng chết đi mang theo ra đời tranh thì lại phí.

Nhưng đã học thì phải ghi chép, phải có sổ sách, bút mực. Điều này với người trong tù thật khó khăn vô cùng. Giấy học thuở ấy gồm hai loại chủ yếu. Một là dùng các mảnh bìa carton đựng thực phẩm lấy được từ nhà bếp hoặc từ hố rác mang về, đem nó nhúng nước một lúc rồi khéo léo gỡ ra từng miếng mỏng, phơi khô đóng thành sổ nhỏ để dễ cất giấu. Cũng có lúc để khô cẩn thận bóc ra từng tờ mỏng, nhưng làm theo cách này thì rất “phí của” vì carton bị rách vụn ra nhiều. Ngày ấy ở trại B5 “chuyên gia” bóc giấy giỏi và có nhiều sổ nhất là cậu Nguyễn Văn Hiền, người Hà Nội - đoàn viên trong chi đoàn thuộc chi bộ ở trại B5. Mực để viết loại giấy này là tui mực của những con mực nhỏ lẫn vào trong đám cá vụn - thức ăn của nhà thầu đem vào hàng ngày. Ngòi bút thì cắt một mảnh nhỏ ở cà-mèn chia com rồi mài đi giống hình ngòi bút. Cà-mèn chia com có thể nói là một phương tiện vạn năng của người tù hồi ấy: Làm

dao, làm kéo, làm nhíp nhỏ râu, làm cây dấy tai và có công dụng vô địch là làm xẻng đào hầm bí mật. Loại xẻng này rất nhẹ nhưng lại rất sắc; Với loại đất pha cát thì nó là vua đào xúc. Loại giấy thứ hai phổ biến hơn là làm bằng vải giầy chà xà bông. Chọn miếng vải bằng trang giấy, lấy xà bông cục thấm nước chà lên cho đến khi trên mặt vải nổi lên một lớp bột trắng mịn như vôi, đem phơi khô vừa phải là dùng được. Đó là giấy “tự chế”. Còn bút thì dùng cây vót nhọn một đầu hoặc cắm ghim nhọn ở đầu cây mà viết. Loại này viết chữ rất đẹp nhưng dùng xong phải xóa đi bằng thoa xà bông để dùng cho ngày mai. Nói chung vở, giấy trong tù chỉ dùng để ghi chép tại lớp, để làm bài chớ ít khi lưu lại vì bất lợi. Kho lưu trữ tốt nhất, bảo đảm nhất vẫn là bộ óc của tù nhân. Ngày ấy tôi có sáng tác một vở kịch dài mang tên là “Đường Sống”. Cảnh của một vở đã được đăng trên báo Thống Nhất năm 1973 cũng nhờ nhớ lại nguyên thủy mà ghi ra. Các vở tuồng, vở kịch của các anh Kim Hùng (tên trong tù là Kim Anh), Võ Sĩ Thừa cũng như bản giao hưởng hợp xướng “Cửu Long” của anh Phan Miên cũng đều để vào “bộ nhớ” như tôi cả. Ở ngoài đời chưa có ai thuộc lòng cả truyện Kiều và Chinh Phụ Ngâm. Nhưng trong tù thì nhiều người thuộc hai tác phẩm này như cháo chảy. Tuy vậy để khỏi quên, cứ vài đêm chúng tôi lại đọc lại một lần và kiểm tra lẫn nhau. Học thuộc được cả hai tác phẩm trên, chúng tôi đã lấy làm tự hào lắm. Nhưng tất cả chúng tôi đều kinh ngạc về cái đầu của cậu Bảo - một chiến sĩ trẻ bộ binh cùng sống trong trại B5 với chúng tôi. Cậu ấy thuộc từ đầu chí cuối truyện Tam Quốc Chí. Mỗi buổi chiều, mọi người vừa cảnh giới vừa vây quanh cậu ta nghe đọc truyện, nếu kể theo sự kiện và tình tiết diễn biến thì chẳng nói làm gì. Đàng này cậu ta cứ đọc vanh vách từng chương, từng hồi hết ngày này sang ngay khác. Càng nghe càng thấy nể, càng thấy tự hào về bộ óc non trẻ kỳ diệu ấy... Không biết sau này địch xáo trộn các trại cậu ấy đã đi về đâu, hay là đã hy sinh rồi, tôi không còn gặp lại cậu ấy nữa!

Có thể khẳng định rằng: gần bảy năm trời sống trong nhà tù Mỹ - ngụy, tôi cũng như đồng đội của tôi đã lớn khôn và hiểu biết thêm được nhiều điều qua học hỏi lẫn nhau. Tôi đã học được môn châm cứu và đã chữa bệnh có kết quả cho anh em trong tù. Hồi ấy còn có một bác sĩ (không biết có phải là bác sĩ Phi hay không) rất nổi tiếng trong cả đảo tù kể cả bọn quân cảnh. Ông đã cứu chữa cho anh em rất nhiều bệnh hiểm nghèo. Bọn cai tù biết tin chúng mời ông ra cứu chữa cho vợ con của chúng. Ông đã cứu cho con một tên cai tù bị câm lâu ngày, sau đó nói được. Chúng phục ông dữ lắm. Ở trong tù nhiều y tá tay ngang do ông truyền dạy đều “thành nghề” tất cả, trong đó có tôi, mặc dầu tôi không được ông dạy trực tiếp. Được như vậy là do trong tù đã học là học tận tụy. Tất cả khoảng vài trăm huyết và các kinh lạc được học, chúng tôi đều nhớ làm lòng vì luôn được thực tập qua nhiều bệnh nhân. Về sau này khi đã ra tù, tuy bận nhiều công tác nhưng tôi vẫn tiếp tục “nghề” châm cứu để chữa bệnh cho vợ con tôi và hàng xóm láng giềng. Việc học thuộc lòng các tác phẩm bất hủ của dân tộc đã

giúp cho tôi rất nhiều trong sự nghiệp nghệ thuật của mình. Tôi còn nhớ rất rõ: năm 1972, Đảng ủy B5 có mở một lớp lý luận chính trị cơ bản - Đồng chí Nguyễn Trọng (tức Nam Hà, nguyên Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định) Bí thư Đảng ủy trực tiếp bồi dưỡng cho báo cáo viên để trở về chi bộ triển khai “đào tạo lại” cho đảng viên trong toàn Đảng bộ. Gọi là khóa học, lớp học nhưng không bao giờ nhóm họp đông đảo, thường thì qua bữa cơm chiều, chúng tôi, hai, ba người ngồi xoay mặt về các hướng khác nhau như thể là đang trò chuyện, tán gẫu nhưng thực chất là đang truyền đạt bài, thảo luận bài.

Bình thường thì trong các dịp lễ tết, chúng tôi thường tổ chức biểu diễn phân tán trên sạp nằm, trong từng căn ở của anh em, tiết mục biểu diễn hầu hết là những bài sáng tác trong tù, ca ngợi gương anh dũng đấu tranh, vượt ngục, nhắc nhở đồng viên nhau giữ vững niềm tin, giữ tròn phẩm cách, lên án tội ác của kẻ thù v.v... Các tiết mục thường biểu diễn ngày ấy là: “Ba mươi năm đời ta có Đảng” (do anh Đoàn Phận hát bài chòi), “Hội chuyên đề” (ca cảnh do Hải Liên viết - Lưu Hạnh, Trương Văn Trí, Đoàn Phận, Hải Liên biểu diễn). Ca cảnh tố cáo tội ác của bọn cai tù do... “táo” các phân khu, kể cả các trại “Tân sinh hoạt” về trời báo cáo. Tiết mục “xin thuốc” (tấu hài, do hai người cùng viết một đề tài với hai bài trùng tên do Hải Liên biểu diễn). Đây là một tiết mục tấu hài nói lên nỗi thống khổ cười ra nước mắt của tù binh khi đau ốm cần có thuốc chữa bệnh và hành vi tội ác, vô nhân đạo của kẻ thù.

Tiếc rằng do nhiều nguyên nhân và sau trên hai mươi năm, tôi không còn nhớ được hết những gì đáng nhớ. “Đàn chim biển” kể về tội ác của kẻ thù và biểu dương khí phách cách mạng của tù binh cũng được Hải Liên sáng tác, đọc và biểu diễn tại phân khu B5 (1970). Sau lần vượt ngục ngày 23 tháng 12 năm 1971 tại trại A4, tôi đề nghị anh Trung - một giáo viên trung học tỉnh Bình Định viết một bài theo thể lục bát và song thất lục bát kể về chuyến vượt ngục ấy, phần biểu diễn sẽ do tôi đảm nhận. Cuộc vượt này được tổ chức với một kế hoạch rất khoa học và thông minh. Đây cũng là một đề tài sáng tác nóng bỏng hồi ấy. Một thắng lợi vang dội đảo tù, trong không khí mừng vui đầm lệ ấy, vào dịp tết nguyên đán, đứng vào dịp kỷ niệm sinh nhật Đảng 3 tháng 2, có sự lãnh đạo của Đảng ủy, chúng tôi mang trống (Bằng gàu tôn múc nước) mang đàn đi chúc Tết anh em và biểu diễn văn nghệ trong từng căn nhà ở, gây xúc động rất lớn trong toàn phân khu. Tiết mục mang lại hiệu quả sâu sắc, nhất là tiết mục do anh Trung viết và tôi biểu diễn nói về chuyến vượt ngục lớn nhất đảo tù hồi ấy. Tôi đóng vai Tôn Hành Giả, cưỡi mây qua biển cả ra đảo, vào trại tù để báo tin vui cho anh em ở lại được biết: rằng số người sống sót sau khi vượt ngục đã về căn cứ và trở về đất liền bình an. Đảng có gửi lời ra đảo khen ngợi, thăm hỏi và nhắc nhở anh em. Tề Thiên còn cho biết ông có “đèo” theo một người tù đã vượt ngục vừa qua, nay “quá giang”

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

theo Tề Thiên trở về để “trình diện” các đồng chí của mình và kể lại chuyến vượt ngục ấy, sau khi ra khỏi đường hầm. Nhân vật thứ hai ấy cũng do tôi “hóa thân” đóng vai. Đó là anh Lê Hai do ta cử ra làm phó đại diện (tên ngoài đời của anh là Văn Hữu Nghị - nguyên là Bí thư Huyện ủy Hoài Nhơn, Bình Định - Hiện nay đang sống tại Bắc Tam Quan). Gặp gỡ tù binh xong, Tề Thiên cấp theo ông Lê Hai “bay” ra khỏi nhà giam, sau khi từ giả đồng đội, đồng chí của mình. Người xem lúc ấy vô cùng xúc động, cười mà nước mắt tràn cả vành mi.

“Chuyện rằng khu bốn, trại A

Có chuyến vượt ngục gần xa tiếng đồn... “

Đó là hai câu mà tôi còn nhớ của một bài văn vần dài khoảng 100 câu song thất lục bát. Tuy chỉ còn nhớ hai câu nhưng cũng xác định được một cách chuẩn xác rằng cuộc vượt ngục ngày 23-12-1971 đã làm rung động cả đảo tù và đã nổ ra tại trại A4 (chứ không phải là A5 như một số đồng chí đã nhớ lầm, mặc dù các anh hồi ấy là Bí thư và phó Bí thư Đảng ủy phân khu - nơi đã tổ chức cuộc vượt ngục ấy). Văn hóa là cái gì còn đọng lại. Đúng là như vậy! Cũng cần phải nói thêm một điều về hư và thực trong tiết mục này, Tề Thiên “đào” thêm một người khác (ông Hai) vượt biển ra đảo là chuyện bịa đặt 100%. Vậy mà anh em lại xúc động chân thành khi xem - xúc động là vì khát vọng, ý tưởng khi đã được mọc cánh thăng hoa sẽ biến thành hiện thực - hơn nữa CÁI HƯ trong nghệ thuật chính là CÁI THỰC trong cuộc đời.

Nhưng đặc biệt hơn cả trong các buổi biểu diễn là buổi diễn bên ngoài nhà ở, ngay ở “sân điểm danh” - Đó là buổi biểu diễn ban ngày với nhiều diễn viên đóng vai - Diễn ban ngày và ở ngoài trời, chúng tôi muốn cho anh em du kích miền Nam ở phân khu A5 có thể ra sân nhìn sang được. Hai vở lớn mà chúng tôi trình diễn là vở ca kịch “Thoại Khanh - Châu Tuấn” và vở tuồng “Trần Bình Trọng” vở “Thoại Khanh - Châu Tuấn” ca ngợi lòng chung thủy. Vở “Trần Bình Trọng” ca ngợi khí tiết và dũng khí của Trần Bình Trọng khi sa vào tay kẻ thù. Ông nói giữa đảo tù ngày ấy rằng: “Thà làm quỷ nước Nam hơn làm vua xứ Bắc”, bảo vệ lòng chung thủy với lý tưởng, với Đảng, với dân, với gia đình. Gìn giữ và bảo vệ khí tiết phẩm chất cách mạng từ tư tưởng chủ đề của hai vở nói trên được diễn ra ngay trước mắt của bọn cai tù. Do hoạt động văn nghệ trong tù nên anh em nghệ sĩ chúng tôi được tù binh quý mến, ngược lại bọn cai tù rất căm ghét. Chúng ghét nhất là ca hát, tập thể dục. Các anh Kim Anh (tác giả tuồng) Võ Sĩ Thừa (nghệ sĩ tuồng khu 5 sau này được phong nghệ sĩ nhân dân). Đoàn Tiên Phong (Nhạc công và diễn viên đoàn ca kịch liên khu 5) đều bị tống vào biệt giam. Sau khi ra tù hai anh em Kim Anh và Tiên Phong đã vì đau bệnh mà chết.

Các buổi biểu diễn văn nghệ của tù binh có cả đàn, nhạc nhộn nhịp vui vẻ. Dịch không thể hiểu nổi: “Nội bất xuất, ngoại bất nhập” (thời gian này bọn cai tù không cho

anh em đi ra làm tạp dịch bên ngoài vì sợ tù binh cướp súng vượt ngục như các vụ trước đây), làm sao tù nhân lại làm được các loại đàn? Gỗ đâu, phím đâu, nhựa đâu, dây đàn lấy ở đâu ra? Âm sắc của các phím đàn vọng ra nghe có đủ các loại: Đàn nhị, đàn kim, đàn tranh, đàn ghi ta, thập lục và nhiều nhất là đàn Mandoline. Trại A4 ngày ấy có đến năm chục cây đàn. Nhiều lần bọn quân cảnh theo lệnh bọn cai tù, bất ngờ kéo vào trại giam để lùng bắt đàn và người chơi đàn. Nhưng chúng không tìm thấy gì cả! Đây cũng là thời điểm mà đường hầm A4 sắp hoàn thành. Chúng tìm không ra đàn là vì mỗi chiếc đàn có riêng một hầm bí mật nhỏ. Cho nên mỗi lần chúng thất bại kéo ra là tiếng đàn tập thể lại vang lên vui vẻ, làm cho chúng vô cùng uất ức. Đến lúc này việc đào hầm ở những ngày cuối cùng khẩn trương hơn. Theo thông lệ thì cứ vài ba tháng, chúng thường chuyển tù nhân từ trại này đến trại khác, trộn thêm một số tù ở trại khác nhập vào trại mới để vừa chống được chuyện vượt ngục bằng đường hầm, vừa phá vỡ tổ chức Đảng ở trong tù một thời gian. Để kéo dài thêm thời gian ở lại trại A4 vì đường hầm chỉ còn vài thước nữa là xong, lãnh đạo Đảng ủy thấy rằng nếu bọn địch cứ tiếp tục đi xâm hầm tìm đàn là bất lợi. Hơn nữa phải làm thêm một chiếc hầm mới để “nghi binh”, vì biết rằng nếu trong vòng ba, bốn tháng mà chúng phát hiện ra hầm và có người nhận đào hầm thì chúng rất yên tâm không di chuyển tù binh sang trại khác nữa. Thế là một chiếc hầm mới nghi binh đã được “mở” bên hông trái, ở dãy giữa phân khu. Mấy hôm sau chiếc “hầm giả” được chúng phát hiện. Hai đoàn viên thanh niên đã đứng ra nhận đào hầm và bị bắt đi, các chiếc đàn cũng lần lượt “tự giác” nộp mạng cho bọn cai tù. Chúng rất vui sướng thỏa mãn ra mặt vì đã “có công” phát hiện ra “hầm bí mật” và “hầm Văn nghệ” - Vậy là kế hoạch chuyển trại được dừng lại, ý thức cảnh giác chống tù binh vượt ngục cũng chùng xuống. Noel năm 1971 cũng sắp đến! Thời cơ thuận lợi đã đến, tạo điều kiện tốt cho cuộc vượt ngục thành công.

Có lẽ tôi phải nói thêm về việc sáng tạo ra những cây đàn hồi ấy, để giải đáp thắc mắc cho các bạn đang bị ám ảnh từ nãy đến giờ. Số là sạp nằm của tù nhân lúc ấy có nhiều tấm gỗ thông đã được xẻ ra thành ván. Anh em đã làm cưa, cưa mỏng ra, hơi lửa rồi uốn cong theo yêu cầu cấu trúc của từng loại đàn. Phím đàn làm bằng sợi thép dập dẹp, cắt ra. Trục đàn làm bằng gỗ như trục đàn violon. Dây đàn được lấy ra từ ruột dây điện, dây điện thoại rồi sáng chế lại. Trong một dây điện có nhiều loại dây quấn lại: loại cứng và loại mềm. Dây Mi phải dùng đá vuốt cho nhỏ lại. Dây La để nguyên loại dây cứng. Dây Ré thì dùng loại dây mềm quấn ngoài dây la; Dây Sol thì quấn dày hơn, lớn hơn, ngoài dây ruột. Archet của đàn hồ đàn nhị, đàn violon làm bằng dây nilon mới xe lại - Colophan (nhựa thông) thì được đốt, lấy ra từ những đoạn gỗ thông có mắt.

Trong thời gian đàn bị mất, chưa kịp làm lại, anh em lại tập hát, tập ca, học nhạc lý, học các thể làm thơ hoặc học Kiều, Chinh phụ ngâm, thơ Hồ Xuân Hương, thơ Tú Xương, viết vè, viết kịch.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Hoạt động văn hóa - văn nghệ trong tù ngày ấy đã góp phần quan trọng trong việc củng cố niềm tin, khẳng định lý tưởng, động viên nhau giữ gìn phẩm chất cách mạng. Văn nghệ cũng đã góp phần làm giảm bớt sự căng thẳng vốn thường xuyên xảy ra từng ngày ở trại giam. Hoạt động văn hóa văn nghệ trong tù đã giúp cho chúng tôi, những nghệ sĩ chuyên nghiệp và nghiệp dư - và anh em tù binh đã tự nâng mình lên ở nhiều phương diện. Trí thức, học lực, tình cảm, tư tưởng, ý chí, lập trường trong những năm tù đầy bất hạnh - Những điều thu nhận được ở trong nhà lao đã giúp cho chúng tôi rất nhiều sau khi trở về đời.

Công bằng mà nói, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự đùm bọc, dắt dìu nhau bằng tình đồng chí, đồng đội thì chắc chắn sẽ không có những hoạt động tích cực và có hiệu quả. Chính vì vậy mà hoạt động văn hóa - văn nghệ là một bộ phận không thể thiếu được trong sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhà lao.

HẢI LIÊN

(Cựu tù binh Phú Quốc)

6 THÁNG ĐÀO HÂM, MỘT ĐÊM VƯỢT TRẠI... (ĐÊM 23 - 12 - 1971)

Ông Nguyễn Đức Hòe (nguyên là cán bộ Trường Đại học Cần Thơ) là một cựu tù ở nhà tù Phú Quốc. Câu chuyện ông kể lại về một kỳ tích đào hầm vượt ngục trong nhà tù thực sự khiến ta khâm phục ý chí, lòng kiên trì, sự lanh lợi và những hiểm nguy mà các chiến sĩ phải vượt qua. Xin trân trọng giới thiệu lời kể của ông.

G iữa năm 1971, sau khi bị chuyển từ phân khu giam D5 về phân khu A4, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu phương án đào hầm vượt ngục... Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Với một số việc cụ thể như: Vận động hai ông đại diện của phân khu A4 (ông Hảo và ông Hai Nghị) là người do anh em bầu ra, hai ông này tranh thủ được cảm tình của bọn giám thị, lợi dụng cảm tình đó mà nắm tình hình địch và thay nhau tiếp chuyện với nó để nó ít đi vào trại lũng sục, tạo điều kiện cho anh em đào hầm. Trưởng phòng nhà bếp (đồng chí Hà) làm công tác tuyên truyền quần chúng, ủng hộ, giúp đỡ vật chất và các phương tiện đào hầm. Báo cáo với Đảng uỷ và các chi bộ, tuyên truyền giáo dục quần chúng ủng hộ, giúp đỡ tham gia bằng mọi hình thức trong thời gian tổ đào hầm hành động.

Tổ đào hầm gồm có 15 đồng chí, đồng chí Hòe làm tổ trưởng đồng chí Ngọc làm tổ phó, và chuẩn bị hai phương án đối phó với địch khi hầm bị phát hiện.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Một là: Nếu hầm mới đào ngắn thì 3 đồng chí đứng ra nhận với địch gồm đồng chí Hòe, đồng chí Bầu, đồng chí Oát.

Hai là: Nếu hầm đào dài gần hoàn thành mà bị phát hiện thì 5 đồng chí đứng ra nhận gồm 3 đồng chí nói trên thêm hai đồng chí nữa là đồng chí Thắng và đồng chí Nô, năm đồng chí này là đội cảm tử.

Địa điểm đặt nắp hầm ở gian thứ hai, phòng hai, đào theo hướng tây qua dưới hai phòng giam, qua lộ xe tuần tra, qua nhà quân cảnh rồi ra bãi tranh thì trở cửa lên. Dự tính đường hầm dài 80-120 mét; Thời gian đào từ 5 tháng đến 6 tháng, càng nhanh càng tốt.

Sau hơn một tháng chuẩn bị, chúng tôi cử đồng chí Hà báo cáo với Đảng uỷ về phương án hành động như trên. Đồng chí Hà về báo lại là Đảng uỷ mới có 1/3 đồng ý, còn hai phần ba không đồng ý với lý do: tình hình lúc này đang căng thẳng, địch đang tìm sơ hở của chúng ta để đàn áp; Địa điểm đặt nắp hầm xa quá, thời gian kéo dài dễ bị địch phát hiện; Phương tiện kém, kỹ thuật không có, tình hình nội bộ trong trại giam lúc này không tốt, nếu địch phát hiện sẽ bị đàn áp.

Trước tình hình đó, chúng tôi họp lại bàn tính, cân nhắc kỹ, có cả hai ông đại diện, tất cả đều thống nhất ý kiến quyết tâm làm và báo cáo lại với Đảng uỷ vì đào hầm lúc này là thuận lợi, mùa mưa dễ đào, dễ phân tán đất.

Đêm 7-8-1971, chúng tôi đặt nắp hầm, có đất nguy trang giống như nền nhà trại giam. Khoảng 8h30 tối nắp hầm đặt xong, tôi đào được gần một tiếng đồng hồ vừa đủ cho một người ngồi lọt còn hở cái đầu thì báo động quân cảnh và điểm danh, tôi không kịp lên, anh em ở trên ấn đầu tôi xuống đây nắp hầm lại, tôi cố gắng hết sức co người thật nhỏ lại, không nhúc nhích được tý nào, không có đủ ôxy thở, cứ phải cố nén chịu đựng, ở trên, anh em nhanh trí làm ngay cái hình nhân, trùm khăn kín đầu bằng những



*Dụng cụ đào hầm vượt ngục
của tù nhân ở nhà tù Phú Quốc*

Ảnh: TL

chăn mềm tại chỗ tôi nằm, điểm danh xong thằng quân cảnh bấm đèn pin vào cái hình nhân và hỏi thằng nào đây, dậy coi.? Nó đứng ngay gần miệng hầm, tim tôi thót lại, phen này chắc chết, tôi đang quay cuồng nghĩ đến chuyện mình sẽ tự tử, chợt có tiếng trả lời “Nó đang bệnh thương hàn nặng lắm không dậy được”, nghe nói đến bệnh thương hàn thằng quân cảnh lùi lại và nó đi ra luôn, tôi toát mồ hôi đầm đìa, chân tay bủn rủn vì nghẹt thở, giống như người bị bóp cổ, tôi trợn mắt ngáp mấy cái đất cát vào cả mũi, mũi và sau đó tôi xỉu đi lúc nào không biết.

Khi lính quân cảnh đi ra, anh em kéo tôi lên đang trong tình trạng ngất xỉu, khoảng 15 phút sau tôi tỉnh lại, mới biết sự việc diễn ra như vậy. Đồng chí Ngọc và đồng chí Thắng, cùng tổ đào hầm, đã nói với nhau nếu đồng chí Hòa chết chúng ta phải có trách nhiệm mai táng, đánh dấu mộ và đồng chí nào còn sống trở về, hãy đến quê hương đồng chí tại Xuân Hương, Lạng Giang, Hà Bắc thăm hỏi gia đình, báo cho cha mẹ và vợ con đồng chí Hòa đã chết như vậy, tôi nhìn những khuôn mặt cúi xuống mà cười ra nước mắt.

Đào được 4 ngày thì Đảng uỷ lệnh cho chúng tôi phải lấp hầm lại, với lý do: Địa điểm đặt nắp hầm xa quá, quần chúng không ủng hộ, kỹ thuật không có, khó hoàn thành. Chúng tôi hội ý nếu là lệnh của Đảng uỷ thì chúng ta lấp, nhưng phải hỏi lại, vì lý do trên chỉ là do một số anh em sợ đấu tranh, sợ đàn áp, thành phần lung chùng, gió chiều nào che chiều ấy.

Đồng chí Hà lại báo cáo lên Đảng uỷ, Đảng uỷ bảo các đồng chí lấp đi, tập trung vào đào một đường hầm khác ngắn hơn. Đồng chí Ngọc lại hỏi: “Cái gì? đào một đường hầm khác ư? Thật khó mà thực hiện, mình không thể sang trại khác đào hầm được, đi lại nhiều không đảm bảo được bí mật mà chỉ những người ở trại đó mới đào được...”. Sau đó chúng tôi lại cử đồng chí Hà trình bày lại thật kỹ phương án đào hầm với Đảng uỷ và đề xuất ý kiến của tổ quyết tâm làm đến cùng. Đồng chí Hà lên gặp Đảng uỷ, đồng chí Hòa phó Bí thư Đảng uỷ đồng ý cho chúng tôi hành động theo phương án, càng nhanh càng tốt, rồi đồng chí xuống chỉ đạo làm luôn.

Tiếp tục đào được khoảng 15 ngày thì Đảng uỷ báo hầm đã bị lộ do có người báo, cho lấp ngay để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho người ra nhận nếu địch phát hiện được hầm. Chúng tôi hỏi thăm hai ông đại diện xem tình hình địch có gì không, hai ông nói không có gì, tình hình bình thường, nhưng giám thị nói sáng mai quân cảnh vào trại xét hầm. Sau đó ít phút giám thị kêu hai ông đại diện ra hỏi: Các ông có hay gì không? Ông đại diện nói: Dạ... có gì không trung sĩ?

Thằng Phấn giám thị nói: “Các ông còn giấu tôi hả? Ở trong trại ông có một cái hầm, rõ chưa? Hầm ở phòng nào các ông phải báo ngay, không thì mấy ông coi chừng đó”. Hai ông đại diện trả lời: “Dạ, không có đâu trung sĩ, anh em mới chuyển về đây, đâu dám đào hầm, tôi cam đoan với trung sĩ, cho quân cảnh xét phòng nếu có tôi hoàn

toàn chịu hình phạt với trung sĩ”. Nghe ông đại diện nói, thằng trung sĩ cười nhạt: “A! Các ông ngon đó, được, chờ ngày mai sẽ biết, thôi về đi”. Hai ông về báo lại với chúng tôi như vậy, chúng tôi quyết định lấp luôn và cử người nhận theo phương án một, gồm tôi, đồng chí Bầu và đồng chí Oát, chúng tôi thống nhất với nhau cách đối phó với địch: chỉ nhận có 3 người và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đồng đội. Nếu chúng kêu 3 người ra cùng một lượt, mà không trối, thì tìm cách 3 người đi gần nhau, ra khỏi cổng trại nếu có thời cơ, tôi hô đánh là tất cả đều hành động, ai gần lính thì đánh lính cướp súng, bắn trả xong chạy mỗi người một hướng lên rừng, thà chết không để địch bắt lại. Nếu nó trối thì cứ trả lời như đã thống nhất, không khai một ai trong tổ chức Đảng và tổ chức đào hầm; chúng tôi xác định sẵn sàng chết.

Chúng tôi chia tay nhau đi tắm giặt, ăn cơm chiều xong, đi thăm hỏi các anh em thân quen cùng quê và đồng đội ở các phòng giam, rồi gặp các đồng chí ở chi bộ thăm hỏi, chào chia tay lần cuối cùng, chúng tôi nhìn nhau rơi hai hàng nước mắt, các đồng chí động viên hãy ráng lên, những con người đồng cảnh, trong lao tù biết nói sao đây, ta chia tay nhau trong lao tù, tử nhục, bạn đời chúng ta hiểu nhau nhiều, chúng ta ghi nhớ tấm gương của những người đồng chí, đồng đội.

Cả đêm đó không ngủ được, sáng ra quân cảnh vào điểm danh như thường lệ rồi đi ra. Khoảng 3 giờ chiều hôm đó, quân cảnh đột nhiên vào trại điểm danh xét phòng rất kỹ, riêng phòng chúng tôi đặt nắp hầm, chúng chỉ ngó qua loa rồi đi. Chúng tôi mừng trong bụng, địch chưa phát hiện chính xác, hoặc là có đối tượng báo ra mà chưa biết hầm nằm ở phòng nào. Rồi ít ngày sau đó cũng chẳng thấy gì. Các chi bộ, chi đoàn làm công tác tư tưởng củng cố nội bộ, tình hình trong trại lúc này ổn định, tình hình địch bình thường không thấy nói gì đến hầm nữa.

Gần hai tuần nghỉ đã ổn định được tinh thần, chúng tôi lại hành động tiếp, đất đào ép ngay dưới hầm ít phải mang lên, mỗi ngày đào phát triển gần 5m.

... Đang làm thì một trở ngại nữa ập đến, 5 người đào hầm bị ngạt gần chết, phải làm lỗ thông hơi mỗi lỗ cách nhau 10m, lỗ thấp nhất ngay đường mương thoát nước của phòng 3. Nhưng đường hầm đào lại bị cong mất 25m vậy là khó khăn nữa tới, chúng tôi tìm cách giải quyết bằng cách làm hai cây thước dài 80 phân dùi 3 lỗ trên hai cây thước để xác định đường thẳng muốn đào. Giải quyết đường hầm khỏi cong xong, còn một khó khăn là bảo vệ lỗ thông hơi ở các rãnh có nước, và anh em cũng đã khắc phục được.

Hầm đào hơn 4 tháng thì đo được 50m, ra gần đến hàng rào, càng xa, việc kéo đất càng khó, lúc này phải xuống hầm 5 người để kéo đất tiếp, còn hai người ở gần miệng hầm, một người ém đất có gì báo động giựt dây là ra ngay.

Tình hình đối phó với địch rất căng thẳng, đại diện và trưởng phòng phải luôn luôn đối phó với giám thị và quân cảnh; xét phòng và điểm danh bất ngờ, có báo động

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

phải lên thật nhanh, không để kẹt người dưới hầm, nên người đào phải buộc dây vào chân, vừa kéo thùng vào để đất vừa làm dây để báo động.

Có một lần chúng tôi đang làm ở dưới hầm thì quân cảnh đột xuất vào xét phòng, anh em không kịp trở tay, rất căng, có thể bị lộ, nhưng may sao được quần chúng ủng hộ, tất cả 4 phòng ở dưới anh em đi tràn qua phòng của chúng tôi làm cho quân cảnh không đi vào phòng được, chờ cho chúng tôi lên hết, nguy trạng xong mới ra từ từ. Máy thàng quân cảnh đã phải nổi khùng lên: “Tụi bây đi gì kỳ vậy, ngoài sân không đi sao cứ đi qua phòng”, cả đám đông tù chẳng ai nói gì, chúng im lặng đi vào lục soát và kiểm tra. Có cái lạ là phòng chúng tôi đặt nắp hầm mà chúng chỉ kiểm tra qua loa rồi đi, có lẽ nó cho là phòng của mấy ông đại diện ở nên chúng ít để ý.

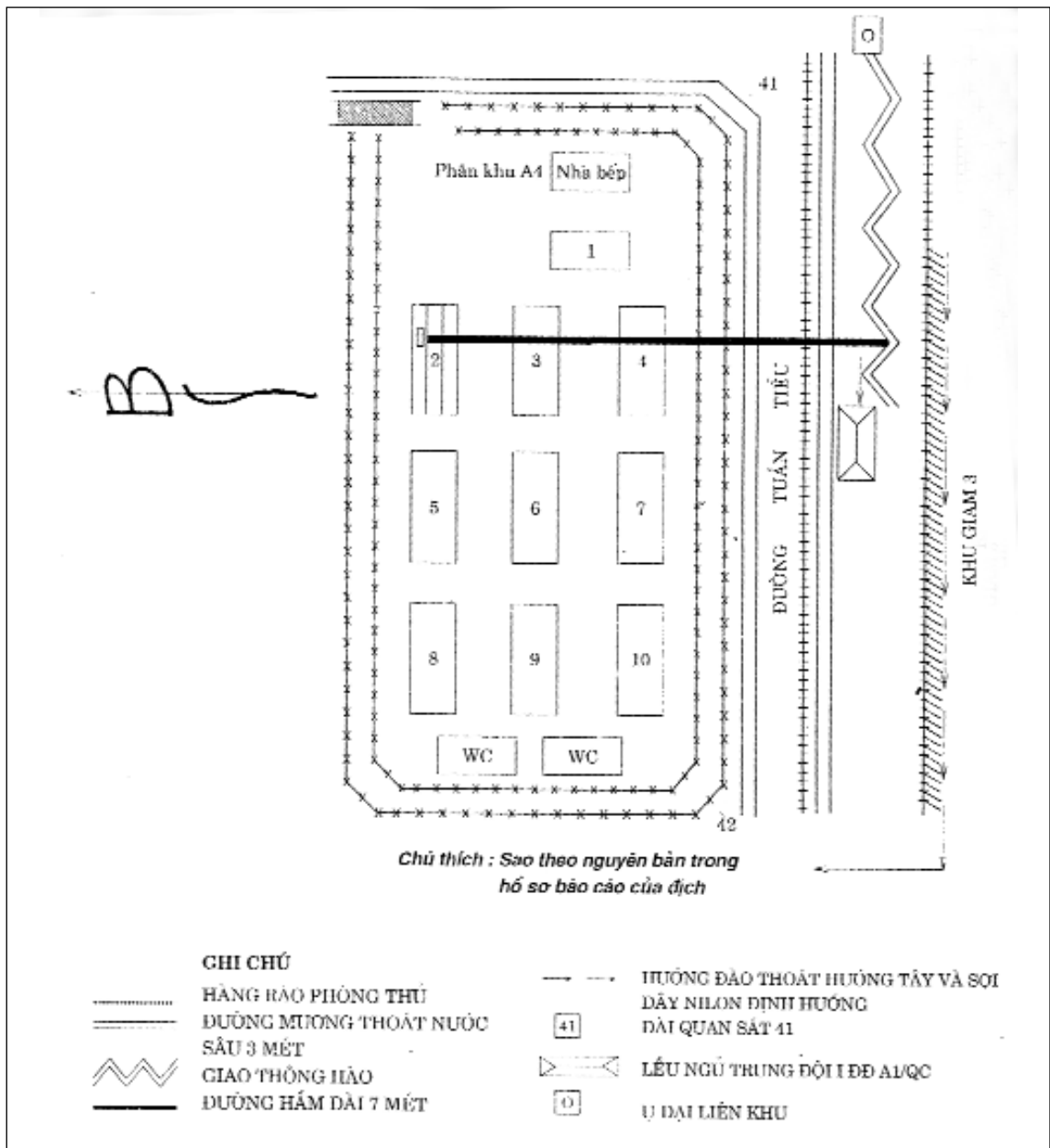
Đào được trên 5 tháng, cả trại giam ai cũng xôn xao nóng ruột, chỉ sợ bị lộ uổng công, bị đàn áp và đổ máu, chúng tôi quyết tâm phải làm gấp, làm thật nhanh để hoàn thành trước tháng 12, không để sang năm khác nó sẽ chuyển trại. Thế là chiến dịch tốc hành được đặt ra: làm một ngày từ 4-5m nhưng lại gặp khó khăn nữa, gặp đường mương thoát nước ngoài hàng rào, có cọc sắt chắn ngang sâu 50 phân, chúng tôi dừng lại để nghiên cứu. Như vậy, đường mương thoát nước sâu 3m, cọc sắt dịch đóng để chống đào hầm và làm rào sâu 50 phân nữa là 3m rưỡi, chúng tôi quyết định lui lại 1m cách đường mương thoát nước đó, đào sâu xuống 2m nữa, rồi từ đó đào góc lên và theo kế hoạch đó, phải mất một tuần mới đi thẳng được. Đang đào thì bọn dịch cho máy rà đường hầm chạy xung quanh trại, anh em tù kêu là “máy đo địa chấn”, nó kéo qua chỗ hầm, chúng tôi lo muốn tắt thở, may sao nó kéo qua đi bình thường, không có gì xảy ra, không rõ sao mà máy không phát hiện được, có lẽ đường hầm sâu quá, sâu trên 5m so với mặt đất.

Chúng tôi đào đến ngày 20 tháng 12 năm 1971, anh em lấy dây đo thử đường hầm dài 80m mà vẫn không thấy gì; chúng tôi kiểm tra xong mới biết còn lại 8m nữa là trở ra giao thông hào, hai ngày nữa sẽ hoàn thành và dự định sẽ ra đi vào đêm 22 tháng 12. Nhưng đào đến ngày 22 mới được 4m và dịch lại kiểm tra gắt quá, đến ngày 23 tháng 12 chúng tôi quyết tâm đào phải xong. Thế rồi đào tiếp 3,5 nữa tính ra chỉ còn 1m nữa là trở lên được rồi, chúng tôi dừng lại đây, lên báo với Đảng uỷ chuẩn bị cho kế hoạch vượt ngục.

Như vậy, qua gần 5 tháng chúng tôi đã đào đường hầm dài 88m cộng thêm 25m đường hầm cong nữa là 113m; Mang lên 25m khối đất; Dùng 300m dây bện bằng bao gạo và quần áo rách của lính; Tiêu thụ 3 cái can, 10 quai cà mèm và một cây sắt chữ V của nhà bếp đánh thành thuổng để đào đất.

Kế hoạch vượt ngục đã được chuẩn bị xong: số người đi là 17 đồng chí trực tiếp đào, 6 đồng chí gián tiếp, và 7 đồng chí do Đảng uỷ cho đi, tổng số là 30 người, chia làm 3 tổ – cho một đội cảm tử gồm 6 đồng chí mở đường gỡ mìn, gỡ đến đâu thì căng

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG HẦM CÁC TÙ BINH ĐÀO THOÁT
TẠI PKA4 ĐÊM 23-12-1974



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

dây đến đó để các đồng chí đi sau lần theo dây đó đi. Nếu trở cửa hầm bị lộ thì tổ cảm tử này có nhiệm vụ cướp súng của địch đánh địch cho anh em đi, cụ thể cướp súng đại liên ở đầu phân khu B4, 3 đồng chí khác chạy vào nhà quân cảnh cướp súng để đánh lại địch, nếu không lộ tuyệt đối không làm gì để địch nghi ngờ.

Ra khỏi trại, 3 tổ sẽ tách ra đi làm 3 mũi, và đi theo về hướng Bắc đảo. Sau khi 30 anh em xuống hầm hết rồi còn anh em nào dám đi cứ tự do đi không hạn chế, nhưng phải giữ bí mật không được làm lộn xộn trong phòng, địch sẽ phát hiện, các đồng chí nào còn ở lại sẽ nguy trang nắp hầm và chuẩn bị đối phó với địch.

Giờ xuất phát đã đến, chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng. Lúc 21h quân cảnh vào điểm danh lần đầu trong đêm, khi chúng ra khỏi cổng trại, chúng tôi lần lượt xuống hầm nằm chờ trở cửa ra rồi lần lượt thoát ra ngoài.

Qua 10 ngày băng rừng lội suối, bị địch bao vây săn đuổi, lũng sục, chúng tôi đói khát ăn rau rừng uống nước suối để sống và cuối cùng chúng tôi đã đến đích, đồng chí Năm Lòng đưa chúng tôi về đơn vị đặc khu của huyện đảo, ít ngày sau một số anh em nữa về kịp, chúng tôi tổng kết đường hầm đó vượt ra được 42 người, 26 đồng chí về đến cứ cách mạng, còn lại 16 đồng chí đã bị địch bắt hoặc đã ngã xuống trên dọc đường.

Trải qua bao nhiêu ngày cực nhọc, sống trong lao tù gian khổ, đầy chết chóc, chúng tôi đã trở về với gia đình cách mạng thân yêu của mình, sau đó một số đồng chí về tỉnh Châu Hà và các đơn vị chủ lực ở đất liền tiếp tục chiến đấu.

Tôi và một số đồng chí tình nguyện ở lại đơn vị của huyện đảo chiến đấu và làm nhiệm vụ nắm tình hình địch, đón anh em mình trong trại giam vượt ra. Cuối năm 1972, trên R (1) cử đơn vị T66 về đảo thành lập đoàn đón tiếp trao trả tù binh tại đảo Phú Quốc, tôi về đơn vị này công tác và chiến đấu tại đảo. Đến tháng 9-1973 đoàn T66 về R, tôi về đất liền, về trung đoàn 101 hoạt động ở Châu Hà, tháng 2 năm 1974 chiến đấu tại cồn cảng Hà Tiên bị thương, sau đó tôi về phòng cán bộ Cục Chính trị Quân khu 9, năm 1975 tiếp quản tại Cần Thơ.

NGUYỄN ĐỨC HÒE
Cựu tù binh Phú Quốc

CHIẾC BẬT LỬA ZIPPO MỞ ĐẦU CHIẾN THẮNG

Nhan đề đoạn hồi ký này tôi nêu “Chiếc bật lửa Zippo mở đầu chiến thắng” cũng chính là cách ghi nhận chiến tích của nhiều anh em dũng cảm và mưu trí trong tư duy phương án kế hoạch và cả trong hành động.

Nơi chúng tôi bị nhốt là phân khu giam A6. Đây là một phân khu “biệt giam”. Ba dãy, chín phòng giam đều bị rào bùng nhùng gai chia cắt riêng biệt từng phòng giam. Anh em tù binh không được qua lại giữa phòng giam này với phòng giam khác. Từ A6 ra đến nơi “đổ thùng” có lẽ không hơn 500 mét. Nếu tính từ phân khu giam A6 ra thì bãi “đổ thùng” còn ở bên trong đồi 37. Đường trống trải, bằng phẳng, cỏ lúa thưa cao chỉ nửa ống chân. Hai bên và phía trước nơi “đổ thùng” thì trại lính bảo an, trên đồi cao, kèm bên mirador quan sát còn có khẩu trọng liên. Hôm đó, một tiểu đội quân cảnh dẫn 38 tù binh “đổ thùng”⁽¹⁾. Anh em chúng tôi chia thành 19 đôi, mỗi đôi khiêng một “thùng cầu”, bằng một cây đòn. Hướng chúng tôi vượt trại, đồi dốc chập chùng, xen với mạng lưới địch bố trí canh giữ, vây hãm anh em tù binh.

Bọn quân cảnh thường rất có kinh nghiệm về việc áp giải tù ra ngoài khu giam. Chúng đi hai hàng dọc hai bên, cách chúng tôi hơi xa, để phòng bị tù giựt súng. Phía trước vài ba thằng, phía sau ba bốn thằng nữa, cũng đi cách chúng tôi hơi xa. Như vậy, cả bốn phía của chúng tôi - tiền, hậu, tả, hữu - đều có địch, cả gần cả xa cũng vậy.

Dự định tiến công bọn áp giải để vượt trại... chúng tôi bàn tính từ nhiều tuần trước. Và trước nữa thì đã điều tra tương đối kỹ về đường đi nước bước. Chạy ngã nào không đụng địch? Chạy thế nào để không sa vào tầm đạn trọng liên? Cái vùng bãi lầy giữa rừng (tên là Bung ba-gà) bên ngoài xa trại giam, chúng tôi cũng biết.

(1) Thùng “phi” (fut) loại 220 lít, cắt làm đôi, dùng làm phương tiện vệ sinh cho tù binh. Hàng tuần khiêng ra ngoài đổ vào hố đào sẵn, lấp lại.

Kế hoạch đã bàn tỉ mỉ và anh Năm Hùng chỉ huy thực hiện khá tốt. Những khẩu cac-bin của quân cảnh, chúng tôi không ngại lắm. Đáng lo nhất là khẩu bắn đạn chài, nó hết sức nguy hiểm. Phải cướp cho bằng được khẩu đại chài này. Chiếc bật lửa Zippo (còn mới) nhặt được từ lâu được dự kiến làm cái cơ tiếp cận địch. Hôm đó, sau khi nhận được ám hiệu từ Năm Hùng, đồng chí Năm, 21 tuổi, xìa chiếc bật lửa ra: “Cái ống quẹt Zippo đẹp quá, trung sĩ ơi”. Thằng quân cảnh “đạn chài” nhào lại “Đầu, đầu, để tao, để tao...”, Năm, Năm Hùng, Tuất, Quý... cùng nhào vô, bẻ tay nó và chĩa ngược khẩu đạn chài vào bọn lính đằng sau. Anh em nói chung đều nhanh tay nhanh chân nhào vô phụ. Thằng quân cảnh đo ván, bất động. Anh em tiến công nhanh, bất ngờ và rất hiệu quả.

Nhờ đã ăn ý với nhau trước, anh em đồng loạt nhào ra mỗi người đều thẳng cánh “nện” cho từng thằng quân cảnh một cây đòn khiêng thùng... và cướp súng chạy. Lúc đó có lẽ hơn 8 giờ sáng. Địch phản kích cũng khá nhanh. Chúng nổ súng và vận động tràn lên cát xuyên đội hình chúng tôi, 17 người phía sau bị địch chặn lại. Chúng tôi thì cắm cổ, ra sức phóng... Cho đến bây giờ, chưa rõ 17 anh em bị cát đội hình chặn lại số phận từng người ra sao. Lần đó, vượt trại được 21 người, trong đó có Năm Hùng, tôi và 19 người bạn cùng tù nữa.

Sau khi thoát ra, nếu chạy theo bất cứ đường nào “giữa” đảo thì đều không thoát luôn được. Hoặc bị bắt lại, hoặc hy sinh. Không đụng bọn này thì đụng vào bọn khác. Gần chưa đụng địch thì đi xa hơn cũng đụng. Nơi chúng tôi “đổ thùng” cách bìa khu giam cuối cùng cao lắm là 50 mét. Đông - Bắc bãi “đổ thùng” là đồi 37, có khẩu đại liên án ngữ; Tây - Nam bãi “đổ thùng” đang có tốp lính coi tù binh đốn cây. Chúng tôi phát triển theo hướng Tây - Bắc, lối 400 mét là tới rừng nhum. Khẩu đại liên không thể bắn thẳng vào chúng tôi vì có thể đạn lạc vào số đang coi đốn cây. Khi chúng tôi vào gần đến bìa rừng, địch mới phát huy được hỏa lực bắn đuổi. Thì lúc đó lại khó ăn chúng tôi. Nhưng tai nạn đối với chúng tôi khi vào được rừng nhum lại là lũ dơi quạ. Chúng tôi tới đâu thì dơi quạ tốc ỏ ra bay lượn tứ tung. Pháo biển của địch cứ rà theo dơi quạ mà nã vào rừng. Chúng liên tục nã xém xém đội hình chúng tôi. Đêm đầu, chúng tôi tạm ẩn náu tại khu rừng nhum đó.

Nhờ biết trước địa hình, ngày sau, chúng tôi vận động ra ven biển mà đi. Chỉ ven theo men biển mới khai thác được sơ hở của địch, mới có thể còn đường sinh tồn. Sau khi bung ra, chúng tôi và Năm Hùng lạc nhau mấy ngày. Phát triển một đoạn tương đối xa theo ven biển (độ 6-7 cây số) khi biết là đã vượt khỏi trận đồ đóng quân của địch, chúng tôi vận động vào rừng cao. Bị quân trong rừng mấy bữa, nhin đói, nhin khát. Trên trời, máy bay địch bắn và kêu gọi inh ỏi. Dưới đất thì bộ binh truy kích, lùng sục. Ngoài biển thì pháo tàu chiến nã vào, chúng hợp đồng chặt chẽ. Nhưng anh em không dao động, sồn lòng. Anh em chúng tôi một phần vì không lường trước nổi, một phần vì chẳng có thứ gì khác hơn có thể ăn được uống được, số đông bị “mệt” vì hậu quả uống quá nhiều nước dừa, chỉ uống nước dừa. Trong tốp tù chúng tôi vượt ngục, có anh Lập

(quê ở Bến Tre) không uống nước dừa, cũng không ăn dừa. Anh ăn cá sống - cá anh mò được - với ớt xiêm rừng. Nhờ đó anh Lập là người khỏe nhất. Rà tới rà lui một số khu rừng cao, ít hôm sau, chúng tôi may mắn gặp được người của cơ sở Cách mạng địa phương trên đảo. Thật không tả được niềm vui, sự mừng rỡ như thế nào! Gặp chúng tôi, anh em biết ngay là những tù binh vượt ngục. Trước khi gặp chúng tôi, các đồng chí trên đảo đã nhận được tin “có tốp tù vượt trại”. Các đồng chí cho người đi dò tìm chúng tôi. Đến đây chúng tôi mới gặp lại Năm Hùng. Dần dần, chúng tôi gặp được các đồng chí lãnh đạo ở đảo. Chúng tôi được sinh hoạt, trao đổi ý kiến và được giao công tác.

Chưa rõ trên toàn đảo Phú Quốc có bao nhiêu xã? Tôi biết được 3 xã: Dương Tơ, Cửa Dương và Hàm Ninh. Trong cánh Năm Hùng phụ trách, có Quý. Quý làm du kích xã Hàm Ninh, chiến đấu một thời gian và hy sinh. Tôi được giao nhiệm vụ Phó chỉ huy trưởng quân sự xã Hàm Ninh. Thời gian sau, tôi được điều động sang làm đội trưởng trình sát công an huyện Phú Quốc. Trong cánh tôi phụ trách (hồi còn trong trại giam) còn có Tiệm và Vũ Sơn⁽¹⁾. Tiệm đã hy sinh rồi. Vũ Sơn nhờ có “tay nghề” thầy thuốc, được địa phương tại đảo rất trân trọng, cố giữ Vũ Sơn lại để phục vụ quân y tại đảo.

Sau chúng tôi, có một cuộc anh em tù phân khu giam C8 đánh lính, vượt trại. Anh em đi làm lao dịch bên ngoài trại giam, do hải quân ngục lãnh đi và coi làm (hình như là đốn gỗ rừng?). Chiều, mãn giờ về, có cơ hội, anh em tiến công, áp đảo bọn hải quân và thoát vào rừng. Tôi không còn nhớ đủ hết số vượt trại chuyến này, chỉ nhớ được 2 người: đồng chí Chín Khoán và Sáu Khoanh (Sáu Minh) là người chỉ huy cuộc anh em C8 đánh lính và vượt ngục.

Từ trại giam tù binh Phú Quốc vượt ra, nhóm chúng tôi không cùng vượt trại với nhóm các đồng chí Sáu Minh (Sáu Khoanh), Chín Khoán. Song từ sau khi gặp nhau trên đảo thì chúng tôi lại cùng nhau vượt đảo trở về đất liền. Năm Hùng chỉ huy chuyến vượt đảo đầu tiên, lối chực người - vì không đi đông hơn được - thành công. Tôi chỉ huy đi chuyến thứ hai (gồm mười người) đi chung với các đồng chí Sáu Khoanh, Chín Khoán, cũng thành công, về tới nơi an toàn. Còn lần đi thứ ba, cũng lối chực người, thì... cho đến nay, tôi vẫn chưa được tin kết quả ra thế nào...

Sống và công tác ở đảo Phú Quốc vẫn có thể được. Anh em chúng tôi đều biết rằng địa phương đảo Phú Quốc rất cần những chiến sĩ, cán bộ như chúng tôi. Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy, người nào và bao giờ cũng cố gắng thuyết phục chúng tôi yên tâm bám lại công tác lâu dài ở địa phương đảo Phú Quốc. Đồng bào, đồng chí ở đảo Phú Quốc cũng là đồng bào, đồng chí Việt Nam cả. Chúng tôi được biết thực lực các loại ở đảo Phú Quốc thiếu rất nghiêm trọng. Được bổ sung những người đã giác ngộ, biết hoạt động cõ như chúng tôi thì các đồng chí tại đảo rất hài lòng.

Các khu rừng cao, địch biết là địa hình quân ta dựa. Chúng thường trực bao vây phong tỏa, cô lập. Nhưng đồng bào ta ở các địa phương như Cửa Cạn, Hàm Ninh, Dương Đông, Cây Dừa... dù sống trong tình cảnh như “áp chiến lược” vẫn len lỏi tiếp tế giúp đỡ

Cách mạng. Nhiều chị em phụ nữ đem gạo, nước mắm “nhĩ” ở Phú Quốc vào cho chúng tôi. Lương thực chủ yếu của anh em là củ nằng. Mới đầu ăn, chúng tôi bị ngầy ngật. Sau quen dần. Lâu thật lâu mới được một bữa cơm “rặc” gạo. Anh em gọi đó là những bữa “cơm tiên” mà thường chỉ dành cho người đau ốm. Bản thân tôi, những lúc đau ốm, cũng được ăn “cơm tiên” và được giúp đỡ thuốc men. Tình cảm gắn bó giữa anh em vượt cùng ngục với nhau, giữa anh em vượt ngục với đồng chí, đồng đội và đồng bào địa phương, có thể nói là rất mặn nồng sâu đậm. Khi tôi “tạm biệt” đảo trở về đất liền, anh Hai Quang (cùng đội trinh sát với tôi) khóc muối. Anh ngại tôi về không tới nơi tới chốn, chết dọc đường... Đến sau này, nghe tin tôi đi học ở Hà Nội, anh gửi biếu tôi tiêu hột (sản phẩm ở đảo Phú Quốc). Cộng lại trước sau, số anh em tù binh vượt trại thoát ra độ sáu mươi người tham gia chiến đấu ở đảo, hơn chục người hy sinh. Duy chỉ có một vấn đề ở đây không như địa phương nhà chúng tôi được: đó là việc xem xét và giải quyết “Đảng tịch” đối với chúng tôi sau thời gian bị địch giam giữ, đứt liên lạc với Đảng. Đây là lý do duy nhất khiến chúng tôi không thể yên tâm hoạt động lâu dài ở đảo Phú Quốc. Từ đó nung nấu thường trực trong chúng tôi ý thức tạo điều kiện trở về đất liền. Không được địa phương ủng hộ, giúp đỡ chúng tôi tự mình lo chuẩn bị lấy. Kết hợp trong hoạt động hằng ngày, chúng tôi tiến hành công việc điều tra tìm hiểu về đường đi từ đảo Phú Quốc về đất liền, đường nào không thể đi được? mùa nào không thể đi được? v.v... và lo làm thuyền...

Từ đảo Phú Quốc, như bản đồ đã chỉ rõ: hai đường vượt biển gần nhất về đất liền Việt Nam là về Hà Tiên (gần 40 cây số) và về Rạch Giá (hơn 120 cây số đường biển). Chúng tôi sớm biết được là mình không thể đi được một trong hai con đường đó. Hơn nữa, nếu là đường dây huyết mạch có ý nghĩa sinh tử liên lạc giữa đảo với đất liền thì chúng tôi không được biết con đường bí mật này.

Chúng tôi tự chuẩn bị làm (thuyền bơi) để vượt biển. Thuyền bơi, chỉ có thể đi được là vào những tháng cuối năm trước đến hết quý I năm sau. Lúc đó thời tiết tốt, biển tốt nhưng địch lại tuần tiễu trên biển và trên không rất ngặt. Có lần địa phương đảo tổ chức vào đất liền (Không rõ các đồng chí đi như thế nào) bị địch phát hiện, tiến công và người phải bỏ thuyền, nhảy xuống biển; chỉ sống sót một vài người, trong đó có một đồng chí kể lại là đã bơi hàng chục cây số trên biển... Ngoài những tháng đó thì mưa bão, biển động mạnh có lúc rất mạnh, không ai dám đi bằng thuyền bơi... Nhưng chúng tôi buộc phải chọn lúc biển động để đi (tranh thủ lúc địch sơ hở). Đường chúng tôi chọn phải đi từ phía Bắc đảo Phú Quốc vượt biển lên hướng Bắc - Tây Bắc, đổ bộ lên lãnh thổ Campuchia và đi lẩn về Việt Nam bằng đường bộ. Thời điểm đó - tháng 5/1971 khơmer (đỏ) chưa tiến công khủng bố người Việt Nam yêu nước mà họ còn ủng hộ và giúp đỡ. Đối tượng lúc đó mà chúng tôi cần phải triệt để “tránh” là bọn tay chân Long Nôn (ngụy quyền Campuchia thân Mỹ), nhất thiết không thể để bị bọn này đánh hơi, phát hiện tung tích dấu vết.

Từ đảo Phú Quốc đến vùng “hòn” thuộc tỉnh Kămpôt chỉ chưa đầy 30km đường

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

biển, song để tránh sự tuần tra của địch trên biển và trên không nhằm phát hiện, chúng tôi dự kiến chỉ đi ban đêm, ban ngày thì tìm chỗ nấp, nghỉ. Và khi tạm dừng lại nghỉ (ban ngày) chúng tôi phải khiêng thuyền lên giấu thật kỹ trong vách đá ở rừng tại hòn. Mùa chúng tôi đi nói chung là mùa biển từ động tới động mạnh và có lúc rất mạnh, lắm khi sóng nhỏi như trút cả chúng tôi xuống lòng biển. Từ hòn Nặng, chúng tôi phải tránh tàu địch neo thường trực (phía Đông) đi vòng cung phía Tây, phát triển theo hướng Tây Bắc đi về hướng hòn Phú Dự và vào Hòn Khô (tỉnh Kămpốt). Đến 1 giờ sáng, trên phần Nam hòn Nặng, chúng tôi vẫn chưa đi được (lý ra phải khởi hành từ chập tối). Thuyền vỡ, bước xuống là chìm. Ở bờ Bắc hòn Nặng, có một đồn nhỏ của quân Long Nôn. Bọn lính nói chuyện lớn, cười giỡn... chúng tôi nghe lồng lộn. Đồng chí Đạt định liều mạng dùng hết cả lựu đạn “da láng” và súng (lối một chục quả) tiến công đồn bọn Long Nôn ở hòn Nặng để cướp thuyền. Anh em đều nhận thấy kế hoạch đó là quá phiêu lưu. Đánh được hay không? đánh sao cho đạt yêu cầu và tên thợ máy (lái tàu) không chết thì mới mong đi tiếp được (vì anh em chúng tôi chẳng ai biết lái tàu đó). Thống nhất là cố vá thuyền, không đánh đồn. Dùng ni-lông che mưa bọc bên ngoài thuyền, nhét ni-lông vào kẽ ván (như một kiểu trét chai...). May mắn là làm cách này thì tiếp tục đi được. Bơi càng nhanh, thuyền lướt tới mạnh thì ni-lông càng áp sát ván thuyền, nước không chen vào nhiều được, có thể vừa đi vừa tát... Trong nhóm 10 người chúng tôi, cũng may là có 3 người có kinh nghiệm đi biển.

Dân Khơ-mer, Việt Kiều, Hoa kiều ở Hòn Khô rất yêu thương và trân trọng chúng tôi, chúng tôi tranh thủ kể lại việc tổ chức vượt biển cho nhân dân, đồng bào tại chỗ và lực lượng Khơ-mer “đỏ” nghe. Khơ-mer “đỏ” cũng tỏ ra tốt với chúng tôi. Họ tặng chúng tôi một con chó (dùng làm thực phẩm). Khi đã chuyển sang đường bộ - dù còn thuộc lãnh thổ nước bạn Campuchia, chúng tôi nhận thấy thuận lợi hơn, chắc ăn hơn. Bọn Long Nôn tuy hung hăng tàn ác nhưng lại bị cô lập hết sức thâm nghiêm ngay chính trong nhân dân Khơ-mer. Nơi chúng tôi bỏ thuyền, chuyển sang đường bộ là địa bàn tỉnh Kăm-pốt. Chúng tôi nhờ dân và cơ sở Cách mạng Khơ-mer chỉ đường đi nước bước, lần dò đi qua lãnh thổ các tỉnh Kom-pong Xpư, Kom-pong Xơ-năng, Kom-pong Thala, Kong-pong Cham và Kra-chê. Cuối cùng, tháng 9 năm 1971, chúng tôi về đến Ban tổ chức TWC ở Tân Biên (Tây Ninh).

Một ngày ở trong tù như nghìn thu ở ngoài. Cho nên, nhất nhật tại tù như thiên thu tại ngoại. Ai cũng hết sức muốn được “tháo cũi xổ lồng”. Ở cái trại giam tù binh Phú Quốc này còn biết bao nhiêu tội ác man rợ mà bọn cai ngục dành cho anh em tù binh. Không chỉ đau đớn về thể xác mà còn tủi nhục và luôn căng thẳng về tinh thần. Cho nên vượt ngục được, về được với đồng chí, đồng bào luôn là khát vọng cháy bỏng của anh em trong tù.

Dẫu không phải là nhà thơ, tự biết bút pháp của mình còn rất vụng về, tôi vẫn không kìm chế được cảm xúc, viết mấy câu ngẫu hứng sau đây ca ngợi ý chí kiên cường dũng cảm của đồng chí, của anh em (*sáng tác trước khi vượt trại giam*):

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Sân tù là một bãi tha ma
Chuồng cọp ngoài trời, nắng cháy da
Dùi cui, ma trặc khua xương trắng
Ta chết không lo, lo Bác⁽¹⁾ già

Chốn này, cảnh đó, hai trận tuyến
Không thể tìm mình bị ố lem

Gió ơi gió thổi về phương Bắc
Nhấn gửi lòng ta đến Bác Hồ
Không sợ chết, ta yêu cuộc sống ⁽²⁾
Quyết vượt nhà lao phá ngục tù

Kia ngục Côn Lôn, đây Phú Quốc
Lửa hận bùng lên chín tầng cao
Dù cái chết đã kề gang tấc
Nguyện thể quyết đập đổ nhà lao

Dù chẳng súng gươm, cũng trận đồ
Tìm lời Bác dạy hóa binh thư
Trái tim thể quyết thay gươm súng
Đem máu hồng ra dệt bài thơ.

NGUYỄN VĂN DIỆP
(Cựu tù ở nhà tù Phú Quốc)

(1) “Bác” là Bác Hồ

(2) Nho giáo lên án những kẻ “ tham sống, sợ chết” bằng câu chữ sau: “tham sinh, úy tử” (khi cần phải hy sinh thì lại sợ chết, không dám hy sinh).

KÝ ỨC: OÁN HẬN KẼ THÙ

Ở trại giam Phú Quốc, bọn Mỹ - Ngụy không từ một thủ đoạn thâm độc và hành động dã man nào để đối xử tàn bạo với tù binh. Chúng như một lũ “mặt người dạ thú”. Còn nhớ, vào khoảng tháng 7 năm 1968 tại khu 4 của trại giam, địch bắt hàng ngàn tù binh khi nhập trại cởi hết quần áo nằm ngửa giữa cát nóng rồi từng đoàn quân cảnh, chân giầy đinh thi nhau đạp giẫm trên bụng tù binh hết người này qua người khác. Chán chê rồi chúng lại kiếm chuyện, hỏi anh em “mặt trời Phú Quốc này tròn hay là méo”, anh em bảo là tròn, chúng lại chửi - “Đ má mày, mặt trời ở đây méo”. Thế là chúng lại hành hạ anh em cả mấy tiếng đồng hồ giữa trời nắng. Một số anh em từ các vùng chiến thuật chuyển ra, chúng gọi là số đen, và thi nhau đánh đập càng dã man và khốc liệt. Khi tù ra khỏi trại để đi làm, chúng tuyên bố ở đây không có chế độ đi - mà chỉ có chạy, thế là đi đâu làm gì người tù đều phải chạy. Chúng bắt từng tốp tù leo lên những quả đồi trọc có đá - Rồi tự mình phải lăn tròn xuống chân đồi, ai lăn không nhanh là chúng nó đá. Khi đi vào rừng lấy củi, khúc củi đáng phải 10 người khiêng nhưng chúng chỉ cho có 6 người - Nếu ai kêu nặng quá là lập tức chúng nắm đầu người đó kéo ra ngay - Còn lại cũng phải nhắm mắt cong lưng mà chạy. Vừa đi súng AR15 chúng bắn xối xả dưới chân anh em, và nói “thằng nào chết, chúng tao chỉ có mất một tờ trình mà thôi”. Thật vậy, đó chỉ như những trò chơi của chúng.

Chưa hết, chúng bắt anh em tù một tay nắm lấy tai của mình, một tay thì chống xuống đất, cứ thế mà xoay, xoay được vài vòng chóng mặt lăn xuống, là chúng nó lại đá. Hết trò này, chúng lại bày trò khác, bắt tù binh chống đầu xuống đất đưa chân lên trời, ai không chịu được ngã xuống là chúng lại đá xối xả vào người. Chúng bắt tù cắm đầu xuống đất, hát người về phía trước cứ thế mà lộn, ai lộn chậm lại bị chúng nó đá. Bắt chúi đầu xuống hai chân gác vào hàng rào kẽm gai chống 2 tay lên, phải có độ dốc

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

từ 70 đến 80, nếu thấy tay ai run là chúng nó đá ập anh em vào dây kềm gai luôn. Rồi lại tiếp tục giở trò khác. Thật không sao nói hết sự tàn ác của chúng.

Còn tại phòng làm việc của các Trưởng khu - thì đủ phương tiện để chúng đánh đập tra tấn anh em: Roi đuôi cá đuối, quất vào trước ngực thì cái đuôi roi phải lấy đi một miếng thịt sau lưng tù. Chúng dùng đinh 10 phân để đóng vào sống chân tù binh, dùng roi điện mỗi lần quất vào thân thì cả người phải nhảy xổ lên, bắt nằm xuống dưới một tấm ván, phía trên một tấm ván nặng đè lên thân tù, gọi là ép ván. Dùng vải nhựa bọc kín người tù, bỏ giữa cát nóng và ngoài trời nắng, gọi là phơi. Đu dây là dùng dây buộc 2 chân tù xong treo ngược cho lơ lửng, rồi dội nước, tra điện v.v... Nếu người tù nào mà chúng cho là bị kỷ luật phải ra trình trưởng khu, thì phải chịu những hình phạt đó, tự mình chọn lấy một phương tiện để xài!

...

Nhưng, địch càng đàn áp dã man bao nhiêu thì tinh thần cách mạng của người tù càng dâng trào, chí khí càng kiên cường bất khuất, lòng căm thù địch sục sôi dâng cao lên tột độ. Nhiều đồng chí vô cùng dũng cảm, bất chấp hiểm nguy, chống lại địch hoặc tìm cách vượt ngục trở về với đơn vị...

Như đồng chí Bích quê ở Nam Định trước là lính đặc công hoạt động ở nội thành Sài Gòn - anh đã hai lần chui ra khỏi hàng rào dày đặc kềm gai của trại giam nhưng đều bị địch bắt lại, lần thứ ba anh lại tiếp tục chui ra khỏi trại lại bị bắt lại (việc chui ra khỏi trại bằng kiểu này thường bị bắn chết). Biết thế nào anh cũng vẫn sẽ vượt ngục bằng cách này, nên chính tay chỉ huy trưởng vào tận trong trại giam tuyên bố là nó tôn sùng anh là một người anh hùng và thực sự kính nể...



*Anh em tù binh Phú Quốc
giơ cao cờ cách mạng
(do anh em tự làm trong tù)
trong giờ phút được trao trả
(1973)*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Có đồng chí bệnh nặng anh em khiêng lên trạm xá, chúng cho uống nhầm thuốc, tưởng mình sẽ chết, nên liền hô to khẩu hiệu: “Hồ Chí Minh Muôn năm, Đảng Lao Động Việt Nam muôn năm” ba lần như thế khiến bọn địch cũng phải khâm phục và tôn trọng anh (anh Tuấn). Tại phân khu B5 anh em đã tuyệt thực 3 ngày ngồi giữa trời đòi Bộ chỉ huy trại giam xuống giải quyết nhưng chúng không xuống; thế rồi bước sang ngày thứ 4 anh Sơn người Thanh Hóa tự đưa ra một cái bàn đặt trước mặt hàng ngàn anh em, rồi tự anh mổ bụng moi ruột mình ra bắt lũ địch phải xuống giải quyết - Phong trào đấu tranh tập thể của các trại giam đoạn này rất sục sôi và quyết liệt, mặc cho chúng cứ đánh xối xả anh em vẫn cứ ùn ùn xông ra, hô vang khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo bè lũ Thiệu Kỳ bán nước”. Khắp trại giam âm vang và rung động một trận chiến tay không xông tới trước họng súng của quân thù.

Và cũng từ đây, từ cấp sĩ quan các trưởng khu, chỉ huy trưởng và các cố vấn Mỹ lần lượt phải tới từng trại giam giải quyết từng yêu sách của tù binh.

Những yêu sách ấy là: Không được bắt tù binh làm những công việc mang tính chất quân sự và không làm những việc có tính chất tôi tớ và hèn hạ; Tù ra khỏi trại lính không có quyền đánh đập; Đại diện của trại và các trưởng phòng phải là người do anh em bầu ra; Phải cung cấp đầy đủ chế độ ăn - ở, sinh hoạt, giờ giấc, học văn hóa, hội họp, phải đối xử tử tế. Do anh em đấu tranh quyết liệt nên có thời gian hầu hết các yêu sách mà anh em đề nghị cuối cùng chúng phải chấp nhận và thực hiện.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa và phái đoàn cách mạng Lâm thời giải phóng Miền Nam ra thăm tặng cho anh em mỗi người 2 điếu thuốc, 1 điếu Điện Biên và 1 điếu Thủ đô anh em nhận ra ngay ý nghĩa: Điện Biên là chiến thắng, Thủ Đô là trở về Tổ Quốc, cầm điếu thuốc nâng niu mà không sao cầm được dòng nước mắt; có lẽ không ai hiểu nỗi sự vui sướng vô hạn này bằng người tù ở Phú Quốc lúc đó đâu...

Ấy thế mà trước giờ trao trả, địch còn giở thủ đoạn: Đưa xe tới chở anh em, trên xe chúng cắm đầy cờ của ngụy, thế là anh em không chịu lên xe, đấu tranh bắt chúng phải gỡ hết cờ đi, dằng co mãi cuối cùng chúng đành phải gỡ. Rõ ràng cái tin: “Chiến thắng trở về” mà Đảng và nhân dân ta đã tặng cho anh em, thật là vinh dự và xứng đáng.

Thời gian trôi qua, nhưng biết bao ký ức, bao sự oán hận kẻ thù vẫn còn đó. Và, biết bao tiếng hát lời ca rung động trong nỗi lòng anh em cựa tù mãi mãi không bao giờ phai.

TRẦN TIẾN ĐAN
(*Cựu tù binh Phú Quốc*)

NGƯỜI TÙ BINH TRẠI GIAM PHÚ QUỐC BỊ KÊU ÁN TỬ HÌNH

Trên thế giới, qua hai cuộc đại chiến, tù binh của hai bên chưa có vụ nào bị đưa ra Tòa xử án và kêu án. Vậy mà trong cuộc chiến ở Việt Nam, lại có chuyện 56 tù binh tại trại giam Phú Quốc bị 21 phiên Tòa (TAQSĐBV4CT) quân sự đặc biệt vùng 4 chiến thuật Cần Thơ của Mỹ - Ngụy xử án và kêu án đến mức chung thân và tử hình.

Trong 21 vụ án có một không hai xảy ra tại cuộc chiến tranh mà một bên là Mỹ, kẻ xâm lược, một bên là chiến sĩ và nhân dân Việt Nam thuộc lực lượng yêu nước chống xâm lược, kéo dài mấy chục năm trời thật ác liệt.

... Tử tù Đoàn Thanh Phương, tham gia cách mạng từ năm 1960, 6 năm sau bị địch bắt về trại giam tù binh Cần Thơ rồi đày ra trại giam tù binh đảo Phú Quốc. Từ phân khu giam nhà lều A4 (năm 1968) bị đày đi nhiều phân khu. Ở tất cả các phân khu, anh nhận làm y tá trại giam lo lắng sức khỏe bệnh tật cho anh em tù binh. Nhiều lần anh bị nhốt chuồng cọp dài ngày. Hình phạt này anh phải chịu đựng mưa, nắng, ngày, đêm, lúc thì nóng như lò nung, khi lại lạnh thấu da. Cái chết lúc nào cũng kề bên, tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Vào chuồng cọp, anh suy nghĩ tìm mọi cách tung chuồng về quê hương đơn vị như hổ mong về rừng về núi... Anh vượt ngục 4 lần nhưng không thoát. Ra chuồng cọp, anh đấu tranh đòi thuốc men cho bệnh nhân, đưa tù binh đi khai bệnh kiểm thuốc về chữa trị cho anh em. Cái giá anh phải trả cho các cuộc vượt ngục và đấu tranh là bị địch nhổ mất 10 móng tay và 2 móng ngón chân cái v.v...

CHUÔNG CỌP, BIỆT GIAM; BỆNH XÁ LÀ NHÀ XÁC

Khét tiếng nhất trên toàn trại giam tù binh đảo Phú Quốc có trung úy Hiền, Tổng giám thị kiêm trưởng ban an ninh, là tay chân đắc lực của Chỉ huy trưởng trại giam.

Hiền thích dùng mũi giày sút vào ống chân tù binh què đi không được để hấn nhìn và cười. Có khi Hiền còn dùng Judo quật ngã tù binh để trở tài võ thuật của hấn. Hiền ác đã đành, giám thị là một ê kíp khủng bố tù ác đã đành. Đàng này, đội quân thầy thuốc của trại giam cũng ác không kém. Chính lính quân y cũng góp phần đưa tù binh ra đời 100 và đời 37 lên tới con số hàng ngàn tại bãi tha ma hải đảo.

Đồ đệ giỏi nhất về tra tấn trên đảo có thượng sĩ Nhất Nhu. Nhu đã từng đi hiến binh (HB) Nhật, hiến binh Pháp đến quân cảnh thời Diệm tới thời Nguyễn Văn Thiệu. Cái tuổi 50 lúc đó, Nhu lớn hơn trung úy Hiền gần 10 tuổi nhưng Nhu vẫn luôn luôn thể hiện hấn là đồ đệ tra tấn tù có tâm cỡ để Hiền khen và không để ý đến Nhu là người sợ tù trả thù sau này.

Nhu được Tổng giám thị Hiền giao làm Trưởng giám thị khu 2, kiêm luôn giám thị nhà lều biệt giam sân cỏ khu 2. Những năm 1969 - 1970 ác ôn nhất là Nhu. Tù binh lên án như vậy. Hấn có biệt tài đục răng cửa của tù binh, đục lưng lưng nón sắt QC được bọn an ninh tán thưởng. Chính Nhu bắt tù binh khu 7 tên là Bảy Ni (quê Củ Chi) bị nghi là Bí thư Chi bộ, để trực tiếp tra tấn, đánh nhóm tù binh anh Bảy Ni bằng đòn dùi cui vào mắt cá chân, cùi chỏ, gót chân, đầu gối, bàn tay. Nhu có gậy đầu xanh đầu đỏ (sinh tử) đánh 10 cây (xanh) phồng lên như chiếc bánh cam xong sau đó máu chảy đầm đìa. Hấn bảo đó là cho ra máu độc. Nhu cùng tên thiếu úy Minh, dùng đục thợ mộc lấy 2 bánh chè đầu gối tù binh Bảy Ni. Máu chảy lênh láng. Chúng nướng cây cọc sắt đỏ lên rà ngay mép lỗ đầu gối mà hấn bảo là ‘kiểu cầm máu’. Tù binh Bảy Ni một mực không nhận lời vu khống của Nhu. Anh thét lên, hô lên vang cả khu 2 khi biết mình sắp chết:

- Đả đảo bọn giám thị ác ôn!
- Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ sống mãi...

Sau một ngày, 2 đêm Nhu lấy mất nhiều răng của Bảy Ni. Tay chân anh bị dùi sắt nung đỏ đâm xuyên 2 bắp chuối 2 chân, 2 bắp thịt tay. Thịt cháy xèo xèo có khói, thật ghê rợn kinh người. Đó là hành động tra tấn thời trung cổ. Bảy Ni được anh em đưa đi bệnh xá uống vài viên thuốc không nhằm nhò; Trở về biệt giam, sức đuối dần mà Nhu vẫn tiếp tục tra hỏi :

- Ai là Bí thư Đảng ủy? Ai là Bí thư Chi bộ?

Nhóm tù binh bị tra tấn có tù binh tên là Gương (quê Thái Bình) cũng như Bảy

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ni một mực không nhận lời ghép tội của chúng. Tên Minh và tên Nhu đánh thanh sắt vào đầu anh Gương 5 cái chết luôn.

Sau đó, anh Bảy Ni tắt thở trên tay Phương, một người đồng đội tin cậy.

Đó là một ngày tù binh biệt giam bị hành hạ dã man. Từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1970; tù binh biệt giam khu 2 chết bao nhiêu? Chôn ở đâu? Đồi 4G đâu? Tù bị giết chết nằm luôn ở đó đếm được bao nhiêu? Phương không thể nào nhớ, chỉ nhớ lời trần trối của anh Bảy Ni phút cuối cùng:

- Em về nhớ đến nhà vợ con anh ở Củ Chi. Hãy bảo vợ anh rằng anh vẫn giữ được truyền thống Đất Thép thành đồng, bảo vệ được tổ chức. Hãy nhắc các con anh phấn đấu vươn lên... và rồi anh Bảy Ni tắt thở ngay tại chuồng cọp biệt giam mẫu mực điển hình trung cổ nhất, hiện đại nhất để giết người, mà chính Mỹ đã sáng tác ra nó từ trung tâm huấn luyện Foort - Brass, miền Tây nước Mỹ.

Tính mạng tù binh chỉ đáng giá một tờ trình 2 đồng bạc. Thường giám thị, lính quân cảnh hay thách đố tù như vậy. Nhất là những kẻ như Thượng sĩ Nhu giết tù như ăn cơm bữa của hắn; Chuồng cọp, biệt giam là chỗ tra tấn giết tù hàng giờ trên đảo.

Còn số thầy thuốc, lính quân y, đội quân áo choàng trắng biến trạm xá, bệnh viện thành nhà xác...

Sự thật ấy Phương thấy trực tiếp tại trạm xá, bệnh viện trại giam Phú Quốc. Tù binh xin thuốc phải chào nghiêm, xưng số tù, là tù binh cộng sản xưng danh tánh, thầy thuốc dùng cây can (gậy) ruột mít gõ vào chỗ đau, gõ vào ngực và ghi thuốc cho vài viên. Thường thì tù binh chỉ được nhận thuốc HR trị bệnh nóng lạnh, ỉa mưa, ghẻ lở, đau xương, đau mắt, đau đầu; thuốc Nivaquin (sốt rét) thì không thiếu. Tù nhân uống ngoài sân. Thậm chí bắt tù binh nhai không có nước trước uy vũ của giám thị. Có tù binh hấp hối, quân y buộc họ phải ký tên chiêu hồi mới chích thuốc, tù binh lắc đầu thì chúng bỏ mặc cho họ tắt thở chết nhanh trong giây lát. Tù binh chưa chết hẳn bị bỏ vào nhà xác là thường tình vì tờ trình "2 đồng" bạc đã báo xong lên thượng cấp, được mang tù ra đồi 100. Nhiều khi tù còn bị chích thuốc ngủ hoặc bị chích thuốc kích thích nhịp tim dẫn đến cái chết nhanh chóng. Đối với bệnh trúng gió, khó thở trong trại giam thường thì khiêng đi trạm xá rồi không thấy về nữa... Nội quy đi khai bệnh là phải đi nhanh, cấm công nhau, điu nhau. Tù binh khai bệnh nói nhỏ để bị thoi, bị đập vào ngực, vào bụng đau nhói ngất xỉu.

Tù binh Phú Quốc làm sao quên được thiếu úy Dội, một tên sĩ quan ngụy mặc áo choàng trắng, là biểu tượng của thần chết nhà xác. Chính tên này đã ra một toa trị bệnh cho tù binh đau thận bằng cho uống thuốc an thần. Bệnh nhân ngủ, cho chích thuốc Strichine vào mạch dẫn đến bệnh nhân chết ngay tại chỗ.

HÀNH ĐỘNG CỦA TÙ BINH CHUÔNG CỌP BẢO VỆ TỔ CHỨC BÍ MẬT

Trại giam phát triển thêm khu giam. Tù giam bị khủng bố ác liệt, đấm máu, xương nát thịt tan. Trước nỗi khổ, nỗi đau của tù binh, nhất là trước cảnh tù binh hấp hối làm cho nhóm tù binh chuồng cọp ăn thề kết nghĩa Phương, Minh, Quang đau lòng, xót xa. Nhưng họ phải quay về rừng mới mong cứu đồng đội. Các anh nghĩ như thế nhưng mộng không thành.

... Sau những ngày đau thương của dân tộc, Bác Hồ qua đời, ngày 02-9-1969, Ban trật tự nổi lên, tiếp tay cho giám thị đàn áp tù binh. Máu đổ đổ sân tù.

Giữa hoàn cảnh đó, một tên phản bội ác ôn xuất hiện. Đó là tên Lê Ba, an ninh chìm tù A4 năm 1968 đến năm 1971, tội ác làm tay sai của hắn đã đến bề dày không thể tha thứ được.

Ngày 13-1-1971, vừa từ biệt giam chuồng cọp vào phân khu giam B5, Phương gặp ngay tên Lê Ba được đưa từ B7 qua nhằm tăng cường với trật tự B5 tiến hành ngăn chặn tù binh tổ chức tết năm 1971 và tiến hành đánh phá tổ chức, lập Khu tân sinh hoạt. Phân khu giam B5 đã có trên 10 trật tự viên, nổi lên gần 20 tên và tên Lê Ba được giao làm trưởng ban trật tự trại B5. Tổ chức bí mật trại giam giao cho Phương và nhóm tù binh chuồng cọp biết rất rõ về Lê Ba xử lý tên này. Sau khi hành động xong phải vượt qua được thử thách ác liệt là sự trả thù khai thác của an ninh trại giam.

Nhóm tù binh Phương, Quang, Minh nhận thực hiện hành động giết tên Lê Ba ngay trong đêm hắn vừa nhập trại B5 chưa kịp móc ráp bọn xấu trong trại này. Giết xong Lê Ba, nhóm tù binh chuồng cọp quăng xác tên này ngoài nhà cầu. Do được báo động, QC kéo vào trại tiến hành điểm danh và bắt nhóm tù binh vừa từ chuồng cọp vào thuộc thành phần sổ đen đặc biệt và một số khác để khai thác đánh phá tổ chức. Vụ việc vừa xảy ra quá nhanh chúng không trở tay kịp.

Đề tài khai thác của an ninh trại giam tập trung các điểm chủ mưu vụ giết Lê Ba là ai? Ai là Bí thư Chi bộ? Ai là Bí thư Đảng ủy?

Nhiều tù binh bị đánh đập dã man. Mặc dù nhóm tù binh hành động bị đánh đập tàn ác hơn, trong khi vết thương chuồng cọp biệt giam chưa lành, nhưng vì bảo vệ tổ chức nhóm tù binh nhận vụ án do nhóm hành động theo kiểu tư thù không có tổ chức, không dính đến bất cứ ai.

NHÓM TÙ BINH TRƯỚC PHIÊN TÒA XỬ ÁN CẦN THƠ (15-6-1971)

Nhóm tù binh Phương, Minh, Quang bị đưa đi Cần Thơ chờ ra Tòa xử án. Chúng không cho tù binh vào trại giam Cần Thơ mà giam 3 người vào thùng "cát sô" suốt cả 2 tuần lễ. Vết thương từ chuồng cọp chưa lành, nhóm tù binh chuồng cọp liên tiếp bị tra tấn nhiều ngày kéo dài đến ngày ra tòa.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Tại phiên tòa quân sự (ngày 15-6-1971) vùng 4 chiến thuật Cần Thơ xử 3 tù binh Phú Quốc và 10 lính Sài Gòn thuộc tù quân kỷ. Phiên tòa do Đại tá Lạc ngồi ghế Chánh án.

Tòa hỏi nhóm tù binh Phú Quốc:

- Tại sao lại giết Lê Ba - là người cùng ở tù chung các anh tại đảo Phú Quốc?

Tòa hỏi tiếp, dồn dập:

- Có bao nhiêu người tham gia giết Lê Ba? Ai lãnh đạo làm việc đó?

Tù binh Phương trả lời trước:

- Lê Ba là tên chiêu hồi, quay lại đánh đập anh em chúng tôi tàn nhẫn quá. Y đánh tù binh bằng củi đòn, bằng cây khiêng thùng nước, bằng cây cọc sắt rào áp chiến lược v.v... Lê Ba còn theo lệnh giám thị đánh tù binh bằng roi cá đuối, tra điện, đổ nước mắm vào mũi, rọi bóng đèn vào con người của mắt tù binh. Do đó, tôi giết Lê Ba. Tù binh Minh và Quang cũng nhận cùng tham gia 3 người giết Lê Ba bằng cách bóp cổ, móc mắt đến lúc Lê Ba chết.

Phiên tòa xử ngắn ngủi như vậy: Sau khi nghỉ 15 phút nghị án và buộc tội nhóm tù binh, Tòa tuyên án :

1 - Trần Văn Minh, 15 năm khổ sai,

2 - Trần Văn Quang, 20 năm khổ sai,

3 - Đoàn Thanh Phương phạm các tội chỉ huy 2 tù binh giết người, tội vượt ngục 4 lần, tội bắt trói Quân cảnh, tuyên án tử hình.

Ba tù binh phản đối bản án của Tòa và cùng la lên thành tiếng : Chúng tôi không có tội?

Quang và Minh giựt chân ghế ném vào bàn Chánh án, Quang thét to:

- Các ông mới là người có tội? Phải xử các ông... Ngày hòa bình chắc chắn chúng tôi về, các ông sẽ phải ngồi tù thay chúng tôi!...

Phiên tòa náo động, phải kết thúc và không xử tiếp các tù Quân kỷ can án đảo ngũ, đánh sĩ quan, bất tuân thượng lệnh, tù Quân kỷ cảm ơn tù binh. Thân nhân tù Quân kỷ chen vào cho thuốc, bánh và kẹo, đủ thứ nhét vào tay nhóm tù binh.

Sau ngày đó, Bộ Quốc phòng ngụy quyền Sài Gòn cho đầy 3 tù binh về khám Chí Hòa giam một tháng. Tại Chí Hòa, nhóm tù binh gặp thêm một nhóm tù binh từ các phiên tòa trước đang ở các xà lim đấu tranh hàng ngày chống đánh đập, chống xé lẻ hành hạ tù binh. Thực chất là tù binh Phú Quốc cảnh giác địch thủ tiêu tù binh có án bị giam tại khám Chí Hòa. Phát huy truyền thống trại giam tù binh Phú Quốc, tù binh đấu tranh không ngừng khiến giám thị khám Chí Hòa có lúc mất ăn mất ngủ.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Tù binh Phú quốc có đến 56 người, với 21 phiên Tòa xử án tại vùng 4 chiến thuật Cần Thơ và bị kết nhiều mức án từ 10 năm tù khổ sai, đến chung thân khổ sai, tử hình. Rồi đây kẻ thù có thể thủ tiêu vì chúng không cho anh em trở lại đảo Phú Quốc và rất sợ anh em trở lại Phú Quốc.

Sáng ngày thứ 32, tại Chí Hòa có một tù binh tình nguyện mổ bụng đấu tranh đưa đến thắng lợi 56 tù binh Phú Quốc giam chung một trại đến ngày đày ra Côn Đảo cùng một chuyến.

Hai mươi một phiên Tòa - Tòa án Quân sự Cần Thơ.

Mấy chục năm đã qua. Tù cách mạng họp mặt nhiều lần, tay bắt mặt mừng. Nỗi mừng đến rung rung lệ của người tù khi gặp mặt nhau. Tù binh Phú Quốc ngỡ tưởng số tù binh bị đày về Chí Hòa, đày đi Côn Đảo chắc địch đã thủ tiêu, không còn nữa...

Nhóm tử tù này, các anh Phương, Minh, Quang còn sống. Có gì vui mừng hơn là các anh còn sống và 55 tù binh Côn Đảo còn sống. Đế quốc Mỹ, kẻ thù thâm hiểm quá sức. Những trang sử oai hùng của Quân đội và những tư liệu thật éo le, đã từng bị lãng quên, nay được khơi lại khiến cho lòng người không thể không xúc động về trại giam tù binh Phú Quốc và người tù binh Việt Nam.

LÊ ÚT LONG

(Cựu tù binh Phú Quốc)

VƯỢT NGỤC VÀ KHÁT VỌNG TRỞ VỀ VỚI CÁCH MẠNG

Khi chẳng may sa vào tay giặc, cuộc đời chiến đấu của người chiến sĩ cách mạng đã chuyển sang một bước ngoặt mới, tự do bị tước đoạt, thân xác bị vùi dập, bị khảo tra, giày vò bất kể lúc nào, ngày giờ nào, sinh mạng chính trị luôn bị đe dọa, nhất là thời gian địch tiến hành chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi, mạng sống như con ong cái kiến, quân cảnh muốn bắn chết, đánh chết, đóng đinh cho chết lúc nào cũng được...

Chúng thả sức đọa đày, làm nhục tù binh với những hình thức hết sức man rợ chẳng khác thời trung cổ. Những đau đớn, nhục nhằn đó cao vợi vợi, sâu thẳm không thể nào kể hết được.

Do vậy, bất cứ người tù binh nào còn gắn bó với cách mạng cũng đều muốn trở về cuộc sống tự do, muốn được tự quyết định mọi sinh hoạt của mình, muốn được thoát khỏi sự đau đớn của khảo tra, đánh đập, thoát khỏi sự tủi nhục của những thóa mạ thấp hèn, muốn được cầm vũ khí bắn thẳng vào đầu quân địch để trả mối thù của đất nước và cũng là món nợ máu của bản thân mình.

Ý thức vượt ngục thôi thúc anh em điều tra nghiên cứu cách bố phòng của địch, các quy luật canh gác, tuần tra của chúng để tìm cách ra đi, từ cách bí mật lặng lẽ đến việc dùng sức mạnh đánh quân cảnh, hải quân giạt súng trở về với cách mạng. Có những kế hoạch dự kiến khoảng 60-70 phần trăm thành công, nhưng cũng có kế hoạch dự kiến chỉ năm mươi phần trăm thắng lợi anh em cũng vẫn kiên quyết tiến hành đủ thấy khát vọng tự do của tù binh ở Trại giam Phú Quốc lớn thế nào.

Có lần anh em ở D5 nghiên cứu kế hoạch dùng chiến thuật “Nở hoa trong lòng

địch”. Theo kế hoạch, tuyển 1 người khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu võ trang, cho đi khám bệnh như những người thường. Khi ra đến trạm xá trước phân khu, các anh diệt hai tên quân cảnh áp giải và tên y tá ở trạm xá thu ba khẩu súng AR15. Sau đó mọi người dùng súng quay lại diệt tên lính ở trên chòi canh phía trái, một tổ tiến lên diệt tên lính ở chòi canh phía phải, một tổ với một khẩu AR15 vận động tiếp cận diệt ổ đại liên trên đồi rồi cùng nhau chạy ra khu rừng phía sau đồi tìm đường về với cách mạng.

Anh em say sưa nghiên cứu, phân công người nhiều lần đi khám bệnh để quan sát thực địa, cùng diễn tập theo kế hoạch đề ra cho mỗi người thông suốt nhiệm vụ của mình, đồng thời bổ sung những chỗ chưa được ổn lăm.

Kế hoạch được báo cáo lên trên. Đảng ủy nghiên cứu thấy chỉ có khoảng 30 phần trăm thành công và đi thoát chẳng được mấy người vì còn lính ở hai nhà dù phía sau, còn lính bảo an ở vòng ngoài và nhiều đơn vị khác sẵn sàng ứng chiến. Với lại, trận đánh diễn ra vào buổi sáng, thời gian còn quá dài để anh em có thể nhờ đến màn đêm nên phân thắng lợi càng bị thu hẹp lại. Anh em nói, chỉ cần một phân ba đi thoát là anh em sẵn sàng chấp nhận. Đảng ủy thấy kế hoạch chưa có cơ sở vững chắc, sự hy sinh như vậy là quá lớn nên không đồng ý.

Vượt ngục rất nguy hiểm và phải chịu nhiều hy sinh, nhưng ở lại chiến đấu để bảo vệ tính mạng, tinh thần của anh em tù binh và của bản thân mình cũng không kém phần hiểm nguy và chết chóc. Đó là chưa nói đến sự hành hạ đốn đau về thể xác và sự tủi nhục về tinh thần. Do đó, tùy hoàn cảnh, điều kiện của từng người và tùy tình hình từng nơi từng lúc mà quyết định người vượt ngục, người ở lại đấu tranh. Không nên đánh giá hành động nào đúng cảm, cao cả hơn hành động nào. Không thể nói “toàn bộ giá trị và phẩm tiết của người tù cộng sản là dám vượt lên tất cả để thoát tù trở về chiến đấu”, bởi lẽ hành động luôn mắng thẳng vào mặt quân địch là bọn bán nước trong khi chúng dùng sắt nung đỏ nhiều lần đâm xuyên qua cả hai bắp chuối chân, trong khi chúng đục lấy cả hai xương bánh chè như anh Bảy Ni không thể là kém dũng cảm, kém giá trị và phẩm tiết hơn người chui rào vượt ngục. Cũng không thể và cũng không ai nói rằng: “Vì còn nhiều nhiệm vụ trong tù nên tôi chưa thể bỏ anh em ra đi được”, bởi vì người này đi thì có người khác tiếp tục lãnh đạo đấu tranh. Với lại, địch không để người nào ở mãi trong một phân khu và cũng không ai, không có một cấp ủy Đảng có thẩm quyền nào ở bên ngoài giao nhiệm vụ cho ai để tiếp tục ở lại lãnh đạo đấu tranh trong tù.

Tất cả những sự việc khác cũng thế. Nên tiếp cận cho được thực tế khách quan, phân tích cho đúng bản chất của sự việc để không làm tổn thương đến tính chất anh

hùng và sự trong sáng thủy chung của những người chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh vô cùng nghiệt ngã này.

Ý chí vượt ngục luôn nung nấu, anh em ngày đêm suy nghĩ, tìm cách vượt ngục nên có những cuộc vượt ngục do sự lãnh đạo của Đảng ủy hay ít nhất của một tập thể nhỏ trong tù, nhưng cũng có những cuộc vượt ngục tự động lẻ tẻ một, hai người hay một tổ.

Một số ít cuộc vượt ngục hoàn toàn thắng lợi, tất cả anh em vượt ngục đều về đến căn cứ cách mạng, nhiều cuộc vượt ngục chỉ thu được thắng lợi một phần, thậm chí là một phần rất nhỏ, và có nhiều cuộc vượt ngục không thành công, bị bắt lại hết hoặc bị hy sinh nhiều. Thế nhưng anh em vẫn quyết tâm tìm cách vượt ngục bất chấp những khó khăn, nguy hiểm luôn rình rập...

Trong thực tế, có rất nhiều hình thức vượt ngục đã diễn ra, từ cá nhân tới tập thể; từ công khai đến bí mật... Nhưng dù bằng cách nào thì đều giống nhau ở ý chí, ở khát vọng được trở về với cách mạng, với đơn vị tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù một cách mãnh liệt nhất.

Đã có một số anh em tự quan sát, nghiên cứu tình hình và địa thế rồi lặng lẽ ra đi tìm đường trở về với cách mạng.

Đó là những trường hợp vượt ngục lẻ tẻ.

Anh Tuấn quê Phú Yên là một trí thức bị giam ở phân khu sĩ quan miền Nam. Anh đã từng du học bên Pháp, cha mẹ giàu có, anh ruột là một trung tá trong quân đội Sài Gòn. Khi anh bị bắt, cha mẹ và anh của anh đến thăm, bọn địch nói rằng anh đi theo cách mạng là đại dột, hãy làm đơn xin thả họ sẽ bảo lãnh về với gia đình. Nhưng Anh kiên quyết không chịu làm đơn, cho rằng con đường mình lựa chọn là đúng đắn. Một lần, địch bắt anh đánh anh em tù nhưng anh kiên quyết không làm theo lệnh của chúng. Địch tức tối, đánh đập anh em hết sức dã man. Vì cận thị nặng, anh còn được mang kiếng. Anh cũng giấu vào một áo thun trắng. Anh xé vải chân mừng may một quần cụt trắng.

Lần đó, khi đi khám bệnh ngoài trạm xá, anh lột bỏ quần áo tù binh, mặc áo thun trắng, quần cụt trắng và mang cặp kiếng trắng thản nhiên rời bỏ hàng ngũ những người khám bệnh ra đi. Ba tiếng đồng hồ sau, khi khám bệnh xong trở về điểm danh tại cổng, địch mới phát hiện thiếu một người. Nhưng rừng ở xa, thời gian quá ngắn ngủi, anh Tuấn chưa kịp lẩn sâu vào trong rừng thì bị địch truy đuổi bắt gặp và bắn chết.

Có một trường hợp vượt ngục khá đặc biệt, đó là tù binh nằm sẵn trong hai thùng rác (thùng phuy 200 lít cắt đôi) bên trên tù binh được đậy bằng một lớp bao bố thấm nước, một lớp tro ướt dày khoảng 2 phân và trên cùng là một lớp than củi đang cháy,

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

tù binh thở bằng một ống thông hơi bằng tôn cuộn tròn xuyên qua lớp than củi nguy trang và được khiêng thùng rác ra cống một cách dễ dàng. Tuy nhiên, vì chỗ đổ rác là khoảng đất trống, trời lại còn sáng nên người vượt ngục chưa đi được. Thường địch cho đổ rác trước khi điểm danh giao ca chiều nên chúng đã phát hiện sớm và cũng khó thoát ra một cách an toàn (Khó, nhưng có trường hợp ở A2, đã thoát được chót lọt).

Chui rào cũng là một cách vượt ngục đã nhiều lần xảy ra ở Trại tù Phú Quốc. Vượt qua hơn mười lớp rào dây kẽm gai có gai mịn dày đặc, dưới ánh sáng của những bóng đèn điện 100 oát mắc chung quanh rào, trong tầm kiểm soát với những cặp mắt cú vọ của bọn quân cảnh túc trực trên các chòi canh và những tên đi tuần tiểu qua lại suốt đêm trong con đường giữa các hàng rào kẽm gai, đôi khi có cả chó béc-giê và ngỗng, đó là điều hết sức khó khăn.

Sự dũng cảm là cần thiết, nhưng để có thể thành công phải biết tận dụng những kẽ hở của địch và biết ít nhất những điều sơ đẳng của kỹ thuật đặc công như nguy trang, mở rào, vận động theo từng địa hình.

Thông thường, một số anh em khi vượt ngục, chôn mình sẵn dưới cát là để không phải chui bốn lớp rào từ phòng ra và bỏ được một khoảng trống trải khá xa đến vài chục mét. Hố cát được đào phải chọn ở góc chết của các tầm mắt quan sát của lính trên các chòi canh, và ra sớm có thể không gặp tên lính tuần tiểu giữa hàng rào vì hấn chưa vào.

Với hàng rào dây kẽm gai đan, phải mở dây chì, vệt một lỗ vừa đủ để chui ra, dùng que chống không cho vướng và lần lượt qua các lớp bùng nhùng. Ra khỏi rào rồi phải nhanh chóng vượt khỏi tầm truy lùng của địch, nhắm hướng tìm đường về với cách mạng. Đây cũng là một công đoạn không dễ dàng.

Từ khu trại giam về đến căn cứ cách mạng ở phía bắc phải đi qua cầu Sáu và bung Ba Gà. Đây cũng là hành lang thiên nhiên mà địch đã lợi dụng để ngăn chặn tù binh. Vì vậy, mỗi khi có tù binh vượt ngục, một mặt chúng cho lùng sục khu vực trại giam, mặt khác nhanh chóng để quân phục kích liên tục nhiều ngày, có khi hơn một tuần với một hỗn hợp đông đảo lực lượng quân cảnh và bảo an.

Ra khỏi các lớp hàng rào dây kẽm gai là đã vượt qua một đoạn đường hết sức nguy hiểm nhưng đó chỉ mới đi được khoảng phân nửa con đường về tới căn cứ cách mạng. Nhiều anh em bị địch truy lùng bắn chết hoặc bắt lại, nhưng cũng có người bị kiệt sức nằm chết trong núi sâu...

Khoảng tháng 8-1968, anh Cáp Đình Hội cùng ba người bạn là Tư Phước và Bảy Minh, tất cả đều là cán bộ quân đội, chui rào ra đi ba ngày gặp được cách mạng.

Ngày 22-6-1968, ít lâu sau toán anh Cáp Đình Hội ra đi, anh Ba Toàn cùng năm người nữa từ phân khu B2 chui rào ra. Ba Toàn nguyên là thượng sĩ đặc công, có nhiều kinh nghiệm nên cuộc vượt ngục đã thành công.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Lúc đó, ban đầu chỉ có 3 người định vượt rào nhưng sau đó có thêm 3 người nữa cũng muốn đi. Năm người nhất trí cử Ba Toàn chịu trách nhiệm dẫn đầu. Ngụy trang kỹ, các anh chui rào ở góc phía trước nhà bếp, dưới chân của chòi gác không nằm trong tầm nhìn của tên lính trên chòi. Lúc đó khoảng 23 giờ. Khi ra khỏi khu nhà bạt trống, vừa băng qua nhà ở của quân cảnh thì bên trong rào có tiếng súng nổ.

Như vậy là tổ năm người của ông Xạ bị lộ. Ông Xạ đã ba lần vượt ngục nhưng không thành. Ông bị địch đánh đập hết sức dã man, bẻ lọi hai ngón chân cái thành ngón chân giao chỉ, nhưng ông vẫn không từ bỏ ý định vượt ngục.

Trước đó, Ba Toàn hỏi ông Xạ có đi không để lập kế hoạch cùng đi. Ông Xạ trả lời rằng không. Có lẽ ông sợ chui rào đông người dễ bị lộ. Tổ của ông đi sau tổ Ba Toàn và lần này ông cũng không thành công. Mấy ngày sau, cả tổ sáu người của Ba Toàn về đến căn cứ cách mạng an toàn.

Đêm 29-5-1971, hai anh Nguyễn Bá Hợi và Lê Văn Đường từ phòng 7 phân khu B4 cũng chui rào vượt ra, nhưng đã bị địch phát hiện và nổ súng. Anh Hợi chết tại chỗ và anh Đường bị thương nặng.

Ngày 20-1-1969, anh Nguyễn Văn Y, tên bên ngoài là Nguyễn Sĩ Quang, quê Quảng Nam, nguyên là trung úy, đại đội phó, công tác ở thành đội Huế, một mình chui rào ra, đi về căn cứ cách mạng.

Ngày 31-12-1969, Nguyễn Hải Trung, quê Thái Bình, nguyên là trung úy chính trị viên đại đội, cùng bác sĩ Ba Châu chui rào ra, an toàn về căn cứ. Ba Châu là Bác sĩ giải phẫu rất giỏi. Trong căn cứ cách mạng ở Phú Quốc, mặc dù dụng cụ rất thiếu thốn, bác sĩ giải phẫu nhiều ca đạt kết quả cao. Cán bộ, chiến sĩ Phú Quốc rất tin tưởng vào tài năng của bác sĩ.

Ở C6 có anh Thành, quê Nghệ An, là một người đặc biệt. Anh không quan hệ với ai, không sinh hoạt bình thường như các anh em mà tối ngày chỉ hát có một câu “Đền nợ máu, chúng bay quyết phải đền”. Khi hát, hai tay đưa lên nhịp nhịp về phía trước, đôi mắt lảo liên như người bị bệnh tâm thần. Anh không ăn cơm chung với anh em mà ăn một máy những thứ dơ dáy, những thứ của nhà bếp bỏ đi. Anh không xếp hàng điểu danh, không ngủ trong phòng của mình, đi ngủ lung tung nay chỗ này, mai chỗ kia.

Giám thị và quân cảnh đánh đập rất dữ nhưng anh không phản ứng gì cả, không tỏ ra đau đớn, mặc cho chúng muốn đánh cách nào, muốn đánh bao nhiêu thì đánh. Địch lấy lửa đốt lông mày, lông nheo, bắt cởi quần đốt cả lông bộ hạ, thậm chí bỏ lửa than lên lưng nhưng anh vẫn thản nhiên. Thử hết cách, địch cho rằng, anh là người điên nên không còn để ý đến anh, bỏ mặc anh muốn ở đâu ngủ ở đâu cũng được. Có đêm thấy anh nằm ngủ ngoài trời mưa gần hàng rào, chúng cũng chẳng nói gì. Khi điểu danh giao ca, địch không còn tính anh trong số lượng tù binh của phân khu nữa.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Một đêm tối trời và mưa rả rích, anh bò theo đường mương của dãy phòng sau và kêu anh em nói: “Tôi Thành đây. Tôi không điên đâu. Đêm nay tôi vượt ngục. Nhờ các đồng chí về báo lại với Đảng trường hợp tôi nếu chẳng may tôi hy sinh”.

Đêm đó anh mở rào đi thoát. Địch không để ý. Mấy hôm sau chúng mới phát hiện mất anh. Chúng lùng sục chung quanh thấy có một lối hàng rào kẽm gai bị mở. Nửa tháng sau, địch mang xác anh, chỉ còn xương và da, đem về bỏ trước phân khu C6. Anh đã hoàn toàn suy kiệt. Có lẽ vì ăn uống thiếu thốn, anh không đủ sức về đến căn cứ cách mạng.

Đào hầm vượt ngục là một hình thức phổ biến và có thể nói là kỳ công, kỳ tích ở Trại tù Phú Quốc. Ở hầu hết các phân khu tù binh đều có tổ chức đào hầm vượt ngục, trừ thời gian địch tiến hành những chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi và địch kiểm soát thật gắt gao, tù binh phải lo đấu tranh để bảo vệ sinh mạng chính trị của mình.

Việc đào hầm phải có sự thống nhất trong một tập thể, thường là có sự chỉ đạo của tổ chức Đảng và phải được tổ chức rất chặt chẽ. Muốn đào hầm phải có một lực lượng chia nhiều tổ và phân công nhau làm các công việc như: Sau khi mở miệng hầm xong, một bộ phận đào, dồn đất vào các túi nhỏ để đưa lên hoặc ép lại dưới hầm; Một bộ phận ở trên chờ lấy đất đem đi rải ngoài sân hoặc dưới mương sao cho địch không phát hiện được và một bộ phận canh gác bảo vệ.

Các công việc đó anh em thay phiên nhau làm, nhất là bộ phận đào, khi đường hầm đi đã xa, không thể ở dưới đó lâu được, vì thiếu không khí, bị ngộp. Ngoài ra anh em còn cử một tổ ba hoặc năm người đứng ra nhận trách nhiệm với địch khi bị phát hiện.

Về dụng cụ, trong tù làm gì có được cuốc xẻng, anh em lấy cán cà mèn dùng cho cá nhân ăn cơm đem mài bén như dao găm và dùng vải cuộn làm cán để đào. Tìm vải hoặc bao bố, bao cát may một số túi nhỏ nhỏ, mỗi túi đựng 5-7 ký đất để đưa đất lên và những đoạn dây dài dành cho việc kéo túi đất về miệng hầm, đồng thời cũng để báo động cần phải tạm ngưng đào hoặc phải trở lên vì sắp tới giờ điểm danh hoặc sắp có cuộc lục soát đột xuất của địch.

Miệng hầm phải mở ở một nơi có địa lợi và nhân hòa, không thể mở ở ngoài trời vì trống trải, địch và kẻ xấu dễ phát hiện, trời mưa có thể bị sập. Do đó, miệng hầm nhất thiết phải mở ở trong phòng để dễ ngụy trang, nhờ số đông che chở khi lên xuống, khi đem đất lên và trời mưa không bị sập.

Phải chọn phòng không có người xấu để giữ bí mật. Với những người nhát gan, phải cử người kèm cặp, giáo dục động viên giữ vững tinh thần vì đã có người đứng ra nhận nếu không may bị lộ. Đồng thời cũng phải chọn một phòng mà từ đó đường hầm đào không quá dài, ít có nguy cơ bị sập và khi trở miệng lên sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của địch, anh em dễ dàng ra đi.

Việc đào hầm thật sự công phu. Sau khi đo đạc chính xác vị trí miệng hầm, anh em dùng que thép của búng nhùng thép gai mài cho bén rồi cứ thế gạch đường thẳng nhưng hơi nghiêng, trên lớn dưới nhỏ. Anh em gạch, gạch mãi cho đến khi cả bốn cạnh đều dút tới đất mới lấy miếngximăng ấy làm nắp hầm, bên dưới có ván chịu lực cho nắpximăng không bể. Khi đập cũng dùng đất khoả lên ngụy trang cho địch không phát hiện. Miệng hầm mở xong, anh em bắt đầu đào. Miệng hầm phải đào hơi rộng một chút để anh em chui vào bò ra tương đối thuận tiện và cũng cần có một khoảng trống để tạm chứa những túi đất chưa đưa lên được. Lúc đầu, toàn bộ đất đào phải đưa lên. Anh em mỗi người một ít bỏ vào ống quần, trong ca uống nước hoặc trong một chiếc túi nhỏ đem ra rải trên sân rồi khoả đất lên hoặc đổ xuống mương rồi dội nước cho trôi đi. Dù không biết khi đào xong ai sẽ được cùng vượt ngục với những người có chân trong tổ đào hầm nhưng phần lớn anh em trong phân khu đều tham gia, người đào, người đổ đất, người canh gác bảo vệ... Anh em làm việc với một không khí khẩn trương, kín đáo và với một tinh thần đoàn kết thương yêu thực sự. Mặt khác, đường hầm phải nhắm cho đúng hướng. Nếu đi chệch phải điều chỉnh vừa mất thì giờ vừa tốn công. Cứ chừng mười thước thì trở một lỗ nhỏ lên mặt đất để thông hơi và cũng để xem có đi đúng hướng không. Anh em dùng một ống nhỏ bằng khoảng ngón tay út gắn vào lỗ thông hơi để tránh nước mưa rút xuống sụp lở và tránh bị đất cát hoặc rác rưởi bít lại. Lòng đường hầm vừa đủ một người bò sát mặt đất, cách mỗi khoảng chừng 7-8 mét có một chỗ được mở rộng để trở đầu hoặc khi cần thì ém đất vừa mới đào. Đất đào xong, vô túi, cột miệng, cột vào sợi dây dài thông tới miệng hầm và báo hiệu bằng cách giật dây theo những mật hiệu đã thỏa thuận để anh em trực ở miệng hầm lôi ra, đưa lên mặt đất đưa đi phân tán. Phần lớn đất đào phải đưa lên, chỉ ém được một khối lượng rất nhỏ, bởi vì trong thực tế, đất đào lên rồi ém xuống chỉ tạo được một khoảng trống rất nhỏ, không đáng kể.

Ban ngày địch điểm danh ba lần: 7 giờ, 13 giờ, 16 giờ 30. Buổi tối chúng cũng điểm danh ba lần. Ngoài ra, ban ngày mỗi phân khu có một quân cảnh được phân công vào lũng sục khắp các phòng ngăn ngừa anh em đào hầm, nghiên cứu vượt rào hoặc hội họp. Muốn đào hầm phải loại trừ các trở ngại đó. Với tên quân cảnh tuần tra bên trong, anh em tìm cách lôi hấn đến chơi cờ tướng, ca hát hoặc nói chuyện ở phòng khác. Với những tên có vẻ hung hăng, hay sục sạo, lực lượng bảo vệ của phòng có miệng hầm tỏ thái độ hầm hừ làm cho hấn ngán phải đi chỗ khác.

Ban ngày, sau khi điểm danh, anh em trở về phòng tiếp tục đào. Có khi thay ca đào giữa giờ, nhưng cũng có lúc một ca làm liên tục cho đến giờ ăn cơm trưa, tùy sức khỏe của ca đào. Đôi khi, địch cho điểm danh đột xuất giữa giờ. Những lúc đó, người đánh keng phải đánh chậm rãi một hồi keng thật dài. Anh em kéo nhau ra sân tập hợp thật từ từ. Trong khi đó, người trực miệng hầm báo động khẩn cấp, người dưới hầm

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

nhanh chóng bò ra, chui lên, lau chùi vôi vàng cho sạch đất và khi ra điểm danh, trùm khăn như người bị bệnh để che giấu những vết đất có thể còn sót lại.

Tùy vị trí của từng miệng hầm, một đường hầm có thể dài tới 60-70 mét, có khi hơn nữa. Nếu đường hầm dài 80 mét, số đất đào mang lên cũng khoảng 40m³, tức là phải dùng đến 8 chiếc xe ben mới chở đi hết. Thời gian đào khoảng bốn, năm tháng.

Khi đào hầm gần xong, Đảng ủy chuẩn bị cơm khô, gạo rang, sữa hộp, thuốc trị bệnh, một số dụng cụ cần thiết mang theo và dự kiến người đi. Tuy có dự kiến, nhưng vào giờ chót có người được dự kiến lại không đi vì bệnh; trái lại, có người không nằm trong số dự kiến nhưng thấy thuận lợi cũng thắp từng.

Nhiều nơi tổ chức đào hầm nhưng thành công không được bao nhiêu vì rất nhiều lý: Bọn phản bội nhảy ra báo với địch, đào chưa xong thì bị chuyển trại, bị sụp hầm, hoặc đào xong, trở miệng hầm chui lên vừa đi được một đoạn đường ngắn thì bị địch phát hiện bắt lại....

Cuộc vượt ngục bằng đường hầm đầu tiên ở Trại giam tù binh Phú Quốc là của anh em phân khu B2. Đó là vào giữa năm 1968, địch chia phân khu B2 làm ba ô. Ô một giam giữ sĩ quan, ô hai giam giữ binh sĩ và ô ba giam hạ sĩ quan. Tập trung lại không lâu, anh em trong phân khu đã xây dựng được Đảng bộ, có Đảng ủy phân khu, Liên chi ủy của từng ô và chi ủy phòng hoặc liên phòng. Trong phân khu có một số phần tử xấu nhưng anh em phân công người theo dõi giáo dục và kiểm chế nên chúng chưa có hoạt động gì.

Sau khi nghiên cứu tình hình, Đảng ủy quyết định tổ chức đào hầm vượt ngục. Miệng hầm mở ở phòng 13 thuộc ô hạ sĩ quan. Anh em bố trí cho một số người bị bệnh lao về ở phòng 18 cho địch ghê sợ, không vào lục soát kỹ. Số anh em trong phòng được giao nhiệm vụ bảo vệ đường hầm. Dự kiến hầm đào sâu một mét hai tấc, dài 120 mét, trở lên tại đường hào phía nam trại để anh em từ đó ra bãi biển đi về phía Bắc.

Ngày 19-8-1968 mở miệng hầm và dự tính sẽ ra đi vào ngày 3-2-1969. Lần đầu tiên đào hầm nên anh em chưa có kinh nghiệm, nhất là trong việc làm chỗ quay đầu, lỗ thông hơi, ém đất và rải đất. Tuy nhiên anh em đều cố gắng vượt qua.

Đến cuối tháng 12-1968, đường hầm gần đến đích thì bọn xấu trong phân khu đánh hơi được và báo với giám thị. Trước tình hình đó, Đảng ủy quyết định nỗ lực để ra đi sớm hơn. Theo kế hoạch của Đảng ủy, đêm 20-1-1969 anh em cố gắng trở miệng hầm từ 19 giờ đến 21 giờ cho xong. Rồi từ 21 giờ đến 4 giờ 30 sáng sẽ đưa 120 anh em đã được chọn lựa ra đi.

Đêm đó địch báo động, đưa hàng trăm lính quân cảnh tới bao vây quanh phân khu. Chúng đánh hơi thấy có một việc gì đó khá nghiêm trọng sắp xảy ra trong phân khu nhưng không ngờ là tù binh chuẩn bị ra đi bằng đường hầm.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trên mặt đất, xe địch chạy âm ì, quân cảnh lăm lăm súng chĩa vào trong trại. Dưới đường hầm anh em vẫn khẩn trương đào nốt đoạn đường cuối cùng. Nhưng mãi đến hơn 4 giờ 30 sáng miệng hầm mới trở xong. Lập tức anh em xuống hầm ra đi. Máy người lên trước thấy quân cảnh bao vây không biết thế nào nên hỏi xin ý kiến. Bộ phận lãnh đạo từ dưới đường hầm truyền lên là cứ tiếp tục đi, thà chết ngoài rào kẽm gai chứ không chết dưới địa đạo. Vì trời gần sáng nên chỉ ra được 21 người. Số đi không kịp lấp kín miệng hầm bên trong và trở về phòng mình. Lúc đó khoảng 5 giờ sáng.

Theo kế hoạch, đến 6 giờ sáng. Đại diện tù binh ra báo với giám thị là đêm rồi có một số người vượt ngục nhưng không rõ đi bằng cách nào.

Địch lập tức vào tập hợp anh em điểm danh và sục sạo nhưng mãi đến 9 giờ sáng chúng mới tìm được miệng hầm và mới biết được anh em vượt ngục bằng đường hầm. Chúng tổ chức truy đuổi nhưng vô hiệu. 21 anh em đi thoát và đều về đến căn cứ cách mạng an toàn, trong đó có Võ Cường, nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Phù Cát tỉnh Bình Định, sau này được cử làm Phó Ban thường trực Ban tiếp đón tù binh vượt ngục của huyện Phú Quốc.

Năm 1971, phân khu sĩ quan miền Bắc cũng hoàn thành một đường hầm. Sau khi từ B8 chuyển qua B7, anh em tìm cách mở miệng hầm từ nhà bếp đi qua phía ngoài đường, gần sát nhà của một đơn vị thuộc tiểu đoàn 9 quân cảnh.

Hầm sắp đào xong thì có tin sắp chuyển trại. Đêm hôm đó, anh Trương Xuân Đài, thượng úy, nguyên là thành đội trưởng Đà Nẵng, đã cùng một người nữa tự ý mò lên nhà bếp, xuống hầm và trở miệng lên đi luôn. Hầm đào rất công phu nhưng chỉ đi có hai người.

Khoảng cuối năm 1971, địch tập trung anh em từ nhiều phân khu về A5. Lần này địch không cưỡng ép chiêu hồi như trước nữa, tình hình không có gì căng thẳng lắm nên Đảng ủy các vùng họp bàn việc đào hầm. Miệng hầm được mở tại phòng 8. Đào hơn 5 tháng ra khỏi hàng rào dây kẽm gai nhưng đụng phải hàng bưng bằng vĩ sắt địch âm xuống đất dọc theo đường hào để chống đào hầm. Anh em phải đào sâu xuống dưới lớp vĩ sắt, đào thẳng ra rồi mới trở lên.

Dự kiến đi 30 người. Đêm 12-5-1972, anh em ra đi, nhưng mới ra được người thứ 27 thì bị lộ, quân cảnh nổ súng, xe nôi đồng được điều tới. Địch vào tập hợp tất cả ra sân điểm danh. Chúng cho bọn chiêu hồi cùng quân cảnh vào tìm đường hầm. Gặp được miệng hầm, chúng phát hiện 3 người còn nằm xủ trong hầm nên bắt đưa lên Ban điều hành. Địch theo dấu vết truy đuổi, bao vây nhiều ngày nhưng tất cả 27 anh em đều về đến căn cứ cách mạng an toàn, trong đó có anh hùng quân đội Trương Văn Hòa quê ở Quảng Nam, anh Lê Văn Nhiều (Ba Lợi) khi bị bắt là huyện ủy viên ở An Giang. Đây cũng là đoàn đi đông và hoàn toàn không bị tổn thất.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngày hôm sau, 13-5-1972, sau khi ăn cơm chiều xong, vào lúc sẩm tối, lợi dụng sơ hở của địch, một số anh em ở B5 chui rào qua A5, theo đường hầm ra đi. Đây là một cuộc vượt ngục không có dự kiến trước. Nhiều người tranh nhau đi. Có anh đang rửa cà mèn thấy vậy ném cà mèn chạy theo. Nhưng vì không có tổ chức, việc tranh nhau đi gây cảnh lộn xộn, lãnh đạo phân khu không dàn xếp kịp nên địch phát hiện bắt lại ba người còn nằm trong hàng rào dây kẽm gai. Mười chín người đã vượt ngục thành công và về được cơ sở cách mạng.

Khoảng tháng 10-1971, phân khu B4 (anh em miền Bắc) cũng đào thành công một đường hầm từ phòng 9. Hầm đào, 2 tháng thì xong. Đảng ủy chọn 7 anh em ra đi từ 21 giờ. Đến 24 giờ địch phát hiện, tổ chức truy lùng. Hôm sau địch bắn chết một anh mang xác về trước phân khu để đe dọa, khủng bố tinh thần.

Trong các cuộc vượt ngục bằng đường hầm, cuộc vượt ngục ở A4 đêm 23 rạng 24-12-1971 là đông nhất, đến 41 người. Theo báo cáo của tên Chỉ huy trưởng trại giam, hầm được khởi sự đào từ cuối tháng 7-1971. Tù binh đào sau điểm danh sáng cho đến cơm trưa và chiều từ sau điểm danh xế đến điểm danh chiều tối. Lúc đào, đại diện hoặc phó đại diện ra nói chuyện với giám thị ở cổng để cầm chân tại cổng, trưởng phòng đi tới lui canh chừng.

Hầm đào từ phòng 2, miệng mở ở gần đầu phòng, ngang 0,25 mét, dài 0,45 mét, chung quanh miệng có ghép gỗ, miệng rộng đáy hẹp. Hầm sâu 1,5 mét đường kính 0,65 mét, dài 71 mét, hướng về phía Nam. Cửa thoát ra ngay giao thông hào, phía đầu lều trung đội 1 quân cảnh, cách khoảng 8 mét. Khi anh em đã ra đi, quân cảnh tìm thấy một đường dây nhỏ bắt đầu từ cửa hầm theo giao thông hào về hướng đông khoảng 10 mét rồi lên khỏi hào về hướng nam khoảng 8 mét, quẹo về hướng tây dọc theo bãi cỏ tranh vào rừng. Khi qua hàng rào ngoài cùng, tới bãi cỏ sậy thì đường dây quẹo về hướng bắc một khoảng dài 200 mét mới hết dây nhưng dấu vết cũng còn đi thẳng.

Kéo đường dây dài hơn 200 mét, bộ phận tổ chức đào hầm tỏ ra rất chu đáo để cho anh em lần theo dây đi không bị lạc ở đoạn quan trọng nhất, từ cửa hầm mới ra, còn nằm sát vách địch. Anh em chuẩn bị lương khô gồm gạo rang, gạo ngâm giã thành bột nặn thành viên rồi nướng vàng, chuẩn bị dây bằng cách rút chỉ nylon trong chiếu ra và chuẩn bị dép Bình Trị Thiên bốn quai để đi rừng.

Anh em tù binh chia làm ba toán, bắt đầu ra đi từ 19 giờ đến 2 giờ sáng. Đêm đó, một ca trực của quân cảnh không vào điểm danh, một ca chỉ điểm danh phòng ngoài nên không phát hiện. Đến 2 giờ sáng, một tên quân cảnh đi ngoài nghe sột soạt ở hướng cửa hầm. Hắn kêu cho một tên nữa biết. Lúc đó có tiếng tuôn cỏ tranh chạy. Chúng nghĩ có thể là heo rừng và cũng do sợ ma nên chúng không đến chỗ có tiếng động.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngay lúc đó, một xe gíp tuần tiễu đến. Nghe thuật lại sự việc, chúng sinh nghi, vào điểm danh và phát hiện anh em đã đi 41 người.

Địch liên báo động, dùng lực lượng trừ bị của trại giam phối hợp với các đơn vị đặc khu Phú Quốc truy lùng. Đến 20 giờ ngày 29-12-1971, tức là bốn ngày sau, chúng bắt lại được 8 người, bắn chết 8 trong số 41 người vượt ngục.

Khoảng cuối năm 1971, anh em ở phân khu biệt lập C8 tổ chức đào hai đường hầm. Đường hầm thứ nhất mở miệng tại phòng 2, hướng thẳng ra đường lớn. Đường hầm thứ hai mở miệng tại phòng 3, tức phòng sĩ quan hướng về phía sân trống giữa C8 và B8, nhưng chếch về phía đường lớn, gần chòi canh. Tuy đi về phía trước, mạch nước ngầm sâu hơn nhưng không nhiều nên không thể đào sâu được.

Đường hầm phòng số 2 ngắn hơn. Anh em dự định đào ra vừa khỏi các lớp dây kẽm gai sẽ dừng lại, chuẩn bị đủ mọi điều kiện rồi tiếp tục một buổi tối cho xong và trở miệng đi luôn, vì đào qua đường trước sợ xe tải nặng chở lương thực thực phẩm qua lại sẽ bị sập. Nhưng khi đào ra tới gần hàng rào dây kẽm gai thì tên Lộ một tên mật báo địch cài vào từ lúc mới lập phân khu, cho ở phòng 8, đang đêm nhảy ra báo với quân cảnh đường hầm ở phòng số 2. Quân cảnh vào bắt ba người nhận đào hầm.

Anh em ở phòng 3 hồi hộp chờ đợi đến phiên mình bị phát hiện. Nhưng điều đó không xảy ra. Phát hiện được một đường hầm, địch cho phá bỏ và tỏ ra yên tâm. Anh em phòng 3 lại tiếp tục đào khẩn trương hơn.

Một buổi chiều, tên quân cảnh trực trong phân khu vào phòng 3 lôi bàn cờ tướng kêu anh em đánh tại sạp ngủ, ngay trên miệng hầm. Có ba anh đang ở dưới ấy. Tưởng đầu hấn chỉ đánh vài bàn cho vui, nào ngờ hấn không chịu thôi, đòi đánh mãi. Đến gần giờ điểm danh chiều mà hấn vẫn còn đánh. Nếu để trễ mười phút nữa thế nào cũng bị lộ. Anh em bèn tập trung thật đông chung quanh bàn cờ, hai ba người chỉ bên này, ba bốn người chỉ bên kia, giả vờ cãi cọ om sòm, vài người đứng sau lưng hấn che miệng hầm, mấy người chuẩn bị ba chiếc áo trùm đầu rồi báo động khẩn cấp cho anh em từ từ im lặng chui lên, đi ra giếng tắm. Anh em đập miệng hầm và ngụy trang lại. Thật là một cuộc thoát nạn trong gang tấc nhờ đông đảo anh em ủng hộ.

Đường hầm dài 60 mét đã hoàn tất. Dự kiến đi một tổ ba người. Đêm đó, hai người đi đầu mới ra khỏi hầm mươi thước thì gặp bọn quân cảnh đi chơi về. Thấy bóng người, chúng hỏi. Hai anh bỏ chạy nhưng chúng bao vây bắt được. Người thứ ba vừa ra tới miệng hầm thấy hai người bạn bị bắt nên quay lại, tạm rửa ráy và chờ quân cảnh vào bắt đem lên Ban điều hành tra khảo về tổ chức đào hầm. Miệng hầm trở ra hướng đường đi, các anh lại ra đi hơi sớm, lúc quân cảnh còn đi chơi nên bị bắt gặp. Đường hầm đào tốn rất nhiều công sức nhưng không đi được một người nào cả.

Sau đó, Đảng ủy ở C8 lại tổ chức đào hầm. Hầm đào sắp xong thì Hiệp định Paris

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

được ký kết. Tuy nhiên, Đảng ủy vẫn tiếp tục cho đào cho đến khi hoàn thành và chờ, nếu địch không chịu trao trả thì sẽ cho trở miệng hầm ra đi về báo cáo với Đảng. Nhưng địch đưa trao trả hết số anh em trong phân khu nên đường hầm không dùng đến.

Tính ra có đến bảy lần đào hầm thành công, nhưng chỉ có 5 lần đi được, trong đó một lần 21 anh em ở B2 và một lần 27 anh em ở A5 đều về đến căn cứ cách mạng an toàn. Có hai lần đào xong ra đi bị địch bắt lại hết.

Tổ chức đào hầm vượt ngục là một việc làm khó khăn vô cùng gian khổ và nguy hiểm, nhưng không có gì là kỳ bí cả. Những yếu tố quyết định cho sự thành công là quyết tâm, chịu khổ, đảm bảo nội bộ trong sạch, có sự lãnh đạo của Đảng và được tập thể tù binh ủng hộ. Nhưng ra khỏi hàng rào dây kẽm gai mới chỉ là thành công bước đầu. Con đường về với cách mạng đã mở ra song còn lắm gian nan nguy hiểm không dễ vượt qua.

Đánh quân cảnh và hải quân đoạt súng ra đi

Đi làm bên ngoài là đã ra khỏi các lớp hàng rào dây kẽm gai và được tiếp cận với rừng. Đó là hai cái lợi rất lớn của các anh em đi tập dịch. Chỉ còn trở ngại duy nhất là sự canh gác của quân cảnh lúc nào cũng lăm lăm cây súng trên tay.

Khi dẫn tù binh đi làm, quân cảnh luôn luôn giữ khoảng cách an toàn, không cho tù binh tiếp cận, không tiếp chuyện và cảnh giác tới mức tối đa. Do đó, muốn tiếp cận với quân cảnh để hành động, anh em tù binh phải tìm nhiều cách, tận dụng những thời cơ thuận lợi nhất.

Đánh quân cảnh giật súng chạy là hình thức vượt ngục táo bạo nhất, bằng mưu trí và tinh thần dũng cảm, được nghiên cứu kỹ, biết tạo thời cơ và nhanh chóng nắm lấy thời cơ để hành động mới có thể giành được thắng lợi.

Giữa năm 1968, một quân cảnh dẫn 4 tù binh đi lấy củi trong rừng. Lúc này địch chưa cảnh giác lắm. Đến trưa, mọi người đều khát nước. Một tù binh nói với quân cảnh cho chặt một sợi dây rừng lấy nước uống. Anh em uống xong, tên quân cảnh cũng đòi uống. Trong lúc hấn ngửa mặt há miệng cho nước nhỏ vào thì một tù binh đánh một búa vào đầu làm hấn ngã ra choáng váng. Các anh giật súng chạy về tới căn cứ cách mạng an toàn. Trong bốn anh có hai anh em ruột Long. Đây có thể coi là trận đánh quân cảnh lấy súng đầu tiên của anh em tù binh Phú Quốc.

Khoảng tháng 2-1971, phân khu A2 cũng có 16 anh em đi đổ cầu đánh quân cảnh giật súng chạy. Thời gian này địch cảnh giác hơn, cho quân cảnh áp giải đông hơn. Trong cuộc đánh nhau, 4 anh hy sinh tại chỗ, hai anh bị bắt lại, còn 10 người chạy thoát.

Trong các trận đánh lính áp giải để vượt ngục, trận đánh của anh em phân khu C8 là lớn hơn cả. Giữa năm 1970, phân khu C8 có hơn 1.000 tù binh, trong đó có khoảng 300 mới từ Biên Hòa đưa ra. Thời gian này địch đã bắt đầu lập trật tự để chuẩn

HUYỀN THOẠI PHỤ QUỐC

bị chiến dịch cưỡng ép chiêu hồi. Được sự nhất trí của Đảng ủy, anh Minh (lúc đó là Phó Bí thư) cho nghiên cứu các phương án đánh lính khi đi làm bên ngoài để vượt ngục.

Phương án thứ nhất là đánh địch trong chỗ đóng quân của quân cảnh ở đồi 37. Nơi đây có một tiểu đội quân cảnh đồn trú. Mỗi buổi chúng thường nhận 20 tù binh ra làm việc cho chúng như làm hàng rào, đào hào... Quân cảnh hoặc hải quân nhận tù binh đi làm từng buổi. Sáng hơn 7 giờ nhận đi làm đến 11 giờ trở về trại. Chiều 13 giờ 30 đến nhận dẫn đi làm tiếp cho tới 16 giờ 30 trở về. Bọn quân cảnh ở đồi 37 có hơi chủ quan, không canh giữ tù binh gắt gao lắm khi anh em đến làm. Nhưng cái khó ở đây là chúng không tập trung một nơi mà ở rải rác trong chỗ đóng quân, chỉ có một số tên đứng canh giữ anh em làm. Như vậy khi phát lệnh tấn công, các mũi đồng loạt tiếp cận địch. Cần phải nghiên cứu thêm, có kế hoạch thật tỉ mỉ.

Phương án thứ hai là đánh quân cảnh khi đi đổ thùng cầu tiêu ở bìa rừng. Cách này đã có nơi làm nên địch rất cảnh giác, cho lính áp giải đông hơn, chúng đi cách xa anh em hơn, súng lúc nào cũng cầm tay. Do đó, trong thời gian nghiên cứu phương án phải tỏ ra hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh của chúng để dần dần chúng mất cảnh giác mới hành động được.

Khi khiêng thùng phân đi đổ, địch bắt anh em phải cúi mặt xuống đất, lồm lũi bước đi, không được nhìn qua ngó lại, sợ anh em quan sát địa hình. Khi lên xe GMC đi làm, chúng bắt anh em ngồi chồm hổm, cúi mặt xuống sàn xe, không được ngẩng lên. Ai trái lệnh chúng đánh đập rất tàn nhẫn.

Phương án thứ ba là đánh hải quân khi đi làm ở bến tàu về. Thường thường hải quân đến lãnh tù binh ra cầu tàu bốc gạo từ dưới tàu lên đưa vào kho. Nếu nhận 40 tù binh thì đi một xe GMC có 8 tên lính hải quân canh giữ. Nếu 60 tù binh thì đi hai xe, mỗi xe cũng 8 tên lính áp giải. Khi bắt tù binh đi làm, bọn giám thị cho tập hợp anh em ngồi xếp hàng theo từng phòng rồi chúng cắt mỗi phòng một ít người, khi cắt theo hàng ngang, lúc cắt theo hàng dọc, có lúc lại cắt chéo qua các phòng để tránh việc anh em hình thành sẵn một tổ chức đi chung nhau tấn công chúng.

Nhưng có lúc giám thị điếm danh, cắt người đi làm xong mà xe hải quân chưa đến. Chúng cho anh em giải tán và dặn khi hải quân đến, những người được chúng cắt cử phải ra cho nhanh để đi làm. Do vậy anh em ta trao đổi, một số không được chúng cắt cử nhưng do ta phân công, nhanh chóng chạy ra để nghiên cứu tình hình lập phương án đánh địch. Sau nhiều lần nghiên cứu, kế hoạch đề ra như sau:

- Phải tranh thủ có ít nhất 50% số người đi làm có trong tổ chức đánh địch vượt ngục (vì phải giữ bí mật nên kế hoạch vượt ngục chỉ được phổ biến và giao nhiệm vụ cho một số người tin cậy).

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

- Đánh địch buổi đi làm chiều về, vì lúc đó chỉ còn một hai tiếng đồng hồ nữa là trời tối, anh em kịp có thời giờ lẩn tránh vào rừng.

- Đánh địch lúc chiếc xe GMC lên gần đỉnh dốc miếu Cô Sáu, khi xe chuẩn bị trả số.

- Cử anh Nguyễn Văn Minh làm Chỉ huy trưởng trận tấn công. Toàn đội chia làm hai mũi, một do anh Khoản, nguyên là một cán bộ quân sự của Tây Ninh chỉ huy, một do anh Đạt, nguyên là chiến sĩ của tiểu đoàn chủ lực tỉnh Long An chỉ huy. Anh Đạt cũng được giao nhiệm vụ điểm hỏa, đánh tên lính hải quân bên cạnh mà khi lên xe, anh cố ý đến ngồi gần. Một bộ phận có nhiệm vụ nhào xuống tấn công tên lái xe, bắt xe phải ngừng lại.

13 giờ ngày 31-8-1970, bọn giám thị phân khu C8 điểm danh cắt một số tù binh đi làm với hải quân rồi giải tán. Số anh em trong tổ chức đánh địch dù được cắt đi làm hay không, đều loanh quanh gần đó. Khi xe của hải quân đến nhận tù binh đi làm, anh em nhanh chóng chạy ra tập hợp ngồi phía trước. Giám thị đếm đủ 40 người cho lên xe. Trong đó có một số người đã được giám thị cắt đi làm song ngồi ở phía sau. Anh em biết có người giành đi làm để thực hiện một ý đồ gì đó nên làm thình.

Trên xe có anh Sáu Minh, Chỉ huy trưởng, các mũi trưởng, cộng tất cả trên phân nửa số người trong tổ chức. Như vậy là tương đối yên tâm. Nhưng anh em khác, dù không được phổ biến kế hoạch, nhưng khi thấy anh em hành động, nhất định sẽ hưởng ứng.

16 giờ 50 phút địch tập hợp anh em lên xe về. Theo kế hoạch, cứ một tổ bốn người ngồi dưới chân một tên lính. 17 giờ xe từ từ lên dốc miếu Cô Sáu. Khi xe lên gần đỉnh dốc, tài xế nhả ga chuẩn bị trả số, anh Đạt nhanh chóng dùng một đòn hiểm đánh tên lính hải quân và đoạt khẩu cácbin. Các tổ cũng đồng loạt tấn công. Giằng co mấy phút, anh Thua, nguyên là chiến sĩ của sư đoàn 5 nhận khẩu các-bin của anh Đạt giao bắn vào đầu một tên lính thu được một khẩu M16. Tên, nguyên là chiến sĩ của tiểu đoàn 1 Mỹ Tho, đánh một tên lính nguy ngã qua thành xe thòng đầu xuống đất. Anh nắm hai chân nó. Nó cố gượng bắn anh. Anh kéo lên thụt xuống ba lần rồi dọng mạnh đầu nó xuống đất đến bất tỉnh. Sau mười phút chiến đấu, anh em diệt ba tên lính hải quân, thu ba súng, một súng bị trúng đạn bể nát. Số còn lại chạy trốn.

Khi điều nghiên không nắm được hết các đồn và lính chung quanh. Đến khi lâm trận, súng từ nhiều nơi bắn lại mới biết. Trên dốc miếu Cô Sáu, cách khoảng 200 mét có một đội quân cảnh thuộc tiểu đoàn 14 đóng. Phía sau lưng, cách khoảng 300 mét, có một căn cứ của công binh và cách khoảng 500 mét phía trong có một đại đội bảo an. Khi anh em tù binh đánh địch trên xe, bọn chúng lập tức nổ súng yểm trợ và sau đó nổ súng chặn đường rút vào rừng.

Vừa nhẩy xuống xe, anh Tẩu, nguyên là xã đội trưởng xã Lộc Giang, huyện Đức

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Hòa, tỉnh Long An, bị một viên đạn của địch xuyên từ nách phải qua nách trái. Anh hy sinh ngay trên đường tại dốc miếu Cô Sáu.

Địch huy động lực lượng bao vây, truy kích. Một lát sau, trên trời có một chiếc trinh sát đâm già, một chiếc HU1A và hai chiếc trực thăng cá lẹp quần đảo, nổ súng xối xả vào những chỗ chúng nghi ngờ. Khoảng 30 phút sau, chúng cho máy phóng thanh từ trên máy bay gọi xuống: “Hỡi anh em tù binh! Các anh không đi khỏi được vòng vây của Quân lực Việt Nam cộng hòa. Các anh hãy ra đầu hàng sẽ được hưởng lương khoan hồng của Chính phủ”.

Anh em vẫn tiếp tục rút đi. Anh Cầu, nguyên là Ủy viên Ban an ninh huyện Bến Thủ, Long An, bị trúng đạn hy sinh giữa rừng. Rút lên đỉnh đồi bất ngờ gặp đôn địch nổ súng anh em rút xuống vách đá. Hai chiếc cá lẹp bắn M79 dây nổ trên ngọn cây làm anh Tền bị thương ở tay và một anh quê ở miền Trung, nguyên là chiến sĩ đặc công của khu Sài Gòn Gia Định hy sinh.

Trời tối hẳn. Anh em bị tản lạc nhiều chỗ. Địch đổ rất nhiều quân tại Cầu Sáu chặn đường rút lui của anh em về phía bắc đảo. Một bộ phận lớn nhất, khoảng 15 anh em được tập hợp lại do anh Khoãn, nguyên là cán bộ huyện đội Trảng Bàn, Tây Ninh, chỉ huy rút đi. Nhờ anh Sáu Khoãn xông xáo, có nhiều kinh nghiệm đi rừng nên ba ngày sau đoàn gặp được anh em du kích xã Dương Tơ. Anh Sáu Minh lạc có một mình nhưng cũng cất rừng về đến căn cứ. Anh Chiến, nguyên là chiến sĩ đặc công sư đoàn 9, quê ở Phước Hiệp, Củ Chi, cùng anh Chín Nang, nguyên cán bộ hậu cần Tỉnh đội Long An đi cùng với nhau. Trên đường đi, anh Chín Nang không may vướng mình hy sinh, được chôn cất ở xã Dương Tơ. Anh Chiến về đến căn cứ. Mấy ngày sau, 27 anh em lần lượt về được với cách mạng, còn 13 người bị hy sinh hoặc bị bắt lại.

Vượt ngục trở về với cách mạng là một việc làm khó khăn, nguy hiểm đòi hỏi phải chịu nhiều gian khổ, hy sinh. Theo bản ghi chép của một đồng chí khu ủy viên khu 9 được giao giải quyết số tù binh ở Phú Quốc vượt ngục, tính đến tháng 4-1972, có 41 vụ vượt ngục về tới căn cứ cách mạng ở Phú Quốc trong đó có: 16 lần đi lẻ tẻ; 14 lần vượt rào; 4 lần ra bằng đường hầm; 7 lần đánh quân cảnh, hải quân.

Trong thực tế, và đến khi trao trả, số lần vượt ngục chắc chắn là nhiều hơn vì có những lần đi lẻ tẻ hoặc vượt rào không về đến căn cứ cách mạng như lần đi của anh Tuấn quê Phú Yên ở phân khu sĩ quan, lần đi của hai anh Nguyễn Văn Lương và Nguyễn Hữu Văn đêm 6-2-1971 tại phân khu D4, của hai anh Nguyễn Bá Hợi và Lê Văn Đường đêm 29-5-1971 tại phân khu B4... Các anh đi nhưng không về.

Theo một số người có trách nhiệm, số anh em vượt ngục về đến căn cứ cách mạng ở Phú Quốc là 261 người. Nếu cộng thêm 3 tù binh Phú Quốc vượt ngục ở Cần Thơ thì tổng số anh em tù binh Phú Quốc vượt ngục thoát là 264 người.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trong các cuộc vượt ngục, có cuộc đi trót lọt như các cuộc vượt rào của Hai Hội, Ba Toàn, như các cuộc đi bằng đường hầm 21 người và 27 người ở các phân khu B2 và A5, có cuộc bị tổn thất một phần như trận đánh hải quân của phân khu C8, trận đánh quân cảnh của phân khu A6; có cuộc bị thiệt hại nhiều như vụ ra đi bằng đường hầm 41 người của phân khu A4 hay trận đánh quân cảnh ngày 11-10-1972; có cuộc ra đi mấy hôm rồi bị bắt lại hết như toán của Đoàn Văn Công, và có một số cuộc ra đi với số lượng ít và bị hy sinh tất cả...

Mặc dù chưa tổng kết được toàn bộ số hy sinh trong khi vượt ngục, nhưng qua đó có thể nói số hy sinh không lớn lắm so với số về đến với cách mạng. Trong điều kiện vô cùng khó khăn thì đó là những thắng lợi to lớn của anh em tù binh Phú Quốc, là phần thưởng đối với trí tuệ, sự quyết tâm và lòng dũng cảm của những con người chiến đấu vì sự nghiệp cao cả của dân tộc.

(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)

KHÍ TIẾT CỦA NGƯỜI TÙ VƯỢT NGỤC

Khi không may bị sa vào tay giặc, mỗi người chiến sĩ cách mạng đều tự xác định đây là một trận tuyến chiến đấu mới. Tay không trực diện với quân thù với sự tàn bạo bậc nhất. Sống hay là chết, 2 con đường chỉ được chọn 1 - Đó là con đường sống. Nhưng phải sống như thế nào cho ra sống, lương tâm, đạo đức luôn trần trụi, dày vò. Nhớ lại lời thề trước khi mình được kết nạp vào Đảng: “Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng”; “Thà chết vinh hơn sống nhục”; ôn lại 10 lời thề của Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng; Tự mình nhắm đọc lại Nhật ký của Bác Hồ trong các nhà tù của thực dân Pháp, Tàu Tưởng; rồi biết bao gương chiến đấu của các anh hùng liệt sĩ... Với chế độ hà khắc trong lao tù, lòng căm thù quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước lại dâng trào lên. Tự đáy lòng mình nảy sinh ra ý nghĩ tự giải phóng mình thoát khỏi gông xiềng của giặc Mỹ trở về với quân ngũ để tiếp tục chiến đấu, góp phần của mình vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đã trở thành mơ ước, hoài bão lớn nhất của đông đảo tù binh Phú Quốc.

Tuy không ai nói với ai, nhưng mỗi người một suy nghĩ, một kiểu cách, một phương án khác nhau: lặn lẽ âm thầm lén lút trốn đi; cướp súng giặc bắn lại giặc; bằng dụng cụ cuốc, xẻng, rựa, búa, đòn khiêng trong tay làm vũ khí đánh vào bọn quân cảnh; Đào hầm, xé rào, chui vào thùng rác, vào gầm xe, bằng kiểu nào miễn là thoát khỏi tay giặc.

Đó là động lực, là xuất xứ và sức mạnh thúc đẩy 40 đoàn của hơn 400 tù binh tay không đang bị giam giữ, đã vượt tù trở về chiến đấu, công tác. Nhưng trước khi vượt ngục anh em đã xác định: vượt ngục là đi tìm cái sống trong cái chết. Do vậy 400 anh em ra nhưng chỉ có 239 đồng chí đến được căn cứ, số còn lại bị bắn chết, bị chết đói, bị bắt lại...

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Chỉ trong vòng 5 năm, 1967 đến 1972 đã có hơn 4.000 tù binh /40.000 tù binh đang giam giữ, bị bàn tay tàn bạo của bọn Mỹ - Thiệu giết chết và chôn vùi trong bãi tranh Phú Quốc, đến nay nhiều người không còn xương xác và mồ mả. Đó là tội ác trời không dung, đất không tha đối với Mỹ - nguy.

Năm 1967 địch đưa tù binh ra Phú Quốc, càng ngày phong trào đấu tranh của tù binh ngày càng diễn ra liên tục và càng quyết liệt hơn, với khẩu hiệu và mục tiêu đấu tranh ngày càng cao. Mỹ nguy đã thẳng tay đàn áp nhưng không ngăn chặn được, chúng chọn lọc số nòng cốt của tù binh ra và cuối cùng quyết định lấy khu B2 làm khu biệt giam, loại mà chúng cho là đầu sỏ, là chính cống, là miền Bắc xâm nhập, đưa về đây giam giữ và đàn áp. Bọn cai ngục đã thô bạo công bố: “Đây là trại tử tù, số tù binh này ngoài vòng pháp luật, sống chết là tùy tao”.

Bọn giám thị, bọn quân cảnh, bọn chiến tranh chính trị, bọn tình báo thuộc loại sùng sỏ, đại gian, đại ác cũng được chọn lựa từ các trại đất liền đưa về để canh giữ trại biệt giam này. Khu biệt giam 2 được đưa về gần bọn giám thị, bọn điều hành, doanh trại của bọn quân cảnh, rào đạo được xây dựng kiên cố hơn.

Toàn bộ khu giam được rào, chia cắt làm 3 ô, ô 1 dành cho cấp sĩ quan, ô 2 dành cho số binh sĩ, ô 3 dành cho cấp hạ sĩ quan, từng ô, từng phòng đều có bờ rào kẽm gai kiên cố. Mỗi phòng đều có trưởng phòng, toàn trại có đại diện, lực lượng là mật vụ tình báo được bí mật cài theo để nắm tình hình phục vụ cho bọn cai ngục đàn áp. Trưởng phòng, đại diện trại do địch chỉ định hay là do tù binh bầu, đó là tùy thuộc phong trào đấu tranh của trại đó quyết định, trại yếu thì địch sẽ chỉ định. Nhưng tất cả đều do ta nắm. Bởi vì trại đồn về sau một tuần lễ là đã nhanh chóng có Đảng ủy trại, có liên chi khu sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ, có chi bộ hoặc phòng, hoặc liên phòng để lãnh đạo.

Trong trại biệt giam lớn, còn có trại kỷ luật, có chuồng chó, chuồng cạp để giam giữ số tù binh có hành vi chống lại. Do vậy mà anh em tù binh thường nói đây là: “Biệt giam trong biệt giam” đã là trại biệt giam thì địch có đối sách riêng rất ác liệt.

Bọn địch hình thành biệt giam 2 để giam giữ loại đầu sỏ, nhưng về ta lại đánh giá đây là loại cốt cán, là nòng cốt, là thuần khiết nhất so với các khu giam khác. Rõ ràng chất lượng cao hơn, lập trường tư tưởng vững vàng, nội bộ thuần khiết. Từ đó mà gọi lên cho số đồng chí có ý thức vượt ngục. Chọn thời cơ để thực hiện ý định.

Nhưng bằng hình thức nào cho phù hợp với đặc điểm trại biệt giam đang bị cấm cố này, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đưa ra cho được số lượng lớn. Đó là vấn đề phải lựa chọn, phải tính toán cân nhắc. Trong khi mọi người tập trung tư tưởng để suy nghĩ, bàn bạc tìm cách vượt ngục, thì tôi được đồng chí Cận - Bí thư Liên chi khu Hạ sĩ quan đến trao đổi và đặt vấn đề phối hợp. Đó là 17 đồng chí trong 2 khu Hạ sĩ quan và binh sĩ đã hình thành chuẩn bị hành động, lập xong phương án đào công trình địa đạo, để đưa tù binh thoát ngục. Miệng hầm được khai ở phòng 13 khu Hạ sĩ quan; nơi này anh

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

em đã bố trí đưa số tù binh bị lao vào ở đó, xác định thái độ trách nhiệm bảo vệ đường hầm này cho anh em. Tất cả anh em đều đã hạ quyết tâm.

Nói là bệnh ho lao thì bọn giám thị, quân cảnh rất ít dám vào, và cứ mỗi lần quân cảnh vào là một đợt ho nhiều người kéo dài, do đó vốn đã ngại gần nay càng ngại hơn. Về dụng cụ đào thì anh em đã chuẩn bị sẵn ca VS, cào men thay cho cuốc xẻng, can nhựa thay cho bao gió để đưa đất lên, quần áo tù binh được xé đánh thành dây thừng để kéo đất, lương thực thực phẩm, đường sữa đã được anh em quản lý, cấp dưỡng và các phòng chuẩn bị để bồi dưỡng cho số đào hầm và chuẩn bị cho cả đoàn vượt ngục nữa. Người để thay thế cho số anh em xuống hầm nếu địch vào điểm danh đều đã được bố trí lực lượng khi đánh tráo, một cách chu đáo.

Đúng ngày 19-8-1968 lấy kỷ niệm ngày tổng khởi nghĩa để khai miệng hầm và ấn định ngày 3 tháng 2 là ngày thoát ngục. Kế hoạch dự kiến là: cửa hầm mở ra vào lúc 9 giờ tối, 4 giờ 30 sẽ đưa được 120 đồng chí ra. Kế hoạch bảo vệ đã được bàn kỹ trong 2 khu hạ sĩ quan và binh sĩ. Bọn giám thị quân cảnh vào do phòng sĩ quan chịu trách nhiệm tin báo. Theo phương án được duyệt hầm sâu 1,2 mét, dài 120 mét. Miệng hầm được mở ra tại chiến hào phía nam trại, để khi ra được, anh em men dọc theo đường hào vượt ra bãi biển. Tuy vậy, đất đào ra lấy lên đổ ở đâu vẫn là bài toán chưa có đáp số.

Nhưng trong cái khó đó, rồi tự nó sẽ làm ló cái khôn, một phong trào vệ sinh doanh trại được phát động, cống rãnh mặt bằng trong khu trại, hố xí hố tiểu đường thoát nước trong sân trại được phát động tu sửa và làm mới. Số đất đào từ mặt đất sùng đáy sâu 1,2m được đưa lên và trang trải nhập vào đất mới tu sửa sân trại và cứ sáng ngủ dậy sớm anh em tập trung tập thể dục và san bằng cho hòa nhập vào đất mới cũ. Qua 4, 5 ngày và tiếp theo gần một tuần địch không phát hiện được. Đây là thắng lợi bước đầu trong nỗi băn khoăn, lo lắng của hàng ngàn anh em tù binh trong trại.

Đất đào theo chiều dài 120m trong lòng địa đạo được anh em rút kinh nghiệm ngoài đời khi ta đào trụ nọc rom hay đào huyết mả, đào xong lấp lại bao giờ cũng thiếu. Từ đó anh em đào sâu hơn làm cho đất tơi, xốp rồi ém xuống và cứ như thế đào đến đâu ém hết đến đó. Đây là thắng lợi thứ 2. Tuy nhiên, trong quá trình đào hầm phát sinh nhiều vấn đề khá phức tạp như: một số anh em xuống hầm thiếu không khí bị ngất phải đưa lên cấp cứu, hầm đào lớn không giấu hết đất, đào nhỏ khi nằm trườn tới trước thì khi quay trở lại phía sau không được, nên cứ 10-15 mét anh em đào một khúc rộng để trở đầu. Đào trúng đá phải lách, né, đào không có địa bàn nên con đường hầm phát triển ngoằn ngoèo, tốn nhiều thời gian công sức, dễ lạc phương hướng, lỗ thông hơi nhỏ thì không đủ không khí, lớn thì dễ bị phát hiện. Quá trình đào có một số anh em bị ốm đau phải tìm người khác bổ sung và thay thế. Thỉnh thoảng bọn giám thị vào trại phải nín thở và lo ngại. Thời gian đào lại quá lâu, tình hình trong trại là mọi việc phải ngừng

ngay, luôn có biến động phức tạp, tư tưởng sức khỏe trong anh em cán bộ hành động cũng bị ảnh hưởng. Do vậy mà Đảng bộ cũng phải thường xuyên củng cố tư tưởng. Nhất là phải chuẩn bị tư thế cho số anh em đào hầm. Nếu bị lộ là đồng chí Bí thư phải chịu nhận, nếu cần phải hy sinh cũng phải sẵn sàng. Tuyệt đối không được khai báo, không được làm ảnh hưởng lây lan đến người khác. Phải giữ đúng lời thề trước khi hành động: “Trung thành tuyệt đối”. Đào hầm là một việc hết sức khó khăn mới mẻ, đòi hỏi phải có sức khỏe, phải có ý chí, phải có quyết tâm cao. Nhiều đồng chí đào một ca lên tay phỏng, chân lở loét do đá, cát trà xát, thân mình rướm máu, trời thì nóng bức nhưng phải mặc quần áo để che mắt bọn xấu.

Con đường hầm tuy đã dài và gần đến đích (cuối 12-1968) thì bọn “chó săn” đánh hơi theo dõi nên có nguy cơ bị lộ, do đó Đảng ủy có chủ trương cho tổ chức thoát ra sớm hơn. Theo chỉ đạo của Đảng ủy thì 21-09-1969 là đêm hành động, theo đó, đào từ đáy lên mặt đất từ 7 giờ đến 9 giờ và từ 9 giờ đến 4 giờ 30 sẽ đưa 120 đồng chí đã được lựa chọn ra. Kế hoạch đưa ra đã được bí mật thông báo. Tuy vậy, bọn giám thị, bọn quân cảnh có cố vấn Mỹ chỉ đạo, được báo động, xe jeep thay nhau chạy xung quanh trại - Trung liên, Đại liên, Tiểu liên được chĩa súng vào trại sẵn sàng nhả đạn.

Nhưng việc tổ chức tù binh thoát ngục bằng địa đạo, đây là lần đầu tiên ở Phú Quốc nên đã gây cho địch bất ngờ. Các tiểu đoàn quân cảnh trên đảo được dồn về đây, chó, ngỗng, lựu đạn nổ, đèn pha chiếu sáng khắp vùng. Nhưng tất cả đều vô hiệu.

Trên mặt đất bọn cai ngục, xe cộ chạy rầm rập, thổi thúc anh em dưới đường hầm khẩn trương đào móc và đúng 4 giờ 35 phút cửa hầm ra đã được khai thông, người đầu tiên trườn lên khỏi địa đạo thì thấy hàng trăm tên quân cảnh cầm súng lăm lăm chĩa vào trại giam. Các đồng chí từ trước chuyển ra sau tinh thần như vậy. Giải quyết bằng cách nào? Tôi đang nằm sẵn dưới hầm truyền lệnh lên cho anh em đã nằm sẵn dưới địa đạo, không thể vào được. Thà chết ngoài rào dây kẽm gai, không chết dưới địa đạo. Thế là đoàn bắt đầu tiếp tục trườn ra, men theo bãi tranh tiếp cận đến bờ biển, mặc cho quân cảnh cứ nhằm thẳng mục tiêu vào trại. Đúng 5 giờ sáng miệng hầm bên trong đã lấp lại và nguy trang xong, số anh em kẹt lại không ra được, trở về vị trí cũ và chuẩn bị kế hoạch đối phó. Đúng theo kế hoạch 6 giờ sáng đại diện trại ra báo giám thị là đêm vừa rồi có một số anh em thoát ngục, không rõ họ đi đường nào. Một cuộc tập hợp đông lực lượng trên toàn đảo được tiến hành như cuộc hành quân cảnh sát. Nhưng tất, cả 21 anh em vượt ra trên kế hoạch 120 đồng chí đều đã vượt ra khỏi Cầu Sáu (tục danh là Bàu Sáu, cá sáu ở đây có khả năng ăn thịt người và bọn quân cảnh thường tra tấn tù binh, lấy đó để hù dọa tù binh).

Vượt qua khỏi Cầu Sáu, đoàn được chia làm 2 cánh. Một cánh dọc theo bờ Nam biển, một cánh theo bờ Bắc biển, men đảo từng bước và đến 6 giờ tối đêm thứ 2 cả đoàn đều đến vị trí tập kết cuối cùng. Đó là nơi mà quân Mỹ đang tập trung bắn pháo. Chính

nơi đó là căn cứ cách mạng của Phú Quốc. Anh em đã xác định từ khi còn ở trong trại. Trong chuyến đi này có đồng chí bị kẹt lại trèo lên cây gân trại, quan sát được biết là sáng hôm đó địch huy động tổng lực lượng tìm đến 9 giờ sáng vẫn chưa phát hiện được hình thức vượt ngục, sau đó dùng chó Béc-giê săn lùng phát hiện ra miệng hầm anh em thoát ra, cách trại 120 m. Lúc đó cả Mỹ nguy mới vỡ lẽ là anh em vượt ngục bằng địa đạo. Tên trung úy Hiên trong ban điều hành trại, một tên đại gian ác đã bàng hoàng thất sắc và để đỡ bề mặt với tù binh, hắn đã lớn tiếng nói: “Đây là những anh hùng còn sống sót trận Điện Biên Phủ mới làm được công trình vĩ đại này”.

Đây là một đợt ra đi thắng lợi trọn vẹn nhất, ra đến nơi đã có 26 đồng chí ra trước đang công tác ở Phú Quốc tiếp đón. Đảng bộ Phú Quốc đón chúng tôi như đón những người con đi xa mới về, và đoàn chúng tôi cũng đã tự xác định Phú Quốc là quê hương thứ 2 của những người vượt ngục. Đón chúng tôi nếu là người tinh ý sẽ thấy, nội tâm của các đồng chí lãnh đạo Phú Quốc có nhiều nỗi lo, mừng là mừng cho Phú Quốc được tăng thêm sinh lực mới. Vì lúc đó Phú Quốc đang bị địch phong tỏa, lực lượng còn quá nhỏ bé. Còn nỗi lo là khả năng cấp dưỡng và trang bị cho lực lượng mới, tù binh ra đông căn cứ dễ bị lộ, địch phong tỏa đánh phá. Tuy vậy như mọi đoàn ra trước, sau một thời gian học tập, nghỉ ngơi, đoàn được phân công theo khả năng nghề nghiệp và sức khỏe của mỗi người, phần lớn được chuyển về huyện đội Phú Quốc để bổ sung cho bộ đội địa phương, cho du kích các xã. Số khác bổ sung cho các ngành xung quanh huyện. Cá biệt có một số đồng chí ra tự túc với đồng bào bất hợp pháp. Quá trình đó đến cuối 1972 số vượt ngục ra đến Phú Quốc có 239 đồng chí. Trong đó có hơn 100 đồng chí là Đảng viên, 15 sĩ quan, 26 hạ sĩ quan, 3 đồng chí huyện ủy, 3 bác sĩ, 34 y sĩ, y tá, 1 anh hùng quân đội, còn lại là binh sĩ và nhân viên. Số còn lại bị hy sinh, bị địch bắt lại, bị chết đói trên đường về căn cứ. Đoàn ra đông nhất 42 đồng chí còn lại 26 đồng chí, đoàn ít nhất 1 đồng chí, có đoàn mất 100%, đoàn mất 50%, rất ít đoàn an toàn tuyệt đối.

Ở đảo, anh em cũng quen dần với cuộc sống mới vốn đầy gian khổ, khó khăn. Vừa chiến đấu vừa sản xuất, ngày càng có nhiều công việc sáng sửa hơn; Như đục lấy dầu rái, khai thác gỗ, đẽng đó, câu cá đồng bán cho đất liền, bán thú rừng để tự túc. Thông qua việc mua bán đó mà móc ráp cơ sở, khai thác tình hình từ đảo đến đất liền, từ căn cứ vào trại giam, từ anh em tù binh ra đối với một số tỉnh trong cả nước. Thư từ tin tức từ Phú Quốc đến Trung ương Cục, đến Chính phủ ta ở miền Bắc. Sống lâu trên Hải đảo, đời sống chính trị, kinh tế cơ bản của anh em chưa được giải quyết một cách thỏa đáng, vì tất cả đảng viên trong tù ra đều được ghép vào sinh hoạt với địa phương, nhưng vẫn giữ sinh hoạt tạm chờ ngày về đơn vị cũ. Tù binh ra ngày càng nhiều, do đó lực lượng địa phương cũng được tăng lên. Đến năm 1969 số anh em ra đã hình thành phân đội đặc công do Tư Phước làm phân đội trưởng, 1 đại đội địa phương do Tư Dũng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

người địa phương, cùng một số đồng chí tù binh vượt ngục ra chỉ huy. Có lực lượng mới thì hoạt động quân sự tăng lên. Các đồn bốt, cứ điểm của địch ở Hàm Ninh, Dương Tơ, Cây Thông, Cửa Cạn và ngay cả bọn bảo an khu trại cũng bị tấn công, Dương Đông là nơi bất khả xâm phạm cũng bị quân ta đánh phá. Lực lượng địch trên Hải đảo bị sút mẻ, vũ khí thu được lấy trang bị cho lực lượng ta ngày càng tăng. Thế mạnh mới của bộ đội ta là quân chủ lực tổng hợp, thiện chiến nên đã đánh là thắng, nhiều trận làm cho quân thù khiếp đảm, quân chúng thì tin tưởng phấn khởi, cứ sau mỗi lần đánh thắng về, đồng bào từ Dương Đông gửi thư động viên, gửi quà tặng cho bộ đội, do đó khí thế bộ đội ngày càng được nâng lên. Nhưng trong quá trình chiến đấu và ốm đau đã có 31 đồng chí tù binh vượt ngục hy sinh ở Phú Quốc. Sống, chiến đấu trên đảo một thời gian dài, đã có 34 đồng chí vượt đảo trở về lại nơi công tác cũ. Lúc đầu chặt cây đẽo xuống theo kiểu máng cho lợn ăn, về phía Rạch Giá thì quá xa. Qua phía đất Campuchia thì nước chảy xiết xuống nhỏ không vượt nổi. Nhiều đồng chí ra đi không đến đích và có đi nhưng không có tin lại.

Đến 1970 có đoàn anh Trương Văn Hòa vượt biển, sau 3 tháng Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam báo tin anh Hòa đã về đến miền Bắc và tiếp đến 1971, đoàn anh Sáu Minh về. Nhờ đó mà Trung ương Cục hiểu thêm về trại giam Phú Quốc. Tình hình anh em tù binh đấu tranh trong tù, số anh em đã ra đang công tác ở Phú Quốc và cũng từ đó Trung ương Cục chỉ đạo Rạch Giá và Rạch Giá chỉ đạo cho Phú Quốc, tiến hành thành lập một bộ phận nghiên cứu công tác trại giam Phú Quốc. Do một đồng chí huyện ủy viên làm trưởng ban. Tôi được chỉ định làm phó ban trực. Từ đó công việc ở trại giam Phú Quốc được theo dõi chặt hơn. Tài liệu tin tức được đưa vào trại giam trong các sọt cá và các bó rau, vào các bao gạo. Đặc biệt ta đã thành công lớn là đã tán phát được hàng ngàn truyền đơn, bản tin lời kêu gọi và chính sách của Mặt trận vào được khắp các khu giam, bằng hình thức là truyền đơn được đưa vào trong vỏ tràm tù binh chặt làm củi đưa về trại. Củi đưa về trại bửa ra, truyền đơn được anh em bí mật truyền nhau xem và nhanh chóng loan ra đều các khu giam.

Thông qua các hình thức đó mà tư tưởng tù binh được củng cố, lòng tin tù binh được giữ vững, khí thế tù binh được nâng lên, bẻ gãy được mọi luận điệu xuyên tạc của bọn cai ngục. Phong trào vượt ngục về sau lại được đông hơn và cũng chính từ cái hoạt động đó mà công tác phòng thủ của địch kể cả trại giam và bên ngoài được tăng cường. Để đối phó với vượt ngục bằng địa đạo tất cả nền trại đều làm bằng xi măng, tăng cường việc điểm danh ban đêm và liên tục dời đổi trại này sang trại khác. Chính vì thế mà nhiều địa đạo bị vỡ kế hoạch.

Đến giữa 1972 Trung ương Cục cử đồng chí Sáu Minh là (tù binh vượt ngục về Trung ương Cục) cùng với 1 số đồng chí cán bộ ở Ban tổ chức R trở lại Phú Quốc, cùng lúc đồng chí Tám Quýt khu ủy viên khu 9 Bí thư tỉnh ủy Rạch Giá cũng về Phú Quốc

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

để truyền đạt chủ trương của Trung ương Cục về kế hoạch giải quyết số tù binh vượt ngục ra Phú Quốc về đất liền. Sau đó toàn bộ số anh em tù binh ra còn tại Phú Quốc đều tổ chức đưa sang tỉnh Campốt, tổ chức học tập và có chủ trương giải quyết cụ thể. Số còn lại đều được đưa về bổ sung cho lực lượng vũ trang khu 9. Tôi được bố trí trong diện về Trung ương Cục. Từ Campốt về Trung ương Cục trên đất bạn đi bằng ca-nô của Ban Việt Kiều Trung ương, đến Biển Hồ trong đoàn có người chết, phải dừng lại chôn cất và phải mất 16 ngày đêm mới đến được ban đón tiếp Trung ương...

Không có sức mạnh nào bằng sức mạnh của lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần căm thù cao độ quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước khi đã được phát động và nhân lên. Con người biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm và coi trọng đạo đức, nhân phẩm là lẽ sống vô giá; nhờ vậy mà đã vượt qua nhiều khó khăn tưởng chừng như không sao vượt qua được. “Đi tìm cái sống trong cái chết” là khẩu hiệu hành động của anh em tù binh đã từng bị giam giữ trên đảo Phú Quốc. Đó là nguyên nhân, xuất xứ giúp cho hơn 400 tù binh bị giặc Mỹ giam giữ tại Phú Quốc, đã bẻ gãy gông xiềng trở về lại với quân ngũ và tiếp tục chiến đấu. Đó là một kỳ công lớn, là niềm tự hào của mỗi người chúng ta.

VÕ CƯỜNG

(Cựu Tù Binh Phú Quốc)

LỜI TÂM HUYẾT CỦA MỘT CỰU TÙ...

... **N**gót mười bốn nghìn con người sau những năm tháng sống và chiến đấu gian khổ trong lao tù (thời kỳ kháng chiến chống Pháp), đã trở về gia đình với sức khỏe cả về thể chất lẫn tâm hồn; nhưng phần đông hăng hái bước vào cuộc chiến đấu mới trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc và chống Mỹ cứu nước ở cả hai miền. Những anh em vượt ngục ra thì hai phần ba đã trực tiếp chiến đấu, công tác ngay từ những ngày đầu, còn một phần ba cũng vui vẻ làm bất cứ việc gì do cách mạng yêu cầu.

Còn số bảm theo gót giặc ở lại cặng sau ngày trao trả chỉ chiếm một phần không đáng kể trong tổng số tù binh, đều là những tên tay sai cũ của giặc, có nợ máu đối với nhân dân, nay không dám và không muốn thở chung bầu không khí hòa bình, tự do với nhân dân.

Âm mưu thủ đoạn của địch vô cùng nham hiểm, 99 ngôi mộ trong nghĩa trang tù binh chứng tỏ rằng chính sách của địch rất tàn bạo, nhưng ý đồ của chúng thì không đạt được.

Thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chín năm đã tạo điều kiện giải phóng cho mười bốn ngàn tù binh chúng tôi ở Cây Dừa, nhưng sự hy sinh chiến đấu, bất khuất kiên cường của anh em cũng góp phần đáng kể làm nên thắng lợi chung của kháng chiến và giải phóng cho mình.

Đảng bộ nhà tù Cây Dừa, một Đảng bộ gồm những đồng chí Trung, Nam, Bắc tin nhau hơn là quen biết, không có cấp trên giới thiệu, nhưng bằng vào thực tế hành động mà tự nguyện ghép lại với nhau, kết thành một khối vững chắc và nhận lấy trách nhiệm làm hạt nhân lãnh đạo. Họ không có cấp trên trực tiếp chỉ đạo, chỉ bám lấy đường lối, chính sách nói chung của Đảng mà vận dụng, cấp dưới tuân thủ cấp trên, đảng viên tuân thủ cấp ủy, quần chúng tin cậy và làm theo cán bộ, đảng viên. Lý tưởng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Cộng sản, ý chí độc lập - tự do, sự lãnh đạo của Bác Hồ và Trung ương Đảng, đó chính là chân trời hướng tới, là niềm tin, không sức mạnh nào lay chuyển được niềm tin ấy, nó có sức động viên kỳ lạ giúp mọi người vượt lên tất cả để giành chiến thắng. Suốt mười bốn tháng không có sự viện trợ trực tiếp nào bên ngoài mà Đảng bộ trong nhà tù vẫn đứng vững trước mọi thử thách và đảm bảo sự lãnh đạo của mình trong mọi lĩnh vực. Đây chính là *nhân tố đầu tiên* quyết định thắng lợi chung của cãng Cây Dừa.

Nhân tố thứ hai là đội ngũ cán bộ, dù giữ các chức vụ công khai hay bí mật, trong Đảng hay ngoài Đảng, phần đông đã được Đảng giáo dục rèn luyện nên vững vàng trước mọi tình thế, một lòng một dạ trung thành với Đảng, với dân và quân chúng tù binh; không ngại gian khổ, hy sinh, không giành đặc quyền đặc lợi cho mình và rất quan tâm đến lợi ích quần chúng.

Nhân tố thứ ba là tinh thần đoàn kết: Trung, Nam, Bắc đoàn kết; trong, ngoài Đảng đoàn kết; cán bộ và quần chúng đoàn kết; các tôn giáo đều đoàn kết xuất phát từ niềm tin nhau bền chặt. Đối với kẻ thù thì ranh giới phân minh, địch-ta không lẫn lộn, nhưng với quần chúng dù có chậm tiến, lỗ lã thì khoan dung, giáo dục, không hẹp hòi thành kiến.

Nhân tố thứ tư là phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác rất linh hoạt, khôn khéo, luôn biết tranh thủ thời cơ (tranh thủ thời cơ xây dựng lực lượng, cải thiện đời sống, tranh thủ thời cơ vượt ngục, tranh thủ thời cơ đòi địch phải trả hết số anh em bị giam ở trại Biệt lập, hay số anh em bị ép buộc sang trại Tân binh về lại các trại...). Luôn luôn bám sát thái độ, hành động của địch, đoán đúng âm mưu, thủ đoạn của chúng để có chủ trương, biện pháp đối phó khôn khéo nhằm đạt mục đích yêu cầu của ta mà tiết kiệm xương máu nhất; công tác tư tưởng làm thường xuyên và kịp thời, lấy quần chúng giáo dục quần chúng và quản lý quần chúng; dùng nhiều tổ chức biến tướng và hoạt động biến tướng để che mắt địch, làm địch rối mắt, không nhận ra điểm để đánh ta; đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể thao, văn hóa, gây không khí vui tươi, lành mạnh để chặn đứng đòn tiến công của địch về tinh thần và nâng cao tâm hồn người tù vượt lên trên những khổ đau sâu tui, xây dựng khí thế lạc quan cách mạng, xây dựng con người vì lợi ích hôm nay và cả mai sau cho đất nước.

Cái sống, cái chết, cái vui, cái buồn... của mười bốn tháng trên mũi đảo đã khắc vào lòng mười bốn ngàn con người bao nhiêu kỷ niệm không phai. Từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, bao bạn tù chúng tôi có ước vọng tổ chức một cuộc hành hương trở lại Phú Quốc, thăm lại mảnh đất từng thấm máu và nước mắt của mình, thăm đồng chí, đồng đội đã nằm lại nơi đây mấy chục năm qua, giành khoảnh khắc trầm mặc nghe sóng dội Hòn Dừa, lắng lời tâm sự của người trong lòng đất hay tiếng sóng của bản hùng ca bất khuất năm xưa không bao giờ tắt, lấy kỷ niệm nuôi lửa lòng giữ ấm đến mai sau. Đồng thời có dịp thăm lại các ba, má, cô, bác, anh, chị ở Dương Tơ,

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Cửa Dương, Bãi Bồn...; nghiêng mình trước hương hồn người đã khuất và sung sướng hòa nước mắt mừng tủi với người còn sống, hàn huyên tái ngộ thân canh.

Nhưng... làm được như điều ước vọng đó quả là khó khăn. Cho nên trước mắt, một số anh em chúng tôi tranh thủ viết hồi ký về nhà tù Cây Dừa – Phú Quốc, coi đây là cuộc “hành hương ký ức” về một chiến trường năm xưa, bằng tâm huyết của mình để hàn huyên với mọi người.

Viết những trang hồi ký này, tuy chỉ là lời kể của số ít anh em, nhưng là để góp lời kể về mười bốn ngàn tù binh năm ấy, là để tỏ lòng quý yêu và biết ơn đối với toàn thể anh em. Hơn nửa thế kỷ qua rồi, chắc không ít anh em đã qua đời do già yếu bệnh tật, hoặc do chiến đấu hy sinh, trong đó có thể không ít anh em đã bị đọa đày trở lại, quần quai trong cái nhà lao Cây Dừa thời 20 năm chống Mỹ cứu nước, gian khổ gấp nhiều lần. Mấy chục năm trong thử thách mới, rất đáng mừng là tuyệt đại đa số anh em đã giữ vững được truyền thống tù binh Phú Quốc ở bất kỳ vị trí chiến đấu nào, trong hoàn cảnh nào cũng một lòng một dạ trung thành với lý tưởng cách mạng, với con đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã chọn.

Xin thành kính thấp những nén hương thơm hướng về các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh ở Phú Quốc và bốn phương trời; tưởng nhớ đến các bạn tù và những bà con, cô bác đã khuất. Còn với những anh em khác, mong sao chút hoài niệm về một thời của chúng ta, sẽ đến được với anh em và xin gửi cùng nó lời chào mừng, chúc sức khỏe, hạnh phúc của chúng tôi đến các bạn, các đồng chí và gia đình.

*Trích Hồi ký
“Phú Quốc - Sóng dội Hòn Dừa”
của Huy Ninh*

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



*Đ/c Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang Lê Hồng Anh
(Nay là Bộ trưởng Bộ Công an)
cắm nhang viếng các liệt sĩ Phú Quốc*



*Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Trân
viếng mộ các tù binh liệt sĩ*



Nghĩa trang liệt sĩ Phú Quốc

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

DANH SÁCH LIỆT SĨ HY SINH Ở PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
1	GIANG LẠC ĐẮC (7 KIÊN)	1914	Dương Đông - Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	24/8/1965 (A1)	AAH1M1
2	NGUYỄN VĂN NHỊ (8 NHỊ)	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	11/11/1965	A1H1M2
3	DƯƠNG VĂN ANH	1918	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/6/1959	A1H1M3
4	HÀ QUỐC THỐNG	1935	Dương Đông Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/6/1967	A1H2M1
5	ĐINH VĂN SƠN (VŨ SƠN)	1942	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1971	A1H2M2
6	NGUYỄN VĂN CẢNH (6 CẢNH)	1932	Dương Đông-Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/10/1972	A1H3M3
7	NGUYỄN QUANG LỢI	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/2/1973	A1H3M4
8	NGUYỄN QUANG HÍ (6 KIẾU)	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/8/1966	A1H3M5
9	TRẦN VĂN ĐÓM	1939	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1969	A1H4M1
10	LÊ MINH MẠNH (MINH ĐOÀN)	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Đặc công quân khu 9	02/7/1960	A1H4M2
11	HUỖNH VĂN BÀNG	1937	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	13/9/1966	A1H4M3
12	NGUYỄN VĂN GIẢ	1933	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	19/9/1967	A1H4M4
13	LÊ VĂN LUYỆN	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	09/11/1972	A1H4M5
14	TRẦN VĂN NGỌC	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	4/1975	A1H5M1
15	NGUYỄN VĂN THAI	1929	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	5/6/1969	A1H5M2
16	LÊ MINH CHIẾN	1936	Cửa Dương - Phú Quốc		25/5/1972	A1H5M3
17	LÂM VĂN SỰ (3 RẬU)	1917	Dương Đông-Phú Quốc	Kinh tài huyện PQ	24/8/1965 (A1)	A1H5M4

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
18	NGUYỄN VĂN HÀNH	1939	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/4/1966	A1H5M5
19	TRẦN VĂN NGŨ	1920	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/6/1968	A1H5M6
20	PHẠM VĂN PHÁT (3 TẤN)	1937	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/10/1967	A1H6M1
21	LÊ VĂN QUẾ (HUỆ)		Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	21/10/1969	A1H6M4
22	HỒ VĂN THÀNH	1940	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1969	A1H6M5
23	ĐỖ VĂN NỐI	1940	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	12/9/1969	A1H6M6
24	LÊ TRỌNG NGHĨA (3 SẮT)	1938	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/10/1969	A1H1M1
25	PHAN VĂN LỢI	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	27/10/1969	A1H7M2
26	TRẦN VIỆT HỒNG (GIÁP)	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	1965	A1H7M4
27	NGUYỄN VĂN HẢI	1938	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1966	A1H7M6
28	NGÔ VĂN TẤN	1948	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	29/9/1969	A1H7M7
29	TRƯƠNG VĂN HỢI	1947	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/7/1970	A1H8M2
30	TỪ VĂN BÉ	1946	Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	4/5/1964	A1H8M3
31	TRỊNH VĂN KIẾN	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Giao liên huyện	12/1/1971	A1H8M4
32	NGUYỄN VĂN CHÍN (THAO)	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/5/1971	A1H8M6
33	VÕ VĂN ÉN	1945	Dương Tơ - Phú Quốc	Đặc công	20/10/1971	A2H1M1
34	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	1953	Dương Đông- Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/1975	A2H1M2
35	ĐỖ VĂN MỚI	1950	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	04/04/1975	A2H1M3
36	TRẦN ĐÌNH NGỰ	1948	Ong Lang - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	05/09/1969	A2H1M5
37	TRẦN VĂN HÀ	1948	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	24/11/1974	A2H1M6
38	VÕ VĂN ĐÀO	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	28/08/1972	A2H1M10
39	TRẦN VĂN CƯỜNG		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/03/1969	A2H2M2
40	LÊ VĂN ĐỨC	1936	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	30/10/1967	A2H2M3
41	NGUYỄN VĂN CHIẾN		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/03/1969	A2H2M4
42	NGUYỄN VĂN BÌNH		Dương Tơ - Phú Quốc	Biệt Động	02/01/1975	A2H2M5
43	TRẦN VĂN PHƯỚC	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	05/01/1974	A2H2M6
44	TRẦN VĂN XUÂN		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/01/1975	A2A2M7
45	TRỊNH VĂN HOA	1941	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/04/1975	A2H2M8

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
46	VÕ VĂN THÁI (TU)		Dương Đông – Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	20/04/1975	A2H2M9
47	HUYỄN HOÀNG TRỌNG	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	03/09/1970	A2H2M11
48	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1950	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	22/08/1971	A2H2M12
49	NGUYỄN VĂN GHÌNH	1914	Cửa Dương - Phú Quốc	Công an xã Cửa Dương	08/03/1969	A2H3M1
50	LÊ VĂN THANH	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ		A2H6M7
51	NGUYỄN VĂN CHẠY		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/06/1966	A2H6M8
52	CHÂU HỮU NGHĨA	1943	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	06/11/1962	A2H6M10
53	HÀ HẮC CHÍN		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	17/05/1963	A2H6M11
54	HUYỄN VĂN BỬU	1946	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/09/1966	A2H6M14
55	HUYỄN VĂN THỌ		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	27/07/1965	A2H6M15
56	NGUYỄN VĂN TƯỢNG	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	30/09/1963	A2H6M16
57	HUYỄN VĂN NHUNG	1951	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	05/06/1969	A2H7M1
58	HUYỄN THIÊN TÂM		Dương Đông - Phú Quốc	Kinh tài huyện	10/1968	A2H7M2
59	NGUYỄN VĂN RÔ	1946	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	28/06/1966	A2H7M3
60	NGUYỄN VĂN HẢO	1947	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	13/01/1967	A2H7M4
61	LÊ CÔNG BA	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	12/04/1970	A2H7M6
62	TRƯƠNG VĂN SÁU	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	17/01/1970	A2H7M7
63	VÕ VĂN CỐ	1914	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện	21/06/1958	A2H7M9
64	NGUYỄN VĂN KHỎE		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	20/12/1963	A2H7M10
65	PHAN VĂN VIỆT		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	06/1961	A2H7M11
66	NGUYỄN VĂN THÀNH		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1965	A2H7M12
67	NGUYỄN VĂN HÙNG	1947	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/06/1967	A2H7M13
68	NGUYỄN VĂN THÂN	1947	Dương Tơ - Phú Quốc		20/12/1963	A2H7M16
69	ĐÀO VĂN SỬU	1936	Cửa Cạn - Phú Quốc			A2H8M1
70	NGUYỄN VĂN LỤC		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	24/01/1963	A2H8M2
71	NGUYỄN VĂN ÚT	1945	Dương Tơ - Phú Quốc		10/03/1965	A2H8M3
72	NGUYỄN VĂN SÁU	1927	Hàm Ninh - Phú Quốc		10/12/1959	A2H8M4
73	HUYỄN LONG PHẤN	1918	Hàm Ninh - Phú Quốc		10/12/1959	A2H8M5
74	LA VĂN THÀNH	1925	Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	10/09/1962	A2H8M6
75	LÊ VĂN DỆT	1929	Hàm Ninh - Phú Quốc		23/05/1967	A2H8M7
76	NGUYỄN VĂN TIẾT		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1966	A2H3M2
77	ĐẶNG VĂN TẬP	1952	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/01/1966	A2H3M3

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
78	HỒ VĂN HỔ		Dương Tư - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	26/06/1953	A2H3M4
79	DƯƠNG VĂN BẠCH	1924	Dương Đông - Phú Quốc	Công an xã Dương Tư	20/04/1961	A2H3M5
80	NGUYỄN VĂN CỤ		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/03/1962	A2H3M6
81	VÕ VĂN TỊNH	1942	Cửa Dương - Phú Quốc	Quân bưu	05/01/1961	A2H3M8
82	LÊ VĂN ĐẾN		Dương Đông - Phú Quốc		08/10/1950	A2H4M1
83	NGUYỄN VĂN TRẠNG	1933	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/08/1963	A2H4M2
84	HỨA TÔN HIỆP	1929	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện PQ	09/02/1967	A2H4M3
85	NGUYỄN VĂN NHẠN	1951	Dương Tư - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tư	06/09/1969	A2H4M4
86	LÝ VĂN NGHIỆP	1930	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1966	A2H4M6
87	PHAN VĂN ĐIỀU	1935	Cửa Dương - Phú Quốc		10/10/1964	A2H4M7
88	TRẦN VĂN QUANG	1945	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/10/1970	A2H4M11
89	NGUYỄN VĂN GIỎI	1945	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1973	A2H4M12
90	TRẦN VĂN LIÊN	1941	Bình Định	Địa phương quân PQ	25/06/1965	A2H4M14
91	NGUYỄN VĂN HÙNG	1910	Cửa Dương - Phú Quốc		20/09/1962	A2H5M2
92	LÝ NGHIỆP HÉN	1935	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích ấp	20/02/1963	A2H5M12
93	HUỲNH THIÊN THU		Hà Tiên	Đơn vị biệt động	12/03/1968	A2H5M14
94	HUỲNH NGỌC THÀNH	1948	Hà Tiên	Du kích	09/09/1966	A2H5M15
95	NGUYỄN VĂN BUỒI	1960	Cửa Cạn - Phú Quốc		22/11/1969	A2H6M1
96	NGUYỄN THÀNH TÂN	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Chi đoàn xã Cửa Dương	17/07/1965	A2H6M4
97	NGUYỄN NGỌC LỮY	1936	Dương Đông - Phú Quốc		24/02/1966	A2H6M5
98	LÊ THANH VÂN	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/01/1973	A2H6M6
99	HÀ VĂN LÚA		Hàm Ninh - Phú Quốc		1969	A2H8M9
100	LÊ VĂN CƯỜNG		Hàm Ninh - Phú Quốc		1952	A2H8M10
101	LÂM VĂN TRỌNG	1910	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	22/01/1966	A2H8M11
102	VÕ VĂN PHÙNG		Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	11/01/1973	A2H8M12
103	LÊ VĂN HẠNH	1966	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/06/1987	A2H8M14
104	LÂM VĂN DỮ		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	11/1967	A2H8M15
105	NGUYỄN VĂN TÂM		Cửa Dương - Phú Quốc		02/01/1962	A2H8M16
106	TRẦN VĂN THÀNH		Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1966	A3H1M3
107	ĐỖ VĂN ĐÔNG	1945	Cửa Dương - Phú Quốc			A3H1M4

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
108	NGUYỄN THỊ XUYẾN	1890	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	01/03/1963 (A1)	A3H1M5
109	MAI VĂN BẦY		Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Cửa Dương	02/11/1969	A3H1M6
110	HUỲNH VĂN TÂM		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/1974	A3H1M8
111	NGUYỄN VĂN EM		Hàm Ninh - Phú Quốc	Giao liên huyện	10/1962	A3H1M9
112	HUỲNH TẤN THÀNH	1925	Dương Đông - Phú Quốc	Xã Hàm Ninh	10/04/1947	A3H1N10
113	LÊ VĂN CU	1932	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	24/01/1963	A3H1M11
114	LÊ VĂN TRỰC	1942	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	01/02/1963	A3H1M12
115	LÊ VĂN BA		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương QH	20/09/1962	A3H2M5
116	VÕ VĂN LỐC	1949	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	29/09/1968	A3H2M6
117	NGUYỄN VĂN CỤT	1950	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/09/1968	A3H2M7
118	VÕ NHƯ LAI	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	02/1968	A3H2M8
119	TRẦN VĂN VÂN	1937	Cửa Cạn - Phú Quốc	UB Mặt trận huyện	23/04/1970	A3H3M1
120	NGUYỄN VĂN BÉ	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã	08/03/1969	A3H3M2
121	NGUYỄN VĂN NUÔI	1946	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	09/03/1969	A3H3M3
122	NGUYỄN VĂN THÈ	1940	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/08/1968	A3H3M4
123	VÕ VĂN BÀO		Cửa Dương - Phú Quốc	Du kích xã	10/04/1972	A3H3M5
124	NGHIÊM VĂN THÁI		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	01/02/1967	A3H3M7
125	HUỲNH VĂN CANG	1916	Dương Tơ - Phú Quốc	Binh vận huyện	22/07/1968	A3H3M8
126	TRẦN VĂN LÝ	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Công an huyện	15/04/1952	A3H3M9
127	LÊ CÔNG QUANG		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/06/1971	A3H3M10
128	NGUYỄN VĂN DÒI	1945	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	27/02/1967	A3H4M2
129	TRẦN THANH VÂN	1938	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	03/04/1966	A3H4M3
130	HỒ VĂN THÀNH	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	06/09/1962	A3H4M4
131	PHẠM VĂN LANG	1950	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/08/1974	A3H4M5
132	TRÌNH NGỌC THẢO	1948	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/04/1966	A3H4M6
133	LÊ VĂN SƠN	1944	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/04/1966	A3H4M8
134	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Văn công huyện	25/08/1966	A3H5M2
135	KHUU VĂN VÂN	1920	Bãi Bồn - Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	04/03/1953	A3H5M4
136	TRẦN TÍCH LỘC	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích ấp	01/10/1963	A3H5M5
137	NGUYỄN VĂN DỮ	1940	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã	17/06/1961	A3H5M6
138	NGUYỄN VĂN NÊU	1942	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích	21/02/1961	A3H5M7

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
139	TRẦN VĂN ĐẠT	1941	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	30/12/1961	A3H5M8
140	ĐỖ VĂN GIÁO	1921	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	21/01/1964	A3H6M1
141	TRẦN VĂN CHÈO	1927	Cửa Dương - Phú Quốc	E124.QK9	24/11/1948	A3H6M4
142	TRẦN VĂN LY	1939	Dương Đông - Phú Quốc	An ninh huyện	15/02/1968	A3H6M6
143	HUỲNH THÀNH CÔNG	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Trình sát huyện		A3H6M7
144	HỒ VĂN BẮC	1939	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	25/08/1964	A3H6M8
145	NGÔ VĂN BỘ	1916	Cửa Dương - Phú Quốc	Xã Cửa Dương	10/11/1959	A3H6M9
146	HỒ THỊ NGHIÊM		Dương Tơ - Phú Quốc	Phụ nữ huyện	20/06/1959	A3H7M1
147	NGUYỄN VĂN TÀU		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/02/1962	A3H7M2
148	TRẦN VĂN MINH (TƯ MƯỜI)	1936	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	19/04/1962	A3H7M3
149	NGÔ VĂN ĐỨC	1950	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/04/1970	A3H11M1
150	ĐẶNG VĂN TÈO	1951	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	15/04/1970	A3H11M2
151	PHÙ XÍ ẬU	1948	Cửa Dương - Phú Quốc	Xã Cửa Dương	17/01/1973	A3H11M3
152	NGUYỄN VĂN LÂM	1941	Cửa Dương - Phú Quốc	Giao liên huyện	25/06/1966	A3H11M5
153	PHẠM VĂN MỤC	1947	Dương Đông - Phú Quốc	Đặc công huyện	14/01/1973	A3H11M6
154	NGÔ THỊ KIM THU		Dương Tơ - Phú Quốc	Huyện Vĩnh Thuận	27/03/1971	A3H12M1
155	NGÔ THỊ KIM NGA		Dương Tơ - Phú Quốc	Huyện Vĩnh Thuận	25/02/1971	A3H12M2
156	TRẦN NGỌC AN (6 LANG)		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	23/04/1975	A3H12M4
157	PHAN VĂN BÉ	1936	Dương Đông - Phú Quốc	Dân vận huyện	09/11/1966	A3H12M5
158	LÂM VĂN PHÚ		Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	16/12/1966	A3H12M6
159	PHẠM VĂN HỒNG		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	16/01/1968	A3H13M1
160	TRẦN VĂN NĂM	1947	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	02/06/1970	A3H13M2
161	GIANG TÂM PHÁT		Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	20/11/1963	A3H13M3
162	HỒNG VĂN THƠI	1936	Cửa Cạn - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	09/10/1969	A3H13M6
163	LÊ VĂN HIỆP	1939	Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/09/1967	A3H13M11
164	NGUYỄN VĂN THÀNH		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	20/05/1965	A3H13M12
165	MẠC VĂN SÁNG	1927	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/10/1971	A3H13M13
166	NGUYỄN VĂN HOA	1944	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã	05/06/1969	A3H14M1

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
167	ĐỖ VĂN THƠ	1941	Dương Tơ - Phú Quốc	Di kích xã	28/06/1970	A4H14M2
168	NGUYỄN VĂN NGHỊCH	1947	Hàm Ninh - Phú Quốc	Du kích xã Hàm Ninh	06/10/1968	A3H15M3
169	NGUYỄN VĂN TRANH		Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	1972	A3H15M4
170	NGUYỄN QUỐC BỬU	1925	Dương Đông - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	21/06/1959	A3H15M7
171	NGUYỄN VĂN ĐỤC	1952	Kiên Giang	Sư đoàn 1	05/06/1975	A3H16M1
172	TRẦN VĂN KÍNH	1940	Dương Tơ - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/02/1962	A3H7M4
173	TRẦN QUYẾT THẮNG	1934	Dương Đông - Phú Quốc	Binh vận huyện	19/10/1963	A3H7M5
174	ĐẶNG VĂN CHUỘNG	1936	Dương Tơ - Phú Quốc	Tuyên giáo huyện	16/10/1965	A3H7M6
175	NGUYỄN TƯ HẢI	1944	Hàm Ninh - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/04/1975	A3H7M7
176	HỒ VĂN ĐỂ	1937	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	16/10/1965	A3H7M8
177	VÕ VĂN QUẾ		Cửa Dương - Phú Quốc	Ngoại vụ Nam bộ	27/08/1949	A3H8M1
178	TRƯƠNG VĂN CHANH	1928	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	20/09/1971	A3H8M4
179	HÀ VĂN ĐÔNG	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã	03/08/1962	A3H8M5
180	TRƯƠNG VĂN NGỌC	1953	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	21/06/1969	A3H8M6
181	HỒ VĂN ĐƯỢC	1931	Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	1960	A3H8M8
182	TỪ VĂN HÉN		Cửa Dương - Phú Quốc	Dân quân tự vệ	03/10/1963	A3H8M9
183	ĐÀO VĂN TẬP	1925	Dương Tơ - Phú Quốc	Xã Dương Tơ	20/06/1959	A3H9M1
184	PHÙ VĂN QUÝ	1943	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	18/06/1971	A3H9M2
185	ĐỖ KIM THỦ	1938	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	20/05/1963	A3H9M3
186	NGUYỄN VĂN TRỌNG		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/09/1965	A3H9M5
187	NGUYỄN VĂN THÔNG	1939	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	30/07/1966	A3H9M7
188	NGUYỄN VĂN TỐT	1937	Dương Đông - Phú Quốc	Du kích xã Dương Tơ	26/12/1963	A3H9M9
189	NGÔ VĂN THẬT		Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	22/12/1961	A3H10M2
190	NGUYỄN VĂN EM (CU)	1946	Dương Tơ - Phú Quốc	Du kích	10/06/1959	A3H10M3
191	PHÙ CHÍ TÊN		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	07/09/1965	A3H10M4
192	TỶ ĐẦU BẠC		Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1966	A3H10M5
193	TRƯƠNG VĂN EM	1940	Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1965	A3H10M6
194	NGUYỄN VĂN NĂM	1931	Dương Đông - Phú Quốc	An ninh huyện	07/09/1965	A3H10M7
195	TRƯƠNG VĂN BA		Dương Đông - Phú Quốc	Giao liên huyện	07/09/1965	A3H10M8
196	LÂM VĂN TỶ	1941	Dương Đông - Phú Quốc	Miền tây	15/01/1964	A3H10M9
197	NGUYỄN VĂN ME		Dương Đông - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	17/05/1963	A2H1M4
198	TRẦN NGỌC CƠ		Cửa Cạn - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	08/07/1972	A2H3M11

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Đơn vị	Ngày hy sinh	Số mộ
199	NGUYỄN VĂN THẾ	1935	Cửa Dương - Phú Quốc	Địa phương quân PQ	10/05/1963	A2H4M8
200	HÀ VĂN BIẾT	1940	Dương Đông - Phú Quốc		25/02/1962	A2H5M3
201	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	1941	Dương Đông - Phú Quốc		10/06/1967	A2H5M4
202	ĐỖ VĂN HAI	1936	Dương Đông - Phú Quốc		26/06/1972	A2H5M5
203	NGUYỄN VĂN ANH	1929	Dương Đông - Phú Quốc		20/06/1959	A2H8M8
204	NGUYỄN VĂN SANH		Dương Đông - Phú Quốc	Huyện đội	11/04/1947	A3H2M9
205	LÊ KHOAN (2 KHÁNH)	1930	Kiên Giang	Địa phương quân PQ	1966	A1H2M3
206	NGUYỄN VĂN NGHỊ	1949	Kiên Giang		06/06/1972	B3H4M3
207	TRẦN NGỌC BÍCH	1957	Cửa Dương - Phú Quốc		25/01/1975	D3H6M7
208	TRƯƠNG VĂN GIÓNG	1957	An Thới - Phú Quốc		01/12/1979	D3H6M8
209	HỒNG VĂN HÙNG		Cửa Cạn - Phú Quốc		03/06/1979	D3H6M9
210	TRẦN VĂN HỌC		Cửa Cạn - Phú Quốc		28/06/1978	D3H6M10
211	ĐỊNH VĂN ON		Kiên Giang			D3H6M11
212	HỨA VĂN HAI	1947	Hàm Ninh - Phú Quốc		24/08/1965	A2H5M1
213	NGUYỄN VĂN MUÔNG	1951	Kiên Giang		26/04/1972	B1H7M1
214	NGUYỄN VĂN TIẾ N	1950	Kiên Giang		30/10/1972	B3H16M10
215	NINH VĂN KHÍNH	1956	Hàm Ninh - Phú Quốc		20/02/1976	C3H9M8
216	DOÃN BÌNH ĐỊNH	1958	Hàm Ninh - Phú Quốc		12/09/1982	C3H9M10
217	NGUYỄN VĂN THÍCH	1959	Hàm Ninh - Phú Quốc	D7 lữ 101	1981	C3H10M2
218	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	1957	Hàm Ninh - Phú Quốc	D574 lữ 101	18/10/1981	C3H10M10
219	LÊ VĂN QUANG	1959	An Biên - Kiên Giang	Vùng 5	27/07/1981	D3H5M11
220	LÊ VĂN ĐÔNG	1967	Tân Hiệp - Kiên Giang	Vùng 5	25/01/1989	D3H5M12
221	PHẠM THANH VINH	1969	Tân Hiệp - Kiên Giang	Vùng 5	08/01/1989	D3H5M14
222	NGUYỄN VĂN ỨT	1966	Thị xã Rạch Giá		08/01/1989	D3H5M15
223	PHAN VĂN HÁT	1956	Kiên Lương - Kiên Giang	Du kích xã Dương Tơ	06/05/1978	D3H6M4
224	PHẠM VĂN PHÍCH	1915	Cửa Cạn - Phú Quốc		21/01/1961	

(Tư liệu này do Sở Lao động Thương binh Xã hội Kiên Giang cung cấp)

Danh sách và những hình ảnh về các liệt sĩ đã hy sinh tại nhà tù Phú Quốc, Ban biên tập chúng tôi đã cố gắng ở mức cao nhất để có được những tư liệu này. Do điều kiện khách quan và lịch sử để lại chắc chắn không thể đầy đủ và còn có thể được bổ sung theo thời gian. Chúng tôi cho in những tài liệu có được trên trang sách như một bằng chứng về sự hi sinh của các chiến sĩ trong nhà lao của đế quốc. Hy vọng sẽ được bổ sung trong những lần tái bản sau, vì cuốn sách này mới chỉ là sự khởi đầu ghi lại bản anh hùng ca trên đất đảo Phú Quốc anh hùng.



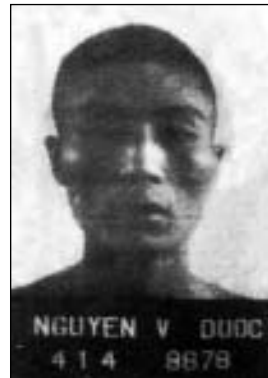
Tượng đài kỷ niệm các chiến sĩ cách mạng tại nhà tù Phú Quốc



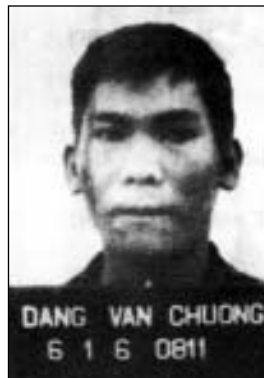
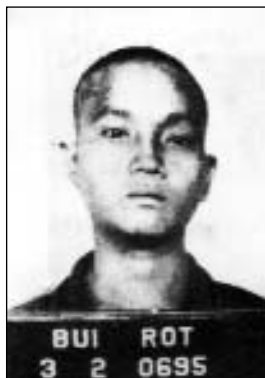
Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang Liệt sĩ Phú Quốc

**HÌNH ẢNH CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG
HY SINH Ở NHÀ TÙ PHÚ QUỐC**

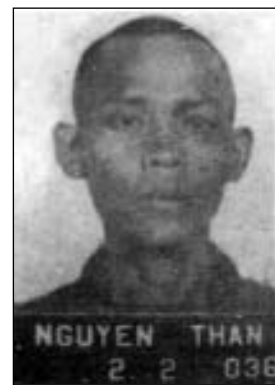
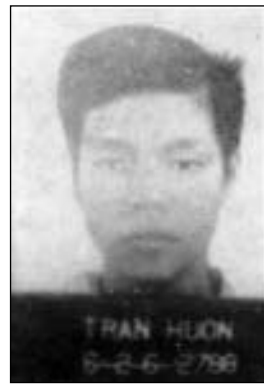
BẾN TRE



BÌNH ĐỊNH



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

BÌNH THUẬN



CẦN THƠ



ĐỒNG THÁP



GIA LAI



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

HÀ BẮC



HÀ TÂY

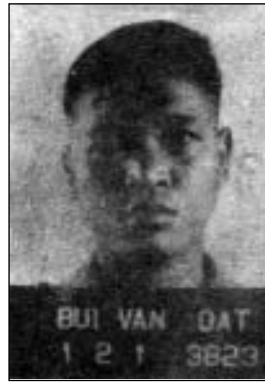


HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

HẢI HƯNG



HẢI PHÒNG



HÀ TĨNH



HÒA BÌNH



KIÊN GIANG



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

TP HỒ CHÍ MINH



LONG AN



MINH HẢI



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

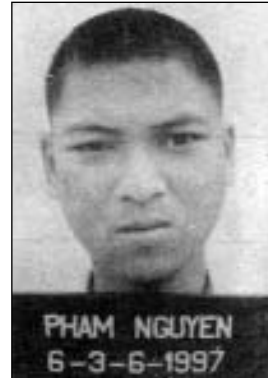
NAM HÀ



NGHỆ AN



PHÚ YÊN



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



QUẢNG NGÃI



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

QUẢNG TRỊ



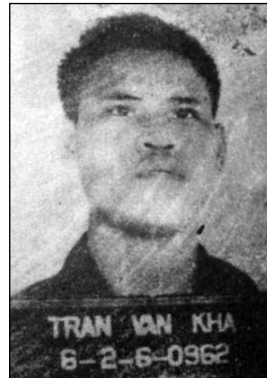
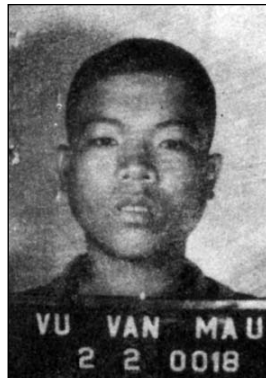
SÔNG BÉ



SÓC TRĂNG



THÁI BÌNH



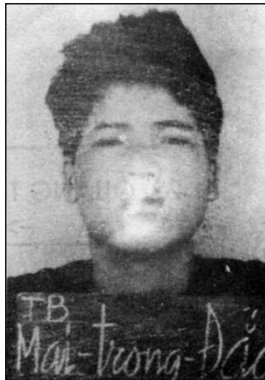
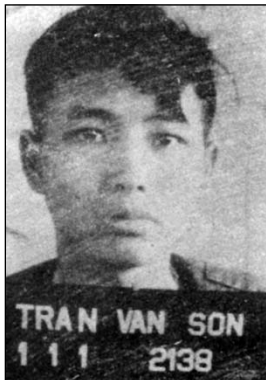
HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



TÂY NINH

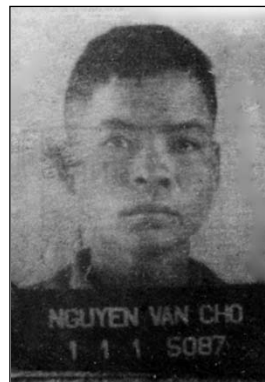
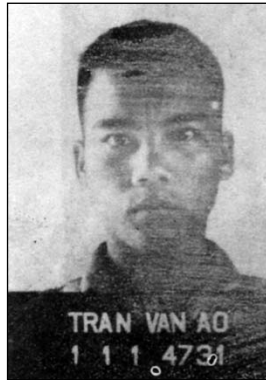


THANH HÓA

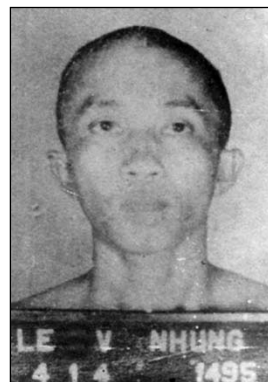
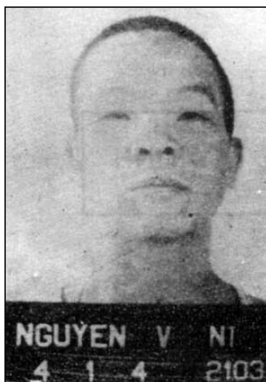


HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

THỪA THIÊN HUẾ



TIỀN GIANG



HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC



TRÀ VINH



VĨNH LONG



Danh sách và những hình ảnh về các tù binh, liệt sĩ đã hy sinh tại nhà tù Phú Quốc - Ban biên tập chúng tôi rất mong được nhận thêm những thông tin, hình ảnh để được bổ sung cho lần tái bản gần nhất. Xin trân trọng cảm ơn.

CHUYỆN KỂ TỪ NHỮNG NGƯỜI TRONG CUỘC

Đó là những con người đã từng cống hiến cả tuổi trẻ của mình cho cuộc chiến đấu ác liệt trên đảo; là những tù binh bị giam cầm, tra tấn dã man nhưng vẫn một lòng hướng về cách mạng với ý chí “không có gì quý hơn độc lập tự do”, gắn bó với quân dân trên đảo trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ... Họ có thể là đại diện cho hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã chiến đấu, hy sinh trên đảo suốt 30 năm chống kẻ thù xâm lược, kể về một phần cuộc chiến đấu ấy.

BÀI VIẾT TRONG PHẦN NÀY DO TẬP THỂ CÁN BỘ, PHÓNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT THỰC HIỆN TRONG CHUYẾN ĐI CÔNG TÁC THỰC TẾ TẠI PHÚ QUỐC ĐỂ THỰC HIỆN BẢN THẢO CUỐN SÁCH.

NĂM TRÌ - NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG PHÚ QUỐC



Trước khi nghỉ hưu, ông là Bí thư tỉnh ủy tỉnh Kiên Giang - Một người từng lăn lộn, “ra sinh vào tử” suốt những năm khốc liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với ông, lý tưởng cộng sản, nền độc lập tự do của đất nước, của dân tộc là điều cao cả nhất. Vì vậy mà ông bất chấp mọi gian khổ, hy sinh, cống hiến suốt cuộc đời cho Đảng và nhân dân; Xứng đáng là người con ưu tú của quê hương Phú Quốc - Kiên Giang.

Lâm Kiên Trì (còn gọi là Năm Trì) tên thật là Lâm Minh Mẫn sinh năm 1928 ở Dương Đông - Phú Quốc. Ông tham gia cách mạng giữa những ngày lịch sử - Cách mạng tháng Tám năm 1945. Hôi đảo Phú Quốc quê ông cũng chịu sự đô hộ

của thực dân Pháp và chính quyền phong kiến tay sai. Đời sống của nhân dân trên đảo vô cùng cực khổ. Tuổi thơ của Lâm Minh Mẫn gắn liền với đói khát, với chiến tranh và sự bất công của một xã hội thuộc địa... Thực tiễn đau buồn đó đã thôi thúc ông tham gia những hoạt động cách mạng với mục đích đánh đuổi thực dân, đánh đổ chính quyền phong kiến thối nát, giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc. Là đội viên đội du kích xã và hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao, ông đã sớm bộc lộ tư chất thông minh, phẩm chất kiên cường của người cách mạng.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Tháng 3 năm 1949, Lâm Minh Mẫn vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng; Hoạt động của ông ở Phú Quốc ngày càng sâu rộng hơn.

Năm 1951, ông trở thành huyện ủy viên, rồi Thường vụ huyện ủy huyện Phú Quốc. Cùng với đồng chí, đồng bào, ông làm việc vì quê hương; khó khăn, nguy hiểm luôn kề bên mà ông không hề run sợ, luôn bám sát dân, bám sát cơ sở, tìm mọi cách để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ cách mạng, chống lại kẻ thù xâm lược.

Để chuẩn bị cán bộ cho phong trào cách mạng với nhiệm vụ ngày một nặng nề hơn, tháng 8 năm 1954, cùng một đợt với cán bộ đi tập kết, một số cán bộ huyện Phú Quốc được Tỉnh ủy đưa về đất liền dự lớp học chính trị do Khu ủy Miền Tây mở. Trong đó có Lâm Minh Mẫn. Họ cùng khoác ba lô hòa vào đoàn người đi tập kết trên Bãi Giồng xã Dương Tơ. Riêng với ông, mọi chuyện, mọi cam go còn đang ở phía trước, đòi hỏi phải có lòng tin và sự kiên định vô cùng lớn...

Có thể nói thời điểm năm 1954 và mấy năm sau đó ở miền Nam nói chung và Phú Quốc nói riêng, tình hình vô cùng phức tạp. Đế quốc Mỹ rắp tâm xâm chiếm nước ta, muốn biến miền Nam thành căn cứ quân sự của chúng nên đã ngay lập tức (Sau Hiệp định Giơnevơ) dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và chúng ra sức khủng bố những người cách mạng. Tình hình ở Phú Quốc thời gian này hết sức cam go và ác liệt đối với phong trào cách mạng. Có thể coi đây là thời kỳ đen tối của cách mạng miền Nam và ở Phú Quốc. Làng xóm vắng lạnh, kẻ thù tỏ ra ngỗ ngược. Bọn phản động, ác ôn nổi lên, mặc sức giết chóc dân làng, trả thù người hoạt động kháng chiến...

Giữa lúc cam go ấy, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Ba Hữu - Ủy viên Thường vụ tỉnh ủy Long Châu Hà ra đảo chỉ đạo công tác tổ chức và phương hướng hoạt động của phong trào. Cũng vào dịp này, Lâm Minh Mẫn được cử là Bí thư Huyện ủy Phú Quốc (Cuối tháng 8/1954) mặc dù ông đi học chưa về.

Tính chất cam go, quyết liệt của giai đoạn sau năm 1954 đòi hỏi người cán bộ phải vững vàng, kiên định. Do đó, Tỉnh ủy nêu lên khẩu hiệu lúc này: “Kiên trì, trung thành nhất” - Và mỗi từ trong khẩu hiệu là mật danh của một đồng chí huyện ủy viên. Trong đó Minh Mẫn được đổi là Năm Trì (Lâm Kiên Trì). Tên ấy theo ông đến tận ngày nay.

Tháng 1/1955, sau khi học xong lớp chính trị, ông nhận chỉ thị của tỉnh ủy và tìm cách trở lại đảo. Thời gian đó, việc đi, về đảo Phú Quốc vô cùng khó khăn do địch tăng cường kiểm soát; Mỗi chuyến đi như vậy không khác nào vào một trận đánh, phải tính toán kỹ mọi tình huống để có biện pháp đề phòng, xử trí.

Về đảo, ông dành cả tháng trời đi hết xã này đến xã khác để nắm tình hình. Rồi sau đó Huyện ủy Phú Quốc đã lập một guồng máy điều hành công việc - Khu Tượng

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

được chọn làm nơi ở của cơ quan Huyện ủy. Ông còn cho người đi liên lạc, móc nối, lần lượt triệu tập về Khu Tượng một số đồng chí nòng cốt như: Phan Đình Thăm (Hai Hiến), Nguyễn Trọng Hiếu (Hai Dài), Trần Văn Triệu (Năm Năng), Nguyễn Văn Nhan (Tư Điệp) và Phạm Văn Mâu (Ba Lon). Một cái lán nhỏ được dựng lên ở giữa rừng - Trong đó có một chiếc bàn, hai ghế băng cũ và một chiếc máy chữ “Rogan” cũ kỹ... Vậy mà có mấy ai biết rằng đây lại chính là một ngày lịch sử, một ngày đáng ghi nhớ của cơ quan đầu não Phú Quốc chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài và gian khổ. Đối với ông Năm Trì, kỷ niệm ấy không bao giờ phai nhạt.

Khó khăn lớn nhất đối với Phú Quốc là thiếu thông tin và mất liên lạc với đất liền. Không chỉ một mà nhiều lần. Năm 1956 tình hình ấy trở nên vô cùng cam go. Mất liên lạc trong khi cơ sở bị đánh đứt néo, đi lại dù bí mật hay công khai đều hết sức khó khăn; điện đài lại chưa có... trong khi ở đảo lại có biết bao nhiêu vấn đề nóng bỏng rất cần sự chỉ đạo của tỉnh ủy từ đất liền... Trước tình hình như vậy, ông cùng các đồng chí ở đảo nhiều lần tìm cách về đất liền, nhưng vô cùng khó khăn, vất vả và cả nguy hiểm nữa. Dần dần, với quyết tâm và sự năng nổ của ông, mọi việc ổn định hơn.

Có thể nói, mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng là người lãnh đạo cách mạng cao nhất trên đảo thời kỳ 1955-1957, và bằng bản lĩnh, bằng ý chí cách mạng của mình, ông Lâm Kiên Trì đã lãnh đạo phong trào vượt qua những ngày đen tối để tiếp tục tiến lên.

Tháng 10 năm 1957, ông được điều về đất liền, làm Bí thư Huyện ủy Giồng Riềng, Gò Quao. Với kinh nghiệm tích lũy được trong những năm hoạt động trên đảo, ông đã cùng đồng chí, đồng bào vượt muôn vàn thử thách gây dựng cơ sở, khôi phục phong trào cách mạng ở địa phương, làm thất bại nhiều âm mưu và kế hoạch thâm hiểm của kẻ thù.

Sau Đồng Khởi (1961), ông là tỉnh ủy viên, trưởng ban Tuyên - văn giáo tỉnh ủy, phụ trách công tác tuyên truyền. Đó là một nhiệm vụ đầy khó khăn trong hoàn cảnh cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương chưa hồi phục lại được, trong khi địch lại tăng cường bộ máy đàn áp, bắt bớ, trả thù... Song, cũng chính hoàn cảnh khó khăn ấy càng tôi luyện người cộng sản vững vàng hơn, nhiều kinh nghiệm hơn trong đấu tranh với địch và xây dựng phong trào. Từ năm 1964 đến 1966 ông là ủy viên Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng ban tuyên huấn và tổ chức của tỉnh ủy. Từ năm 1966, ông là Phó Bí thư tỉnh ủy Rạch Giá.

Cho tới năm 1967 là tròn 10 năm xa Phú Quốc, nhưng ông Năm Trì vẫn luôn nhớ về quê hương Phú Quốc, luôn khắc khoải ngóng chờ tin của phong trào ngoài đảo; nhất là trong điều kiện mất liên lạc. Với tình cảm và mong đợi cháy bỏng ấy, tháng 2/1966 trong một cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy Rạch Giá, ông đã đưa ra ý kiến về vấn đề này:

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

- Không hiểu tình hình Phú Quốc, lực lượng cách mạng diễn biến ra sao? Nếu Phú Quốc không vô được, chắc là địch phong tỏa quá chặt. Nếu huyện không đủ sức móc nối thì tỉnh phải tìm cách móc nối - Đó là tâm huyết của ông. Nhưng phải mãi tới giữa năm 1967, ông mới thực hiện được ý nguyện của mình bằng một chuyến trở lại đảo đây nguy hiểm với tư cách là Phó Bí thư tỉnh ủy. Đó là một chuyến đi vô cùng quan trọng, được ông lên phương án khá chi tiết gồm các bước: Tổ chức lực lượng, móc nối với đường dây chuyển hàng ở biên giới để sắm xuống ghe, tổ chức trinh sát, xác định điểm đưa đón... Điều ông quan tâm nhiều là phải làm sao giữ được liên lạc giữa đảo với tỉnh. Chuẩn bị xong, chuyến đi phải di chuyển tới căn cứ của ta ở biên giới Campuchia rồi mới lên đường vượt biển ra đảo, trở về nơi ông đã sinh ra và lớn lên, từng cùng đồng chí, đồng bào chiến đấu bao năm ròng.



*Đồng chí Lâm Kiên Tri
(Năm Tri) tại Gành
Dấu, nơi đổ bộ bằng
xuông về nối liên lạc
với Phú Quốc (1967)*

Ảnh: TL

Có thể nói đoàn cán bộ của ông đến với đảo Phú Quốc hồi đó thực sự tạo ra một luồng gió mới trên đảo. Đối với Phú Quốc, chuyến công tác ra đảo lần ấy như “đất hạn gặp mưa”.

Vừa đặt chân lên tới đảo, Ông tổ chức ngay cuộc họp huyện ủy, nghe báo cáo tình hình trên đảo và phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy, bàn biện pháp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm ở đảo; Tăng cường công tác tổ chức, huấn luyện kỹ thuật pháo và đặc công cho lực lượng vũ trang huyện; Mở một số trận đánh có vũ khí mới trang bị nhằm kích động phong trào... Những hoạt động và sự chỉ đạo của ông trong chuyến trở về đảo giữa năm 1967 đã thực sự mang lại cho phong trào cách mạng và cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Phú Quốc một bước ngoặt mới. Với ông nói riêng và với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy nói chung, đó là một chuyến đi lịch sử! Thực tế đã chứng tỏ ông là một cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng, luôn hết mình vì sự nghiệp cách mạng.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ngay từ khi nhiều người còn chưa tin việc vượt vòng vây dày đặc của tàu tuần biển địch để ra đảo thành công thì chính ông đã tìm cách giao cho một bộ phận lập kho “Chân hàng” ở đảo. Và khi tới được đảo, ông đã lập tức mở rộng việc vận chuyển vũ khí cho đảo. Đó là một quyết định sáng suốt và táo bạo.

Có thể nói, ông Lâm Kiên Trì đã có những đóng góp đáng kể cho phong trào cách mạng và cuộc chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang nói chung và huyện đảo Phú Quốc nói riêng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong con người ông, trước đây cũng như bây giờ, ngọn lửa cách mạng luôn rực cháy. Ngọn lửa ấy lớn lên theo năm tháng, theo trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó cho ông, không chỉ trong kháng chiến mà cả trong hoà bình xây dựng.

Từ tháng 1/1972, ông là Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá. Từ tháng 12/1975, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy, rồi là Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Kiên Giang cho tới lúc về nghỉ (1994).

Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với Đảng bộ và nhân dân Phú Quốc, ông Năm Trì mãi mãi là một trong những tấm gương sáng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng trên vùng “đất giàu” giữa biển khơi Tổ quốc.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

VỮNG VÀNG TRONG THỬ THÁCH CAM GO

Không sinh ra ở Phú Quốc, nhưng ông lại từng gắn bó với đảo trong những năm tháng cam go nhất của cách mạng miền Nam. Chỉ có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường, luôn vững vàng trước mọi thử thách mới giúp ông vượt qua được bao gian nguy và lãnh đạo phong trào vượt qua khó khăn lúc đó...



Giữa những ngày lịch sử tháng 8 năm 1945, người thanh niên Nguyễn Phước Kỳ vừa tròn 20 tuổi, hào hứng tham gia vào đội quân của cách mạng, là dân quân tự vệ, hoạt động trong tổ chức Đoàn thanh niên cứu quốc tại Vĩnh Thuận quê ông (Huyện Vĩnh Thuận - tỉnh Rạch Giá lúc đó). Đó là bước ngoặt lớn của cuộc đời ông, đáp ứng khát vọng cháy bỏng của người thanh niên yêu nước muốn được cống hiến sức mình, giải phóng quê hương khỏi ách thực dân.

Chưa đầy 3 năm sau (tháng 5/1948), ông được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng, trở thành một người cộng sản, mang trên vai trọng trách lớn hơn đối với mảnh đất quê hương đau thương mà anh dũng.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Vóc người nhỏ bé, nhưng hoạt bát, bản lĩnh, ông không quản khó khăn gian khổ, lăn lộn với phong trào cách mạng ở địa phương. Thời gian đó, thực dân Pháp chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, chúng dùng mọi thủ đoạn tàn bạo hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Máu đổ, nhà tan, bao người dân vô tội phải chết dưới họng súng của giặc, bao đồng chí bị bắt bớ, giam cầm, hy sinh... Ông hiểu rất rõ sự tàn khốc ấy, nhưng ông không một phút chao đảo, kiên quyết bám dân, bám đất để cùng đồng chí, đồng bào củng cố, xây dựng cơ sở... Càng ngày ông càng thể hiện vai trò và trở thành một cán bộ nòng cốt ở địa phương. Có nhiều lúc, địch tăng cường lùng bắt ông và các đồng chí lãnh đạo tổ chức Đảng, đòi hỏi ở ông sự vững vàng, bình tĩnh và mưu trí để vượt qua nguy hiểm, lãnh đạo phong trào.

Từ một chi ủy viên, đến năm 1950 ông là Phó Bí thư rồi sau đó là Bí thư Chi bộ và năm 1955 là Bí thư Đảng ở xã Vĩnh Thuận. Đến năm 1956 ông là Huyện ủy viên, tiếp tục gắn mình với những khó khăn trong những ngày tháng đen tối của cách mạng miền Nam khi đế quốc Mỹ và ngụy quyền thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng.

Một trong những dấu ấn và là một trang đậm nét trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Phước Kỳ chính là thời kỳ ông được điều ra Phú Quốc. Đó là đầu năm 1958, với cương vị là Bí thư huyện ủy đảo. Người ta vẫn còn nhớ anh Chín Kỳ ngày đó, người nhỏ con, có dáng giáo học, nhưng lại đóng giả một người buôn chiếu đột thẳng vào thị trấn Dương Đông... Đối với ông, đây cũng là một thời kỳ thử thách thực sự và ông đã từng bước vượt qua.

Những năm 1958-1960, cách mạng miền Nam gặp vô vàn khó khăn. Kẻ thù ra sức đàn áp các lực lượng kháng chiến. Máy chém 10/59 của Mỹ - Diệm lúc đó lê đi khắp miền Nam để đàn áp những cán bộ cách mạng, những người ủng hộ cách mạng mà giặc bắt được. Ở đảo Phú Quốc cũng không phải là ngoại lệ. Máy chém của giặc đánh thẳng vào sự cô đơn của đảo khiến phong trào tưởng như không thể đứng vững. Máu tiếp tục đổ ở Bãi Bồn, ở Hàm Ninh, Côn Dương, Suối Cao, Suối Đá, Cây Thông... Thử thách cam go của đảo cũng chính là thử thách vô cùng ác liệt đối với người Bí thư mới Nguyễn Phước Kỳ.

Là Bí thư cấp ủy cách mạng ở đảo, không còn cách nào khác là phải độc lập, tự chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Vì không phải lúc nào đảo cũng liên lạc được với đất liền, thiếu hẳn sự chỉ đạo thường xuyên của tỉnh ủy... Vì vậy, khó khăn lại càng khó khăn hơn, gian nan lại càng gian nan hơn. Cuộc đấu trí vì thế trở nên căng thẳng, quyết liệt; Giữa cái chết và sự sống chỉ là trong gang tấc...

Đến với Phú Quốc, ông Chín Kỳ đặc biệt quan tâm tới việc củng cố, móc nối gây dựng cơ sở cách mạng trên đảo. Bởi ông hiểu rõ giá trị của việc đó. Không có dân, không có cơ sở thì phong trào cách mạng không thể phát triển, lực lượng cách mạng

không thể được bảo toàn. Vì thế, ông chỉ đạo sát sao việc xây dựng cơ sở một cách toàn diện: Cơ sở trong nhân dân, cơ sở trong lòng địch, phát triển cơ sở theo hệ thống nòng cốt, rồi xây dựng những tổ 3 người hoạt động bí mật... Nhờ vậy mà đã hạn chế tổn thất qua các đợt khủng bố gắt gao của địch và từng bước phát triển các hoạt động trên đảo. Bên cạnh đó là nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ... nhằm tấn công tiêu diệt địch, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị.

Cũng cần nói thêm rằng tại thời điểm ông nhận nhiệm vụ trên đảo, địch đang ra sức thực hiện chính sách “qui khu”, dồn các gia đình có người đi tập kết và gia đình có người hoạt động kháng chiến vào một khu riêng biệt ở thị trấn Dương Đông nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng. Âm mưu thâm độc của địch cần phải được đối phó sao cho có hiệu quả!. Ông cùng với các đồng chí Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra một số biện pháp cụ thể có tính chất bổ sung như: Xác định lại tiêu chuẩn đảng viên và đoàn viên, phân công từng đảng viên nắm quần chúng, đánh giá lại thực lực để có biện pháp thích hợp. Mặt khác, tiến hành phân loại những tên phản động ác ôn, chỉ rõ một số tên đầu sỏ để có kế hoạch tiêu diệt nhằm gây hoang mang cho địch và cổ vũ phong trào của ta. Sở dĩ có kế hoạch đó là do bọn phản động, chỉ điểm lợi dụng những khó khăn của cách mạng, ra sức hoạt động để truy tìm bắt bớ cán bộ của ta. Chúng không từ một thủ đoạn nào để đàn áp, tra tấn, bắn giết những người mà chúng cho là theo cộng sản. Sự hung hăng tàn bạo của địch khiến cho cách mạng trên đảo gặp rất nhiều khó khăn; Nếu không có biện pháp khẩn trương, cách mạng sẽ khó tránh khỏi tổn thất.

Cuộc chiến đấu trên đảo ngày càng quyết liệt. Sự lãnh đạo cũng đòi hỏi phải sáng suốt, kịp thời và kiên quyết. Bản lĩnh của người cán bộ lãnh đạo lại càng phải nâng cao hơn. Thực tiễn đó không chỉ thể hiện tính chất ác liệt của công cuộc kháng chiến mà còn thể hiện sự phát triển của phong trào... Vai trò của tổ chức Đảng, của người Bí thư, vì vậy lại càng phải được nâng cao và càng cần sự quyết đoán sáng suốt. Ông Nguyễn Phước Kỳ, với bề dày kinh nghiệm trong chỉ đạo phong trào, đặc biệt là bản lĩnh vững vàng của một chiến sĩ cộng sản, đã có những đóng góp rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cách mạng, của công cuộc kháng chiến trên đảo Phú Quốc trong những năm 1958-1961 đầy gian nguy.

Cũng nhờ vậy, khi đảo bước vào cuộc “đồng khởi” năm 1961, ông và lãnh đạo Huyện ủy Phú Quốc đã chủ động đề ra những chủ trương cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn của đảo - Đó là phát động quần chúng đấu tranh chống địch bắt lính và đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng trên đảo; Đẩy mạnh các cuộc tấn công địch; Thắng lợi dành được trong thời kỳ này là tiền đề quan trọng cho những bước tiếp theo. Khi ấy ông vừa là Bí thư, vừa đảm trách chính trị viên một đại đội vũ trang do huyện mới thành lập. Cả về chính trị và về quân sự, ông Chính Kỳ đều vững vàng và

mang lại lòng tin tuyệt đối cho anh em, tạo thêm sức mạnh cho cuộc chiến đấu.

Có thể nói, ông Nguyễn Phước Kỳ đã cống hiến trọn vẹn sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp cách mạng. Không chỉ thời gian công tác và hoạt động ở Phú Quốc, mà sau này khi trở về đất liền (từ 1962) cũng vậy. Ông tiếp tục được giao nhiệm vụ tới những “vùng yếu” để củng cố và gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức các hoạt động kháng chiến của nhân dân và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Ở đâu, ông cũng luôn coi trọng ba vấn đề chủ yếu; đó là: Xây dựng Nghị quyết của Chi bộ phải sát thực tiễn của địa phương, cơ sở; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết phải cụ thể, tính trước tính sau, không để bị những bất ngờ làm đổ vỡ kế hoạch đề ra; Công tác tư tưởng, chính trị trong nội bộ Đảng phải được quan tâm thực hiện thường xuyên và có hiệu quả... Cũng nhờ lãnh đạo toàn diện, biết nhìn xa trông rộng nên ông đã không phụ lòng tin của tổ chức, hoàn thành tốt nhiệm vụ, giúp cho phong trào ở những “vùng yếu” được củng cố và dần phát triển mạnh mẽ. Với những nơi ấy, hầu như ông là người “đi trước, về sau”, bất chấp bao gian nan, nguy hiểm.

Tâm sự với chúng tôi, ông Chín Kỳ vẫn chân thành: “Có được một số thành tích trong quá trình làm nhiệm vụ cách mạng là do ông đã được Đảng giúp đỡ, giáo dục, rèn luyện và nhân dân che chở. Nhưng so với anh em thì thành tích ấy chưa phải là nhiều...”. Tâm tư ấy của ông càng khiến mọi người thêm kính trọng ông. Bao nhiêu lần bị địch truy tìm, bao nhiêu nguy hiểm đã rình rập ông, cái chết luôn kề bên, với một ranh giới mỏng manh... Nhưng ông không nản lòng và sẵn sàng chấp nhận tất cả, mưu trí vượt qua để cống hiến cho phong trào chung. Đó chẳng phải là tấm gương trong sáng của một người cộng sản trên vùng đất Kiên Giang giàu truyền thống cách mạng?

Đã hơn 80 tuổi đời, trải bao sóng gió, vậy mà con người nhỏ nhắn, gầy gò ấy vẫn không hề mất đi khí chất của một người chiến sĩ cách mạng. Trong ông, vẫn trong vắt mạch nguồn của lòng yêu nước, của lý tưởng cộng sản - Những yếu tố đã giúp ông vượt qua mọi thử thách suốt mấy chục năm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, giành độc lập tự do cho quê hương đất nước.

Quả thật trong cuộc chiến đấu đầy cam go ấy của dân tộc, sở dĩ có được thắng lợi vẻ vang, cũng một phần chúng ta đã có được những con người kiên cường, bất khuất, trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, của dân tộc, như ông Chín Kỳ.

TRẦN ANH TUẤN

TỪ MỘT THANH NIÊN YÊU NƯỚC ĐẾN MỘT BÍ THƯ HUYỆN ỦY...



Tiếp nối truyền thống cách mạng vẻ vang của một gia đình, một dòng họ, năm 14 tuổi (1950), ông đã tham gia công tác cách mạng ngay trên vùng đất quê hương Phú Quốc của mình. Ngót nửa thế kỷ hoạt động trong các phong trào, trải qua nhiều vị trí, chức vụ khác nhau, ông đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng, luôn nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ Đảng và nhân dân giao phó.

Ông là Phạm Văn Minh, bí danh là Hai Phi. Cái dáng người thư sinh, trắng trẻo lúc còn trẻ cũng như một dáng vẻ tri thức khi đã lớn tuổi, cứ ngỡ ông khó hợp với bao gian truân, vất vả và cả sự hiểm nguy của cuộc đời người chiến sĩ cách mạng khi đất nước còn chìm trong đêm đen nô lệ, khi cuộc chiến khốc liệt kéo dài. Vậy mà ông đâu có “ngán”, sẵn sàng vượt qua tất cả để cống hiến cho quê hương, đất nước, đóng góp sức mình vào cuộc chiến đấu hào hùng của dân tộc và cả trong thời kỳ hòa bình xây dựng.

Năm 1954, lẽ ra ông cùng ở trong đoàn cán bộ tập kết ra Bắc, nhưng ông đã không đi mà tình nguyện ở lại quê hương chờ thời cơ tiếp tục hoạt động. Lúc ấy ông mới 18 tuổi - Cái tuổi ăn, tuổi chơi như người ta vẫn nói - nhưng với Phạm Văn Minh, đó lại là sự khởi đầu của một chặng đường dài dấn thân cho lý tưởng. Năm 1955, một

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

số cán bộ tập kết trở về miền Nam, bí mật móc nối với ông và quá trình hoạt động lại được tiếp tục. Đó là thời kỳ vô cùng khó khăn của cách mạng miền Nam. Ở Phú Quốc cũng vậy, địch ra sức vây ráp, trả thù những người kháng chiến nên cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt.

Năm 1955, ông trở thành một cán bộ đoàn và là Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản xã Cửa Dương... Đó là lực lượng xung kích trong các phong trào cách mạng, người cán bộ đòi hỏi phải nhiệt tình, năng nổ, dám chịu trách nhiệm, không sợ gian khổ hy sinh...

Chính công tác đoàn trong những năm ấy đã rèn luyện ông rất nhiều; không chỉ giúp ông dày dặn kinh nghiệm hơn trong công tác thực tiễn mà còn nâng cao bản lĩnh, ý chí trước những khó khăn gian khổ. Và, có thể nói đó cũng là một trong những quãng thời gian đầy kỷ niệm đối với ông trên quê hương Phú Quốc.

Công tác cách mạng đã giúp ông nâng cao vai trò của mình trong cuộc sống cộng đồng; Sự gắn bó của người cán bộ đoàn Phạm Văn Minh với phong trào ngày càng chặt chẽ và sâu rộng hơn. Tháng 8/1958, Hai Phi đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Vinh dự lớn lao và trách nhiệm cũng nặng nề hơn.

Trong giai đoạn 1956-1960, Mỹ - ngụy dùng mọi thủ đoạn tàn bạo nhất để đàn áp cách mạng miền Nam hòng đè bẹp ý chí của đồng bào ta, tiêu diệt lực lượng cách mạng. Biết bao chiến sĩ, đồng bào yêu nước đã bị giặc giết hại trong giai đoạn vô cùng khốc liệt này. Sự tàn bạo của kẻ thù không những không làm cho Hai Phi run sợ mà càng nung nấu chí căm thù, càng thôi thúc ông và đồng chí của mình sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy, bền bỉ chiến đấu chống lại kẻ thù, bảo vệ đồng chí, đồng bào.

Từ năm 1960, ông được giao nhiệm vụ là trưởng ban thanh vận Huyện ủy Phú Quốc, rồi là Bí thư Huyện đoàn và là Huyện ủy viên. Không chỉ trực tiếp làm công tác vận động quần chúng mà ông còn tham gia chiến đấu chống lại kẻ địch; tham gia móc nối, gây dựng cơ sở cách mạng trên đảo, cùng các thế hệ cha anh thể hiện phẩm chất kiên cường của người cộng sản.

Từ sau cuộc tổng tấn công xuân Mậu Thân (1968) của ta, địch tăng cường kiểm tra kiểm soát nên liên lạc giữa đảo và đất liền bị gián đoạn; Đã khó khăn lại càng khó khăn hơn do đảo không nhận được sự chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy. Song, với ý chí tự lực tự cường, quân và dân trên đảo đã chủ động tổ chức đánh địch, kết hợp với đấu tranh chính trị, làm thất bại nhiều âm mưu thâm độc của chúng. Trong chiến công chung đó, có sự đóng góp đáng kể của những con người trẻ tuổi như ông Hai Phi. Từ cuối tháng 5 năm 1968, ông được bổ sung vào Huyện ủy và trực tiếp làm Bí thư thị trấn Đông Dương – Một địa bàn hết sức quan trọng ở Phú Quốc. Mặc dù hết sức khó khăn, nhưng cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng trên đảo trong thời gian này vẫn được giữ

vững, còn có bước củng cố và phát triển; các đơn vị vũ trang bám vững địa bàn hoạt động và chiến đấu bất chấp điều kiện khó khăn, thiếu thốn. Ngay ở thị trấn Dương Đông, ông Hai Phi đã cùng các đồng chí trong Chi ủy, trong Chi bộ Đảng kiên cường bám trụ lãnh đạo phong trào nên cơ sở cách mạng trong thị trấn vẫn được củng cố. Các cán bộ như ông bên bỉ chịu đựng gian khổ, bám đất, bám dân, hoạt động và chiến đấu kiên cường. Không chỉ có vậy, sự mạnh – yếu của phong trào đều gắn liền với năng lực và lập trường quan điểm của người lãnh đạo một tổ chức Đảng ở cơ sở như ông. Ông hiểu rõ điều đó và đã không phụ lòng tin của đồng chí, đồng bào.

Cuối năm 1969, đầu năm 1970, sau khi bị thất bại trong kế hoạch “Bình định cấp tốc”, địch lại tập trung triển khai thực hiện kế hoạch “Bình định đặc biệt” nhằm lấy lại những vùng nông thôn rộng lớn. Ở Phú Quốc, bất chấp dã tâm và kế hoạch của địch, quân dân trên đảo vẫn giữ vững căn cứ Khu Tượng – Cửa Đông, ra sức chống lại có hiệu quả kế hoạch bình định của địch. Số lượng đảng viên vẫn tiếp tục phát triển. Sự lãnh đạo của Huyện ủy nói chung và của các Đảng bộ ở cơ sở, nhất là ở thị trấn Dương Đông (do ông Hai Phi làm Bí thư) vẫn được duy trì và ngày càng phát triển tốt hơn. Năm 1972, ông Hai Phi vẫn là Bí thư thị trấn Dương Đông đồng thời đã là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Phú Quốc. Ông trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động ở khu vực thị trấn. Trong đó, ông chỉ đạo cho anh em cán bộ, đảng viên tổ chức quần chúng và lực lượng cách mạng tiếp tục tấn công địch trên cả ba mũi: Chính trị, quân sự và binh vận; Đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh; Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở, bám dân nắm dân thật chắc; Đồng thời tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ý thức phòng gian, bảo mật, kịp thời phát giác bọn tình báo, chỉ điểm để kịp thời đối phó... Nhờ vậy, khí thế cách mạng rất sôi nổi.

Năm 1973, ông Hai Phi được cử về đất liền học tập nhằm chuẩn bị cho những bước tiếp theo của cách mạng trên đảo... Từ đầu năm 1974, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ông được cử làm Bí thư Huyện ủy Phú Quốc. Với cương vị mới, ông trở thành người lãnh đạo cách mạng cao nhất trên đảo và đó chính là sự tin tưởng của Đảng, của nhân dân đối với ông.

Với những thắng lợi khá toàn diện giành được trong năm 1973, quân và dân ta đã tạo tiền đề và bước ngoặt quan trọng cho cuộc kháng chiến đang đi dần tới thắng lợi hoàn toàn. Trong năm 1974, tuy vẫn còn không ít khó khăn, nhưng quân và dân đảo Phú Quốc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, vẫn luôn tổ chức tấn công địch trên cả 3 mũi giáp công. Với lực lượng vũ trang làm nòng cốt, nhân dân đã nổi dậy phá kim, vây gỡ đồn bốt giặc, giải phóng thêm nhiều ấp, xã, mở rộng khu giải phóng...

Trong những năm cuối của cuộc chiến tranh giải phóng (1974-1975), thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy về việc nỗ lực chuẩn bị lực lượng tấn công địch, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông Hai Phi đã tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình ta, tình hình địch

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

trên đảo và xác định nhiệm vụ, phương hướng và phương châm hoạt động cụ thể của Đảng bộ huyện. Hội nghị cũng nhấn mạnh phải kiên trì thế tiến công cách mạng; khắc phục yếu kém, khuyết điểm, tăng cường ý thức tự lực tự cường, phát huy những thắng lợi đã giành được, quyết tâm cùng quân dân toàn miền đẩy mạnh cuộc chiến đấu, giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến...

Đầu năm 1975, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, quân và dân Phú Quốc đã chủ động dồn sức tấn công địch, nhất là tập trung bao vây, diệt đồn... với tinh thần “Ở đâu giải phóng đó”. Huyện ủy đã thành lập Ban Chỉ huy chiến trường do ông Hai Phi (Bí thư Huyện ủy) trực tiếp phụ trách chung. Phương châm hành động được đề ra lúc này là “Tiến công như ngựa phi nước đại”; “Tấn công như Nguyễn Huệ, Bình vạn như Nguyễn Trãi” với quyết tâm và ý chí “Một ngày bằng 20 năm”.

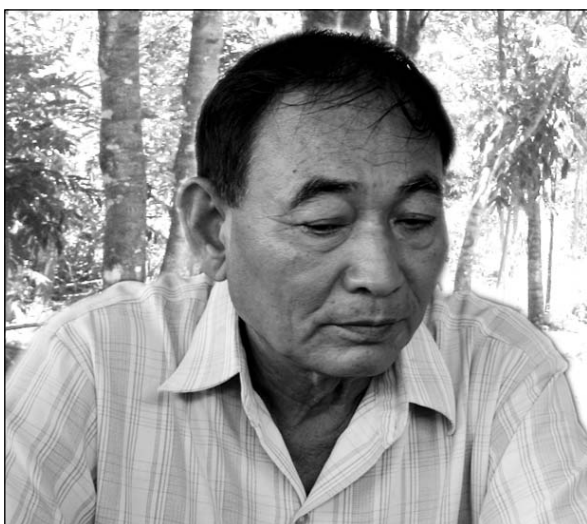
Thực tiễn đã chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn, nhạy bén và đầy quyết đoán của Huyện ủy Phú Quốc trong những năm tháng hết sức khắt khe của đầu năm 1975; Trong đó vai trò của người Bí thư Huyện ủy - ông Phạm Văn Minh là rất lớn. Ngay trước thời điểm lịch sử của tháng 4 năm 1975, trong vùng căn cứ trên đảo, Bí thư Huyện ủy Phạm Văn Minh đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp, xác định quyết tâm tập trung toàn lực lượng của Đảng bộ quyết đánh đổ ngụy quyền, giải phóng huyện đảo bằng chính sức mình, bằng lực lượng tại chỗ, không cần chờ, do dự... Đó là những quyết định hết sức nhanh nhạy và cần thiết. Nhờ vậy mà đảo Phú Quốc đã được giải phóng nhanh chóng, kịp thời.

Trong công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình, ông Hai Phi tiếp tục có những đóng góp đáng kể qua nhiều trọng trách khác nhau. Ông được nghỉ hưu năm 1999 sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ ở cương vị Phó Bí thư Tỉnh ủy – Chủ tịch UBND, chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang.

Ông Phạm Văn Minh là người đã có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc đấu tranh của quân và dân Phú Quốc chống kẻ thù xâm lược. Sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc ta nói chung, của nhân dân Phú Quốc nói riêng vô cùng tự hào vì đã có những cán bộ, đảng viên trung kiên, một lòng vì nghĩa lớn như vậy.

TRẦN MIÊU

NGƯỜI TÙ BINH BẢN LĨNH



Anh quê ở huyện Phúc Thọ tỉnh Hà Tây - đích thực là người miền Bắc. Nhưng lại gắn bó với huyện đảo Phú Quốc suốt 39 năm qua - Cả trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và thời kỳ hoà bình xây dựng. Một chiến sĩ đặc công, một người tù ở nhà tù Phú Quốc vượt ngục và là một chỉ huy có bản lĩnh, một người làm kinh tế giỏi nữa... Phác họa đôi điều như thế về anh Nguyễn Văn Mỹ (còn gọi là Ba Toàn) có thể chưa nói được gì nhiều. Song, con người ấy là vậy, giờ vẫn vậy.

Là con một trong gia đình, anh Nguyễn Văn Mỹ được miễn đi bộ đội. Nhưng quyết tâm và tình nguyện mãi, anh cũng được chấp nhận nhập ngũ (năm 1963) và được đào tạo lính đặc công. Năm 1966, trong đội hình của Trung đoàn 46 sư đoàn 330, anh hành quân vào Nam chiến đấu.

Trực tiếp tham gia nhiều trận đánh, anh đã cùng đồng đội khiến quân thù phải khiếp sợ bởi sự táo bạo, hiệu quả và độc đáo của bộ đội đặc công ta. Nhưng rồi, trong đợt 3 cuộc tổng tấn công năm Mậu Thân (1968) vào giữa Sài Gòn, anh đã bị địch bắt.

Anh còn nhớ lần ấy, quân nhau với địch đã nửa ngày, phân đội của anh hy sinh gần hết, chỉ còn lại ba người bám trụ ở ba phía, gắng diệt được thêm thằng nào thì diệt,

còn ngoài ra là ngồi chờ đến lượt mình đi theo đồng đội sang thế giới bên kia. Giữa lúc ấy, nhà bị sập. Anh ngất đi... , khi tỉnh dậy đã thấy mình nằm còng queo trong nhà giam Hồ Nai – Biên Hòa rồi.

Ba tuần sau đó, dịch chuyển anh ra nhà tù Phú Quốc. Và ngay khi xuống sân bay, anh đã được chúng đón tiếp bằng trận đòn phủ đầu choáng váng. Cú phủ đầu này thâm độc lắm - Anh lại kể - Ai nhát gan có thể quy ngay, hoặc tinh thần ý chí bị vỡ một mảng lớn.

Vậy là anh trở thành một tù nhân trong cái nhà tù Phú Quốc khủng khiếp. Cũng như bao người tù khác, Ba Toàn đã chứng kiến và trực tiếp là nạn nhân của một chế độ nhà tù tàn bạo. Mặc dù là tù binh, nhưng anh và đồng đội của mình không hề được chúng coi là tù binh theo như công ước quốc tế. Đánh đập, tra tấn, giết người tù bất kể lúc nào chúng muốn. Ở khu biệt giam được hai tháng thì chúng chuyển anh sang khu V, phân khu 5B. Mà ở đâu cũng vậy, vẫn là ăn đói, nhịn khát, là tra khảo đòn roi... Không chỉ sự đau đớn về thể xác mà cả nỗi đau tinh thần mà kẻ thù không một giờ, một phút buông lời, tìm cách huỷ hoại.

Nhưng chính trong những ngày tháng bị giam cầm này, khát vọng tự do, mong muốn được trở về cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu càng trở dậy mạnh mẽ trong con người anh.

Với những người như anh, cái chết không đáng sợ bằng sự tù túng và khi lòng tin bị mất. Vì thế mà anh luôn ấp ủ một kế hoạch vượt ngục để trở về với đồng đội. Anh tâm sự từ đáy lòng mình: “Khí tiết người tù cộng sản phụ thuộc vào sự chịu đựng và tính cách ngoan cường trước bạo lực mới chỉ là một phần, mặc dù là phần rất lớn, nhưng cái chuyện anh có dám vượt lên tất cả để thoát tù trở về tiếp tục chiến đấu không mới là toàn bộ giá trị và phẩm tiết...”. Suy nghĩ ấy trở thành động lực cho cuộc vượt ngục của anh và đồng đội sau này.

Nhưng, câu chuyện vượt ngục của anh và các bạn tù khác đâu có đơn giản. Bởi, không phải là việc chui hay vượt qua mấy lớp rào kẽm gai (anh là lính đặc công, chuyện đó không khó) mà quan trọng là ra với ai và khi ra ngoài liệu có tìm được cơ sở của ta hay lại lẻ loi, cô đơn mà chết dần chết mòn giữa rừng? Niềm tin có cơ sở cách mạng trên đảo rất quan trọng, nhưng căn cứ vào đâu để có niềm tin ấy? Bởi vì anh em tù binh bị đưa ra đảo, hoàn toàn xa lạ, chưa hề biết một chút gì về đảo nói gì tới biết có người của ta bên ngoài hay không.

Cho tới một hôm, một sự kiện có tính “lich sử”, có tác dụng rất lớn đến tâm lý và dũng khí chiến đấu của tù binh nói chung và đặc biệt là tới quyết tâm vượt ngục của nhiều người. Đó là sự xuất hiện của một đầu đạn mìn còi. Lúc ấy ai cũng nghe thấy tiếng súng, tiếng M79 nổ chát chúa và hình như ngay phần ngoài hàng rào của nhà tù là tiếng súng quen thuộc – súng AK. Anh em đều bất ngờ, vì địch thì làm gì có AK? Chắc là của

ta rồi! Lại có cả tiếng đạn văng trên mái tôn và một đầu đạn rơi xuống. Đúng là đầu đạn AK rồi, đầu đạn của đảng mình rồi! Thế là ai cũng tin ở ngoài đảo đã có các đồng chí, đồng đội của mình đang hoạt động... Quyết tâm vượt ngục càng cao hơn.

Nói đến Ba Toàn là nói tới một trong những kỳ tích về vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc. Đó là vào một đêm hạ tuần tháng 6 năm 1968, tổ 6 người do anh phụ trách đã thực hiện cuộc vượt ngục. Để che mắt địch và tránh bị chó đánh hơi phát hiện, Ba Toàn cho anh em ngụy trang bằng nhọ nồi pha đất sét bôi lên người, tạo thành màu trắng nhờ nhờ (như màu đất ban đêm dưới ánh đèn) và xát tảo vào người. Đêm đó anh là người đi đầu, cả tổ sắp vượt hết hệ thống rào thì bỗng đèn pha các cỡ bật sáng và súng nổ vang ngay phía sau, cả tiếng hò hét, tiếng xe máy, tiếng chó... Cả tổ lạng đi, cứ ngỡ mình đã bị lộ – Vậy là số phận chấm hết ở đây, cái chết chỉ còn trong gang tấc sẽ đến! Nhưng riêng Ba Toàn vẫn tỉnh táo. Anh nghĩ: Nếu lộ thì bọn địch đã bắn xối xả ngay vào đội hình mình rồi, đâu còn phải lờn vờn vòng ngoài nữa. Qua những gì diễn ra, anh xác định có thể đó là 5 người ở tổ của ông Xạ đi sau (Vì chuyến đi đó cũng đã được bàn bạc trước đó rồi) – Xương sống anh lạnh buốt vì ý nghĩ ấy. Điều đó có nghĩa là lại có thêm 5 đồng đội hy sinh. (kể đến đây, không kìm được xúc động, anh đã khóc).

Anh tiếp tục chỉ huy anh em vượt rào và khôn khéo tránh đụng địch. Ra khỏi khu vực giáp ranh nhà tù, cả tổ chạy thẳng lên một ngọn núi gần đó ẩn nấp. Mọi người đều đã kiệt sức, ai cũng ê ẩm toàn thân. Nhưng lúc ấy vì biết vẫn còn ở trong khu vực gần nhà tù nên mọi người lại động viên nhau đi tiếp.

Vừa đi vừa mò mẫm trong đêm đen, nếu không nhanh, khi trời nóng dễ bị lộ nên anh bảo mọi người ôm chặt lấy đầu, cuộn tròn người lại rồi cứ thế lăn dốc... Ai nấy đều thương tích, máu me lẫn với bùn đất đầy mình. Nếu nằm bất động một chỗ, họ chẳng khác nào một mô đất chứ không phải là một con người. Trời sáng, bất ngờ tổ của anh đụng bọn lính đi tuần, cả chó sủa nữa, hiểm nguy đang đến, ai cũng lo. Giữa lúc ấy, Ba Toàn chợt phát hiện ra một đám cỏ voi cao quá đầu người mọc trên lớp sinh lầy đặc sệt. Với kinh nghiệm sẵn có, anh kêu anh em nhanh chóng bẻ mỗi người một lóng cỏ voi ngậm vào miệng rồi chui ngay vào bụi cỏ vùi sâu người xuống lớp bùn nước, chỉ để hở một đoạn ống cỏ để lấy không khí mà thở. Vừa xong động tác ẩn nấp “độc đáo” đó thì bọn lính dẫn chó tới nơi. Lính và chó lùng sục khắp nơi, cả trên khô và dưới ao bùn nhưng may mà chúng không phát hiện được, lát sau khi địch đã đi khỏi, cả tổ đội sinh đứng dậy và cố đi được một đoạn thì phát hiện không thấy Dũng (quê Hà Nam) đâu cả. Cả tổ quay lại tìm mò một lúc, họ lồi lên một thân hình rũ rượi gần như đã chết, sức quá yếu nên đã ngất xỉu ngay trong sinh lầy. Hô hấp nhân tạo và đổ nước vào mặt một lúc lâu thì anh ấy tỉnh lại. Tất cả lại dìu nhau đi. Khó khăn lớn nhất lúc này là không biết đi đâu, hướng nào, liệu có gặp được người của ta không?

Thêm nữa, đói, mệt, muỗi rừng... Bao khó khăn hành hạ các anh cả thể xác lẫn

ting thân. Đã có lúc tưởng như tuyệt vọng. Nhưng rồi cả tổ vẫn đi tiếp theo “linh cảm” của Ba Toàn – Chuyển từ hướng Đông sang đi theo hướng Bắc.

Đêm thứ hai, thứ ba, rồi thứ tư..., cả tổ vẫn lầm lũi đi hay đứng hơn là lúc đi lúc bò, chậm chạp và chẳng biết mình đang đi về đâu giữa rừng núi rậm rạp. Đêm ấy cả tổ lạc vào một rừng chuối, họ bẻ đọt chuối ăn cho đỡ đói rồi thiếp đi qua đêm.

... Trời sáng, bừng mắt dậy mới biết đang gần một con suối. Bất chợt phát hiện dưới suối có một toán người đang rửa chân tay – không ra lính địch, cũng không ra người của ta? Quan sát mãi, họ nhận thấy những người đó có nước da xanh tái, rửa mặt bằng tay... đoán chắc không phải bọn địch... Vậy là họ gặp được người bên mình và chỉ nói được mấy câu: “Các đồng chí ơi! Các đồng chí có phải là anh em mình đó không?” rồi lẩn ra ngất xỉu... Vài tiếng sau các anh được đưa tới gặp anh Sáu Cảnh – Huyện đội phó và anh Ba Lon – Huyện đội trưởng, không thể nói hết niềm vui của những người tù vượt ngục được gặp anh em mình – Bao nhiêu nỗi vất vả, đói mệt... tan biến hết, chỉ còn lại tình đồng chí và mong muốn được tham gia chiến đấu, trả thù cho đồng đội... Như vậy, tính từ đêm vượt ngục cho tới khi về được căn cứ của ta trên đảo, tổ của anh Ba Toàn phải băng rừng, lội suối suốt 6 ngày đêm. Thế cũng là nhanh rồi và điều quan trọng là cả tổ đều đến đích, không ai phải nằm lại nơi rừng rú hoặc bị sa vào tay giặc lần nữa...

Không thể phủ nhận một điều: Tổ 6 người vượt ngục thắng lợi, có công lớn của anh Ba Toàn. Những kỹ năng và kinh nghiệm dày dặn của một chiến sĩ đặc công đã giúp anh rất nhiều trong cuộc vượt ngục đầy gian nan, nguy hiểm đó. Trở về được căn cứ, Ba Toàn tình nguyện được ở lại trên đảo cùng chiến đấu với anh em. Anh nghĩ đâu cũng là đất nước mình, đã làm cách mạng, cầm súng chiến đấu thì ở đâu cũng vậy, đều là để chống lại Mỹ – Ngụy cả.

Thời gian sau đó, theo đề nghị của những anh em vượt tù ra, Huyện uỷ Phú Quốc đã cho thành lập một phân đội đặc công, khoảng 20 người gọi tắt là Đội 22 (lấy ngày 22 tháng 12 là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam để đặt tên). Lúc đầu có các anh Hai Hội, Tư Phước, rồi anh Tư Tâm, Nguyễn Quang, Ba Toàn và anh Ba Toàn được phân công biên soạn tài liệu huấn luyện. Về sau anh là người trực tiếp chỉ huy.

Ra quân trận đầu, đánh địch ở Cửa Cạn thắng lợi làm cho khí thế hào hứng hẳn lên. Nhưng sau đó, trận đánh địch ở Cây Thông, rồi Suối Đá lại không thành công, ta hy sinh nhiều do sự phối hợp không chặt chẽ, kỷ luật chiến đấu không nghiêm, giữa các anh trong chỉ huy còn có sự khác nhau trong cách tổ chức chiến đấu. Vậy là phong trào lại lắng xuống. Ba Toàn buồn lắm, ruột gan anh lúc nào cũng nóng ran. Tự ái người tù lúc này lại trở dậy dữ dội. Ngày đêm anh suy nghĩ và nung nấu tìm cách đánh mới sao cho vừa diệt gọn địch mà hạn chế tới mức thấp nhất tổn thất của ta. Vừa hay lúc

đó, anh được chỉ định làm chỉ huy trưởng của đội đặc công. Anh Hai Hội – Người chỉ huy ban đầu, rất nể phục bản lĩnh và kinh nghiệm chiến đấu của Ba Toàn, đã nói chân tình: “Phải bổ sung quân và huấn luyện lại Ba Toàn ạ! Phải đánh một trận thật ngon để gỡ lại danh dự **Người tù**”. Ba Toàn coi đó như một lời động viên, sự khích lệ của cấp trên, của đồng đội dành cho mình. Anh tập trung thời gian và công sức trực tiếp huấn luyện anh em, rồi khi chiến đấu đánh địch, lại trực tiếp chỉ huy. Thời gian trôi đi, những nỗ lực và mong muốn của anh dần dần trở thành hiện thực trong đội quân nhỏ bé mà tinh nhuệ của đảo.

Sau một thời gian huấn luyện, với quyết tâm lớn, anh chọn đánh lại mục tiêu đồn Cây Thông – nơi mà trận đánh trước đã không thành công, cũng là vị trí kiên cố của địch, bọn chúng vẫn huênh hoang: “Nếu Việt cộng đánh được đồn Cây Thông này, xin được tế củ kiệu đầu heo nhậu chơi”.

Để chuẩn bị cho trận đánh, anh trực tiếp đi trinh sát căn cứ địch suốt 3 đêm liền; tự thân anh vượt qua 6 hàng rào của căn cứ địch để vào khảo sát tận nơi... Khi phương án chiến đấu được chuẩn bị kỹ càng, anh dẫn quân đi. Và thật tuyệt vời, trận đánh đó do anh trực tiếp chỉ huy, đã thắng lợi ròn rã: Không chỉ diệt toàn bộ đồn địch, thu toàn bộ vũ khí, bắt sống tù binh mà phía ta lại không bị thương vong gì. Sau trận này, đội đặc công của Ba Toàn còn đánh nhiều trận khác thắng lợi, mang lại khí thế mới trên đảo. Tiêu biểu như trận đánh thẳng vào dinh tên thiếu tá quận trưởng ác ôn, nơi xuất phát của những cuộc hành quân và tội ác. Trận đó, phân đội đặc công là lực lượng nòng cốt. Đó là vào đêm 25 tháng 10 năm 1971, trong lúc địch đang tập trung họp bàn kế hoạch gây tội ác và diệt lực lượng cách mạng trên đảo mùa khô 1971 – 1972 thì lực lượng đặc công do Ba Toàn chỉ huy đã bí mật luôn rừng, băng lộ tiếp cận mục tiêu. Sau khoảng 30 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt hơn 50 tên địch, trong đó có tên thiếu tá quận trưởng ác ôn và cả tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng thuộc bộ chỉ huy sư đoàn 9 của địch. Nhiều cơ sở nhà cửa, khu thông tin của giặc bị phá huỷ, lực lượng của ta thu nhiều vũ khí...

Cứ như vậy, cuộc chiến đấu trên đảo nói chung và của đội đặc công nói riêng, trong đó có vai trò đáng kể của anh Ba Toàn, ngày càng phát triển, góp phần tích cực làm tan rã mưu đồ “Bình Định cấp tốc” của địch, đưa cuộc kháng chiến của quân dân trên đảo phát triển lên một bước mới. Trong cuộc chiến đấu ấy, anh Ba Toàn – người chiến sĩ đặc công, một cựu tù của nhà tù Phú Quốc, luôn xác định cho mình ý chí và quyết tâm cao nhất trước nhiệm vụ được giao. Bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu thử thách và không phải không có những lúc bi quan, chán nản do những nguyên nhân từ nội bộ không hiểu nhau. Song, anh đã vượt qua tất cả để chiến đấu và cống hiến cho công cuộc đấu tranh giải phóng trên đảo.

Năm 1972 anh và những anh em tù vượt ngục khác được rút về đất liền nhận

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

nhiệm vụ mới. Nhưng sau đó, đảo lại cần anh, anh em ở Phú Quốc lại xin anh và Ba Toàn lại trở lại đảo tiếp tục xây dựng lực lượng và chiến đấu cùng quân dân Phú Quốc cho tới ngày miền Nam và Phú Quốc hoàn toàn giải phóng.

Quả thật, cuộc đời sao lắm chuyện éo le, có bao điều kỳ lạ mà lúc bình thường sao khó hình dung, khó hiện thực? Với anh Ba Toàn, hơn chục năm trời vào Nam chiến đấu trong hàng ngũ quân đội nhân dân Việt Nam, đâu ngờ rằng lại bị địch bắt, bị đưa ra nhà tù Phú Quốc, rồi vượt ngục và trở thành một người chiến sĩ của đảo... Chính cái “vòng vo” ngoài ý muốn ấy của cuộc đời đã đưa đến cho anh bao sự khổ đau, buồn tủi; khổ vì tù đầy, khổ vì trải qua cực nhọc, đói khát, khổ vì nỗi nhớ quê hương, nhớ gia đình, vợ con mãi ngoài miền Bắc; Lại cả những nỗi buồn vì, như anh từng trần trở: “Người tù không dễ nói gì được...”. Nhưng điều quan trọng là anh đã vượt lên tất cả để vẫn giữ tròn phẩm chất của một người đảng viên (Anh được kết nạp vào Đảng năm 1968), của một người chiến sĩ cách mạng. Và, chính hơn chục năm đầy cam go ấy đã tôi luyện anh, rèn rũa anh thêm dày dặn, kiên cường, thêm bản lĩnh và càng tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Anh Ba Toàn là người đầu tiên, cũng là người cuối cùng ở phân đội đặc công Phú Quốc cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 khi miền Nam được giải phóng hoàn toàn.

Những năm sau giải phóng, anh được điều về công tác ở tỉnh đội Kiên Giang, tham gia chiến đấu chống bọn lán chiếm biên giới. Ở đâu, làm gì, anh đều hoàn thành nhiệm vụ.

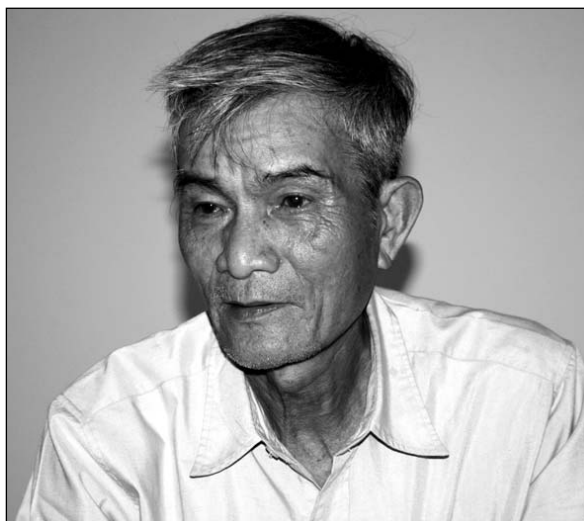
... Anh Nguyễn Văn Mỹ đã nghỉ hưu được hơn hai chục năm nay. Cũng từ đó, anh lao vào một cuộc chiến đấu mới trên mặt trận xây dựng kinh tế – Cho gia đình và góp phần cho xã hội, ngay trên mảnh đất Phú Quốc mà anh coi là quê hương thứ hai của mình.

Con cái trưởng thành, gia đình êm ấm, hạnh phúc, kinh tế gia đình anh ngày càng phát triển giàu có, làng xóm yên vui... Đó là thành quả xứng đáng mà anh gặt hái được hôm nay... Cũng thật mừng, trong bao chuyện vui – buồn, cái đọng lại trong sâu thẳm lòng anh hôm nay, chỉ còn là những điều tốt đẹp; những điều mà anh và bao đồng chí, đồng đội đã bất chấp hy sinh, sẵn sàng đổ xương máu để giành được.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

MỘT TRÁI TIM CÓ “LỬA”

Cái tên Tư Lửa, nghe thật “nóng”, cứ ngỡ ông là một con người “hét ra lửa” hay chí ít thì cũng đứng đầu về cái tính... nóng nảy! Vậy mà khi gặp ông, cảm nghĩ ấy bỗng nhạt dần. Cái cười cởi mở, vẻ mặt linh hoạt, cách nói dứt khoát và có phần dễ tính của ông thật khác so với chất “lửa” mà ông có được trong những năm tháng chiến đấu gian khổ và khốc liệt hơn ba chục năm về trước.



Năm 1960, khi mới 17 tuổi, Lê Văn Lửa đã tham gia các hoạt động kháng chiến ở quê hương (xã Đại Phước, huyện Long Trạch, tỉnh Đồng Nai). Ông làm liên lạc, rồi trở thành du kích; Tới năm 1963 thì thoát ly hẳn để cùng đồng chí, đồng bào chiến đấu chống lại Mỹ – Ngụy. Ông trở thành một cán bộ hoạt động ở cơ sở, gắn liền với vùng đất và con người nơi chôn rau cắt rốn của mình. Chính vì vậy, sự gian khổ, tính khốc liệt ngày càng nhiều hơn do địch không ngừng càn quét, không ngừng thi hành nhiều thủ đoạn thâm độc, tàn bạo nhằm tiêu diệt những cán bộ cách mạng và ly tán nhân dân với họ. Song, cũng như nhiều cán bộ, đảng viên khác, ông Tư Lửa không chùn bước trước thử thách cam go. Năm 1967, ông được kết nạp Đảng. Vinh dự ấy càng thôi thúc ông phấn đấu nhiều hơn vì lý tưởng cao đẹp của Đảng và của dân tộc.

Từ sau cuộc tổng tấn công Mậu Thân (1968) của ta, địch tăng cường đánh phá

phong trào cách mạng ở khắp nơi. Đã có những cơ sở bị vỡ, có những cán bộ, đảng viên bị địch bắt, bị giết hại... Trong bối cảnh chung ấy, tháng 7/1969, trong một đợt ruộng bắt gặt gao của địch, ông Lê Văn Lửa đã bị bắt. Chúng đưa ông về nhà giam ở Biên Hòa, rồi tra khảo, đánh đập, nhốt trong hầm tối suốt 20 ngày. Không khai thác được gì ở ông, địch chuyển ông tới nhà giam Tân Hiệp; sau đó lại tới trại giam Hồ Nai và tới tháng 2 năm 1970 địch đưa ông ra nhà tù Phú Quốc...

Có lẽ biết ông là một cán bộ “nằm vùng” nên ngay khi ông tới nhà tù Phú Quốc, địch đã đánh đập ông rất dữ? Sự tàn bạo của chúng ngày càng trắng trợn hơn. Ông kể: “... Đấu tranh, nó đánh; Không đấu tranh nó cũng đánh. Đang đêm đi nhậu về buồn tay ghé vào nhà giam nó cũng đánh “chơi” vài cú cho hả. Sáng ra thua bạc cháy túi, ức quá không biết làm sao, lại đổ vào đầu tù và thế là đánh...”. Nhưng những kiểu đánh tự phát ấy dù sao cũng không độc địa, đau đớn bằng sự tra tấn, đánh đập, đày ải có “bài bản” của bọn ác ôn trong nhà tù. Người ta có cảm giác bọn địch dồn tất cả những thành ác ôn nhất miền Nam vô đây? Thế nên, người tù ở nhà tù Phú Quốc phải chịu bao cực hình; sống vậy mà chết lúc nào không biết... Bị địch đánh đập nhiều nên tới giờ mỗi khi trở trời là cái đầu ông lại đau nhức chịu không nổi, “lắm lúc phải ụi đầu vô tường đụi đụi cho đỡ đau”, ông kể vậy. Con mắt ông giờ cũng chịu chung hậu quả, nhìn đâu có rõ. Có lần, chính thành chúa ngục (đại tá Đắc) đã nện đế giày vào mặt ông và hét lên “Đánh cho mi chết thì thôi, có sống trở về thì cộng sản cũng hết xài” – Thật là độc địa...

Có lẽ với ông Tư Lửa, bị nhốt vào “chuồng cọp” là “kỷ niệm” không dễ gì quên được. Chuồng cọp được làm bằng dây thép gai, chẳng khác gì cái rọ heo. Bị đẩy vào đó thì ngồi không được, nằm không xong, xung quanh toàn đỉnh kềm gai đâm chọc vào người, máu tóe ra, đau nhức, buốt xót. Chúng nhốt ông cả ngày đêm ở đó, lại còn đánh, đổ nước muối... Cái chết luôn rình rập. Nhưng rồi ông cũng vượt qua, không cho kẻ thù có chút cơ hội nào để nhìn thấy sự yếu mềm của mình.

Với Tư Lửa, sự tàn bạo của kẻ thù, những thử thách khốc liệt ở trong tù không làm cho ông nhụt chí. Ý chí của người đảng viên cộng sản đã thấm vào máu, vào thịt của ông, không thủ đoạn thâm độc nào của địch có thể làm đổi thay. Nhưng cũng chính sự dã man của địch càng thôi thúc ông quyết tâm vượt ngục trở về cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu trả thù cho đồng chí, đồng bào.

Và nung nấu ấy cũng đã đến khi ông cùng với bốn chục bạn tù khác tổ chức vượt ngục trong một lần địch đưa đi lao động ngoài rừng. Do đã bàn bạc và bí mật chuẩn bị từ lâu nên họ đã cướp súng, đánh bọn lính đi canh phòng thoát ra ngoài. Cuộc thoát tù đây nguy hiểm ấy đã thành công và ông may mắn nằm trong số đó.

Suốt ba ngày đêm vượt suối, băng rừng, ai cũng chịu đói, rét, muỗi vắt bám

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

theo... Nhưng thật may mắn, ý chí và lòng dũng cảm đã giúp ông và bạn tù tìm gặp được cơ sở của ta trên đảo. Không thể nói hết được niềm vui sướng của những người tù vượt ngục như ông khi đã gặp được “người bên mình” giữa vùng đất đảo xa lạ này!

Vậy là ước nguyện được tiếp tục cầm súng đánh địch bước đầu đã trở thành hiện thực. Từ mong muốn đó, ông được đưa về một đội du kích của đảo (phân đội 2), rồi sau được giao làm phó công an xã Cửa Dương... Ở đâu, làm gì, ông Tư Lửa cũng hoàn thành nhiệm vụ và để lại những dấu ấn tốt đẹp đối với anh em, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của cuộc chiến đấu trên đảo.

Không phải không có những thử thách quyết liệt, cũng không phải không có lúc mà trở ngại, khó khăn khiến ông phải trăn trở, băn khoăn và cả lo lắng. Song, ông luôn xác định mục đích cao nhất, nhiệm vụ lớn nhất là được chiến đấu, được hoạt động chống lại kẻ thù giành độc lập, hòa bình cho dân tộc. Vì vậy, ông đã vượt qua tất cả để thực hiện trọng trách được giao. Ông coi Phú Quốc là quê hương thứ hai của mình; Là nơi ông đã gắn bó một phần đời gian nan nhất, đau khổ nhất, nhưng cũng vinh quang nhất – Phần đời ấy là năm tháng bị giam tù trong nhà tù Phú Quốc và cùng quân và dân Phú Quốc trực tiếp chiến đấu... Cũng chính vì vậy mà ông Tư Lửa đã quyết định ở lại đảo, mãi mãi là một công dân của đảo. Sau ngày giải phóng, ông tiếp tục được phục vụ trong lực lượng công an Phú Quốc tới lúc về nghỉ hưu (1990). Ông đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Trải qua bao gian nan thử thách, kể cả những thử thách trong nhà tù Phú Quốc tàn bạo, ông Lê Văn Lửa vẫn luôn giữ vững khí tiết. Trái tim đỏ “lửa” của ông luôn hòa nhịp đập cùng quê hương đất nước, lúc chiến tranh cũng như trong hòa bình.

HOÀNG VIỆT HÙNG

PHÚ QUỐC MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Một vùng đất đảo tiên tiêu của Tổ quốc với hào khí của bao thập kỷ đấu tranh giữ nước, giữ đảo. Ở đó còn có một dấu ấn mãi mãi không phai mờ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta - Đó là nhà tù Phú Quốc với cuộc chiến đấu “thầm lặng” mà vô cùng cam go, khốc liệt của hàng vạn chiến sĩ cách mạng... Máu đào thấm đẫm đất đảo, chí khí anh hùng không bao giờ có thể bị lãng quên... Và vì thế, Phú Quốc luôn có “Một thời để nhớ”...

“NẾU AI CHƯA HIỂU CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM, HÃY ĐẾN PHÚ QUỐC”

Thời Pháp thuộc, Phú Quốc từng có đồn điền trồng dứa và cao su. Năm 1953, thực dân Pháp cho xây dựng trại tù mang tên “Cảng cây dứa”, thuộc địa bàn xã An Thới. Theo tài liệu cũ còn lưu giữ thì từ tháng 3-1953 đến tháng 8-1954, thực dân Pháp giam giữ khoảng 14.000 tù binh. “Trại chính huấn Cây Dừa” cũng được xây thời kỳ này để giam giữ tù chính trị. Khi bọn giặc không thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam, trong 2 năm 1956-1957, chúng đã giam giữ gần 1.000 tù chính trị nơi đây.

Đầu năm 1967, Mỹ và chính quyền tay sai, ngụy quyền Sài Gòn đã cho xây dựng “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam, Phú Quốc”, trên một diện tích rộng 400ha, thường gọi là “Trại giam tù binh Phú Quốc”. Trại giam gồm 12 khu giam, mỗi khu có 4 phân khu A, B, C, D, hơn 500 nhà giam. Vì vậy, Phú Quốc được xem là một trại giam tù binh trung tâm toàn miền Nam của địch. Ở đây giặc giam tù binh của 4 vùng chiến thuật: Đà Nẵng, Plâycu, Biên Hoà, Cần Thơ. Từ năm 1967 đến năm 1972 có khoảng 40.000 tù binh, tù chính trị của 34 tỉnh, thành phố bị địch bắt giam giữ tại nhà tù Phú Quốc. Trong lần trở lại thăm đảo Phú Quốc, ông Võ Văn Hiến, nguyên Ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng, hiện là Trưởng Ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh, đã kể: “Chỉ trong vòng vài ngày của nửa đầu tháng 3-1969, tên Nguyễn Văn Vỹ, Tổng trưởng quốc phòng ngụy quyền Sài Gòn đã ra 2 huấn thị về “Kế hoạch chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam...”. Thực chất hai kế hoạch này là thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng ép chiêu hồi”.

Không dụ dỗ được, chúng chuyển sang tra tấn, đàn áp. Ông Võ Văn Hiền kể tiếp: “Có nhiều cách giặc nhục hình anh em tù binh, như: treo, đổ nước xà bông, chạy điện, đóng đinh vào bàn chân, bàn tay, vào đầu, đốt dây kẽm cho cháy đỏ rồi xuyên vào bắp thịt, đục răng, lấy mắt cá chân... Dã man nhất là đánh cho anh em mình tả tơi rồi bỏ vào bao bố đổ nước sôi lên, hoặc bỏ bao cột lại thả vào chảo nước sôi, hay trùm bao bố rồi đổ lửa than lên. Những trường hợp bỏ vào bao bố, đổ nước sôi đều chết, còn đổ lửa than, thì mình mẩy anh em cháy phỏng loang lổ. Có những trường hợp, chúng thiêu sống và chôn sống hàng chục anh em ở đồi 100, trước mặt mấy chục tù binh của các phân khu, để uy hiếp tinh thần anh em. Đau đớn lắm!”.

Người dân đảo và ngay cả một số sắc lính khác của quân nguy, khi nói về đám quân cảnh giám thị các phân khu trại giam nhà tù Phú Quốc, cho rằng: “Đó là bọn say máu, lấy chuyện đánh người làm thú vui” và chính trong nội bộ chúng, cũng nhìn bọn này là lũ mặt người lòng lang sói. Thượng sĩ quân cảnh trại giam Phú Quốc Trần Văn Nhu, luôn ám ảnh với những trò tra tấn tù binh vô cùng man rợ mà ông ta nghĩ ra: đục răng, đánh vào mắt cá chân tù binh bằng thanh gỗ lim, để ngày gặp lại những người tù năm xưa ông ta chỉ biết cúi mặt như loài dơi sợ ánh sáng.

Trong giai đoạn chống Mỹ, nhà tù Phú Quốc tồn tại một thời gian không dài (gần 6 năm), từ tháng 6-1967 đến tháng 3-1973, vậy mà bọn giặc ở đây đã giết đến 4.860 đồng chí của chúng ta. Thế nhưng, khi quy tập tại đồi 100 được 800 hài cốt và vài nơi khác được 45 hài cốt nữa (đến nay chỉ quy tập được 845 hài cốt), thì các Ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc trong cả nước đều cho rằng con số tù binh, tù chính trị hy sinh ở Phú Quốc có thể còn nhiều hơn những con số chúng ta có hiện nay và chưa có con số nào chính xác. Chính điều này luôn làm day dứt những người đang sống. Đại tá Tô Diệu, Trưởng ban liên lạc cựu tù binh Phú Quốc, khẳng định: “Trại tù binh Phú Quốc tập trung tội ác điển hình của kẻ thù. Một chiến trường đặc biệt của cuộc chiến đấu. Chính trong hoàn cảnh đặc biệt đó, đã làm rạng rỡ phẩm chất cao đẹp và anh hùng của người chiến sĩ cộng sản. Chúng ta chưa tìm được hài cốt hơn 3.000 đồng chí của chúng ta. Đó là món nợ lòng lớn lao lắm”.

Ông Lê Út Long nói: “Nhà tù Phú Quốc lớn nhất Đông Dương và Đông Nam Á. 40.000 tù binh giam trong một nhà tù, con số không nhỏ. Nhà tù nằm chơi vơi giữa biển, có lực lượng canh phòng nghiêm ngặt mà còn dựng thêm chuồng cọp, kẽm gai. Nếu tính kỹ từ ngoài vào trong trại, từ rào giới hạn trong đến rào giới hạn ngoài, có cả thảy 12 lớp kẽm gai, chưa kể bùng nhùng. Có 40 chuồng cọp kẽm gai nhỏ ngoài trời, không có mái, chỉ có cọc sắt, tù binh ăn và tiểu tiện tại chỗ. Chuồng cọp rộng 1,2m, dài 1,6m, cao 0,8m. Với diện tích này, chỉ nhất 5-10 người còn chật chội, vậy mà có lúc chúng nhốt 10-20 tù binh, thì không phải địa ngục trần gian là gì?”.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Ông Long đã dẫn chứng một đoạn miêu tả về chuồng cạp kềm gai của ký giả Robin Moore: “Không có nơi nào dã man hơn kiểu biệt giam chuồng cạp kiểu này. Ở đây, nhân viên cai tù trở hết tài độc ác nhất đối với tù binh, ngoài sức tưởng tượng của sĩ quan Mỹ được huấn luyện từ trường Fort-Barass nước Mỹ”. “Tù bị nhốt vào chuồng cạp chỉ mặc trên người chiếc quần đùi. Trời lạnh thì đổ nước cho lạnh thêm. Trời nắng thì tăng nóng thêm bằng cách đổ tro than. Thời gian tù bị nhốt trong chuồng cạp kéo dài hàng tháng. Có người cảm nắng chết, người chết vì lạnh. Thấy có người chết, bọn giám thị lôi xác đem chôn trên đồi 100”.

Bọn giặc tưởng rằng sự khắc nghiệt của nhà tù có thể lung lay tinh thần, ý chí đấu tranh của “tù binh Việt cộng”, triệt tiêu ý chí cách mạng của những con người yêu nước. Nhưng những chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản, 42 cuộc vượt ngục của 400 anh em, 239 người về được căn cứ và tiếp tục chiến đấu tại đảo, hoặc tìm cách về đất liền để báo cáo với Đảng, với đồng bào tội ác của kẻ thù, tinh thần bất khuất của anh em tù binh, tù chính trị, cho thấy tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, lòng thủy chung với cách mạng, giúp người chiến sĩ cách mạng vượt qua tất cả, chấp nhận hy sinh vì Tổ quốc. “Anh em tổ chức vượt ngục, phân công ra ngoài, người ở lại tiếp tục đấu tranh. Những trận tuyệt thực đòi địch giải quyết yêu sách, điển hình ở phân khu B5. Anh em tuyệt thực 3 ngày, ngồi giữa trời đòi Bộ chỉ huy trại xuống giải quyết yêu sách. Giặc không cử người xuống giải quyết, đến ngày thứ 4, anh Sơn, quê Thanh Hoá, kéo ra một cái bàn, để trước mặt hàng ngàn anh em tù, rồi tự tay anh mổ bụng mình, kéo ruột ra ngoài, để anh em tù la hét lên, bắt bọn chỉ huy trại giam xuống giải quyết yêu sách. Sau đó, nhiều phân khu đều có đấu tranh tuyệt thực. Khi có một phân khu đấu tranh, các phân khu khác đều đấu tranh hưởng ứng, bắt chấp địch đàn áp. Phân khu sĩ quan A4, anh Đồng cũng tự mổ bụng, anh Rôi, anh Trác, anh Phúc, mổ bụng bằng cán cà mèn. Trước khi quyết định mổ bụng tự sát, anh Rôi được Chi bộ nhà tù tổ chức kết nạp Đảng. Khí thế đấu tranh sục sôi trong nhà tù càng mạnh mẽ. Tám gương chiến đấu, sẵn sàng hy sinh của các anh ấy, cổ vũ tinh thần anh em trong nhà tù ghê lắm”.

Ông Trần Tiến Đan xúc động nói: “Những anh em may mắn thoát được địa ngục trần gian Phú Quốc, sống sót trở về với gia đình và còn những anh em quyết tâm đào hầm để cho đồng đội và bản thân mình vượt ngục, nhưng hy sinh, đều xứng đáng là anh hùng như các anh Tín, Công, Luân, Trần Tín, 6 tháng trời tham gia đào hầm, vượt được ra ngoài, giả đóng quân cảnh chiến đấu, để giải thoát cho nhiều anh em nữa, đã hy sinh. Rồi anh Hồng Sơn, thiếu úy đặc công binh chủng hải quân, đào xong hầm bị lộ, địch bắt được, đóng vào đầu 9 cây đinh 5 phân, hy sinh...”. Mãi sau này, người đồng đội của Sơn đi bốc mộ cho anh, mới tìm thấy những chiếc đinh ấy trong hộp sọ Sơn... Những câu chuyện như thế này ở nhà tù Phú Quốc, không ai có thể quên được, nếu

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

quên là có tội với các anh, với lịch sử!” - Người cựu tù binh Phú Quốc nhắc lại chuyện cũ, mà giọng ông cứ nghẹn đặc.

Điều quan trọng nhất là những người đang hưởng hạnh phúc hôm nay đã làm một việc không quên quá khứ, không quên hơn 40.000 người con khắp mọi miền đất nước, đã sống và chiến đấu trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt – nhà tù. Cuộc chiến đấu mà trong tay họ không có một tấc sắt, chỉ có ngọn lửa của tuổi trẻ được thắp sáng lên từ trái tim, từ tấm lòng tận trung với nước. Những trái tim rực lửa một thời ấy, dấu vùi sâu trong đất, vẫn như ngọc sáng ngời!

NGUYỄN THANH XUÂN

NỖ ĐAU VÀ NIỀM KIÊU HÃNH (*)

*(Trích trong cuốn sách “Nhà lao Cây Dừa”
của nhà văn Chu Lai)*

Phú Quốc là đất giàu! Phú Quốc cũng là đất dữ. Bao đời nay hòn đảo hình lưỡi mác vung giữa biển khơi này đã chặt nát bao ý đồ xâm lăng tàn bạo của các loại kẻ thù.

Phú Quốc gần mà xa, xa mà gần. Phú Quốc cô đơn nhưng không bao giờ cô độc. Phú Quốc, vị trí chiến lược quân sự lợi hại, Phú Quốc lại cũng là địa thế chiến lược kinh tế tràn đầy hy vọng cho công cuộc kiến tạo giang sơn mai này.

Phú Quốc mang trong lòng nó tất cả dáng hình của Tổ quốc. Nhưng dáng hình nào cũng vẫn đậm đà của bản sắc Phú Quốc làm sao! Phú Quốc mang trong lòng nó cư dân của khắp mọi nơi dồn về. Nhưng cư dân nào cũng thấm nhuần phong độ người Phú Quốc biết bao! Người Phú Quốc kiên cường trước kẻ thù, thuần phác với bạn bè, chân tình với khách bốn phương và khoáng đạt trong phong cách sống, cách làm.

Phú Quốc mang trong lòng nó một nhà tù. Một nhà tù khổng lồ cũng mang tên Phú Quốc.

Đã có nơi nào số phận nhà tù lại gắn bó khăng khít với số phận của người dân đảo như nơi đây? Đã có nơi nào sự nghiệp đấu tranh của nhà tù thờ cùng nhịp thở với cuộc kháng chiến trên đảo như nơi này?

Hai mươi năm tồn tại nhà tù. Hai mươi năm tồn tại tội ác. Hai mươi năm thấm

(*) Đầu đề là của Ban Biên Tập

máu thương đau. Hai mươi năm quấy cựa không ngừng khát vọng sổ lồng tung cánh. Hai trăm ba mươi chín người tù vượt ngục trong bốn mươi hai lượt người ra; 16 vụ vượt rào, 14 lần đi riêng lẻ, 7 cuộc đánh quân cảnh, 4 lần đào hầm... Những thông số khiêm nhường nhưng không hề ít ỏi đó nói lên điều gì? Sẽ không nói lên điều gì cả nếu như cuộc kháng chiến bên ngoài không tồn tại. Và sẽ nói lên tất cả một khi cái quật cường bên ngoài đã vấy gọi, nâng đỡ cái quật cường bên trong. Tự nghĩ, nếu cái buổi hôm đó mà không có một đầu đạn mang nhãn hiệu CKC, nhãn hiệu của ta lọt vào trại giam thì những con số trên kia liệu có được hình thành không? Những con số hình thành bằng máu. Máu bên trong và máu bên ngoài. Truyền thống bên ngoài và khí phách bên trong thâm lặng hà hơi tiếp sức nhau.

Và nếu bên ngoài là nơi hội tụ của dân cư mọi miền thì bên trong cũng là điểm tập trung tù binh của đất đai cả nước. Nếu bên ngoài mang trọn dáng hình sông núi quốc gia thì bên trong 40 ngàn tù binh cũng cùng tâm lý mỗi người một vẻ. Tại sao lại có cái trong và cái ngoài trùng hợp nhau đến thế? Phải chăng cuộc đời gom tụ mọi sắc màu Việt Nam về đây để thử thách một phen. Phú Quốc, gương mặt của Việt Nam! Gương mặt sáng hay mờ? Trách nhiệm lịch sử ấy thiêng liêng và cũng nặng nề biết bao!.

Hơn 400 người ra, nhưng chỉ 239 người đến đích. Thế mới biết, nằm trong lòng nhau, thở hơi thở của nhau, cách nhau không đầy gang tấc mà đến được với nhau gian khó làm sao!

Tổ anh Hai Hội, anh Tư Phước đi mất 11 ngày. Tổ Ba Toàn 6 ngày, tổ của Hồng lại những 16 ngày, còn hàng trăm người khác nữa, biết bao nhiêu ngày? Nhưng cái đó có hề chi trước sau vẫn chỉ là số lượng, điều cốt yếu là đã đến được. Người ra trước kẻ ra sau, người gặp lại bạn, người không gặp lại bạn, tất cả đều mừng mừng tủi tủi trong cuộc đời mới mẻ.

Hơn 400 người ra còn lại 239 người? Gần 200 người làm gì trong cái hòn đảo ít người cũng gay mà nhiều người quá cũng chết này? Huyện ủy và huyện đội để cho các anh được quyền lựa chọn theo sở trường, ngành nghề của mình. Họ tản xuống các xã cùng du kích tham gia bám trụ địa bàn, họ gia nhập lực lượng võ trang huyện, họ vào trạm xá, trong các ban ngành của huyện ủy. Trong số họ có một ít quá mệt mỏi xin ra làm rẫy, lấy vợ như một người dân, số khác xin được trở về đất liền móc ráp lực lượng, tìm đơn vị hay trở lại quê hương.

239 người có 15 sĩ quan từ thiếu úy đến trung úy, có 26 hạ sĩ quan từ hạ sĩ đến thượng sĩ, có 3 huyện ủy viên, 3 bác sĩ, 29 y sĩ, 5 y tá, còn lại là chiến sĩ của gồm đủ các quân binh chủng: hải quân, bộ binh, pháo binh, đặc công, cơ yếu thông tin...

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Trong số sĩ quan có anh hùng quân đội Trương Văn Hòa. Chỉ khi khai lý lịch tại ban đón tiếp tù ở huyện đội, người ta mới biết được điều đó. Anh hùng là vốn quý của quân đội, của nhân dân, huyện báo cáo lên tỉnh, tỉnh báo cáo lên khu, khu báo cáo lên “Rờ” và “Rờ” báo cáo lên Trung ương. Trung ương điện trở lại. Ba tháng sau, Trương Văn Hòa dù muốn ở lại đánh giặc nhưng đành phải chia tay mọi người vượt biển về đất liền. Ba tháng sau nữa, người lính Phú Quốc một đêm mở đài đã thấy tiếng anh đang tố cáo hành động chà đạp thô bạo lên công ước quốc tế về đối xử với tù binh chiến tranh của nhà lao Cây Dừa trên làn sóng phát thanh Hà Nội.

239 người ra tù! 106 người tản về các cơ quan ban ngành, các bộ phận huyện xa; 50 người còn khỏe mạnh và nhiệt huyết về lực lượng chiến đấu, 34 người về đất liền, 7 người đau bệnh chết, 5 người mất tích không rõ lý do, 1 người tự sát, 1 người chết vì trốn về đất liền, 2 người đầu hàng địch trở lại... Những con số này cũng sẽ không nói lên điều gì nếu khi ra, người tù không gắn mình vào hoàn cảnh ngặt nghèo của cuộc kháng chiến trên đảo và sẽ nói lên tất cả nếu hàng trăm con người đó biết coi mảnh đất đảo này chính là mảnh đất chiến đấu của mình. 239 người thoát tù, còn lại gần 200 người trụ lại. Hầu hết những người trụ lại đều mang chung một tâm lý phục thù. Ngày đêm họ nung nấu ý nghĩ phải tấn công nhà lao bằng mọi cách, dù chỉ để phá vỡ đi một mảng, giải phóng được một số người. Sau những năm tháng đau khổ tột cùng, tâm lý muốn trả hận kẻ đã gây ra cho mình những khổ đau ấy là thường tình. Thường tình nhưng thực chất là cảm tính và manh động. Sự manh động này dẫn đến tự sát và khủng hoảng phong trào không mấy xa. Những cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong thời gian này của huyện như anh Hai Hiến, Năm Nhất, Năm Sĩ, Ba Lon, Tư Tâm, Hai Phi và những người tù từng trải đã kịp thời ngăn chặn.

Đó là những hứng cảm chiến đấu chính đáng. Song cũng có những cảm hứng đời thường không mấy vui; ai không thèm khát cuộc sống thanh đạm yên hàn, nhất là sự thèm khát đó được nảy sinh sau những năm tháng tù đầy kinh hoàng. Nhưng cả nước đang có chiến tranh, hòn đảo đang có chiến tranh, làm gì có một thiên đường yên ả cho người tù trú ngụ. Phải chăng vì lẽ đó mà sau khi xin ra làm rẫy lấy vợ, đẻ con, người tù mang dòng máu lính, một số không ít đã quay trở lại rừng lãnh một cây súng làm tiếp phận sự “trao thời loạn” cùng với đồng đội. Số khác còn ngần ngại, lập tức có kẻ xấu đến rủ vào tai những điều bậy bạ nọ kia nhằm phân tán lôi kéo họ dạt sang hướng đối diện với trận tuyến của nhân dân.

Nhưng giữa mết mỗi câu an và hành vi phản bội là chuyện khác nhau. Những người tù đó không thể phản bội lại quá khứ, phản bội lại đồng đội được. Nếu phản bội thì họ phản bội từ trong tù ngục rồi. Tuy nhiên, cũng có một người lính không tỉnh táo

mà sa ngã. Khi nhận ra thì việc đã muộn. Lại phải chọn một mệnh đề thứ hai: Giữa phản trắc và cái chết. Người này tự sát (xin cho miễn được nói tên).

Tù ngục là lò luyện phẩm tiết. Nhưng tù ngục cũng có tác dụng phá vỡ nhân cách nếu một lúc nào đó anh đánh mất vị trí quân nhân cách mạng của mình. 239 người ra. 237 người nằm trong đội ngũ. Nhưng vẫn có 2 người không chịu đựng được sự kham khổ và ác liệt bên ngoài, sau một đêm không ngủ với giấc ngủ của đồng đội, sáng sớm mai đã trở thành những tên đầu thú vào chi khu. Thật là một cuộc hành trình tâm tối: từ đội ngũ vào tù, tù trở về với đội ngũ, và từ đội ngũ lại trở về với kẻ thù. Cuộc trở về lần ba đó còn khốn khổ hơn trở lại nhà tù. Một nhà tù phẩm cách, đạo lý và lương tâm. Sau này ta đã tìm diệt được một trong hai tên tâm tối đó và tôi cũng xin miễn phải nói tên.

Tại sao thế nhỉ? Con người là một mớ tổng thể những rắc rối lằng nhằng mà chính họ cũng không lý giải được. Ở tù gần kề cái chết thì khát thèm được thở hít khí trời tự do khoáng đạt dù chỉ một giờ rồi có vĩnh viễn xa lìa cõi sống cũng được. Vậy mà ra với tự do rồi lại loay hoay trăm thứ nợ kia. Bản khoán về đãi ngộ ư? Về cấp chức ư? Về đường lối cách mạng, về tổn thất Mậu Thân ư? Cả một chút công thân về cái sự đã trải qua tù ngục nữa. Kỳ lạ! Hòn đảo cách đất liền 115 cây số nhỏ vô cùng. Và cũng gian lao vô cùng. Cả đảo chỉ có một đại đội không ngày nào không có người ngã xuống mà lại còn nhìn ngó trước sau ư? Khi ở tù làm gì có cái gọi là tồn tại cá nhân. Khi ra được, cái cá nhân lại nở phồng lên nhiều thế? Vậy là anh đã chậm lại so với tình hình. Thời gian tù đầy là thời gian đông lạnh, trong khi cuộc sống ở ngoài vẫn cuộn chảy ào ào. Nếu không khéo, khi ra được, anh lại vô tình trở thành hòn đá tảng trong dòng chảy ấy. Nhưng rất may là cái đó không nhiều, thậm chí là rất ít. Một cán bộ đại đội bất mãn nằm ỳ, một thiếu úy chán ngán cảnh đánh đấm cò con, tự cho mình đứng ngoài kích thước của một tiểu đội, đã trộm ghe tính vượt biển trốn về đất liền, trốn về với đoàn quân chủ lực thôi, nhưng không được. Cái chết do đạn lạc của anh đã làm cả đảo giạt mình. Cấp ủy giạt mình. Một bản tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo tư tưởng với sự có mặt của anh Ba Ca, cán bộ tỉnh ủy ở đất liền ra đã tự đánh giá thảm thía: “Cấp ủy đảo đã không thật nhạy bén với tình hình anh em tù ra nhiều. Đã không đánh giá và phát huy hết năng lực của anh em. Trong cấp ủy vẫn có những đồng chí nóng vội, chấp chới chưa đi sâu tìm hiểu anh em thấu đáo, thậm chí có lúc có nơi còn vội vàng trong đánh giá, trong cách nói năng cư xử... Huyện ủy khẳng định đây là những hạt nhân quý giá nếu biết tận dụng sẽ rất có lợi cho phong trào chung...”.

Thế mới biết, ở đời cái gì cũng có hai mặt của nó cả. Anh em tù ra đã thổi vào đảo một sinh khí mới, song cũng để ra những khó khăn không nhỏ. Chỉ có điều cái sinh khí đó mới là hệ trọng, mới đóng vai trò quyết định.

Tôi xin được nói sâu về cái sinh khí này.

Trong số 50 anh em thiện chiến khỏe mạnh được bổ sung và tình nguyện bổ sung về chiến đấu ấy, có 20 anh em về thành lập phân đội đặc công. Bắt đầu là Hai Hội, Tư Phước rồi Hai Hội, Nguyễn Quang và sau nữa là Tư Tâm, Ba Toàn rồi chót cùng là còn lại mình Ba Toàn chủ trì.

Đọc đến đây chắc các bạn sẽ không trách tôi là sao lại có ý thiên vị về Ba Toàn lắm thế, lại viết đầu tiên nữa. Một con người làm nên công trạng trong tù nên đã khẳng định, cũng con người ấy lại tiếp tục quên mình đi, tạo nên công trạng trong giai đoạn ra tù thì dù có thiên vị đi nữa, ắt cũng là chuyện thường, hưởng hồ đây đâu phải là cái chuyện thiên vị hay địa vị mà là lịch sử, là khách quan.

Sau khi phân đội đặc công của anh Hai Hội, Tư Phước rồi Hai Hội, Nguyễn Quang đánh thắng trận Cửa Cạn, không khí chiến đấu chung có chiều hướng đi lên và binh chủng đặc biệt tinh nhuệ vốn đã được hình thành từ lâu nhưng đang teo tóp dần đi nay lại được phục hồi trở lại. Ấy vậy mà đến trận Cây Thông và trận Suối Đá, ta tổn thất do công tác phối hợp không chặt và kỷ luật chiến đấu không nghiêm.

Sau hai trận này không khí lại lắng xuống. Một số mất tinh thần nằm yên, số khác lại xin về đất liền. Ngay cả đồng chí phân đội phó cũng rẽ ngang ra dân làm ăn... Trong nội bộ, trong nhân dân đã xuất hiện những tiếng nghe thật xót xa: “Coi chừng! Chúng mày cứ theo ba cái ông tù ra là chết hết! – “Chúng mày” đây là những anh em bên đại đội bộ binh của anh Dũng quẹo sang phối hợp.

Ba Toàn khi đó cùng với Bảy Minh và Tư Hùng - Những bạn tù cùng chui ra một lượt là ba mũi trường. Nghe được như vậy ruột gan cứ cuộn lên. Tự ái người tù bị đánh thức dậy dữ dội. Ai đó nói đâu phải lỗi họ, lỗi là ở tay súng được đào tạo chính quy mà, đánh có ba cái thằng địch địa phương cũng không xong. Hồ danh binh chủng lắm! Ngày đêm anh nung nấu những phương cách mới. Phương cách tác chiến của chính mình dựa trên đặc điểm cụ thể của kẻ thù trên đảo.

Vừa may huyện ủy, huyện đội kịp chỉ đạo củng cố lại đội hình. Tư Phước đã về đất liền, tuổi tác và sức khỏe không cho phép anh Hai Hội ở lại trực tiếp chiến đấu thêm được nữa, anh đề nghị chỉ định Ba Toàn, người mũi trường có năng lực nhất thay mình. “Bổ sung quân và huấn luyện lại, Ba Toàn ạ! Phải đánh một trận thật ngon để gỡ lại danh dự NGƯỜI TÙ”. Anh nói vậy và cùng với Nguyễn Quang về tham mưu huyện đội.

Trong trận cuồng phong của chiến cuộc, nhiều sức mạnh của người lính phụ thuộc vào tư cách và danh dự chứ lòng căm thù, tinh thần yêu nước, lý tưởng chính trị có đặt ra ở đâu súng đâu. Đặt hết vào đó, nặng lắm, bắn thế nào được. Ba Toàn chọn

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

đánh lại mục tiêu “đồn Cây Thông” là mục tiêu rần mà thành địch thường huênh hoang tuyên bố. “Nếu Việt cộng đánh được, xin tế củ kiệu đầu heo nhậu chơi!” Đồn này lực lượng mạnh: Một trung đội bảo an thiện chiến canh giữ, ba lô cốt, hàng rào 6 lớp dày đặc mìn trái và hai tiểu đội dân vệ chốt ở vòng ngoài.

Rút bài học lần trước, lần này Ba Toàn tự mình đi nghiên cứu ba đêm liền. Có phương án rồi nhưng chưa thật yên tâm anh lại trực tiếp vượt qua 6 hàng rào vào khảo sát lần cuối cùng rồi mới dẫn quân đi... Trận đánh thắng lợi ròn rã. Ta thu toàn bộ vũ khí, bắt sống tù binh và không thương vong một ai.

Thừa thắng, sau mấy tháng chờ cho địch củng cố xong, anh lại xin trên cho đánh “đồn Cây Thông” một lần nữa. Một lần bại, hai lần thắng mới mong xóa được tiếng dờ dể đời. Trận này địch tăng cường mạnh hơn nhưng chỉ sau nửa giờ đồng hồ đã bị ta san thành bình địa. Truyền thống bắt tù binh, thu vũ khí, băng bó cứu chữa cho kẻ thù của Phú Quốc từ xa xưa lại được tiếp tục ở cấp độ cao hơn trong trận đánh bồi đánh nhồi này.

Thay vì những câu nói nghe đau lòng trước kia, sau trận này, một người dân từ ấp chiến lược mang rượu, đầu heo ra nói: “Trời đất! Mấy chú đặc công ta đánh ngon quá! Lính quốc gia đang kháo nhau ầm cả lên kia kìa. Họ bảo, sau này có thấy mấy người nói tiếng trọ trẹ, tốt nhất là chạy thôi, họ có đùn đẩy nhau rút thăm khi bị điều lên đồn”. Chao ôi! Nghe mát ruột quá! Tự ái người tù nằm trong cái tự cái non sông đã tạo nên một thể trận trên đảo.

Phân đội đặc công đã ăn nên làm ra. Tiếp tục phối hợp cùng với đại đội bộ binh của huyện diệt gọn trạm cảnh sát ác ôn ở gần thị trấn Dương Đông, cái ung nhọt chuyên cấm vận, làm khó làm dễ cho dân, cho phong trào bao lâu nay.

Tháng 10 năm 1971, toàn bộ lực lượng vũ trang của huyện đảo tổ chức đánh thẳng vào dinh thiếu tá quận trưởng ác ôn. - Nơi xuất phát của những cuộc hành quân và tội ác. Phân đội đặc công với nghiệp vụ tinh thông của mình đã kết hợp với nội gián bên trong thực hiện một động tác điều nghiên rất chu đáo.

Đêm 25 tháng 10, trong khi kẻ thù đang họp bàn để tìm cách diệt ta trong mùa khô 1971 - 1972, lực lượng vũ trang ta, lấy đặc công là nòng cốt đã bí mật đi từ Bến Tràm về Dương Tơ, cắt ngang lộ số 10 tập kết tại núi Suối Mây rồi dựa theo mép sóng tiếp cận lên Ao Sen sát thị trấn. Đáng lẽ trận đánh thọc sâu này sẽ đạt hiệu quả cao hơn nếu như ta không bị lộ, đành phải tập kích từ xa. Tuy vậy, sau nửa giờ, tên ác ôn thiếu tá cũng phải đền tội cùng với 50 tên khác trong đó có cả tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng thuộc bộ chỉ huy sư đoàn 9 vừa chân ướt chân ráo đặt chân tới đảo để thực hiện một âm mưu bình định mới của kẻ thù. Khu thông tin và nhiều nhà lính bị đánh sập, ta thu

và phá hủy một cây 12 ly 7, hai pháo 15, một cối 106,7 ly, bốn cụm rốc két hàng đêm nhả đạn vào rừng. Trận này ta hy sinh hai người, trong đó có một người lính đảo và người lính tù, đã cùng đổ xuống cho một bước trưởng thành về chiến thuật, kỹ thuật của đường lối chiến tranh nhân dân đang tồn tại ở nơi đây - Từ chiến thuật phòng ngự chuyển sang chiến thuật tấn công.

Sau trận tập kích rung động này, địch lo sợ vội đưa lực lượng cảnh sát của chúng vào vòng trong để tránh bị tiêu diệt. Nhưng thế trận đã mở ra, chúng trốn đâu cho thoát. Mùa mưa 1973, đội biệt động do Ba Toàn chỉ huy đã giả trang luôn vào tận giường nằm của chúng và nổ súng, làm chủ toàn bộ chi khu cảnh sát ba, bốn tiếng liền...

Chiến công nối tiếp chiến công. Càng đánh lực lượng ta càng mạnh. Số anh em tù vẫn tiếp tục ra thay thế cho những anh em tù đã ngã xuống. Lúc ấy, cả tiểu đoàn 207 của tỉnh trong đất liền cũng chỉ được một trăm quân nhưng riêng đại đội chủ công của huyện đã có biên chế nhiều hơn thế rồi.

Chiến công này tạo đà cho chiến công khác. Dương Tơ anh hùng đã trụ vững kìm chân địch suốt trong những năm tháng gian lao. Hôm nay, nếu đi dọc theo con đường ven biển từ An Thới về Dương Đông, khách vãng lai sẽ nhìn thấy những cột mốc chiến thắng dựng ở ven lộ với ngày... tháng... năm... Quân và dân Dương Tơ đã diệt một trung đội..., một tiểu đội...

Dường như ẩn sau những trụ xi măng đứng im lìm trong cỏ lác đối diện với biển cả bốn mùa sóng vỗ ấy, người ta thấy được bóng dáng xã đội trưởng Hai Sứ mà chiến công đánh giặc của anh được bà con lưu truyền như huyền thoại với tài nghệ xuất quỷ nhập thần, với sự gan góc đến thành liêu lĩnh, với lối đánh gần như giáp lá cà khiến địch không kịp trở tay. Và nhìn thấy bóng dáng của cả những người tù quê ở bốn phương đêm ngày bám dân bám đất, chịu cực khổ cùng với người xã đội trưởng bản xứ của mình như: Nguyễn Đức Hòa, Ngọc, Sinh...

Và Hàm Ninh, và An Thới nữa. Được sự trợ giúp của lực lượng võ trang huyện, những người tù đã kê vai sát cánh cùng các chiến sĩ du kích; các bà má, các chị, các em cơ sở trong ấp không ngừng mở ra những trận diệt ác gây thổi động hàng ngũ địch. Hồng, Sơn..., những người tù vượt ngục đã khiến cho đám quân cảnh phải kính nể năm xưa, giờ đây đang hết mình cho một cuộc chiến đấu. Với khả năng trinh sát của mình, họ đã dẫn đường cho đại đội chủ lực của huyện đánh một trận sát ngay hàng rào nhà lao diệt một trung đội quân cảnh đang áp tải đi vào rừng, giải phóng thêm được hàng chục tù binh.

Bác sĩ Ba Châu, cùng với y sĩ Sơn chuyển về trạm xá ở căn cứ Khu Tượng. Tại đây người thầy thuốc mát tay này đã trở thành niềm tin cậy khôn cùng đối với các tay

súng ngày đêm xông pha tại trận tiền. Có anh rồi, người lính không còn thấp thỏm những lo lắng không đâu. Hãy mạnh dạn nhào vô, chẳng may bị thương, ông bác sĩ quê Bắc này sẽ chữa trị cho anh đảng hoàng. “Chỉ cần đưa về được đến phẫu ông Ba là coi như sống rồi!”. Họ bảo nhau như thế!

Chính người bác sĩ này, vào những đợt địch càn gât gao, không kiếm được thuốc, đã phải cầm lòng dùng nước cát chích tiêm để yên lòng bộ đội. Đã phải sử dụng những phương tiện thô sơ nhất để tiến hành những cuộc giải phẫu công phu thành công mà ngay ở những quân y viện hiện đại nhất cũng nhiều khi phải bó tay. Có một thời, chỉ với một ngọn đèn măng xông, mấy cây đèn pin, nồi nước sôi và trái tim tràn ngập yêu thương, những người thầy thuốc trong rừng đầy bom đạn đã làm nên những sự tích khoa học lạ kỳ.

Những năm bảy mươi, kẻ thù bị đánh tan tác ở mọi nơi trên đảo. Chúng đã nghĩ ra cách sử dụng những toán biệt kích gián điệp, tuồn vào căn cứ những ống thuốc độc màu trắng, màu cá kho, màu canh chua.. Những sắc màu quen thuộc cho mọi bữa ăn ở rừng để hồng tiêu hao lực lượng ta. Những chiến sĩ an ninh của anh Hai Ngáng, Ba Lạc kết hợp với phân đội biệt động đã khám phá ra vụ này. Một mặt ngăn chặn, tìm diệt từ xa; một mặt đưa những chất nước kì dị đó lên nhờ bác sĩ Du phân tích. Bằng cách thử nghiệm thông thường cho chó ăn, người bác sĩ này đã tìm ra những độc tố nằm lẫn trong giếng, suối, cây cỏ, góp phần đáng kể đánh bại thủ đoạn vi sinh học lén lút của chúng.

Cuộc chiến đấu của quân và dân Phú Quốc đã làm tan rã ý định “bình định cấp tốc” của đối phương, đưa tình thế kháng chiến sang một thời kỳ mới hết sức vẻ vang và sôi động. Cũng như trong lịch sử chiến tranh nhân dân, Phú Quốc đã cùng cả nước đập tan chiến lược chiến tranh đặc biệt, chiến lược chiến tranh cục bộ và bây giờ là chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ. Kẻ thù có thể nghĩ ra đủ các thứ học thuyết, chủ nghĩa, chiến lược, chiến thuật to tát nọ kia nhưng người Phú Quốc chỉ có một chiến lược duy nhất - Chiến lược quyết không chịu mất đảo, quyết không chịu làm nô lệ - Chiến lược phát ra từ tấm lòng và trái tim của vị lãnh tụ anh minh.

Từ Mậu Thân 1968 đến Hiệp định Pari năm 1973, Phú Quốc đã tiến hành đánh địch hàng trăm trận lớn nhỏ, đã diệt của chúng hàng ngàn tên cùng với phương tiện, vũ khí, kho tàng, cứ điểm hiện đại. Trong thắng lợi rộn ràng đó, đất đai Phú Quốc, lòng dân Phú Quốc không thể không ghi tạc công lao, xương máu của những người tù vượt trại ra.

Lạ kỳ sao! Sau thời xuân “sáu tám”, phong trào cách mạng ở hầu hết mọi nơi đều tạm lắng xuống, có nơi lắng hẳn nhưng nơi đây, như một nghịch lý hào hùng, phong trào đánh địch lại dâng cao chưa từng thấy. Cái nghịch lý đó biểu hiện gì? Phải chăng

hòn đảo cô đơn nhưng không cô độc này đã biết cách tự đứng vững trong bất cứ hoàn cảnh nào, nó đã luôn luôn hòa vào cái chung nhưng một khi cần thiết, nó lại hoàn toàn biết mang một tính cách riêng, tính cách tự lực tự cường.

Anh em tù vẫn tiếp tục ra. Một số về đất liền, một số chuyển sang chiến đấu, số nữa lại tản vể các xã, các ban ngành... Nhà tù cung cấp nhân lực, tài lực cho đất liền. Chu trình luân chuyển đó diễn ra không thôi, hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm kia, như một dòng chảy của bản giao hưởng trùng khơi vùng lên trong khối lửa.

Bốn trăm người ra, 239 người đến đích. Gần một nửa nằm xuống dọc đường. Trong số những người nằm xuống đó, bà con Phú Quốc còn kể lại những mẩu chuyện đau lòng.

Một tốp ba người đã lang thang đói khát ở trong rừng nhiều ngày. Đến ngày thứ tám, họ may mắn gặp được một ông già người Tàu ở ngoài rẫy, ông này lôi cơm, lôi nước trong bọc ra cho họ ăn rồi bảo cứ ngồi chờ, ông sẽ về kêu cách mạng ra. Mừng đến chảy nước mắt, ba anh em tìm nơi kín đáo nằm thiu thiu ngủ... Lát sau, trước mặt họ hiện ra không phải những người cách mạng mà là một tiểu đội quân cảnh lăm lăm tay súng. Uất quá, một người đã ném mạnh nắm cơm đang ăn dở vào giữa mặt lão già phản trắc đó, nguyên rủa: “Rồi lão sẽ chết thối thây không thấy mặt con cháu, không một nén hương cắm lên mộ...”. Ba người tù ấy bị giải trở lại trại không rõ sống chết ra sao, nhưng người ta nói lão già ấy vẫn còn sống. Chỉ có điều con cháu lão đã bỏ lão mà đi hết cả, ngày ngày người ta chỉ thấy lão lúi thủi ra vào một mình, thỉnh thoảng lại ngồi rũ ra bên cạnh con chó già lở tróc.

Một tốp khác chỉ có hai người. Bài học đau đớn về tốp ba người mấy tháng trước đã khiến họ hết sức đề phòng. Ngày thứ năm, họ lại vào một nhà dân. Trong nhà chỉ có một bà má già. Bà má cũng cho họ ăn uống rồi bảo chờ để đi gọi người đảng mình. Bà còn để lại cho hai anh em chiếc đài để nghe đỡ sốt ruột. Khả nghi quá! Hai người quyết định bỏ đi, không mang theo bất cứ một cái gì kể cả cái đài quý giá có thể đổi được không ít gạo, muối trong cuộc hành trình lên Bắc Đảo. Oan nghiệt thay, họ không hề biết rằng bà má đó là một cơ sở cách mạng trung kiên của xã Hàm Ninh, khi bà dẫn theo hai du kích trở lại thì căn nhà đã trống không.

Từ đó bà má ấy cũng như mọi người dân Phú Quốc không còn nghe được tin tức gì của hai người tù trẻ tuổi kia. Thời gian trôi qua. Những trận đánh trôi qua..., những vinh quang tủi nhục và đau thương trôi qua. Ba năm sau, bỗng một hôm một người lên rừng đốn củi đã tìm thấy hai bộ xương người nằm chồng queo trong một hốc đá trên phần đảo phía Bắc. Bộ xương thứ nhất nằm kín đáo hơn, chân tay duỗi thẳng, đầu kê trên một phiến đá nhỏ. Bộ xương thứ hai nằm ở ngoài hang chân tay vẹo vọ, xương đầu

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

xương cốt ngoặt sang một bên. Người có khiếu đoán sẽ nhận ngay ra rằng, người thứ nhất đã chết trước, người thứ hai ráng sức dọn dẹp cho bạn một chỗ nằm ngay gần rồi mới bò ra cửa hang chết sau. Chết vì đói, vì bệnh tật, vì dã thú hay vì biệt kích mò vào? Điều ấy chưa ai có thể kết luận được nhưng chắc chắn rằng đó là bộ xương của hai người tù năm xưa đã một lần ghé qua nhà bà má ở xã Hàm Ninh. Một trong hai người còn để lại một mẫu thư nhỏ gói nilông trong túi áo đã nát mủn: "...Mẹ ơi, ngày mai con sẽ ra khỏi nhà tù. Nếu trời phạt phù hộ thì ba tháng sau con sẽ có mặt ở bên mẹ. Mẹ hãy chuẩn bị cho con năm đôi gà trống thiến để con lấy vợ...".

Tình thế cách mạng đã mở ra một hiệp định hòa bình tại Pari năm 1973. Trước ngày ký kết hiệp định, Trung ương cục miền Nam có lệnh rút tất cả anh em tù binh đang sống và chiến đấu ở Phú Quốc về đất liền để củng cố lực lượng, chuẩn bị bước sang thời kỳ mới. Từ trung úy trở lên rút về R. Từ thiếu úy trở xuống rút về Long Châu Hà, Phú Quốc thời điểm này lại thuộc Long Châu Hà.

Hơn một trăm con người đã quen hơi quen đất, bỗng chốc có lệnh ra đi cả, Phú Quốc nhỏ hẹp không thể không cảm thấy bịn rịn và trống vắng. Sự ra đi này có sức hút của một thổi nam châm cực lớn. Đất liền bao giờ cũng là mơ ước và khát vọng của những người lính muốn được thỏa ước vẫy vùng. Những người ra đi, dù không muốn, mặc nhiên cũng thu hút một trung đội của Phú Quốc đi theo. Lịch sử chiến tranh sẽ châm chước cho sự ra đi chính đáng nhưng lại không thấu tình này.

Cũng như lịch sử chiến tranh Phú Quốc sẽ ghi nhận sự thành tâm của những người tù sau khi Trung ương cục gọi về R một thời gian lại tình nguyện xin trở lại Phú



*Khách thăm quan
phòng trưng bày
tại Di tích Nhà tù
Phú Quốc*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Quốc tiếp tục cầm súng như anh Ba Toàn, Hai Hội, Ba Lửa, Tư Thắng, Bảy Tẻng, Ba Đại ở Cửa Cạn, Vũ Tấn Quát ở Hàm Ninh...

Phân đội đặc công của huyện đảo vẫn được duy trì và cuộc chiến đấu trên đảo đã làm hệ thống phòng thủ của địch tan rã thêm từng mảng. Những năm “bảy ba” đáng ghi nhớ này, anh Tư Tâm đã lên làm huyện đội, Hai Sửu từ Dương Tơ cũng lên huyện đội. Bí thư huyện lúc này là anh Mười Việt ở ngoài tỉnh mới bổ sung về.

Thời cơ giải phóng toàn bộ nhà lao Cây Dừa đã đến. Trên đưa một số cán bộ trong đó có cả một tổ đặc công thủy xuống Phú Quốc nắm tình hình, trinh sát thực địa và chuẩn bị chỗ cho đội hình một sư đoàn mạnh tới đứng chân. Lòng vui như trẩy hội. Ở hòn đảo xa xôi này đã bao giờ có sự hiện diện của một sư đoàn chủ lực? Phen này không còn nghi ngờ gì nữa, ngày toàn thắng dứt khoát đã đến gần, bốn mươi ngàn tù binh nhất định sẽ được giải phóng.

Nhưng công việc chuẩn bị chưa đâu vào đâu thì hiệp định hòa bình đã có hiệu lực, hai bên được phép trao trả tù binh. Tại nhà lao Cây Dừa, số chiêu hồi, ác ôn được chúng bí mật đem đi, số cố thủ đáng gờm cũng được chúng đem đi đâu không biết, số còn lại được chính thức trao trả tại Lộc Ninh và Thạch Hãn.

Thế là sau hai mươi năm tồn tại, nhà lao giam giữ tù binh lớn nhất Đông Nam Á đã không còn. Sự cáo chung của con quái vật cuồng sát này là tất yếu. Với oan khí ngất trời không trước thì sau, nó cũng không tránh khỏi số phận bị hủy diệt.

Năm 1973, lực lượng địch ở nhà lao sạch bóng nhưng cuộc chiến đấu bên ngoài vẫn tiếp tục diễn ra gian khổ, ác liệt hơn. Tổ đặc công thủy không còn chức năng giải phóng nhà tù nên đã chuyển sang mục tiêu đánh tàu, đánh đường ống dẫn dầu của hải đoàn An Thới.

Quân và dân Phú Quốc tiếp tục tựa lưng vào thắng lợi đã đạt được, tựa lưng vào tinh thần Hiệp định Pari, Hiệp định đã đổi bằng máu và nước mắt của cả dân tộc để lấn địch thêm từng bước, không ngừng diệt ác trừ gian kết hợp với những trận đánh tập trung để mở mảng mở vùng. Vùng giải phóng loang rộng ra, tạo thành thế cài răng lược với kẻ thù ở bất cứ nơi nào, ở ngay trong sào huyệt của chúng nó.

Phú Quốc gần mà xa, xa mà gần... Phú Quốc là chiến hạm nổi canh giữ bờ biển phía Nam của Tổ quốc. Phú Quốc tự lực tự cường, Phú Quốc nhiều khổ đau nhưng cũng chất ngất vinh quang. Hùng khí Phú Quốc đã thổi dạt thế lực đối phương có lúc tăng cường đến một ngàn lần hơn trong thế tương quan nghiệt ngã. Phú Quốc, cái nôi ấm áp của nhà lao Cây Dừa. Số tù binh trong lao có lúc đông hơn số dân mười lần nhưng lòng dân vẫn mở ra che chở bao la.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Thời gian tiếp tục trôi qua trên hòn đảo hình lưỡi mác. Năm “bảy lăm” đang chuyển động đến gần. Vẫn không nhiều phương tiện thông tin, điện báo, vẫn vắng thiếu những chỉ thị, những mệnh lệnh, tin tức thì vẫn bằng radiô và tấm lòng cách mạng vẹn tròn, Phú Quốc đã nổi dậy kịp thời cùng với cả nước mở chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng. Xa đất liền 115 cây số, hòn đảo này đã được giải phóng hoàn toàn chỉ sau Sài Gòn đúng bốn giờ đồng hồ. Thật là một điều kỳ diệu về mệnh lệnh hiệp đồng trong chiến tranh. Thứ mệnh lệnh hợp đồng vang lên từ nhịp đập con tim khát vọng chủ quyền...

Đảng bộ Phú Quốc thở phào! Quân và dân Phú Quốc cũng thở phào nhẹ nhõm! Trường kỳ chiến đấu, một chặng đường vô cùng gian khổ, ác liệt đã vượt qua. Phú Quốc một vùng đảo hình lưỡi mác tiếp tục vượt lên, chồm lên đầu sóng phía Tây Nam Tổ quốc càng đậm nét và hào hùng hơn.

Chỉ có điều, bóng dáng nhà lao Cây Dừa giam giữ 40 ngàn tù binh sẽ vẫn còn đó, khu nghĩa trang bốn ngàn liệt sĩ vẫn còn đó... Mãi mãi tượng trưng cho một thời đau thương oanh liệt mà thế hệ mai sau không thể quên. Không được quên.

PHÚ QUỐC TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ KẾT NỐI



Lãnh đạo tỉnh Kiên Giang và các cán bộ lão thành cách mạng Kiên Giang chụp ảnh cùng đoàn doanh nhân Hà Nội tại buổi Hội thảo về nội dung cuốn sách **Huyền thoại Phú Quốc**



Đ/c **BÙI NGỌC SƯƠNG**
Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang tiếp và làm việc với Ban biên tập Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt về cuốn sách **Huyền thoại Phú Quốc**



Đ/c **VĂN HÀ PHONG**
Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Kiên Giang giới thiệu về Phú Quốc với đoàn Doanh nhân Hà Nội trong chuyến đi thực tế, thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách Phú Quốc



Đoàn Doanh nhân Hà Nội đến thăm và tặng quà các gia đình chính sách huyện Phú Quốc



Đoàn Doanh nhân Hà Nội dừng chân bên rừng Quốc gia Phú Quốc trong chuyến đi thực tế tại Phú Quốc



Nhà thơ ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG
Giám đốc Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt - Chủ nhiệm dự án xuất bản bộ sách "Uống nước nhớ nguồn" cùng đoàn doanh nhân Hà Nội đến thăm nhà tù Phú Quốc



*Đoàn doanh nhân Hà Nội
cùng lãnh đạo UBND huyện
Phú Quốc trong chuyến đi thực tế
ở đảo Phú Quốc*



*Bãi Trường - Một trong những
bãi tắm đẹp
trên đảo Phú Quốc*



Bến Dương Đông hôm nay



Đường về thị trấn Dương Đông



Sân bay Phú Quốc



Rừng tràm trên đảo Phú Quốc

NHỮNG CHIẾN SĨ THÁI BÌNH TRONG NHÀ TÙ PHÚ QUỐC

Đây là cuộc gặp gỡ muộn màng - chiến tranh đã đi qua đúng 20 năm rồi. Nhưng dù sao cuộc gặp gỡ cũng mang tới cho người viết biết bao điều mới lạ, bất ngờ về một mảng trong đề tài chiến tranh. Mà viết về cuộc chiến tranh chống Mỹ khốc liệt vừa qua thì đâu đã là sớm, muộn? Và lại, sự muộn màng này biết đâu lại mang tới cho độc giả những điều đã thẩm định qua mưa nắng thời gian.

Có những sự muộn màng này thuộc về các anh - hàng vạn chiến sĩ từ nhà tù Phú Quốc trở về. 20 năm qua nhiều người đang sống quanh họ nhưng vẫn không biết tới, hiểu biết hết được những năm tháng tù đầy ác liệt của họ - những người chiến sĩ thương binh không mang thương tích trên mình.

Nhìn tấm ảnh chụp các anh nhân kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng Miền Nam, dù không ai mặc quân phục nhưng từ dáng ngồi, thế đứng, sự sát cánh của đội hình, dễ nhận thấy đây là đội hình của những người lính một thửa. Điều khác biệt hơn, đội hình này đã tham gia chiến đấu trên hai chiến trường. Mà ai dám chắc rằng chiến trường ngoài trời ác liệt hơn trong các nhà lao?

Các anh Đoàn Minh Đại, Lê Thanh Mùi, Đỗ Đình Gòong, Nguyễn Đình Rượng, Trần Đức Trọng, Đoàn Bá Tước, Đinh Hữu Xiển, Hoàng Quang Suý, Phạm Xuân Từ, Phan Ngọc Toại, Vũ Hữu Việt, Trần Văn Nghĩa cùng nhiều anh em khác nguyên là những cán bộ phụ trách công tác Đảng, đoàn thể trong nhà tù, hiện trong Ban liên lạc những chiến sĩ bị giam cầm ở nhà tù Phú Quốc thuộc ba huyện Kiến Xương, Vũ Thư và Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, rất xúc động kể tiếp cho tôi nghe cuộc đấu tranh thâm nặng vô cùng ác liệt ở nơi đây. Người thì gọi nhớ, người thì bổ sung, người thì hoàn chỉnh, bởi thời gian quá lâu rồi. Các anh cho biết:

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

- Linh hồn của phong trào đấu tranh trong từng phòng, từng phân khu, từng khu ở nhà tù Phú Quốc là sự chỉ đạo đúng đắn, sáng suốt, linh hoạt của hệ thống cấp uỷ Đảng trong nhà tù. Sở dĩ các anh em đều giữ được khí tiết, tồn tại, chiến thắng trở về là nhờ khối đoàn kết nhất trí, một tình thương yêu như anh em ruột thịt mà người bắt nhip tạo nên sức mạnh đó chính là Đảng. Sự chỉ đạo của Đảng trong nhà tù Phú Quốc là cả một nghệ thuật tuyệt vời.

Mỗi phân khu có một Đảng bộ, dưới Đảng bộ có các Chi bộ, tổ Đảng. Để tuyệt đối bí mật, bảo vệ tổ chức Đảng, Đảng viên chỉ biết đến cấp tổ trưởng, tổ trưởng chỉ biết đến Bí thư chi bộ, Bí thư Chi bộ mới biết Bí thư Đảng bộ. Người không Đảng viên thì tham gia sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt hội đồng hương. Hội đồng hương trong nhà tù chính là một “tổ chức hợp pháp” thực hiện việc triển khai các kế hoạch mà Đảng bộ đã vạch ra. Tất cả chung một mục đích là đoàn kết những người tù từ nhiều đơn vị, binh chủng khác nhau, nhiều vùng quê khác nhau thành khối thống nhất đấu tranh chống tra tấn, khủng bố, đòi quyền dân sinh, dân chủ, theo 3 phương pháp: Hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp.

Trước một quyết định, một hoạt động tra tấn, đàn áp nào của địch khi chưa nắm cụ thể chính xác âm mưu của chúng, Đảng bộ sử dụng hình thức hợp pháp bằng cách cử đại diện mang ý kiến chung của anh em đề xuất với chúng. Qua đó nắm được âm mưu thủ đoạn của chúng để kịp thời có phương pháp thích hợp. Hoặc lợi dụng giờ điểm danh, phòng trường, đại diện phân khu phát biểu tố cáo âm mưu thủ đoạn của địch, đồng thời, nêu yêu sách. Đây là hình thức bán hợp pháp. Sau hai hình thức trên không thắng lợi, có thể dùng biện pháp bất hợp pháp: bạo động, giữ con tin - bắt quân cảnh, bỏ sinh hoạt - tuyệt thực. Như năm 1972, ở B1 đã tuyệt thực tới ngày thứ 13 (tất nhiên có sự chi viện phần thuốc men, cơm khô, nước của các phòng khác, phân khu khác). Bọn chỉ huy tù khiếp sợ phải dừng tay đàn áp, chấp thuận yêu sách của anh em. Những cuộc tuyệt thực là rất căng thẳng, quyết liệt. Căng thẳng nhất là thiếu nước. Ban đầu, anh em còn uống nước giải nhưng vì tuyệt thực đến ngày thứ tư, thứ năm nước giải cũng không có. Nếu có cũng chỉ nửa chén nước nửa đỏ nửa vàng, khai khảm. Anh em phải dùng cát lọc nhắm mắt, nhắm mũi mới uống nổi, còn hơn là chết. Tuyệt thực để sống, để đấu tranh thắng lợi chứ không phải để chết!

Có những hình thức đấu tranh, nghe anh em kể lại vừa rùng rợn, vừa nhói lòng, thất ruột héo gan, nhưng đó là sự thực, cách thức anh em vận dụng hình thức vừa tuyệt thực, vừa tự hành hạ thể xác, gây áp lực tối đa như hình thức lấy dao rạch bụng. Nghe kể lại, tôi bỗng liên tưởng tới những người chiến sĩ Thủ Độ ngày đầu kháng Pháp ôm bom Ba càng lao vào xe tăng địch với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Điều quan trọng là có nhiều người xung phong nhưng cũng không phải ai cũng được chọn. Những người được chọn phải khí tiết, kiên trung, đủ lý luận và nghị lực. Có cuộc chọn tới 10 người và bố trí từ 1 đến 10 theo kế hoạch ai ra trước, ai ra sau, nói như thế

nào, khi nào thì dừng lại. Ngay cả tuyệt thực khi nào thì dừng lại và cho người “giả vờ khuất phục” chạy đi yêu cầu địch, từ đó thông báo cho chúng tình hình toàn phòng sắp chết hết. Chỉ nghe tin đó, có thể chúng phải chấp thuận yêu sách đấu tranh, chưa cần đến rạch bụng. Vì chúng cũng sợ tù nhân chết nhiều. Trước khi đấu tranh theo hình thức này, Đảng bộ đã tổ chức truy điệu trước, cho anh em đi chào hỏi bạn bè, đồng hương. Để đảm bảo tính mạng cho đồng đội, Đảng bộ đã cử những “Bác sĩ” hướng dẫn cho anh em kỹ thuật rạch bụng sao cho gây được sự khiếp sợ nhưng vẫn không chạm tới cơ quan nội tạng trong bụng, đồng thời, cho anh em uống thuốc cầm máu trước. Trước lúc rạch bụng, anh em diễn thuyết, tố cáo tội ác của nhà tù, nêu ý kiến và đe dọa nếu chúng không chấp nhận thì sẽ tự tử. Khi anh em rạch bụng rồi thì quần chúng ào lên đấu tranh ra yêu sách phải cấp cứu anh em tại chỗ. Cùng lúc đó, “bác sĩ” tù binh làm những động tác sơ cứu kịp thời. Tuy chuẩn bị rất kỹ càng chu đáo nhưng vẫn có không ít anh em đã hy sinh. Như phân khu 7, trong một lần đấu tranh quyết liệt, một người rạch bụng, hai người, ba người, bốn người, năm người, bọn địch vẫn căng, không chấp nhận, lập tức người thứ sáu lao lên, tên trung tá chỉ huy thấy vậy đã lay sóng anh em từ cổng lay vào, chấp nhận đề nghị của tù nhân. Sau những cuộc đấu tranh bằng sự sống, bằng máu đó, không khí nhà tù mới đỡ ngột ngạt, có phần dễ thở hơn.

Nói thế, không phải bọn địch đã bó tay, chúng tìm những hình thức đối phó hữu hiệu như: tạo có bắt những người chúng nghi là cầm đầu vào biệt giam, chuồng cọp, kiểm tra, kiểm soát, đảo khuấy tù nhân nhà lao này sang nhà lao khác để giảm khối đoàn kết, phá vỡ tổ chức, gây nghi ngờ....

Điều kỳ diệu là tất cả kế hoạch đấu tranh hầu hết là truyền đạt bằng miệng. Bề ngoài không thể thấy được, nhưng sâu thẳm bên trong là cả một mạng thông tin liên mạch, thông suốt từ phân khu này tới phân khu khác, phòng này tới phòng khác, thậm chí nhà giam với căn phòng chỉ huy địch, chính vì lẽ đó, nếu có sự phản bội, đầu hàng, sự cài cắm nội gián đều bị phát hiện, xử lý kịp thời. Đó là chưa kể tới sự truyền dẫn chỉ đạo từ bên ngoài vào trong tù vẫn thường xuyên, liên tục nhằm tạo sự đấu tranh đồng bộ giữa trong và ngoài gây áp lực tối đa cho giặc.

Cùng với hình thức trên, vượt ngục là một hình thức được vận dụng bền bỉ, dẻo dai, liên tục, tựa như sóng biển cồn cào đêm ngày trở về với bờ đất, những người tù binh đêm ngày không nguôi niềm mong mỏi thoát khỏi tù ngục, sà vào lòng biển, trở về với đồng đội, với đất mẹ thân yêu. Có nhiều hình thức vượt ngục nhưng phổ biến nhất vẫn là đào hầm.

Nói thì dễ, nhưng đào như thế nào, dụng cụ lấy từ đâu, đất đào xử lý thế nào... ngay trước mắt giặc trong nên nhà mình đang ở, giặc đang canh giữ là cả một công trình tính toán khoa học, tinh vi, sáng tạo. Điều ý nghĩa hơn là, đào hầm có chỉ đạo, tổ chức, có những đội thiện nghệ đào hầm. Người đào chỉ biết đào, chứ không hẳn là

được trốn. Đào và trốn là hai việc khác nhau. Người được tổ chức bố trí trốn là những người còn sức khoẻ tiếp tục chiến đấu được mà chủ yếu là lực lượng đặc công, trinh sát. Ngồi nghe các anh kể chuyện đào hầm, tôi thực sự khâm phục trí tuệ và tinh thần của những người chiến sĩ ở đây. Cứ 3 người 1 tổ, chủ yếu đào vào giờ nghỉ trưa, vào đêm khuya. Phương tiện đào là những chiếc nắp cà mềng. Đến nỗi sau này, bọn quản tù không dám phát đồ sinh hoạt khác cho anh em ngoài thứ đựng cơm duy nhất. Để hạn chế đất đào, việc đào hầm chủ yếu là dùng lực nén đất. Phần đất đào được cho vào những túi nhỏ, chuyển lên phân phát cho anh em trong phòng, trong phân khu. Lợi dụng khi lấy củi làm vệ sinh, đất được chuyển ra và rải dưới nền cát. Ban đầu địch để anh em nằm đất, sau tình trạng thấy mất tù nhân, bọn chúng liền chuyển anh em nằm sấp cách đất vài chục phân để dễ bề kiểm soát. Nhưng chúng có mắt như mù. Những chiếc hầm xuyên lòng đất, đi tới tự do vẫn âm thầm hình thành trong lòng đất. Có những chiếc hầm đào hàng tháng liền, dài tới 60 m, chui qua nhiều lớp hàng rào, thông tận mép biển đưa nhiều chiến sĩ trở lại với chiến trường, với đồng đội. Bọn địch đêm ngày lục soát, kiểm danh sĩ số, khai tìm miệng hầm. Thật đau xót, có những hầm đào vài chục mét thì bị phát hiện. Có những đợt vượt ngục như ở B4 1971, 41 người đã vượt qua được đường hầm nhưng bị địch bị phát hiện, chúng liền truy bắt. Cuối cùng chỉ có 17 người trốn thoát, 18 người hy sinh, 6 người bị bắt lại. Đó là những cuộc vượt ngục bằng máu. Mặc! Lộ chiếc này, đào chiếc khác! Thật kỳ lạ, có khi nắp hầm được đặt ngay dưới bàn cờ tướng mà anh em đang chơi và cũng có khi cả lính gác đứng xem. Năm tháng qua đi, cuộc sống mới với bao điều cuốn hút nhưng có những điều trong cuộc chiến tranh vừa qua đáng để chúng ta tìm hiểu, như những kỳ tích đào hầm của các chiến sĩ ở nhà tù Phú Quốc.

Một thời gian sau, thấy quân số hao hụt, bọn địch mới phát hiện ra. Anh em lại tổ chức vượt theo kiểu khác, đó là trốn trong những thùng chứa phân. Vì sợ tù nhân trốn chạy, hơn nữa quá nhiều anh em bị kiệt lực nên ban đêm địch cho để thùng ở cửa phòng. Ngồi dưới phân, anh em phải chế tạo ra dụng cụ để thở. Bọn địch không bao giờ dám đến gần những thùng phân hôi thối này thì làm sao chúng có thể nghi ngờ dưới đó là một tù nhân trốn chạy. Bọn chúng làm sao đo được quyết tâm trở về với đồng đội của những người lính cách mạng? Dù chịu bắn, chịu hôi thối vài tiếng đồng hồ để rồi thoát khỏi vĩnh viễn chốn kìm kẹp man rợ này thì sao mà không dám đổi?

“Biến cái rủi thành cái may”, tranh thủ thời gian bị giam cầm, anh em trong nhà tù Phú Quốc tổ chức các hình thức học tập, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ. Ban đầu bọn địch không nghe, anh em kiên quyết đấu tranh bằng các hình thức kể trên, về sau chúng phải chấp nhận. Hàng vạn tù nhân ở đây là một xã hội loài người thu nhỏ, chỉ thiếu người già, phụ nữ và trẻ em. Đủ các trình độ, ngành nghề. Anh em xác định học tập là hình thức tranh đấu đạt được nhiều cái lợi. Trước hết là tăng hiểu biết, nhất là lý luận để đấu tranh, sau nữa là nâng cao văn hoá, chuẩn bị nghề nghiệp khi chấm dứt

chiến tranh. Học tập là các sinh hoạt, họp hành của Đảng, đoàn thể một cách công khai thuận tiện nhất. Nó còn tạo niềm vui, cách giết thời gian nhàn rỗi dài lê thê - “Một ngày tù bằng nghìn thu ở ngoài” - lời cổ nhân. Khắp nơi học tập với nhiều nội dung phong phú. Người biết nhiều dạy người biết ít theo từng chuyên ngành cụ thể. Phương tiện dạy, học chủ yếu nói và viết trên nền nhà. Ngoài ra, tù nhân tạo ra bút từ nắp cà mèng, tạo ra mực từ vỏ cây, bầu cá mực, tạo ra phấn từ đất trắng, dùng xà phòng xoa lên mặt mảnh vải rồi đặt giấy bóng lên trên. Viết xong xoa dễ dàng.

Tương tự, những vật liệu bỏ đi, anh em đã chế tạo được nhiều loại đàn. Mỗi phòng đều có “dàn nhạc”, “dàn hợp xướng”. Cái phong trào sáng tác thơ ca, sáng tác kịch, bài hát được duy trì đều đặn. Đã xuất hiện hàng trăm, hàng nghìn bài thơ, bài hát, vở kịch. Những tác phẩm này chủ yếu xuất bản truyền miệng vừa là động viên, giáo dục, vừa là thưởng thức, phê bình. Có những tác phẩm được dàn dựng công phu, phục vụ “Món ăn tinh thần” - món ăn chủ yếu trong những ngày lễ tết của người tù. Chẳng hạn như vở kịch “Táo công lên trời” với nội dung: tù nhân ở Phú Quốc trình với Ngọc Hoàng cuộc sống bị nhục hình, đầy đoạ, đói khát, bệnh tật trong tù. Trong các vai diễn có cả vai bọn chỉ huy, quân cảnh đang tra tấn, đánh đập tù nhân. Có lần anh em biểu diễn, chúng lạng lẽ đứng xem không nói năng gì.

Những hoạt động trên là những liều thuốc bổ nuôi dưỡng tâm hồn những nạn nhân chiến tranh. Biết bao chiến sĩ đã được nâng cao hiểu biết, có thêm nghề nghiệp sau này trở về phát triển kinh tế gia đình. Điều này làm sao kẻ địch có thể hình dung hết được, vì nó hoạt động ngoài sự kìm kẹp khắc nghiệt của nhà tù.

Và cuộc đấu tranh trong những ngày trao trả thật quyết liệt. Không đi xe, không đi ca-nô có cờ địch, không đi qua cổng treo cờ của địch - đó là nguyên tắc dứt khoát của anh em tù nhân. Thật là xúc động nếu được chứng kiến ở bờ sông Thạch Hãn hàng nghìn, hàng vạn tù nhân trên người chỉ mặc một chiếc quần đùi, không chịu lên ca-nô có cờ của địch, ủa xuống lòng sông; Bờ bên kia, đồng đội, nhân dân cũng ủa xuống lòng sông đón anh em trở về với Tổ quốc thân yêu. Đã có nhiều bức ảnh chụp ghi những hình ảnh “mừng rơi nước mắt” này.

Tôi im lặng trước danh sách hàng trăm chiến sĩ của các huyện Kiến Xương, Vũ Thư, Đông Hưng, Thái Bình từ lao tù Phú Quốc sống sót trở về. Bởi 4.000 đồng đội của họ đã vĩnh viễn nằm lại nơi góc biển chân trời. Trong 4.000 liệt sĩ ấy, phần lớn là vô danh vì hầu hết khi sa vào tay giặc, các chiến sĩ đều thay tên đổi họ, chuyển dời quê hương bản quán. Bởi trong số họ không ít người đã được báo tử để lại nỗi xót đau vô hạn cho những người cha, người mẹ trước lúc qua đời. Vì đã báo tử nên rất nhiều anh trở về nhà, vợ còn đấy mà không còn vợ nữa. Những người phụ nữ trẻ chung thủy chung sớm góa chồng đã tái giá ra đi. Đau xót nữa, với những anh em còn trẻ, lúc đó lấy vợ là rất khó bởi vì bao lời đồn đại hư thực, thực hư. Đau xót hơn có những anh em chỉ an dưỡng sau một hai tháng đã chết như anh Vũ Năng Truy ở đoàn 127 do bị địch tiêm

thuốc và đánh đập. Đau xót hơn nữa, ít nhất trong đợt trao trả tù binh năm 1973 có 3 máy bay địch gạt tất cả tù binh xuống biển, khoảng 450 xác anh em chìm ngập xuống biển khơi - biển khơi là nơi an nghỉ vĩnh hằng của họ. Đọc dài danh sách ấy, tôi như trở lại khắp các chiến trường trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, như được đến với các binh chủng, đơn vị, với những tên gọi rất chiến trường. Đó là những E, những F, Những C, những D, những công trường 7, 8, 22 những MT 44, Q7, những Nam Sơn, Sao Vàng, Quyết Thắng, Đồng Nai, Bà Rịa, Phú Long An... cùng bao tên gọi triu mến thân thương khác. Đó là một chiến trường và như đã kể trên, các anh - những tù binh từ Phú Quốc còn chiến đấu trên “một chiến trường không ồn ào bom đạn nhưng đầy tổn thất, hy sinh!”.

Đọc theo danh sách dài lặng im ấy, tôi thật sửng sốt vì nhiều anh suốt mấy chục năm qua đều chưa được hưởng chế độ gì. Năm từ “chưa có chế độ gì” cứ lặp đi, lặp lại một cách khô khốc, nhói lòng. Thậm chí như anh Hoàng Quang Suý ở Vũ Tây, Kiến Xương nhập ngũ từ năm 1952, 20 năm quân ngũ, 8 năm bị giam cầm trong tù ngục cũng chỉ trọn vẹn 5 từ “chưa có chế độ gì”. Hỏi kỹ mới vỡ lẽ: Năm 1973, các anh được trao trả sau bao năm mòn mỏi trông đợi. An dưỡng xong, như chim sổ lồng, được về quê hương là sung sướng rồi, không vương vấn gì nữa. Sau đó, thời gian dần tĩnh lại, nhìn ra ngoài xã hội mới thấy mình thiệt thòi. Nhưng khó thay, áp vào tiêu chuẩn thì lại không rơi vào hạng mục nào. Nhìn bề ngoài, ai cũng như còn nguyên vẹn cả, nhưng bên trong cơ thể lại chứa nhiều tổn thương, mà tổn thương bên trong mới nguy hại đến sức khỏe, tuổi thọ nhường nào. Những quyền sở y bạ vàng úa theo thời gian chỉ chút những dòng về bệnh tật: đau đầu, buốt óc, đau thắt lồng ngực, khó thở, ho ra máu, viêm đại tràng, kiết lỵ mãn tính, đau thần kinh tọa, đau các khớp, buốt ống chân, viêm gan, sỏi thận, suy nhược cơ thể... Gặp các anh trong những ngày trở trời, gió rét mới thấy hết, ngấm hết những cú đòn ngấm hiểm độc, sự di căn toàn diện triệt để của những cú đòn ấy trên cơ thể những chàng trai khỏe mạnh năm nào. Chính những cú đòn ấy đã chôn vùi tuổi thanh xuân của họ nơi hòn đảo tù đày sóng ấy! Cũng sau bao năm mới thấy hết, ngấm hết kỹ thuật tra tấn tinh vi huỷ diệt cơ thể nhưng không gây thương tích của trại tù đế quốc.

Điều xúc động hơn là mấy chục năm qua, các anh đã vật lộn với cuộc sống nhưng đa số sức khỏe ngày suy giảm trầm trọng mà kinh tế lại chẳng lên được là bao. Nhiều anh tình cảnh rất thương tâm, như anh Vinh ở xã Vũ Tiến mắc chứng tâm thần, anh Chiếu ở Bình Định thỉnh thoảng lại nổi khùng, đập phá; anh Lật ở Vũ Lạc con bị dị dạng, ông Giang ở Vũ Tiến bị thần kinh nặng; anh Bi ở Vũ Chính kinh tế cực khó khăn, ngôi nhà anh đang ở không dám so với nhà bếp lán giềng. Sau 20 năm gặp lại nhau, sân để xe của các anh quá nửa là xe đạp thô đất tổng tộc, không hề có một bánh xe máy.

Điều xúc động hơn, 20 năm không một chế độ ưu đãi, các anh vẫn giữ trọn khí tiết như những năm tháng trong tù, vẫn là những “anh bộ đội Cụ Hồ”, không lời kêu

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

ca, oán thán, càng không có nhiều nhưng, tiêu cực. Vẫn hiền lành, giản dị, chân chất như hạt lúa, củ khoai chịu chất của quê hương.

Điều làm tôi suy nghĩ là sau khi có Thông tư 18 liên Bộ Thương binh - lao động - xã hội và Quốc phòng tháng 12 -1991; Công văn số 17 TB/LS tháng 3 - 1993, tổ chức hướng dẫn thực hiện chế độ, giải quyết chính sách, hậu quả chiến tranh; Nghị định 28 CP ký tháng 4 năm 1995 có nhiều điểm, mục quan tâm đến những chiến sĩ cách mạng bị lao tù, các anh đã tập hợp hồ sơ được các cấp uỷ, chính quyền chứng nhận, lại được ý kiến chỉ đạo của đồng chí, Bí thư tỉnh uỷ, Công văn của UBND tỉnh Thái Bình ký ngày 6 - 9 - 1995, do đồng chí Phó chủ tịch Lê Thị Nhàn ký yêu cầu các ngành tổ chức giám định sức khoẻ và chính sách, chế độ cho các anh theo đúng quy định của Đảng, Nhà Nước, mà sao các anh vẫn còn phải băn khoăn, lo lắng đêm ngày?

Kỳ lạ thật! Những con người đã từng trụ vững trước bao đòn roi quỷ quyết của nhà tù đế quốc, lại lo lắng dằn vặt lớn nhất của các anh là, làm sao để các cấp, các ngành, Hội đồng giám định y khoa thấu hiểu được những vết đòn ngấm của kẻ thù đã và đang huỷ hoại dần cơ thể các anh. Sự huỷ hoại cả về vật chất lẫn tinh thần. Sự huỷ hoại đó có điều xót xa không nói ra được, không chỉ xót xa riêng mình, mà còn xót xa cho cả cha, mẹ, vợ, con. Nhưng nó lại không hiện hình để nhìn thấy. Nó giấu mặt như tội ác!

Có anh đã tâm sự, hai mươi năm rồi, không được hưởng gì, mình vẫn tồn tại thì còn một, hai chục năm, năm, bảy năm nữa là kết thúc cõi trần, thì liệu có cần thiết nữa không. Không! Vấn đề không phải ở chỗ đó. Nếu như vậy, thì Đảng, Nhà nước mình đã không có những chính sách, văn bản chỉ thị trên! Chiến tranh như những trận bão lụt lớn mà việc giải quyết hậu quả của nó đâu phải một sớm một chiều. Nghĩ cho cùng, các anh đi chiến đấu, phải tù tội cũng chính vì cuộc sống cho bản thân, gia đình, cho đất nước hôm nay và mai sau!

Cũng vì ý nghĩa đó, tôi làm cuộc ghi chép này không chỉ vì hàng trăm chiến sĩ quê ở Thái Bình bị giam cầm ở nhà tù Phú Quốc mà vì hàng vạn chiến sĩ như vậy hiện đang sống bình lặng trên mọi miền Tổ Quốc. Không chỉ là một kiến nghị, mà cao hơn là một bài ca về những con người kiên trung, bất khuất của quân đội ta. Cùng với những chiến sĩ tù chính trị, những chiến sĩ tù quân đội bị đày đoạ ở nhà tù Phú Quốc cũng như ở nhiều nhà tù khác dưới thời Mỹ Ngụy đã viết nên bản anh hùng ca bất diệt nơi hầm tối.

Bút ký của LÃ QUÝ HUNG

XA MÀ GẦN PHÚ QUỐC SÂU LẮNG TRONG LÒNG TA

Tôi đã từng nghe nói đến Phú Quốc, từng biết rằng đó là hòn đảo lớn nhất nước ta và qua sách, báo phim ảnh; Cũng từng cảm nhận về sự trù phú, về vẻ đẹp kỳ thú của hòn “Đảo Ngọc” này... Nhưng quả thật, chỉ tới khi đặt chân lên Phú Quốc, được mắt thấy tai nghe những gì đã và đang diễn ra ở đây, được ghé thăm Di tích nhà tù Phú Quốc, được gặp gỡ những con người từng sống và chiến đấu trên đảo, tôi mới thực sự cảm nhận “Phú Quốc là thế nào!”. Và, khi cảm nhận ấy đã len lỏi, đã hòa quyện vào ký ức, vào tâm hồn rồi thì chao ôi, Phú Quốc thật mệnh mang, thật thương mến và đáng khâm phục biết bao!

Đành rằng, lịch sử của Phú Quốc không tách rời với lịch sử của cả dân tộc, song có lẽ cái riêng của Phú Quốc vẫn có những điều mà ở đó người đời phải trăn trở, suy tư? Phú Quốc là “đất giàu” – Cái tên thì gắn với sự hào phóng của tự nhiên; Nhưng cuộc đời nơi đó lại gắn với bao thăng trầm của lịch sử. Cho nên Phú Quốc, bản thân sự tồn tại và phát triển đã là một “Huyền sử”, tạo nên bao dấu ấn của truyền thống hào hùng trên mảnh đất giữa trùng khơi phía Tây Nam Tổ quốc.

Không phải là hàng trăm mà từ hàng nghìn năm trước, Phú Quốc đã có sự hiện diện của con người. Bản minh văn bằng chữ Hán khắc trên vách động đá ở đây từ thế kỷ thứ V và hiện vẫn còn, đã chứng minh điều đó. Nhưng cũng phải tới thế kỷ XVII – XVIII thì cuộc sống trên đảo mới thực sự nhộn nhịp, khi Mạc Cửu và sau đó là Mạc Thiên Tích (con trai ông) tổ chức khai khẩn, mở rộng một vùng đất rộng lớn phát triển thành 7 trung tâm dân cư là Phú Quốc, Hà Tiên, Long Cơ, Cần Vọt, Vũng Thơm, Giá

Khê (Rạch Giá) và Cà Mau... Như thế, chỉ ít thì Phú Quốc cũng thực sự góp mặt vào đời sống cộng đồng dân tộc (với tư cách là một sự ra đời), tới nay đã hơn 300 năm, đủ để gắn kết, hòa lẫn và cùng sinh tử trong quá trình đấu tranh sinh tồn, đấu tranh chống kẻ thù xâm lược của cả dân tộc Việt Nam ta.

Bên cạnh một Phú Quốc “bằng xương bằng thịt”, một Phú Quốc với núi non, rừng biển trù phú, còn có một Phú Quốc khác không nhiều người biết đến (hay biết đến không đầy đủ); nhưng đó lại chính là hồn cốt của đất và người Phú Quốc – Tôi muốn nói đến Phú Quốc của những “*huyền thoại*”, của một thời quá khứ đau thương mà anh dũng quật cường.

Một thời ấy có thể từ trước nữa, nhưng đậm nét dần lên là từ năm 1953 đến năm 1975 trước khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Hơn 20 năm Phú Quốc sống trong sự quằn quại, trong máu và nước mắt bởi những mưu ma chước quỷ và đạn bom tàn bạo của kẻ thù! Cũng từng ấy năm Phú Quốc không cam chịu kiếp nô lệ, liên tục vùng lên, liên tục chiến đấu cho dù có lúc tưởng như “hụt hơi”, tưởng như bị sự tàn khốc đè bẹp... Nhưng không, con người Phú Quốc, chân chất là vậy mà cũng ngoan cường biết nhường nào. Cuộc chiến đấu ấy như ngọn lửa thần, khi thì âm ỉ cháy, lúc lại bùng lên để rồi cuối cùng thiêu rụi kẻ thù.

Một thời máu lửa ấy không thể không kể đến những mất mát, hy sinh của bao con người từng sống chết với đảo, gắn bó với vận mệnh của phong trào cách mạng trên đảo. Phú Quốc không ít lần, có khi hàng sáu, bảy tháng trời bị mất liên lạc với đất liền – khó khăn thử thách khó lòng kể hết được. Bởi những lúc đó không những thiếu thốn đủ thứ mà quan trọng hơn là không có được sự chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, nhất là khi phong trào cách mạng trên đảo ở vào tình thế cam go. Cảm giác cô độc không phải không có trong những năm tháng vô cùng gian nan ấy! Nhưng rồi, những con người trung kiên, những đồng bào trung kiên của đảo đã kiên cường chống chọi và vượt qua tất cả. Sức mạnh nào làm nên điều kỳ diệu đó? Nếu không phải là lòng yêu nước nồng nàn, là chí căm thù quân xâm lược và bọn tay sai tàn ác, là khát vọng độc lập tự do thì là gì cơ chứ! Ngọn lửa cách mạng ở Phú Quốc chính là ngọn lửa của ý chí ấy trong mỗi con người, trong mỗi thôn ấp nơi đây...

Đến với Phú Quốc, ai mà không xúc động khi được nghe kể, được tiếp cận một phần về một thời đau thương, một thời bất khuất nơi nhà tù Phú Quốc – Một trại giam tù binh lớn nhất, tàn khốc nhất của Mỹ – ngụy ở miền Nam trong những năm còn chiến tranh. Cùng với phong trào cách mạng trên đảo, ngọn lửa cách mạng trong nhà tù Phú Quốc đã góp phần bằng máu viết nên những trang vàng “*Huyền sử*”.

Vào thăm di tích trại giam, rồi lên đồi Cây Thông viếng nghĩa trang liệt sĩ, nơi

an nghỉ cuối cùng của hơn 800 tù binh hy sinh trong số hơn 4000 người bị địch giết hại tại trại giam mà phần lớn chưa tìm được hài cốt, dù không phải là cựu tù, nhưng chúng tôi không thể không có những phút suy tư sâu lắng, vẫn thấy lòng quặn đau, vẫn nặng nỗi niềm trần trở, đau đáu nghĩ về quá khứ thương đau của các bậc cha anh ở trận tuyến khốc liệt này. Có những tên liệt sĩ đã được khắc trên những tấm bia mộ bằng đá trắng, nhưng còn bao nhiêu ngôi mộ vẫn còn để trống tên! Kẻ thù thật dã man, tàn bạo!

Cuộc sống và chiến đấu của hàng ngàn, hàng vạn tù binh trong trại giam Phú Quốc thực sự là một bản anh hùng ca về lòng quả cảm, về ý chí kiên cường... Nhưng cũng lại là một nỗi đau xé lòng, không nguôi về sự đày đọa tàn bạo dã man nhất cả về thể xác lẫn tinh thần mà kẻ thù hàng ngày, hàng giờ gieo rắc đối với những con người bé nhỏ, gầy guộc, không một chút vũ khí trong tay.

Sao chúng nó tàn ác quá vậy? Chúng không còn có tính người nữa! Đó là lời thốt lên thường thấy từ bất cứ ai được nghe kể, được nhìn thấy những chứng tích ở nhà tù Phú Quốc. Nhà tù ấy là một địa ngục trần gian! Những cách tra tấn tù nhân từ thời trung cổ tưởng đã chấm dứt cùng với sự ra đời của nền văn minh nhân loại, vậy mà nó lại tái diễn ở đây!

Giáng xuống những thân xác bé nhỏ của người tù là cả mấy chục cách tra tấn, đàn áp dã man, thâm độc mà có lẽ người giàu trí tưởng tượng nhất cũng không thể nghĩ ra cho đủ được nếu không tận mắt chứng kiến tại di tích nhà tù. Đó là các hình thức hành hạ tù nhân bằng chuồng cọp kẽm gai; Lộn vĩ sắt, đánh người bằng chày gỗ, bằng gậy; Đánh bằng roi cá đuối; Gõ thùng; Đục răng và bẻ răng; Lấy móng tay móng chân; Bớt cơm nước; Đóng đinh vào người; Đục lấy xương bánh chè; Nướng sắt đỏ đâm xuyên vào bắp thịt; Ném người vào chảo nước sôi; Nướng người; Rà đèn điện cho mù mắt; Đổ nước xà bông sôi vào miệng; Đốt miệng và đốt bộ hạ; Chôn sống tù; Nổ súng vào phòng giam; Biệt giam; Bỏ người vào bao bố quẳng xuống biển; Dùng ván xiết ốc vít ép vào ngục cho đến chết; Tra điện... Thật là ghê tởm! Con người chứ đâu phải khúc gỗ hay cái máy mà có thể chịu đựng được những kiểu tra tấn man rợ như vậy!

Đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai duy trì một chế độ nhà tù ở Phú Quốc hết sức thâm độc, xảo quyệt và vô cùng tàn bạo. Kẻ thù tấn công, đánh phá liên tục đối với tù binh, từ lúc bắt tới khi có cơ may rời khỏi trại giam. Đặc biệt trong thời gian bị giam cầm tại đây, người tù không lúc nào được yên thân. Chúng dùng đủ mọi cực hình nhằm “vô hiệu hóa người tù”. Kẻ thù chủ trương tiêu diệt tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu của người tù bằng mọi thủ đoạn xảo quyệt: Lừa mị, dụ dỗ, tra tấn, khủng bố hồng bộc người tù phải cung khai, phải khuất phục, đầu hàng... để nếu có sống mà về thì cách mạng cũng không còn tin dùng nữa; bạn bè thân nhân xa lánh, chê trách. Còn

người nào giữ được khí tiết thì nếu không chết dần chết mòn trong tù, cũng trở thành tàn phế, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội khi về... Dù ở trường hợp nào thì kẻ thù cũng mưu mô làm cho người tù bị “vô hiệu hóa”, trở thành vô dụng...

Với mưu mô hiểm độc ấy, kẻ địch đã biến nhà tù Phú Quốc thành nơi hành hạ con người tàn bạo nhất mà người ta từng biết đến. Bọn ác ôn ở đây giết người, đánh đập, tra tấn tù binh như cơm bữa. Cũng khó mà kể hết được những tên ác ôn “mặt người dạ thú” ở nhà tù Phú Quốc. Người ta vẫn bảo: Hình như tất cả những tên ác ôn ở miền Nam thời đó đều được dồn về đây? Đành rằng không phải vậy, nhưng cũng dễ thấy rằng nhà tù Phú Quốc thời Mỹ – Ngụy là cái “ổ” bọn ác ôn “uống máu người không biết tanh”.

Khét tiếng ác ôn như tên trung úy Hiến, Tổng giám thị kiêm trưởng ban an ninh một thời. Hắn thích dùng mũi giày sút mạnh vào ống chân tù binh khiến họ bị què đi không nổi; Hắn đánh người không chút nương tay. Hay như một ác ôn khác cũng khét tiếng trong trại giam là thượng sĩ nhất Trần Văn Nhu, trưởng giám thị khu 2 kiêm giám thị nhà lều biệt giam sân cỏ khu 2. Hắn có “biệt tài” đục răng của tù binh, dùng dùi cui, gậy lim đánh bật mắt cá chân, bánh chè... của tù nhân. Hắn còn có chiếc gậy đầu xanh đầu đỏ (hắn gọi là đầu sinh, đầu tử) để tra tấn đánh đập người tù. Nhiều người tù còn bị Nhu dùng đục thợ mộc đục lấy bánh chè ở đầu gối, khi máu chảy lại nung dùi sắt đỏ rồi trà sát lên vết thương... Nhiều tù nhân bị tra tấn như vậy đến chết. Hiện giờ Nhu vẫn còn sống ở Phú Quốc, như một nhân chứng sống về sự tàn bạo của chế độ nhà tù ở Phú Quốc. Ông ta sống mà có khác gì chết, bởi cái ác, sự tàn bạo của ông ta không thể không bị người đời phán xử!... Ở trại giam Phú Quốc, có cả trăm kẻ ác ôn như Hiến, như Nhu, đi theo đó là hàng trăm cực hình chúng gieo rắc lên thân xác người tù.

Tàn bạo, dã man không đâu bằng, nhưng ở nhà tù Phú Quốc, ý chí kiên cường, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng cũng thật lớn lao vô cùng. Biết bao tấm gương đấu tranh anh dũng của tù binh đã làm rạng rỡ phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản, người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Trong thực tế, địch càng dã man tàn bạo bao nhiêu thì tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu của những tù binh càng dâng trào, lòng căm thù địch càng sâu sắc và những hành động dũng cảm của các chiến sĩ càng nhiều hơn. Hàng trăm, hàng nghìn tấm gương đấu tranh bất khuất trước kẻ thù, hy sinh anh dũng để bảo vệ phẩm giá, khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Không những thế, trong sự kìm kẹp tàn khốc của địch, anh em trong tù vẫn tổ chức nhiều hình thức sinh hoạt chính trị, tư tưởng, văn hóa... nhằm tạo thêm nghị lực, niềm tin trong cuộc chiến đấu không cân sức nơi tù ngục.

Một trong những nét điển hình, trở thành một “truyền thống” của tù binh ở trại giam Phú Quốc, đó là phong trào vượt ngục, thoát tù trở về với đơn vị, với cách mạng

tiếp tục chiến đấu. Đó là khát vọng độc lập tự do, là niềm tin vào chiến thắng của cách mạng, là ý chí, là quyết tâm chiến đấu đến cùng...

42 lượt vượt ngục, thoát tù với 400 người ra (có 239 người về được căn cứ). Con số ấy nghe có vẻ khô khan, nhưng nói lên rất nhiều điều, chứa đựng biết bao tâm tư, tình cảm, ý chí, quyết tâm và cả bao trí tuệ, lẫn xương máu của người tù. Con số ấy còn nói lên một điều: Dù bị giam cầm, kìm kẹp, nhưng anh em trong tù vẫn luôn hướng ra bên ngoài nhà tù và đã có niềm tin về sự tồn tại cuộc kháng chiến của quân – dân Phú Quốc chống kẻ thù xâm lược. Cuộc kháng chiến hào hùng, kiên gan ở bên ngoài và khí phách của những người tù bên trong luôn có sự tiếp sức cho nhau, cùng nhau làm nên những kỳ tích của người tù và những chiến thắng của cuộc chiến đấu trên đảo.

Biết bao con người đã góp phần làm nên *Huyền thoại Phú Quốc*, làm nên một trường ca bất diệt về tinh thần bất khuất của tù binh Phú Quốc năm xưa. Đó là những tù binh thời chống Pháp tại Trại Cây Dừa như ông Lê Vũ (Vũ Lăng) nguyên phó Bí thư Huyện ủy Tiên Lãng (nay thuộc Hải Phòng) – là một trong số 20 tù binh đã vượt ngục trong một cuộc đánh lính cướp súng (1954); Là ông Nguyễn Tri Điền – người đã đánh thép trả lời phỏng vấn của Đài Pháp Á lúc bị giam ở Căng Cây Dừa (1954) tố cáo sự tàn bạo dã man của địch; Là ông Nguyễn Đức Dụ (quê Hải Hưng), Bí thư chi bộ của tù binh Căng Cây Dừa, một cán bộ trung kiên, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng; Là ông Mai Thanh, nguyên Bí thư thị xã Rạch Giá, là một trong những người tổ chức cuộc vượt ngục tháng 9 năm 1956... Đó là những tù binh thời kỳ chống Mỹ cứu nước mà bề dày truyền thống đấu tranh và ý chí bất khuất càng được thể hiện hào hùng. Giờ đây, họ đều đã là lớp người lên ông, lên cụ, mái tóc đã trắng màu thời gian, nhưng ký ức về một thời đau thương và đầy ý chí thì không lúc nào phai mờ. Các ông: Tô Diệu, Nguyễn Tấn Phương, Lê Út Long, Võ Văn Hiền, Nguyễn Văn Chiêu, Nguyễn Minh Cao, Phạm Bá Lữ... Những người đã ném đủ mọi thử thách và những đòn tra hiểm độc của kẻ thù trong tù. Nhưng cũng chính họ đã cùng bao đồng đội, bất chấp hy sinh, cùng nhau tổ chức và lãnh đạo anh em trong tù đấu tranh kiên quyết với địch, không khuất phục trước kẻ thù. Còn nữa, các ông: Nguyễn Đức Hòe, một trong những người tổ chức đào hầm vượt trại, làm nên một kỳ tích trong nhà tù Phú Quốc; Là ông Ba Toàn – một chiến sĩ đặc công tổ chức một nhóm tù vượt ngục bằng chính những kỹ năng vốn có của mình; Là ông Nguyễn Văn Minh, người tổ chức và chỉ huy cuộc thoát tù bằng đánh lính hải thuyền, cướp súng địch vượt trại... Rất nhiều những gương mặt khác nữa mà khi nhắc tới họ, cũng đồng nghĩa với nói về phẩm chất cao đẹp của những người chiến sĩ cách mạng trong nhà tù khắc nghiệt của địch. Chính họ là những hồn – cốt của một huyền sử được khắc ghi, được các thế hệ nâng niu, trân trọng và biết ơn.

HUYỀN THOẠI PHÚ QUỐC

Phú Quốc hôm nay không còn như hôm qua nữa; Cuộc sống đang nhộn nhịp, sôi động và phát triển từng ngày. Tương lai hứa hẹn bao điều tốt đẹp. Nhưng trong đáy lòng mỗi người dân Phú Quốc, trong ký ức mỗi chúng ta, Phú Quốc của những năm tháng chống xâm lược hơn 30 năm về trước vẫn còn in đậm bao điều, cả nỗi đau bất tận và lòng tự hào lớn lao, niềm khâm phục vô bờ.

Phú Quốc chính là một *Huyền thoại* hào hùng, là một chấm son chói ngời trong truyền thống đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc, của nhân dân ta, của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang, của chính vùng đất và con người Phú Quốc. Huyền thoại ấy sẽ sống mãi trong lòng dân tộc, sống mãi trong đạo lý truyền thống *Uống nước nhớ nguồn* của các thế hệ người Việt Nam ta.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

MỤC LỤC

Lời đầu sách	9
Phú Quốc - Mảnh đất kiên trung	11

PHÚ QUỐC - ĐẤT VÀ NGƯỜI TRONG CỘI NGUỒN LỊCH SỬ

Phú Quốc - đất và người	17
Phú Quốc trong hành trình lịch sử	26
Phú Quốc - di tích danh thắng	32

PHÚ QUỐC - KHÚC TRÁNG CA HÀO HÙNG

Phú Quốc truyền thống hào hùng	47
Người anh hùng Nguyễn Trung Trực trên đất đảo Phú Quốc	72
Di tích lịch sử trại giam Phú Quốc	76

Từ “Căng Cây Dừa” dưới thời thực dân Pháp xâm lược...

Trại giam “Căng Cây Dừa” (1953 - 1954)	80
Căng Cây Dừa - ý chí và hành động cách mạng của người chiến sĩ	84
Trại huấn chính Cây Dừa những năm tháng ấy	89

Đến trại giam tù binh cộng sản Việt Nam - Phú Quốc

Một trại giam khổng lồ và tàn bạo	92
Trại giam tù binh Phú Quốc - tội ác dã man của giặc và ý chí kiên cường,...	120
Chuông cộp kềm gai sự tàn bạo của kẻ thù	127

Ý chí bất khuất của những chiến sĩ cách mạng

Còn hơi thở là còn chiến đấu	131
“Xây dựng Đảng” trong trại giam tù binh Phú Quốc	140
Hoạt động văn hóa, văn nghệ trong trại giam tù binh Phú Quốc	145
6 tháng đào hầm, một đêm vượt trại...	151
Chiếc bật lửa Zippo mở đầu chiến thắng	158
Ký ức: Oán hận kẻ thù	164

Người tù binh trại giam Phú Quốc bị kêu án tử hình	167
Vượt ngục và khát vọng trở về với cách mạng	173
Khí tiết của người tù vượt ngục	189
Lời tâm huyết của một cựu tù...	196
Danh sách liệt sĩ hy sinh ở Phú Quốc	200
Hình ảnh các chiến sĩ cách mạng hy sinh ở nhà tù Phú Quốc	209

CHUYỆN KỂ TỪ NHỮNG NGƯỜI TRONG CUỘC

Năm Trì - Người con ưu tú của quê hương Phú Quốc	225
Vững vàng trong thử thách cam go	230
Từ một thanh niên yêu nước đến một bí thư huyện ủy...	234
Người tù binh bản lĩnh	238
Một trái tim có “lửa”	244

PHÚ QUỐC - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

“Nếu ai chưa hiểu cuộc chiến tranh Việt Nam, hãy đến Phú Quốc”	249
Nỗi đau và niềm kiêu hãnh	253
Phú Quốc trong hành trình phát triển và kết nối	265
Những chiến sĩ Thái Bình trong nhà tù Phú Quốc	269
Xa mà gần Phú Quốc sâu lắng trong lòng ta	276

Tài liệu tham khảo sử dụng trong cuốn sách được cung cấp bởi

- Ban quản lý di tích Nhà tù Phú Quốc.
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang
- Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Kiên Giang
- Hội văn học nghệ thuật tỉnh Kiên Giang
- Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam
- Phòng lịch sử địa phương - Viện Sử học Việt Nam
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Phú Quốc.

BBT trân trọng cảm ơn các tác giả, các nhân chứng sống đã cho phép chúng tôi tiếp cận và sử dụng các tư liệu và bài viết để sử dụng trong cuốn sách này.

CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại PHÚ QUỐC

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
2008**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

HÀ TẮT THẮNG

Biên tập:

HOÀNG THỊ THANH MAI

Độc bản in thử:

BAN BIÊN TẬP SÁCH CHÍNH TRỊ - VĂN HÓA GIÁO DỤC
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Trình bày:

TRUNG TÂM MỸ THUẬT ỨNG DỤNG
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Nguồn cung cấp ảnh sử dụng trong cuốn sách này: Từ các hình ảnh, tư liệu tại Bảo tàng và do UBND huyện đảo Phú Quốc cung cấp; CLB nhiếp ảnh Trí Tuệ Việt.

In khổ 21x29 cm tại Công ty In 15
Giấy phép xuất bản số 153-2008/CXB/19-36/LĐXH cấp ngày 10/7/2008
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2008

Mã số $\frac{19 - 36}{18 - 02}$

SÁCH KHÔNG KINH DOANH
Dành tặng Đảng bộ, Chính quyền và
nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang